

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TÀI LIỆU TẬP HUẤN
HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG ĐỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ
THEO MA TRẬN VÀ ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA THEO ĐỊNH HƯỚNG
PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC HỌC SINH
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Hà Nội, năm 2020

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
PHẦN I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG	1
I. Một số nội dung điều chỉnh trong kiểm tra, đánh giá cấp trung học	1
II. Một số kỹ thuật kiểm tra, đánh giá thường xuyên	4
III. Xây dựng ma trận, đặc tả đề kiểm tra	20
IV. Xây dựng câu hỏi trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn và tự luận	22
PHẦN II. XÂY DỰNG ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ THEO MA TRẬN ĐỀ, ĐẶC TẢ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ THEO MÔN HỌC	40
1. Hướng dẫn xây dựng đề kiểm tra, đánh giá định kì lớp 10	40
a) Ma trận	40
b) Đặc tả	44
c) Hướng dẫn ra đề kiểm tra theo ma trận và đặc tả	86
d) Đề minh họa; đáp án và hướng dẫn chấm	126
2. Hướng dẫn xây dựng đề kiểm tra, đánh giá định kì lớp 11	144
a) Ma trận	144
b) Đặc tả	148
c) Hướng dẫn ra đề kiểm tra theo ma trận và đặc tả	195
d) Đề minh họa; đáp án và hướng dẫn chấm	246
3. Hướng dẫn xây dựng đề kiểm tra, đánh giá định kì lớp 12	267
a) Ma trận	267
b) Đặc tả	271
c) Hướng dẫn ra đề kiểm tra theo ma trận và đặc tả	301
d) Đề minh họa; đáp án và hướng dẫn chấm	332
PHỤ LỤC (TT 26, HD NHIỆM VỤ GDTrH)	352

PHẦN I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

I. Một số nội dung điều chỉnh trong kiểm tra, đánh giá cấp trung học

Ngày 26 tháng 8 năm 2020 Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, một số nội dung điều chỉnh trong kiểm tra, đánh giá cấp trung học.

1.1. Về hình thức đánh giá

Kết hợp giữa đánh giá bằng nhận xét và đánh giá bằng điểm số đối với các môn học (riêng môn Âm nhạc, Mỹ thuật, Thể dục đánh giá bằng nhận xét kết quả học tập như Thông tư 58).

- Đánh giá bằng nhận xét sự tiến bộ về thái độ, hành vi và kết quả thực hiện các nhiệm vụ học tập của học sinh trong quá trình học tập môn học, hoạt động giáo dục quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Đánh giá bằng điểm số kết quả thực hiện các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng đối với môn học quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Kết quả đánh giá theo thang điểm 10, nếu sử dụng thang điểm khác thì phải quy đổi về thang điểm 10.

- Đối với các môn học kết hợp giữa đánh giá bằng nhận xét và đánh giá bằng điểm số: nhận xét sự tiến bộ về thái độ, hành vi, kết quả học tập môn học sau mỗi học kì, cả năm học; tính điểm trung bình môn học và tính điểm trung bình các môn học sau mỗi học kì, cả năm học.

1.2. Các loại kiểm tra, đánh giá; hệ số điểm kiểm tra, đánh giá

a) Các loại kiểm tra, đánh giá

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

+ Kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện trong quá trình dạy học và giáo dục, nhằm kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ học tập, rèn luyện của học sinh theo chương trình môn học, hoạt động giáo dục trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành;

+ Kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến thông qua: hỏi - đáp, viết, thuyết trình, thực hành, thí nghiệm, sản phẩm học tập;

+ Số lần kiểm tra, đánh giá thường xuyên không giới hạn bởi số điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư này.

- Kiểm tra, đánh giá định kì:

+ Kiểm tra, đánh giá định kì được thực hiện sau mỗi giai đoạn giáo dục nhằm đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh theo chương trình môn học, hoạt động giáo dục quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành;

+ Kiểm tra, đánh giá định kì, gồm kiểm tra, đánh giá giữa kì và kiểm tra, đánh giá cuối kì, được thực hiện thông qua: bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập.

✓ Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá định kì bằng bài kiểm tra trên giấy hoặc trên máy tính từ 45 phút đến 90 phút, đối với môn chuyên tối đa 120 phút. Đề kiểm tra được xây dựng dựa trên ma trận, đặc tả của đề, đáp ứng theo mức độ cần đạt của môn học, hoạt động giáo dục quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành.

✓ Đối với bài thực hành, dự án học tập phải có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá trước khi thực hiện.

b) Hệ số điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên và định kì

- Điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên (viết tắt là ĐĐGtx): tính hệ số 1;

- Điểm kiểm tra, đánh giá giữa kì (viết tắt là ĐĐGgk): tính hệ số 2;

- Điểm kiểm tra, đánh giá cuối kì (viết tắt là ĐĐGck): tính hệ số 3."

1.3. Số điểm kiểm tra, đánh giá và cách cho điểm

a) Trong mỗi học kì, số ĐĐGtx, ĐĐGgk và ĐĐGck của một học sinh đối với từng môn học, hoạt động giáo dục (bao gồm cả chủ đề tự chọn) như sau:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

+ Môn học có từ 35 tiết trở xuống/năm học: 2 ĐĐGtx;

+ Môn học có từ trên 35 tiết đến 70 tiết/năm học: 3 ĐĐGtx;

+ Môn học có từ trên 70 tiết/năm học: 4 ĐĐGtx.

- Kiểm tra, đánh giá định kì: Trong mỗi học kì, một môn học có 01 (một) ĐĐGgk và 01 (một) ĐĐGck;

b) Điểm các bài kiểm tra, đánh giá là số nguyên hoặc số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số.

c) Những học sinh không đủ số điểm kiểm tra, đánh giá theo quy định tại khoản 1 Điều này nếu có lí do chính đáng thì được kiểm tra, đánh giá bù bài kiểm tra, đánh giá còn thiếu, với hình thức, mức độ kiến thức, kĩ năng và thời gian tương đương. Việc kiểm tra, đánh giá bù được hoàn thành trong từng học kì hoặc cuối năm học.

d) Trường hợp học sinh không có đủ số điểm kiểm tra, đánh giá theo quy định tại khoản 1 Điều này mà không có lí do chính đáng hoặc có lí do chính đáng nhưng không tham gia kiểm tra, đánh giá bù sẽ nhận điểm 0 (không) của bài kiểm tra, đánh giá còn thiếu."

1.4. Cách tính điểm trung bình môn học kì

Điểm trung bình môn học kì (viết tắt là ĐTBmhk) là trung bình cộng của điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên, điểm kiểm tra, đánh giá giữa kì và điểm kiểm tra, đánh giá cuối kì với các hệ số quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này như sau:

$$\text{ĐTBmhk} = \frac{\text{TĐĐGtx} + 2 \times \text{ĐĐGgk} + 3 \times \text{ĐĐGck}}{\text{Số ĐĐGtx} + 5}$$

TĐĐGtx: Tổng điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên."

1.5. Đánh giá học sinh khuyết tật

a) Việc đánh giá kết quả giáo dục của học sinh khuyết tật được thực hiện theo nguyên tắc đồng viên, khuyến khích sự nỗ lực và tiến bộ của người học.

b) Đối với học sinh khuyết tật học tập theo phương thức giáo dục hòa nhập, kết quả giáo dục môn học hoặc hoạt động giáo dục mà học sinh khuyết tật đáp ứng được yêu cầu chương trình

giáo dục chung được đánh giá như đối với học sinh bình thường nhưng có giảm nhẹ yêu cầu về kết quả học tập. Những môn học hoặc hoạt động giáo dục mà học sinh khuyết tật không có khả năng đáp ứng yêu cầu chung được đánh giá theo kết quả thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân; không đánh giá những nội dung môn học, môn học hoặc nội dung giáo dục được miễn.

c) Đối với học sinh khuyết tật học tập theo phương thức giáo dục chuyên biệt, kết quả giáo dục của môn học hoặc hoạt động giáo dục mà học sinh khuyết tật đáp ứng được yêu cầu chương trình giáo dục chuyên biệt được đánh giá theo quy định dành cho giáo dục chuyên biệt. Những môn học hoặc hoạt động giáo dục mà học sinh khuyết tật không có khả năng đáp ứng yêu cầu giáo dục chuyên biệt thì đánh giá theo kết quả thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân."

1.6. Xét lên lớp đối với học sinh khuyết tật

Hiệu trưởng căn cứ kết quả học tập các môn học, hoạt động giáo dục của học sinh khuyết tật để xét lên lớp đối với học sinh khuyết tật học theo chương trình giáo dục chung hoặc căn cứ vào kết quả thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân đối với học sinh khuyết tật không đáp ứng được chương trình giáo dục chung để xét lên lớp."

1.7. Xét công nhận danh hiệu học sinh

a) Công nhận đạt danh hiệu học sinh giỏi học kì hoặc cả năm học, nếu đạt hạnh kiểm loại tốt và học lực loại giỏi.

b) Công nhận đạt danh hiệu học sinh tiên tiến học kì hoặc cả năm học, nếu đạt hạnh kiểm từ loại khá trở lên và học lực từ loại khá trở lên.

c) Học sinh đạt thành tích nổi bật hoặc có tiến bộ vượt bậc trong học tập, rèn luyện được Hiệu trưởng tặng giấy khen."

1.8. Trách nhiệm của giáo viên bộ môn

- Thực hiện kiểm tra, đánh giá thường xuyên; tham gia kiểm tra, đánh giá định kì theo phân công của Hiệu trưởng; trực tiếp ghi điểm hoặc mức nhận xét (đối với các môn đánh giá bằng nhận xét) vào sổ theo dõi và đánh giá học sinh. Đối với hình thức kiểm tra, đánh giá bằng hỏi - đáp, giáo viên phải nhận xét, góp ý kết quả trả lời của học sinh trước lớp; nếu quyết định cho điểm hoặc ghi nhận xét (đối với các môn đánh giá bằng nhận xét) vào sổ theo dõi và đánh giá học sinh thì phải thực hiện ngay sau đó.

- Tính điểm trung bình môn học (đối với các môn học kết hợp đánh giá bằng nhận xét và điểm số), xếp loại nhận xét môn học (đối với các môn học đánh giá bằng nhận xét) theo học kì, cả năm học và trực tiếp vào sổ theo dõi và đánh giá học sinh, học bạ.

1.9. Bãi bỏ một số điểm và thay thế một số từ, cụm từ (xem thông tư 26).

1.10. Kiểm tra đánh giá định kì

Việc kiểm tra, đánh giá định kì, gồm kiểm tra, đánh giá giữa kì và kiểm tra, đánh giá cuối kì, được thực hiện thông qua: bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập.

Đối với bài kiểm tra, đánh giá bằng điểm số: đề kiểm tra phải được xây dựng theo ma trận câu hỏi tự luận hoặc trắc nghiệm kết hợp với tự luận biên soạn theo mức độ cần đạt của các chương trình môn học, hoạt động giáo dục. Mức độ yêu cầu của các câu hỏi trong đề kiểm tra như sau:

- Mức 1 (nhận biết): Các câu hỏi yêu cầu học sinh nhắc lại hoặc mô tả đúng kiến thức, kỹ năng đã học theo các bài học hoặc chủ đề trong chương trình môn học, hoạt động giáo dục;

- Mức 2 (thông hiểu): Các câu hỏi yêu cầu học sinh giải thích, so sánh, áp dụng trực tiếp kiến thức, kỹ năng đã học theo các bài học hoặc chủ đề trong chương trình môn học, hoạt động giáo dục;

- Mức 3 (vận dụng): Các câu hỏi yêu cầu học sinh vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết vấn đề đặt ra trong các tình huống gắn với nội dung các bài học hoặc chủ đề trong chương trình môn học, hoạt động giáo dục;

- Mức 4 (vận dụng cao): Các câu hỏi yêu cầu học sinh vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết vấn đề đặt ra trong các tình huống mới, gắn với thực tiễn, phù hợp với mức độ cần đạt của chương trình môn học, hoạt động giáo dục.

Đối với kiểm tra, đánh giá bằng bài thực hành, hoặc dự án học tập: yêu cầu cần đạt của bài thực hành hoặc dự án học tập phải được hướng dẫn cụ thể bằng bảng kiểm các mức độ đạt được phù hợp với 4 mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao của các kiến thức, kỹ năng được sử dụng.

Căn cứ vào mức độ phát triển năng lực của học sinh, nhà trường xác định tỉ lệ các câu hỏi, bài tập theo 4 mức độ yêu cầu trong các bài kiểm tra, đánh giá trên nguyên tắc đảm bảo sự phù hợp với đối tượng học sinh và tăng dần tỉ lệ các câu hỏi, bài tập ở mức độ yêu cầu vận dụng, vận dụng cao.

II. Một số kỹ thuật kiểm tra, đánh giá thường xuyên

2.1. Mục đích của kiểm tra, đánh giá thường xuyên

- Xác định kết quả theo mục tiêu đã đề ra thông qua đó, giáo viên có thể biết được mức độ học sinh lĩnh hội kiến thức chiếm tỷ lệ bao nhiêu so với mục tiêu mình đặt ra trong giảng dạy.

- Tạo điều kiện cho người dạy nắm vững hơn tình hình học tập của học sinh: khi giáo viên biết học sinh đang tiến triển trong quá trình học như thế nào, và gặp khó khăn ở chỗ nào, giáo viên có thể sử dụng những thông tin này để điều chỉnh việc giảng dạy cần thiết, chẳng hạn như dạy lại hay thử các phương pháp khác, hay cung cấp cho học sinh thêm nhiều cơ hội hơn nữa để thực hành. Những hoạt động này có thể giúp cho việc học tập của học sinh thành công, hoàn thiện hơn.

- Cung cấp thông tin phản hồi có tác dụng giúp cho giáo viên giảng dạy tốt hơn: các phản hồi được xem như một phần của kiểm tra, đánh giá thường xuyên giúp cho người học nhận thức được các lỗ hổng về kiến thức, hiểu biết hay kỹ năng mà họ đang có so với mục tiêu được mong đợi của họ và kiểm tra, đánh giá thường xuyên hướng dẫn họ thực hiện các hoạt động cần thiết để đạt được mục tiêu.

- Giúp cho bản thân người giáo viên trong công tác quản lý và giảng dạy tốt hơn : bản thân người giáo viên có thể đúc rút kinh nghiệm trong suốt cả quá trình dạy và đánh giá, từ đó điều chỉnh lại cách dạy của mình để hoàn thiện hơn, giúp học sinh dễ dàng đạt được các mục tiêu từ bài học.

Với kiểm tra, đánh giá thường xuyên không nên dùng kiểu đánh giá theo chuẩn (norm-referenced), vì không có nhu cầu phân chia học sinh theo thứ bậc. Không nên lưu ý đến việc xếp loại, nhất là đối với những học sinh kém, vì điều đó sẽ làm họ nản lòng, mất

động lực học tập, vì dù họ học kém hơn những người khác nhưng có thể kết quả học tập của họ vẫn đạt theo tiêu chí. Do đó, với kiểm tra, đánh giá thường xuyên nên dùng kiểu đánh giá theo tiêu chí (criteria-referenced). Khi sử dụng đánh giá theo tiêu chí, điều lý tưởng nhất là mọi học sinh đều đạt yêu cầu theo tiêu chí đã đề ra.

Với kiểm tra tham chiếu theo tiêu chí, kết quả đánh giá sẽ cho ta thông tin về cấp độ một thí sinh làm chủ những kiến thức, kỹ năng nhất định mà cuộc đánh giá quan tâm. Ở đây, năng lực của thí sinh không được so sánh với mức độ trung bình của mẫu đánh giá mà so sánh với một chuẩn đã xác định – gọi là tiêu chí.

2.2. Các phương pháp và kỹ thuật kiểm tra, đánh giá thường xuyên

Các kết quả nghiên cứu lại cho thấy giáo viên thường sử dụng nhiều nhất ba nhóm phương pháp chủ yếu sau để thu thập thông tin trong kiểm tra, đánh giá: *phương pháp kiểm tra viết, phương pháp quan sát và phương pháp vấn đáp*. Giáo viên rất tin cậy vào các phương pháp này nhằm giúp họ có được thông tin kiểm tra đánh giá cần thiết để ra quyết định đúng đắn cho lớp học.

2.2.1. Nhóm phương pháp kiểm tra viết

a) Khái niệm

Kiểm tra viết đề cập đến phương pháp kiểm tra, đánh giá mà trong đó học sinh viết câu trả lời cho các câu hỏi hoặc vấn đề vào giấy. Khi học sinh làm một bài kiểm tra trắc nghiệm nhiều lựa chọn, hoàn thành một bài tập về nhà dạng viết luận, viết một bản báo cáo, vẽ một bức tranh, viết một bài luận, hoặc điền vào một bảng ma trận ghi nhớ, bảng ma trận đặc trưng... hay, tức là các em đang cung cấp các chứng cứ bằng giấy mực cho giáo viên. Kỹ thuật đánh giá bằng kiểm tra viết bao gồm hai hình thức phổ biến: trắc nghiệm nhiều lựa chọn và bài luận. Nhóm phương pháp này cũng được sử dụng phổ biến trong kiểm tra, đánh giá thường xuyên. Kỹ thuật xây dựng bài kiểm tra tự luận và bài kiểm tra trắc nghiệm khách quan có trong mục 3 của tài liệu này.

b) Các kỹ thuật được sử dụng trong phương pháp kiểm tra viết

Viết nhận xét

Viết nhận xét là một kỹ thuật được sử dụng phổ biến trong kiểm tra, đánh giá. Điểm cần chú ý là giáo viên không chỉ đánh giá bằng nhận xét chung mà cần cụ thể để có thể đánh giá sự tiến bộ về thái độ, hành vi và kết quả thực hiện các nhiệm vụ học tập của học sinh trong quá trình học tập.

Giáo viên thường phải viết nhận xét vào vở, bài kiểm tra, các sản phẩm học tập... Viết nhận xét cần *mang tính xây dựng, chứa những cảm xúc tích cực, niềm tin vào học sinh*.. Do đó, giáo viên cần đề cập đến những ưu điểm trước... những kỳ vọng... sau đó mới đề cập đến những điểm cần xem xét lại, những lỗi... cần điều chỉnh. Tránh những nhận xét chung chung, vô hồn: “chưa đúng/sai/làm lại...”; “chưa đạt yêu cầu”; “lạc đề”; “cần cố gắng/có tiến bộ”... Khi viết nhận xét nên sử dụng lời lẽ nhẹ nhàng, thể hiện thái độ thân thiện, tôn trọng, tránh xúc phạm... học sinh sẽ dễ tiếp nhận hơn, tập trung vào một số những lỗi/ sai sót có tính hệ thống, điền hình cần sớm khắc phục.

Viết lời bình/suy ngẫm

Suy ngẫm là sự suy nghĩ sâu, sự ngẫm nghĩ về điều gì đó. Hoạt động học tập rất cần những tình huống... buộc học sinh trải nghiệm, suy ngẫm để rút ra những bài học. Trong kiểm tra, đánh giá thường xuyên, giáo viên cần tạo cơ hội cho học sinh không chỉ nói ra

mà là viết ra những suy nghĩ và suy ngẫm để đánh giá những khó khăn, thất bại hay thành công của mình trong học tập...

Tự đánh giá suy ngẫm là việc người học xem xét tự đặt ra những câu hỏi liên quan đến mục tiêu, ước mơ... công việc và sự tiến bộ của bản thân. Hình thức đánh giá này góp phần thúc đẩy học tập suốt đời, bằng cách suy ngẫm, rút ra những bài học từ sự thành công hay thất bại của bản thân, người khác, giúp người học cải thiện thành tích học tập của bản thân.

Viết bản thu hoạch/ tập san

Tập san là tập hợp những bài viết luận ngắn xung quanh một chủ đề nào đó về ô nhiễm môi trường/ phá rừng/ vệ sinh thực phẩm/ an toàn giao thông... Viết bản thu hoạch/báo cáo kết quả sau một hoạt động trải nghiệm thực tế... Đây là kỹ thuật đánh giá được giáo viên sử dụng khá phổ biến. Giáo viên có thể sử dụng các sản phẩm của học sinh từ các nhiệm vụ học tập hợp tác nhóm, từ hoạt động trải nghiệm thực tế... để đánh giá năng lực chung, phẩm chất của học sinh hoặc năng lực học tập môn học. Chúng có thể ở dạng câu hỏi mở học sinh tự nghĩ ra sau đó viết câu trả lời dưới dạng bài tự luận ngắn hoặc giáo viên có thể cung cấp các câu hỏi hướng dẫn, định hướng trong báo cáo thu hoạch để học sinh trả lời. Bài luận, bản thu hoạch... phải thể hiện khả năng quan sát, phát hiện, suy ngẫm, bài học kinh nghiệm... điều này thường cung cấp những thông tin rất hữu ích về mức độ học sinh nhận thức được ý nghĩa của việc học tập, rèn luyện... như là kết quả của sự trải nghiệm giáo dục và phát triển nhân cách của các em.

Hồ sơ học tập

Hồ sơ học tập là một tập hợp đại diện sản phẩm học tập của một người học, thường bao gồm những sản phẩm tốt nhất cho tới nay và một số sản phẩm đang được hoàn thành... để thể hiện quá trình nỗ lực học tập của người học.

Hồ sơ học tập cũng có thể là hồ sơ đọc: hồ sơ lưu trữ tất cả tài liệu đọc độc lập của các em ở trường và ở nhà. Hồ sơ này cần chứa đựng các tác phẩm đã hoàn thành và những tác phẩm mới bắt đầu nhưng chưa hoàn thành. Ngoài tên của cuốn sách/bài báo... và tác giả, hồ sơ cần chứa đựng những nhận xét, bình luận, mang tính phản hồi cá nhân đối với các tác phẩm mà các em đã đọc. Việc thảo luận định kỳ nội dung hồ sơ này sẽ giúp giáo viên biết được mức độ phát triển của người học với tư cách là người đọc độc lập và gợi ý các cách thức để giáo viên có thể khích lệ bổ sung. Hồ sơ đọc có thể đưa vào hồ sơ học tập của người học.

Hồ sơ học tập cũng có thể là một tập hợp sản phẩm học tập của học sinh thuộc một lĩnh vực nội dung của môn học (ví dụ: tập hợp những bài viết của học sinh trong một nửa học kỳ). Trong đó mỗi sản phẩm đều có nhận xét của giáo viên hoặc tự đánh giá của học sinh. Giáo viên hoặc học sinh có thể đối chiếu sản phẩm đầu với lần lượt các sản phẩm tiếp theo để đưa ra nhận xét về quá trình học sinh tiến bộ ở từng chỉ báo.

2.2.2. Nhóm phương pháp quan sát

a) Khái niệm

Quan sát là nhóm phương pháp chủ yếu thứ hai giáo viên thường sử dụng để thu thập dữ liệu kiểm tra, đánh giá. Quan sát đề cập đến việc theo dõi hoặc lắng nghe học sinh thực hiện các hoạt động (quan sát quá trình) hoặc nhận xét một sản phẩm do học sinh làm ra (quan sát sản phẩm).

Quan sát quá trình: đòi hỏi giáo viên phải quan tâm đến những hành vi của học sinh như phát âm sai từ trong môn tập đọc, quan hệ tương tác giữa các em với nhau trong nhóm, nói chuyện riêng trong lớp, bắt nạt các học sinh khác, mất tập trung, mặt có vẻ lúng

túng, kiên nhẫn chờ đến lượt mình, giơ tay phát biểu trong giờ học, ăn mặc xoàng xĩnh, và không ngồi yên được quá ba phút...

Quan sát sản phẩm: học sinh phải tạo ra sản phẩm cụ thể thông qua việc vận dụng các kiến thức đã học. Khi học sinh nộp các sản phẩm như một bài luận ngắn, bài tập ngắn, báo cáo thực hành, biểu đồ, biểu bảng theo chủ đề, vẽ một bức tranh tĩnh vật, tạo ra được một dụng cụ làm thí nghiệm, hoặc hoàn thành kế hoạch trong lớp, giáo viên sẽ quan sát và cho ý kiến, giúp học sinh hoàn thiện các sản phẩm các em đã làm ra.

Một số quan sát được tiến hành chính thức và định trước, như trong trường hợp giáo viên đánh giá học sinh khi các em đọc bài trong nhóm tập đọc hoặc trình bày bài báo cáo trước lớp. Trong những tình huống như thế, giáo viên có thể quan sát một tập hợp các hành vi ứng xử của học sinh. Ví dụ, khi học sinh đọc bài trước lớp, giáo viên có thể theo dõi và lắng nghe xem học sinh phát âm từ vựng có rõ ràng không, có lên xuống giọng để nhấn mạnh các điểm quan trọng không, có thường xuyên ngược lên nhìn trong khi đọc hay không, có thể hiện sự tự tin, hiểu sâu bài hay không... Bởi vì những quan sát như thế đã được định sẵn nên giáo viên có thời gian để chuẩn bị cho học sinh và xác định trước từng hành vi cụ thể sẽ được quan sát.

Các quan sát khác của giáo viên lại không được định sẵn và không chính thức, như khi giáo viên thấy hai học sinh nói chuyện thay vì thảo luận bài học, nhận thấy một em học sinh có biểu hiện bị tổn thương khi bị bạn cùng lớp trêu chọc về quần áo của mình, hoặc nhìn thấy một học sinh bồn chồn, ngồi không yên và luôn nhìn ra cửa sổ trong suốt giờ khoa học... Những quan sát tự phát như thế, dựa trên những bắt gặp bất chợt khi “quan sát trẻ em”, phản ánh những chuyện xảy ra thoáng qua không định sẵn mà giáo viên ghi nhận được và phải suy nghĩ diễn giải. Các quan sát chính thức và không chính thức của giáo viên đều là những kỹ thuật thu thập thông tin quan trọng trong lớp học.

Thông thường trong quan sát, giáo viên có thể sử dụng các loại công cụ để thu thập thông tin. Đó là: *Ghi chép ngắn, Ghi chép các sự kiện thường nhật, sử dụng thang đo, sử dụng bảng kiểm, sử dụng phiếu hướng dẫn theo tiêu chí.*

b) Các kỹ thuật được sử dụng trong phương pháp quan sát

**** Ghi chép ngắn***

Một hình thức đánh giá thường xuyên thông qua việc quan sát người học trong lớp học. Những ghi chép không chính thức này cung cấp cho giáo viên thông tin về mức độ người học xử lý thông tin, phối hợp với người học cũng như những quan sát tổng hợp về cách học, thái độ và hành vi học tập.

**** Ghi chép các sự kiện thường nhật***

Hàng ngày giáo viên làm việc với học sinh, quan sát học sinh và ghi nhận được rất nhiều thông tin về hoạt động học tập của học sinh. Ví dụ học sinh A luôn thiếu tập trung chú ý và hay nhìn ra cửa sổ. Học sinh B luôn làm xong nhiệm vụ của mình sớm và giúp đỡ các bạn khác trong giờ thực hành... Những sự kiện lặt vặt hàng ngày như vậy có ý nghĩa quan trọng trong đánh giá. Nó giúp cho giáo viên dự đoán khả năng và cách ứng xử của học sinh trong những tình huống khác nhau hoặc giải thích cho kết quả thu được từ những bài kiểm tra viết của học sinh.

Tuy nhiên những ấn tượng mà giáo viên có được thông qua quan sát thường mang màu sắc chủ quan, vì vậy cần phải có một cách ghi chép khoa học, có hệ thống trong khi quan sát. Cách tốt nhất là sử dụng sổ ghi chép những sự kiện thường nhật.

Ghi chép những sự kiện thường nhật là việc mô tả lại những sự kiện hay những tình tiết đáng chú ý mà giáo viên nhận thấy trong quá trình tiếp xúc với học sinh. Những sự kiện cần được ghi chép lại ngay sau khi nó xảy ra. Mỗi học sinh cần được dành cho 1 vài tờ trong trong sổ ghi chép. Cần ghi tách biệt phần mô tả sự kiện với phần nhận xét về sự kiện của giáo viên. Sau một vài sự kiện, giáo viên có thể ghi chú những cách giải quyết để cải thiện tình hình học tập của học sinh hoặc điều chỉnh những sai lầm mà học sinh mắc phải.

Mẫu ghi chép sự kiện thường nhật

Lớp: _____ Tên học sinh: _____

Thời gian: _____ Địa điểm: _____

Người quan sát: _____

STT	Mô tả sự kiện	Nhận xét	Ghi chú

Sổ ghi chép các sự kiện thường được dùng để điều chỉnh những hành vi xã hội. Tuy nhiên giáo viên có thể sử dụng nó để thu thập nhiều thông tin về kết quả học tập, nhiều mặt của nhân cách và hoạt động xã hội của học sinh.

Tuy nhiên, giáo viên không có khả năng quan sát và ghi chép được tất cả những hành vi, sự kiện, mọi mặt của tình huống diễn ra hàng ngày của học sinh dù rằng chúng đều có thể là những thông tin có giá trị. Do vậy cần phải có sự chọn lựa trong quan sát. Để việc quan sát và ghi chép có tính khả thi, giáo viên cần:

- Hướng việc quan sát vào những hành vi không thể đánh giá được bằng những phương pháp khác.
- Giới hạn việc quan sát vào một vài loại hành vi nào đó tùy theo mục đích của giáo viên.
- Giới hạn phạm vi quan sát ở một vài đối tượng học sinh cần tới sự giúp đỡ đặc biệt của giáo viên.

Lợi ích của sổ ghi chép sự kiện là nó mô tả lại những hành vi của học sinh trong tình huống tự nhiên. Qua hoạt động và việc làm cụ thể, học sinh thể hiện mình rõ nét và chân thực nhất. Nhờ vậy kết quả quan sát có thể đem đối chiếu với kết quả kiểm tra vấn đáp và kiểm tra viết để đánh giá những đặc điểm thực chất của học sinh, những biến đổi về hành vi của họ.

Việc ghi chép sự kiện có thể ghi lại được những tình huống rất hiếm hoi, không điển hình nhưng rất quan trọng trong việc đánh giá học sinh mà không phương pháp nào thay thế được. Ví dụ một học sinh rất ít nói tự dung lại nói rất nhiều. Một học sinh rất hung hăng tự dung lại hiền lành dễ mến... Nhờ chú ý và ghi chép lại những tình huống như vậy mà giáo viên có thể phát hiện ra nhiều đặc điểm tính cách mới mẻ và hướng giáo dục học sinh.

Việc ghi chép sự kiện có hạn chế là nó đòi hỏi giáo viên nhiều thời gian và công sức để ghi chép một cách liên tục và có hệ thống. Nếu tất cả các giáo viên bộ môn cùng tham gia ghi chép thì sẽ bớt gánh nặng cho giáo viên chủ nhiệm. Hơn nữa rất khó để đảm bảo việc ghi chép và nhận xét các sự kiện một cách hoàn toàn khách quan. Tuy nhiên việc tổng hợp ý kiến của tất cả các giáo viên tham gia ghi chép về một học sinh thì việc đánh giá sẽ khách quan hơn.

Hành vi của học sinh thường có xu hướng không ổn định, lúc này hăng hái, lúc khác lại thờ ơ. Có lúc lạnh lùng có lúc lại cởi mở... tùy vào từng tình huống, thời gian, địa điểm khác nhau. Vì vậy giáo viên khó có thể thu thập đầy đủ thông tin để có một bức tranh đầy đủ toàn diện về học sinh. Giáo viên chỉ nên đưa ra đánh giá của mình khi đã có đầy đủ lượng thông tin cần thiết.

Để việc ghi chép sự kiện thường nhật của học sinh có hiệu quả giáo viên cần tuân theo một số yêu cầu sau:

- Xác định trước những sự kiện cần quan sát nhưng cũng cần chú ý đến những sự kiện bất thường.
- Quan sát và ghi chép đầy đủ về sự kiện đặt trong một tình huống cụ thể để sự kiện trở nên có ý nghĩa hơn. Sự kiện xảy ra cần phải được ghi chép lại càng sớm càng tốt.
- Tách riêng phần mô tả chân thực sự kiện và phần nhận xét của cá nhân giáo viên. Cần ghi chép cả những hành vi tích cực và hành vi tiêu cực
- Cần thu thập đầy đủ thông tin trước khi đưa ra những nhận xét, đánh giá về hành vi, thái độ của học sinh.
- Việc ghi chép sự kiện cần phải được luyện tập và huấn luyện cho giáo viên một cách bài bản để việc ghi chép mang tính khoa học, hệ thống và giúp ích cho hoạt động dạy học và giáo dục.

*** Thang đo**

Khác với việc ghi chép không có cấu trúc những sự kiện diễn ra hàng ngày, thì thang đo cho phép giáo viên đưa ra những nhận định của mình theo một trình tự có cấu trúc. Thông thường, một thang đo bao gồm một hệ thống các đặc điểm, phẩm chất cần đánh giá và một thước đo để đo mức độ đạt được ở mỗi phẩm chất của học sinh.

Thang đo là một công cụ để thông báo kết quả đánh giá thông qua quan sát hoặc tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng. Giá trị của nó trong việc đánh giá hoạt động học tập của học sinh phụ thuộc vào việc nó có được xây dựng tốt hay không và có được sử dụng hợp lý hay không. Cũng giống như mọi công cụ đo lường khác, thang đo cần phải được xây dựng dựa trên những tiêu chí nhằm phục vụ những mục tiêu đánh giá cụ thể. Nó chỉ nên dùng khi người quan sát có điều kiện thu thập đầy đủ thông tin ghi trên thang đo. Nếu hai điều kiện này được đáp ứng, thang đo sẽ có rất nhiều ích lợi trong đánh giá:

- Thang đo định hướng cho việc quan sát nhắm tới những loại hành vi cụ thể
- Nó cung cấp một bảng tham chiếu chung để so sánh các học sinh về cùng một loại phẩm chất, đặc điểm...
- Nó cung cấp một phương pháp thuận tiện để ghi chép những đánh giá của người quan sát.

Thang đo có nhiều loại, nhưng nhìn chung có một số loại thang đo sau đây:

- **Thang đo dạng số:** Đây là một trong những loại thang đo đơn giản nhất. Người sử dụng đánh dấu hoặc khoanh vào một con số chỉ mức độ biểu hiện của một phẩm chất ở học sinh. Thông thường, mỗi con số chỉ mức độ được mô tả bằng lời và sự mô tả này

thống nhất ở tất cả các câu trong thang đo. Đôi khi người sử dụng thang đo chỉ được chỉ dẫn rằng con số to nhất là chỉ mức độ cao nhất, con số nhỏ nhất là chỉ mức độ thấp nhất, những số ở giữa là chỉ các giá trị trung bình.

Thang đo dạng số được sử dụng khi những đặc điểm, phẩm chất đưa ra có thể được phân loại thành một số lượng nhất định các mức độ (từ 3 - 7 mức độ) và có sự thống nhất về giá trị mà mỗi con số đại diện. Tuy được sử dụng phổ biến nhưng những con số trong thang đo thường không được định nghĩa rõ ràng, vì vậy mỗi người có thể có cách giải thích riêng và do vậy sử dụng thang đo một cách khác nhau.

Ví dụ về thang đo dạng số:

Hướng dẫn: Hãy chỉ ra mức độ mà học sinh tham gia vào buổi thảo luận chung của lớp bằng cách khoanh tròn vào những con số tương ứng. Trong đó 5 – rất tích cực, 4 – tích cực, 3 – trung bình, 2 – ít tích cực, 1 – không tham gia.

1. Học sinh tham gia thảo luận ở mức độ nào?

1 2 3 4 5

- **Thang đo dạng đồ thị:** Thang đo dạng đồ thị mô tả các mức độ biểu hiện của hành vi theo một trục đường thẳng. Người quan sát đánh dấu vào đoạn thẳng đó. Một hệ thống các mức độ được xác định ở những vị trí nhất định trên đoạn thẳng nhưng người đánh giá vẫn có thể đánh dấu vào điểm giữa các mức độ trên đoạn thẳng.

Ví dụ về thang đo dạng đồ thị:

Hướng dẫn: Hãy chỉ ra tần suất mà học sinh tham gia vào các hoạt động chung của lớp bằng cách đánh dấu x vào bất cứ điểm nào trên đoạn thẳng dưới mỗi câu hỏi.

1. Học sinh tham gia vào các hoạt động chung của lớp thế nào?

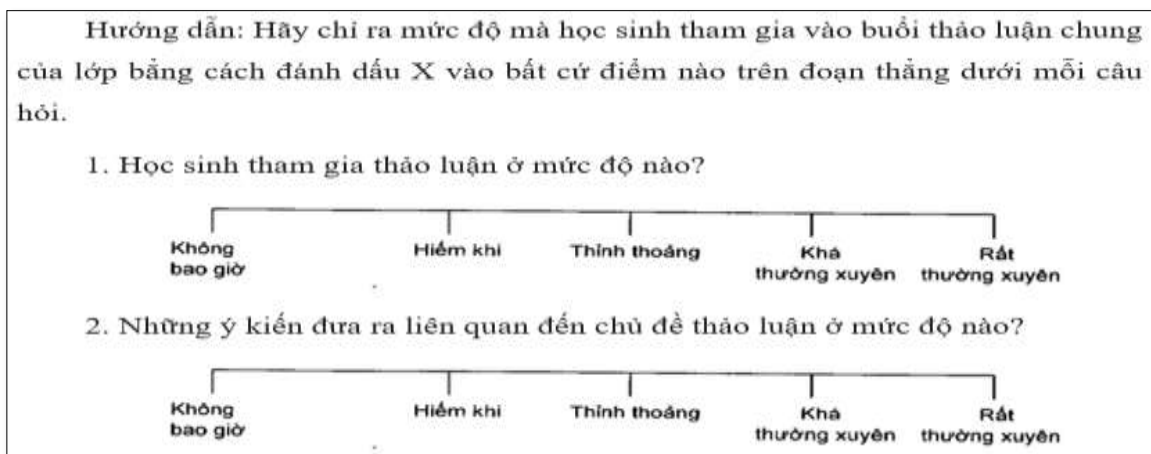
Không bao giờ Hiếm khi Thỉnh thoảng Khá thường xuyên Rất thường xuyên

Cần lưu ý rằng những mô tả các mức độ trên thang đo đồ thị có thể giống nhau ở tất cả các câu hỏi nhưng cũng có thể mỗi câu hỏi có một cách mô tả mức độ khác nhau.

Mặc dù mô tả mức độ theo dạng đường thẳng có thể đánh dấu vào khoảng giữa của những mức độ đánh giá giúp cho việc đánh giá chính xác hơn. Tuy nhiên sử dụng một từ để mô tả mức độ trên thang đo cũng không rõ ràng hơn những con số. Mỗi người có cách hiểu khác nhau về “thỉnh thoảng” và “thường xuyên”.

- **Thang đo dạng đồ thị có mô tả:** Thang đo này sử dụng những cụm từ mô tả để xác định các mức độ trên đoạn thẳng. Sự mô tả này chỉ ra những khác biệt trong biểu hiện hành vi của học sinh ở những mức độ khác nhau. Một số thang đo chỉ mô tả điểm đầu, điểm giữa và điểm cuối. Một số thang đo khác mô tả dưới mỗi điểm của đoạn thẳng. Đôi khi có một đoạn trống ở dưới mỗi câu hỏi để người quan sát cho thêm ý kiến về cách lựa chọn mức độ của mình.

Ví dụ về thang đo dạng đồ thị có mô tả:



Nhìn chung đây là dạng thang đo tốt nhất được sử dụng trong nhà trường. Nó giải thích rõ cho giáo viên và học sinh những hành vi cụ thể tương ứng với những mức độ được đánh giá và hướng tới hành vi tốt nhất cần phải đạt tới. Việc mô tả càng chi tiết thì việc đánh giá càng chính xác. Để việc chấm điểm thuận lợi, chúng ta có thể đánh số vào mỗi vị trí của thang đo này.

Thang đo có thể được ứng dụng vào rất nhiều lĩnh vực trong kiểm tra đánh giá như kiểm tra đánh giá thực hành, kiểm tra đánh giá sản phẩm và đánh giá sự phát triển những kỹ năng xã hội của cá nhân.

- **Kiểm tra, đánh giá thực hành:** Trong nhiều lĩnh vực học tập, kết quả học tập không được thể hiện qua bài kiểm tra viết hay vấn đáp mà bằng hoạt động thực hành, ví dụ chơi nhạc, hát, diễn thuyết, chơi thể thao... Cách tốt nhất để kiểm tra, đánh giá những hoạt động này là quan sát. Việc sử dụng thang đo khi quan sát những hoạt động thực hành của học sinh giúp cho quá trình quan sát tất cả học sinh cùng tập trung vào một số biểu hiện nhất định và có cùng một cách ghi chép những nhận định của giáo viên. Nếu nội dung thang đo được xây dựng trên những mục tiêu học tập nó sẽ định hướng cho hoạt động giảng dạy của giáo viên và các tiêu chí trên thang đo giúp học sinh nhận thức được những yêu cầu cần đạt tới trong hoạt động thực hành.

- **Kiểm tra, đánh giá sản phẩm:** Khi kết quả học tập của học sinh được thể hiện bằng sản phẩm như: bức vẽ, bản đồ, đồ thị, đồ vật, sáng tác... thì cần có sự đánh giá sản phẩm. Để việc kiểm tra, đánh giá sản phẩm được thống nhất về tiêu chí và các mức độ đánh giá giáo viên có thể thiết kế thang đo. Thang đo sản phẩm là một loạt mẫu sản phẩm có mức độ chất lượng từ thấp đến cao. Người đánh giá so sánh sản phẩm của học sinh với những sản phẩm mẫu chỉ mức độ trên thang đo để tính điểm. Tuy nhiên thang đo này khá phức tạp nên khó khăn cho giáo viên khi xây dựng.

- **Đánh giá sự phát triển những kỹ năng xã hội của cá nhân:** Đây là lĩnh vực mà thang đo được sử dụng nhiều nhất. Thang đo có thể được dùng để đánh giá hứng thú, đạo đức, sự tự tin, đồng cảm... Việc đo lường có thể được giáo viên sử dụng định kỳ để đánh giá sự phát triển. Đánh giá sự phát triển những kỹ năng xã hội của cá nhân khác với những đánh giá đã trình bày ở trên ở chỗ việc đánh giá không được thực hiện ngay trong hoặc ngay sau khi quan sát. ở loại đánh giá này giáo viên thường phải tổng kết lại những ấn tượng đã có qua nhiều lần quan sát trong một khoảng thời gian tương đối dài của hoạt động học tập. Do vậy tuy đánh giá loại này cũng dựa vào quan sát nhưng nó bị ảnh hưởng của cảm xúc và ý kiến cá nhân nhiều hơn so với những đánh giá trực tiếp hoặc ngay sau

khi quan sát.

Đánh giá bằng thang đo cần tuân theo những nguyên tắc sau:

- Những tiêu chí của thang đo cần phải là những nội dung giảng dạy và giáo dục quan trọng
- Những mô tả trong thang đo phải là những bằng chứng có thể trực tiếp quan sát được
- Các mức độ và mô tả mức độ của thang đo phải được định nghĩa rõ ràng.
- Nên đưa ra từ 3 đến 7 mức độ trong thang đo và cho phép người sử dụng thang đo đánh dấu vào khoảng giữa các mức độ.
- Nên cho phép người sử dụng thang đo bỏ qua những câu mà họ cảm thấy không có đủ bằng chứng để đánh giá.
- Nếu có thể, nên kết hợp kết quả đánh giá của nhiều người quan sát trên cùng một đối tượng.

* **Bảng kiểm**

Bảng kiểm có hình thức và cách sử dụng gần giống như thang đo. Tuy nhiên thang đo đòi hỏi người đánh giá chỉ ra mức độ biểu hiện của một phẩm chất hoặc mức độ thường xuyên của một hành vi còn bảng kiểm chỉ yêu cầu người đánh giá trả lời câu hỏi đơn giản Có – Không. Đó là phương pháp ghi lại xem một phẩm chất có biểu hiện hay không hoặc một hành vi có được thực hiện hay không.

Bảng kiểm thường được sử dụng khi quá trình kiểm tra, đánh giá dựa trên quan sát nhiều hơn là các hình thức kiểm tra viết và kiểm tra miệng. Bảng kiểm cũng có ích trong việc kiểm tra đánh giá những kỹ năng thực hành, nếu nó được chia ra thành những hành động cụ thể.

Ví dụ: Bảng kiểm quá trình đánh véc-ni

Hướng dẫn: Trong khoảng trống phía trước mỗi câu, hãy đánh dấu + nếu hành động đạt yêu cầu hoặc đánh dấu – nếu hành động không đạt yêu cầu.

- _____ 1. Dùng giấy ráp đánh mặt phẳng đúng cách
- _____ 2. Lau bụi mặt phẳng bằng đúng loại rẻ phù hợp
- _____ 3. Chọn chổi quét phù hợp
- _____ 4. Chọn véc-ni và kiểm tra dòng chảy của véc-ni
- _____ 5. Rót một lượng véc-ni cần thiết vào một cốc sạch

...

Trong kiểm tra đánh giá thực hành, bảng kiểm có thể được thiết kế theo các bước sau:

- Xác định từng hành vi cụ thể trong hoạt động thực hành
- Có thể thêm vào những hành vi làm sai nếu nó có ích cho việc đánh giá
- Sắp xếp các hành vi theo đúng thứ tự diễn ra
- Hướng dẫn cách đánh dấu những hành vi khi hành vi đó xuất hiện (hoặc đánh số thứ tự các hành vi theo trình tự thực hiện).

Ngoài việc kiểm tra, đánh giá những kỹ năng thực hành, bảng kiểm còn được sử dụng để kiểm tra, đánh giá sản phẩm. Trong trường hợp kiểm tra, đánh giá sản phẩm, bảng kiểm thường bao gồm một dãy những đặc điểm mà một sản phẩm hoàn thiện cần có. Giáo viên kiểm tra, đánh giá bằng cách kiểm tra xem từng đặc điểm phát biểu trong thang đo có ở sản phẩm của học sinh hay không.

Trong lĩnh vực phát triển những kỹ năng xã hội, bảng kiểm có thể là một công cụ thuận tiện để ghi lại những bằng chứng về sự tiến bộ của học sinh trong một mục tiêu học tập nhất định. Thông thường bảng kiểm sẽ liệt kê ra những hành vi điển hình cho mục tiêu cần kiểm tra đánh giá và giáo viên quan sát xem những hành vi đó có hay không.

Ví dụ: đánh giá thói quen làm việc, giáo viên có thể liệt kê ra những hành vi sau (và yêu cầu trả lời có hoặc không)

- _____ Tôn trọng ý kiến người khác
- _____ Yêu cầu được giúp đỡ khi cần thiết
- _____ Hợp tác với các bạn
- _____ Dùng chung dụng cụ học tập với các bạn
- _____ Hoàn thành nhiệm vụ được giao ...

Tuy rằng từng loại công cụ quan sát được mô tả riêng biệt, nhưng trong thực tế các loại công cụ quan sát được sử dụng kết hợp với nhau để đánh giá thành quả học tập của học sinh.

*** Sử dụng phiếu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chí**

Phiếu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chí là một tập hợp các mong đợi của giáo viên để đánh giá mức độ hiểu biết của người học và tạo điều kiện cho người học biết được những mong đợi và những việc các em cần thực hiện để học tập đạt kết quả cao.

Phiếu hướng dẫn đánh giá tiêu chí là một tập hợp các tiêu chí (được cụ thể hóa thành các chỉ báo, chỉ số hay các biểu hiện hành vi có thể quan sát, đo đếm được) thể hiện mức độ đạt được của mục tiêu học tập và được sử dụng để đánh giá hoặc thông báo về sản phẩm, năng lực thực hiện, hoặc quá trình thực hiện nhiệm vụ...

- Tiêu chí là những chỉ số (những đặc trưng) của việc hoàn thành tốt nhiệm vụ.
- Nên giới hạn số tiêu chí ≥ 3 và ≤ 10

Bản ma trận mức độ tiêu chí Rubric (kèm biểu điểm) là bản cung cấp những miêu tả hoặc các chỉ số thực hiện, chỉ từng mức độ hoàn thành nhiệm vụ ứng với các tiêu chí (đồng thời là điểm số cho các tiêu chí ở mức đó).

Rubric là gì?

Rubric là một công cụ đánh giá/chấm điểm, được xây dựng bởi GV (có thể có sự tham gia của SV) để hỗ trợ việc đánh giá chi tiết một sản phẩm hoặc một hoạt động học tập.

Rubric thường được thiết kế dưới dạng ma trận 2 chiều, với các mức đánh giá tương ứng với các tiêu chí phù hợp với yêu cầu đánh giá đối với một hoạt động học tập.

Mục đích sử dụng rubric

- Giúp công khai công cụ đánh giá của GV, với các tiêu chí cụ thể để phân biệt các mức độ thành tích trong học tập.
- Giúp HV biết được kỳ vọng của GV về học tập; nhận ra các điểm mạnh, yếu trong quá trình học tập, từ đó xây dựng cách thức và kế hoạch cải tiến.
- Giúp tăng cường sự hiểu biết và tin tưởng lẫn nhau giữa GV và HS. Thông qua rubric, đánh giá không còn là một hoạt động mang tính bí mật.
- Là một hình thức Đánh giá hỗ trợ học tập (Assessment for learning).
- Sử dụng rubric trong đánh giá học tập là một biểu hiện của tiếp cận dạy học Lấy người học làm trung tâm.

- Với các tiêu chí đánh giá được mô tả cụ thể, GV có thể giảm hẳn việc cung cấp thông tin phản hồi về học tập cho mỗi HS.

Phân loại rubric

Có 2 loại rubric chính: Rubric định lượng/phân tích (Analytical rubric) và Rubric định tính/tổng hợp (Holistic rubric).

Rubric định lượng/phân tích: cung cấp các mô tả chi tiết của mỗi tiêu chí ở mỗi mức trên thang đánh giá.

Phân loại rubric (Ví dụ về Rubric định lượng)

Tiêu chí đánh giá	ELO	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
			10 - 9	8 - 7	6 - 5	4 - 0	
Hình thức báo cáo	4	10%	Đẹp, rõ, không lỗi chính tả	Đẹp, rõ, còn lỗi chính tả	Rõ, còn lỗi chính tả	Đơn điệu, chữ nhỏ, nhiều lỗi chính tả	
Nội dung báo cáo	1, 2, 3	30%	Đáp ứng tốt yêu cầu, có mở rộng, có trích nguồn	Đáp ứng tốt yêu cầu, có mở rộng	Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu tối thiểu	
Kỹ năng trình bày	4	10%	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe	Nói rõ, tự tin, giao lưu người nghe	Không rõ lời, thiếu tự tin, ít giao lưu người nghe	Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu người nghe	
Trả lời câu hỏi	1, 2, 3	20%	Trả lời đúng tất cả các câu hỏi	Trả lời đúng trên 2/3 câu hỏi	Trả lời đúng trên 1/2 câu hỏi	Trả lời đúng dưới 1/2 câu hỏi	
Tham gia thực hiện	4	30%	100% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	~ 80% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	~ 60% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	< 40% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	
ĐIỂM TỔNG							

Ưu nhược điểm:

Ưu điểm: Cung cấp thông tin phản hồi chi tiết ứng với mỗi tiêu chí và mức đánh giá, giúp học sinh tự hoàn thiện tốt hơn. Đảm bảo độ tin cậy tốt khi đánh giá bởi nhiều GV.

Nhược điểm: Mất nhiều thời gian để xây dựng hệ thống tiêu chí và khi đánh giá.

Các bước thiết kế Rubric định lượng:

- Xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá và trọng số của mỗi tiêu chí trong kết quả đánh giá chung.

- Chỉ ra sự tương thích của mỗi tiêu chí đối với ELO/Chuẩn đầu ra của hoạt động cần đánh giá.

- Xác định các mức đánh giá theo thang đo (phổ biến 3 – 5 mức), → Khá-Giỏi (10-7), Trung bình (6-5), Yếu (3-4), Kém (0-2).

- Xây dựng mô tả đối với mỗi mức đánh giá theo thang đo cho mỗi tiêu chí. Nên bắt đầu ở hai mức cao nhất và thấp nhất, sau đó gia giảm đối với các mức còn lại.

- Các mô tả cần rõ ràng, súc tích và bám sát các chuẩn đầu ra cần được đánh giá. Lưu ý tính quan sát được và đo lường được đối với các mô tả.

Rubric định tính/tổng hợp: cung cấp mô tả tổng hợp ứng với mỗi mức trên thang đánh giá.

Phân loại rubric (Ví dụ về Rubric định tính)

Mức chất lượng	Thang điểm	Mô tả mức chất lượng	Điểm
Xuất sắc	9 - 10	Hình thức đẹp, rõ, không lỗi chính tả. Nội dung đáp ứng tốt yêu cầu, có mở rộng, có trích nguồn. Trình bày rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe. Trả lời đúng tất cả các câu hỏi. Có 100% thành viên tham gia thực hiện/trình bày.	
Tốt	7 - 8	Hình thức đẹp, rõ, còn lỗi chính tả. Nội dung đáp ứng tốt yêu cầu, có mở rộng. Trình bày rõ, tự tin, giao lưu người nghe. Trả lời đúng trên 2/3 câu hỏi. Có ~ 80% thành viên tham gia thực hiện/trình bày.	
Đạt yêu cầu	5 - 6	Hình thức rõ, còn lỗi chính tả. Nội dung đáp ứng đầy đủ các yêu cầu. Trình bày không rõ lời, thiếu tự tin, ít giao lưu người nghe. Trả lời đúng trên 1/2 câu hỏi. Có ~ 60% thành viên tham gia thực hiện/trình bày.	
Chưa đạt	0 - 4	Hình thức đơn điệu, chữ nhỏ, nhiều lỗi chính tả. Nội dung không đáp ứng yêu cầu tối thiểu. Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu người nghe. Trả lời đúng dưới 1/2 câu hỏi. Có < 40% thành viên tham gia thực hiện/trình bày.	

29

Ưu nhược điểm

Ưu điểm: Cung cấp thông tin phản hồi tổng hợp ở mỗi mức đánh giá. Dễ xây dựng hơn, đánh giá nhanh hơn.

Nhược điểm: Không chỉ ra được mức độ đạt được ứng với mỗi nội hàm trong thông tin phản hồi tổng hợp nên kém hữu ích đối với học sinh.

Các bước thiết kế Rubric định tính:

- Xác định các mức đánh giá theo thang đo (tương tự như đối với Rubric định lượng).
- Xây dựng mô tả tổng hợp ứng với mỗi mức đánh giá. Đảm bảo các mô tả này tương thích với chuẩn đầu ra của hoạt động cần đánh giá.
- Nếu đã có rubric định lượng liên quan, chỉ cần tập hợp các mô tả đối với mỗi mức đánh giá theo thang đo để thiết lập các mô tả tổng hợp (xem ví dụ ở trên).

2.2.3. Nhóm phương pháp vấn đáp

a) *Khái niệm*

Vấn đáp là nhóm phương pháp chủ yếu thứ ba giáo viên thường sử dụng để thu thập dữ liệu trong kiểm tra đánh giá trên lớp. Vấn đáp là phương pháp giáo viên đặt câu hỏi và học sinh trả lời câu hỏi (hoặc ngược lại), nhằm rút ra những kết luận, những tri thức mới mà học sinh cần nắm, hoặc nhằm tổng kết, củng cố, kiểm tra mở rộng, đào sâu những tri

thức mà học sinh đã học. Phương pháp đặt câu hỏi vấn đáp cung cấp rất nhiều thông tin chính thức và không chính thức về học sinh. Việc làm chủ, thành thạo các kỹ thuật đặt câu hỏi đặc biệt có ích trong khi dạy học.

Việc hỏi học sinh rất có ích trong khi dạy học, nhất là khi cần ôn lại một chủ đề trước đó, suy nghĩ về một chủ đề mới, xem học sinh có hiểu bài hay không và thu hút sự chú ý của một học sinh nào đó đang mất tập trung. Giáo viên có thể thu thập được thông tin mình muốn mà không cần đến bất kỳ một loại đánh giá viết nào. Vấn đáp là một đặc trưng rất phổ biến của mọi lớp học và sau mỗi bài giảng, đây là hoạt động dạy học thường dùng nhất. Thi vấn đáp cũng được áp dụng trong các lĩnh vực như ngoại ngữ, diễn thuyết và âm nhạc...

b) Các hình thức vấn đáp

Tuỳ theo vị trí của phương pháp vấn đáp trong quá trình dạy học, cũng như tuỳ theo mục đích, nội dung của bài, người ta phân biệt những dạng vấn đáp cơ bản sau:

+ *Vấn đáp gợi mở*: là hình thức giáo viên khéo léo đặt những câu hỏi gợi mở dẫn dắt học sinh rút ra những nhận xét, những kết luận cần thiết từ những sự kiện đã quan sát được hoặc những tài liệu đã học được, được sử dụng khi cung cấp tri thức mới.

VD: Muốn hướng dẫn học sinh tìm ra công thức về bình phương của Sin và Cos của một góc: $\sin^2 x + \cos^2 x = 1$ (lượng giác cấp III). Giáo viên có thể hướng dẫn học sinh đi từ định lý Pitago về quan hệ giữa cạnh huyền và hai cạnh góc vuông: $a^2 + b^2 = c^2$ (hệ thức lượng trong một tam giác vuông ở cấp II).

Hình thức này có tác dụng khơi gợi tính tích cực của học sinh rất mạnh, nhưng cũng đòi hỏi giáo viên phải khéo léo, tránh đi đường vòng, lan man, xa vấn đề.

+ *Vấn đáp củng cố*: Được sử dụng sau khi giảng tri thức mới, giúp học sinh củng cố được những tri thức cơ bản nhất và hệ thống hoá chúng: mở rộng và đào sâu những tri thức đã thu lượm được, khắc phục tính thiếu chính xác của việc nắm tri thức.

+ *Vấn đáp tổng kết*: được sử dụng khi cần dẫn dắt học sinh khái quát hoá, hệ thống hoá những tri thức đã học sau một vấn đề, một phần, một chương hay một môn học nhất định.

Phương pháp này giúp học sinh phát triển năng lực khái quát hoá, hệ thống hoá, tránh nắm bắt những đơn vị tri thức rời rạc - giúp cho các em phát huy tính mềm dẻo của tư duy.

+ *Vấn đáp kiểm tra*: được sử dụng trước, trong và sau giờ giảng hoặc sau một vài bài học giúp giáo viên kiểm tra tri thức học sinh một cách nhanh gọn kịp thời để có thể bổ sung củng cố tri thức ngay nếu cần thiết. Nó cũng giúp học sinh tự kiểm tra tri thức của mình.

Như vậy là tuỳ vào mục đích và nội dung bài học, giáo viên có thể sử dụng 1 trong 4 hoặc cả 4 dạng phương pháp vấn đáp nêu trên. Ví dụ khi dạy bài mới giáo viên dùng dạng vấn đáp gợi mở, sau khi đã cung cấp tri thức mới dùng vấn đáp củng cố để đảm bảo học sinh nắm chắc và đầy đủ tri thức. Cuối giờ dùng vấn đáp kiểm tra để có thông tin ngược kịp thời từ phía học sinh.

c) Các kỹ thuật thường sử dụng trong phương pháp vấn đáp

**** Đặt câu hỏi***

Vấn đề then chốt của phương pháp vấn đáp là vấn đề đặt câu hỏi - đây vừa là một vấn đề khoa học, vừa là một nghệ thuật. Để học sinh phát huy được tính tích cực và trả lời

đúng vào vấn đề thì:

- Giáo viên phải chuẩn bị tốt những câu hỏi sẽ đặt ra cho học sinh: xác định rõ mục đích, yêu cầu của vấn đề, nội dung câu hỏi, dự kiến trả lời, đối tượng sẽ hỏi.

- Khuyến khích học sinh tham gia đặt câu hỏi: đặt câu hỏi tự vấn mình và câu hỏi cho các bài học

- Đặt câu hỏi tốt: nội dung câu hỏi phải chính xác, sát trình độ học sinh, hình thức phải ngắn gọn dễ hiểu.

- Sử dụng đa dạng các loại câu hỏi để thu thập thông tin

- Hướng dẫn học sinh trả lời tốt: bình tĩnh lắng nghe và theo dõi câu trả lời của học sinh, hướng dẫn tập thể nhận xét bổ sung, rồi giáo viên mới tổng kết, chú ý động viên những em trả lời tốt và cố gắng phát biểu, dù chưa đúng.

*** Nhận xét bằng lời**

Giáo viên đưa ra các nhận xét tích cực bằng lời, điều này sẽ giúp nuôi dưỡng những suy nghĩ tích cực, hình thành sự tự tin ở học sinh. Hơn nữa, học sinh sẽ có xu hướng tự điều chỉnh hành vi theo sự kì vọng của giáo viên thông qua các nhận xét tích cực.

Ví dụ: để đánh giá một sản phẩm học tập (một bức tranh, một bài thơ, một vài văn...), giáo viên yêu cầu học sinh hãy nói những lời nhận xét của cá nhân... Giáo viên gợi ý, định hướng để học sinh nói ra những nhận xét bằng lời mang tính xây dựng, tập trung vào những điểm tích cực hơn là những điểm chưa tích cực.

*** Trình bày miệng:**

Học sinh được yêu cầu nói ra những suy nghĩ, quan điểm cá nhân... chia sẻ những trải nghiệm, những câu chuyện, những bài học kinh nghiệm... qua trao đổi, thảo luận theo chủ đề (VD: chủ đề học tiếng Anh hiệu quả. Mỗi học sinh được yêu cầu trình bày kinh nghiệm học tiếng Anh của cá nhân... kể các câu chuyện bằng tiếng Anh... thực hiện các trò chơi để phát triển kĩ năng nghe nói tiếng Anh).

2.2.4. Các phương pháp và kĩ thuật khác

Có một số phương pháp và kĩ thuật cũng được giáo viên sử dụng trong kiểm tra, đánh giá thường xuyên, liên quan đến cả 3 nhóm phương pháp: quan sát, vấn đáp và viết.

a) Kỹ thuật phân tích và phản hồi

Phân tích và phản hồi là một kỹ thuật được dùng phổ biến trong kiểm tra, đánh giá thường xuyên. Phân tích kết quả được thực hiện trước, phản hồi được thực hiện trên cơ sở phân tích. Việc phân tích kết quả được dựa trên chuẩn kiến thức kỹ năng hoặc chuẩn năng lực, nghĩa là phân tích kết quả theo các chỉ báo và mức độ thực hiện của mỗi chỉ báo trong chuẩn để làm căn cứ cho phản hồi. Việc phản hồi phải mang tính tích cực, nghĩa là trước tiên cần chỉ ra những điều học sinh đã hoàn thành tốt hoặc đã hoàn thành, tiếp đó chỉ ra những điều học sinh chưa hoàn thành, sau cùng đưa ra khuyến nghị để học sinh biết cách nâng cao kết quả ở mỗi chỉ báo.

b) Thực hành, thí nghiệm, thực hiện nhiệm vụ thực tiễn

Giáo viên cho học sinh tự thực hành, thí nghiệm và viết báo cáo về kết quả thực hành, thí nghiệm, hoặc thực hiện một nhiệm vụ thực tiễn. Kỹ thuật này thường sử dụng phối hợp cả quan sát, vấn đáp, viết.

c) Định hướng học tập

Định hướng học tập là kỹ thuật kết nối kiến thức mới với vốn kiến thức đã biết của học sinh, nó có tác dụng rất tốt trong hỗ trợ học sinh học tập. Kỹ thuật này thường được dùng vào lúc học sinh chuẩn bị học một kiến thức, kỹ năng, giá trị mới hay một thành phần của năng lực nào đó trên nền những điều đã học trước đó. Khi dùng kỹ thuật này, giáo viên cần nêu ra những chỉ báo và tiêu chí cần cho việc học kiến thức, kỹ năng, giá trị mới hoặc thành phần của năng lực nhằm định hướng cho học sinh quan tâm chú ý đến những chỉ báo và tiêu chí này để học cái mới.

d) Thẻ/phiếu kiểm tra

Đây là một hoạt động tương đối dễ kéo dài trong 3-5 phút nhằm kiểm tra kiến thức của người học trước, trong và sau một bài học hoặc một buổi học. Học sinh được yêu trả lời một vài câu hỏi do giáo viên đưa ra và viết nhanh câu trả lời vào thẻ hay phiếu kiểm tra. Giáo viên có thể đọc nhanh các câu trả lời sẽ biết được nhiều thông tin... rất bổ ích và lập kế hoạch cho việc điều chỉnh hoạt động giảng dạy đáp ứng nhu cầu học sinh.

e) Xử lý tình huống

Kiểm tra, đánh giá thường xuyên đòi hỏi giáo viên phải biết xử lý tình huống. Tình huống trong học tập, giáo dục thường hết sức đa dạng, do vậy khi sử dụng tình huống giáo viên để học sinh tự do đưa ra cách giải quyết để biết các em có khả năng gì? Hoặc đưa ra yêu cầu, gợi ý các tiêu chí đánh giá để giới hạn phạm vi.

f) Trò chơi

Theo các chuyên gia, một số cách thức kiểm tra, đánh giá thường xuyên cần được tổ chức dưới dạng các trò chơi... sẽ dễ dàng thu thập được các thông tin thật sự khách quan.

Các phương pháp quan sát, vấn đáp và phương pháp viết với các nhóm kỹ thuật cụ thể tương thích cho những bối cảnh đánh giá gắn với thực tiễn, sẽ bổ sung cho nhau trong kiểm tra, đánh giá thường xuyên. Mỗi loại thông tin đều cần thiết để thực hiện đánh giá đầy đủ và ý nghĩa trong lớp học. Vì thế, việc giáo viên nắm vững tất cả các phương pháp, kỹ thuật kiểm tra, đánh giá thường xuyên để thu thập đầy đủ thông tin về từng học sinh trên cơ sở đó làm các quyết định... là rất quan trọng.

2.3. Hướng dẫn thực hiện kiểm tra, đánh giá thường xuyên

2.3.1. Lập kế hoạch kiểm tra, đánh giá thường xuyên

Kiểm tra, đánh giá thường xuyên diễn ra trong quá trình học tập của học sinh. Do tính chất của hoạt động kiểm tra, đánh giá diễn ra trong một thời gian tương đối dài nên giáo viên cần lập kế hoạch cho hoạt động này. Trên cơ sở những hiểu biết về chuẩn kiến thức và kỹ năng hoặc chuẩn năng lực (bao gồm các chỉ báo và tiêu chí, các mức độ hoàn thành chỉ báo và tiêu chí), về các phương pháp kiểm tra đánh giá và kỹ thuật kiểm tra, đánh giá, giáo viên cần lập kế hoạch đánh giá cho mỗi chủ đề học tập của một môn học để có thể chủ động thực hiện hoạt động này trong suốt quá trình học tập của học sinh.

2.3.2. Triển khai kiểm tra, đánh giá thường xuyên

a. Chọn lựa và phối hợp các phương pháp, kỹ thuật khác nhau trong kiểm tra, đánh giá thường xuyên

Mỗi phương pháp, kỹ thuật có thể mạnh và phát huy tác dụng tốt trong việc kiểm tra, đánh giá một số chủ đề, nội dung học tập nào đó, nhưng chưa chắc đã phù hợp với những chủ đề, nội dung khác. Do đó khi vận dụng những phương pháp và kỹ thuật đánh giá cần

và nên phối hợp một số kỹ thuật, công cụ trong việc đánh giá ở mỗi bài học, mỗi chủ đề học tập khác nhau đảm bảo phù hợp với mục đích, mục tiêu và đối tượng đánh giá.

Các phương pháp quan sát, vấn đáp và viết bổ sung cho nhau trong quá trình kiểm tra, đánh giá thường xuyên trong quá trình học tập. Giáo viên sẽ có quyết định chính xác hơn khi có thể quan sát về mặt, phản ứng, sự thể hiện kỹ năng học tập môn học của học sinh, có thể đặt câu hỏi hoặc thu thập được các thông tin phản hồi của học sinh trong lớp học. Mỗi loại thông tin thu được từ các phương pháp, kỹ thuật đánh giá khác nhau, đều cần thiết để thực hiện đánh giá đầy đủ và ý nghĩa của từng học sinh trong lớp học.

b. Một số cách thức được sử dụng trong kiểm tra, đánh giá thường xuyên

*** Giáo viên đánh giá**

- Giáo viên tìm hiểu nhu cầu, năng lực của học sinh thông qua: sử dụng phiếu hỏi, bảng kiểm, thang đo, phiếu đánh giá tiêu chí,...;

- Giáo viên khích lệ định hướng học tập: suy ngẫm, tự đánh giá, trả lời các câu hỏi mở;...

- Giáo viên giám sát sự tiến bộ: dự giờ, hồ sơ học tập, kế hoạch học tập, sổ theo dõi học tập/ sổ ghi chép thường nhật;

- Giáo viên kiểm tra đánh giá sự hiểu biết, kỹ năng thực hành: ghi chép ngắn, thẻ kiểm tra, phiếu hỏi, phiếu quan sát, phỏng vấn, hồ sơ học tập...

*** Học sinh tự đánh giá**

Tự đánh giá là quá trình học sinh đánh giá hoạt động và kết quả đạt được của bản thân. Tự đánh giá là một chiến lược học tập cơ bản, học sinh cần được hướng dẫn để có thể sử dụng hiệu quả chiến lược này nhằm tự phản hồi đối với tất cả các lĩnh vực học tập. Học sinh không chỉ tự đánh giá mà còn có thể được tham gia vào quá trình xác định các tiêu chí đánh giá thế nào là một thành quả tốt.

*** Học sinh đánh giá lẫn nhau**

Học sinh tham gia vào việc đánh giá sản phẩm, công việc của những học sinh cùng học khác. Học sinh phải được hướng dẫn để nắm rõ những nội dung dự kiến sẽ đánh giá trong sản phẩm, công việc của bạn học. Đây chính là quá trình từng học sinh trong lớp học cùng tham gia một hoạt động/chương trình học tập đánh giá lẫn nhau.

Học sinh có thể sử dụng các bảng kiểm, phiếu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chí hoặc trả lời bằng phiếu đánh giá đối với sản phẩm của một bạn khác. Sự kết hợp giữa tự đánh giá và đánh giá người khác (ở đó có sự kết hợp giữa giáo viên và các bạn học cùng tham gia đánh giá...). Đây là sự đối thoại giữa người học và giáo viên... nhưng sự đánh giá cuối cùng vẫn là của giáo viên.

Học sinh quan sát các bạn trong quá trình học tập, vì vậy, thông tin mà các em có về hoạt động của nhau mang tính chi tiết, cụ thể hơn là thông tin thầy/ cô thu được. Đánh giá lẫn nhau không tập trung vào đánh giá tổng kết cuối kì mà nhằm mục đích hỗ trợ học sinh trong suốt quá trình học của các em, có nghĩa là học sinh sẽ đánh giá lẫn nhau dựa trên các tiêu chí đã được xác định trước. Các tiêu chí này do giáo viên tự xác định hoặc do thầy và trò cùng thống nhất xây dựng và phải thực hiện bằng những ngôn từ cụ thể, phù hợp với khả năng nhận thức của học sinh.

III. Xây dựng ma trận, đặc tả đề kiểm tra

3.1. Ma trận đề kiểm tra

Một trong những mục đích của kiểm tra đánh giá là sử dụng kết quả kiểm tra đánh giá để ra những quyết định liên quan đến quá trình học tập của người học. Vì vậy, bài kiểm tra cần được thiết kế sao cho phù hợp nhất với mục tiêu cần đánh giá, có độ tin cậy và độ giá trị nằm trong khoảng cho phép. Để thiết kế được một đề kiểm tra đạt chất lượng như thế, cần thiết phải xây dựng một bản ma trận đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a. Khái niệm ma trận đề kiểm tra

- Ma trận đề kiểm tra là bản thiết kế đề kiểm tra chứa đựng những thông tin về cấu trúc cơ bản của đề kiểm tra như: thời lượng, số câu hỏi, dạng thức câu hỏi; lĩnh vực kiến thức, cấp độ năng lực của từng câu hỏi, thuộc tính các câu hỏi ở từng vị trí...

- Ma trận đề kiểm tra cho phép tạo ra nhiều đề kiểm tra có chất lượng tương đương.

- Có nhiều phiên bản ma trận đề kiểm tra. Mức độ chi tiết của các ma trận này phụ thuộc vào mục đích và đối tượng sử dụng.

b. Cấu trúc một bảng ma trận đề kiểm tra

Cấu trúc 1 bảng ma trận đề kiểm tra gồm các thông tin như sau:

- Tên Bảng ma trận- Ký hiệu (nếu cần)
- Cấu trúc từng phần (Prompt Attributes)
- + Cấu trúc và tỷ trọng từng phần
- + Các câu hỏi trong đề kiểm tra (items)
 - ✓ Dạng thức câu hỏi
 - ✓ Lĩnh vực kiến thức
 - ✓ Cấp độ/thang năng lực đánh giá
 - ✓ Thời gian làm dự kiến của từng câu hỏi
 - ✓ Vị trí câu hỏi trong đề kiểm tra
- Các thông tin hỗ trợ khác

c. Thông tin cơ bản của ma trận đề kiểm tra:

- Mục tiêu đánh giá (objectives)
- Lĩnh vực, phạm vi kiến thức (Content)
- Thời lượng (cả đề kiểm tra, từng phần kiểm tra)
- Tổng số câu hỏi
- Phân bố câu hỏi theo lĩnh vực, phạm vi kiến thức, mức độ khó, mục tiêu đánh giá
- Các lưu ý khác...

d. Ví dụ minh họa mẫu ma trận đề kiểm tra

MẪU MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA
MÔN: – THỜI GIAN LÀM BÀI: phút

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức						Tổng			% tổng điểm			
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số CH				
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN		TL	Thời gian (phút)	
1	Nội dung 1	1.1.....													
2	Nội dung 2	2.1.....													
		2.2.....													
3														
Tổng															
Tỉ lệ (%)															
Tỉ lệ chung (%)															

3.2. Bản đặc tả đề kiểm tra

a. Khái niệm bản đặc tả

Bản đặc tả đề kiểm tra (trong tiếng Anh gọi là *test specification* hay *test blueprint*) là một bản mô tả chi tiết, có vai trò như một hướng dẫn để viết một đề kiểm tra hoàn chỉnh. Bản đặc tả đề kiểm tra cung cấp thông tin về cấu trúc đề kiểm tra, hình thức câu hỏi, số lượng câu hỏi ở mỗi loại, và phân bố câu hỏi trên mỗi mục tiêu đánh giá.

Bản đặc tả đề kiểm tra giúp nâng cao độ giá trị của hoạt động đánh giá, giúp xây dựng đề kiểm tra đánh giá đúng những mục tiêu dạy học dự định được đánh giá. Nó cũng giúp đảm bảo sự đồng nhất giữa các đề kiểm tra dùng để phục vụ cùng một mục đích đánh giá. Bên cạnh lợi ích đối với hoạt động kiểm tra đánh giá, bản đặc tả đề kiểm tra có tác dụng giúp cho hoạt động học tập trở nên rõ ràng, có mục đích, có tổ chức và có thể kiểm soát được. Người học có thể sử dụng để chủ động đánh giá việc học và tự chấm điểm sản phẩm học tập của mình. Còn người dạy có thể áp dụng để triển khai hướng dẫn các nhiệm vụ, kiểm tra và đánh giá. Bên cạnh đó, nó cũng giúp các nhà quản lý giáo dục kiểm soát chất lượng giáo dục của đơn vị mình.

b. Cấu trúc bản đặc tả đề kiểm tra

Một bản đặc tả đề kiểm tra cần chỉ rõ mục đích của bài kiểm tra, những mục tiêu dạy học mà bài kiểm tra sẽ đánh giá, ma trận phân bố câu hỏi theo nội dung dạy học và mục tiêu dạy học, cụ thể như sau:

(i) Mục đích của đề kiểm tra

Phần này cần trình bày rõ đề kiểm tra sẽ được sử dụng phục vụ mục đích gì. Các mục đích sử dụng của đề kiểm tra *có thể* bao gồm (1 hoặc nhiều hơn 1 mục đích):

- Cung cấp thông tin mô tả trình độ, năng lực của người học tại thời điểm đánh giá.
- Dự đoán sự phát triển, sự thành công của người học trong tương lai.
- Nhận biết sự khác biệt giữa các người học.
- Đánh giá việc thực hiện mục tiêu giáo dục, dạy học.
- Đánh giá kết quả học tập (hay việc làm chủ kiến thức, kỹ năng) của người học so với mục tiêu giáo dục, dạy học đã đề ra.
- Chẩn đoán điểm mạnh, điểm tồn tại của người học để có hoạt động giáo dục, dạy học phù hợp.
- Đánh giá trình độ, năng lực của người học tại thời điểm bắt đầu và kết thúc một khóa học để đo lường sự tiến bộ của người học hay hiệu quả của khóa học.

(ii) Hệ mục tiêu dạy học/ tiêu chí đánh giá

Phần này trình bày chi tiết mục tiêu dạy học: những kiến thức và năng lực mà người học cần chiếm lĩnh và sẽ được yêu cầu thể hiện thông qua bài kiểm tra. Những tiêu chí để xác định các cấp độ đạt được của người học đối với từng mục tiêu dạy học.

Có thể sử dụng các thang năng lực để xác định mục tiêu dạy học/ tiêu chí đánh giá, chẳng hạn thang năng lực nhận thức của Bloom...

(iii) Bảng đặc tả đề kiểm tra

Đây là một bảng có cấu trúc hai chiều, với một chiều là các chủ đề kiến thức và một chiều là các cấp độ năng lực mà người học sẽ được đánh giá thông qua đề kiểm tra. Với mỗi chủ đề kiến thức, tại một cấp độ năng lực, căn cứ mục tiêu dạy học, người dạy đưa ra một tỷ trọng cho phù hợp.

(iv). Cấu trúc đề kiểm tra

Phần này mô tả chi tiết các hình thức câu hỏi sẽ sử dụng trong đề kiểm tra; phân bố thời gian và điểm số cho từng câu hỏi.

c. Ví dụ minh họa mẫu bản đặc tả đề kiểm tra

MẪU BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA
MÔN: - THỜI GIAN LÀM BÀI:

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Nội dung 1	1.1	Nhận biết:				
			Thông hiểu:				
			Vận dụng:				
			Vận dụng cao:				
1.2						
2	Nội dung 2	2.1				
		2.2				
Tổng							

IV. Xây dựng câu hỏi trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn và tự luận

4.1. Vai trò của trắc nghiệm

Trắc nghiệm trong giảng dạy được xem như một công cụ để thực hiện các phép đo lường, đánh giá trình độ, năng lực cũng như kết quả học tập của người học. Mặc dù không phải là một phương pháp đánh giá trực tiếp, trắc nghiệm được sử dụng từ rất lâu đời và rộng rãi trong lịch sử giáo dục và dạy học, nhờ sự thuận tiện và tính kinh tế, cũng như việc dễ dàng can thiệp bằng các kỹ thuật phù hợp nhằm tăng cường tính chính xác và độ tin cậy của thông tin về người học mà trắc nghiệm mang lại.

Để hình thành nên một bài trắc nghiệm, chúng ta cần có các câu hỏi, từ đơn giản đến phức tạp, nhằm thu thập thông tin chi tiết về từng kiến thức, kỹ năng, hay từng khía cạnh năng lực cụ thể mà người học làm chủ. Người ta chia các loại hình câu hỏi trắc nghiệm thành hai nhóm: khách quan và chủ quan. Câu trắc nghiệm khách quan là những câu hỏi mà việc chấm điểm hoàn toàn không phụ thuộc chủ quan của người đánh giá cho điểm. Một số dạng thức điển hình của câu trắc nghiệm khách quan như câu trả lời Đúng/Sai, câu

nhiều lựa chọn, câu ghép đôi, câu điền khuyết. Ngược lại, chúng ta có một số loại hình câu hỏi mà kết quả đánh giá có thể bị ảnh hưởng bởi tính chủ quan của người chấm điểm. Điển hình cho nhóm này là các loại câu hỏi tự luận: câu hỏi mà người học phải tự mình viết ra phần trả lời, thay vì chọn câu trả lời từ các phương án cho sẵn.

Mặc dù có sự khác biệt như vậy về mức độ khách quan của đánh giá, nhưng không vì thế mà nhóm câu hỏi này được sử dụng rộng rãi và phổ biến hơn nhóm câu hỏi kia. Cả hai nhóm câu trắc nghiệm khách quan và tự luận đều có những điểm mạnh riêng, và chúng ta cần có đủ hiểu biết về mỗi loại hình câu hỏi để có thể khai thác sử dụng một cách phù hợp và hiệu quả nhất.

4.2. Phân loại các dạng thức câu hỏi kiểm tra đánh giá



4.3. So sánh trắc nghiệm khách quan với tự luận

Trắc nghiệm khách quan	Tự luận
Chấm bài nhanh, chính xác và khách quan.	Chấm bài mất nhiều thời gian, khó chính xác và khách quan
Có thể sử dụng các phương tiện hiện đại trong chấm bài và phân tích kết quả kiểm tra.	Không thể sử dụng các phương tiện hiện đại trong chấm bài và phân tích kết quả kiểm tra. Cách chấm bài duy nhất là giáo viên phải đọc bài làm của học sinh.
Có thể tiến hành kiểm tra đánh giá trên diện rộng trong một khoảng thời gian ngắn.	Mất nhiều thời gian để tiến hành kiểm tra trên diện rộng
Biên soạn khó, tốn nhiều thời gian, thậm chí sử dụng các phần mềm để trộn đề.	Biên soạn không khó khăn và tốn ít thời gian.
Bài kiểm tra có rất nhiều câu hỏi nên có thể	Bài kiểm tra chỉ có một số rất hạn chế

kiểm tra được một cách hệ thống và toàn diện kiến thức và kỹ năng của học sinh, tránh được tình trạng học tủ, dạy tủ.	câu hỏi ở một số phần, số chương nhất định nên chỉ có thể kiểm tra được một phần nhỏ kiến thức và kỹ năng của học sinh, dễ gây ra tình trạng học tủ, dạy tủ.
Tạo điều kiện để HS tự đánh giá kết quả học tập của mình một cách chính xác.	Học sinh khó có thể tự đánh giá chính xác bài kiểm tra của mình.
Không hoặc rất khó đánh giá được khả năng diễn đạt, sử dụng ngôn ngữ và quá trình tư duy của học sinh để đi đến câu trả lời.	Có thể đánh giá được khả năng diễn đạt, sử dụng ngôn ngữ và quá trình tư duy của học sinh để đi đến câu trả lời. Thể hiện ở bài làm của học sinh
Không góp phần rèn luyện cho HS khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến của mình. Học sinh khi làm bài chỉ có thể chọn câu trả lời đúng có sẵn.	Góp phần rèn luyện cho học sinh khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến của mình..
Sự phân phối điểm trải trên một phổ rất rộng nên có thể phân biệt được rõ ràng các trình độ của HS.	Sự phân phối điểm trải trên một phổ hẹp nên khó có thể phân biệt được rõ ràng trình độ của học sinh.
Chỉ giới hạn sự suy nghĩ của học sinh trong một phạm vi xác định, do đó hạn chế việc đánh giá khả năng sáng tạo của học sinh.	HS có điều kiện bộc lộ khả năng sáng tạo của mình một cách không hạn chế, do đó có điều kiện để đánh giá đầy đủ khả năng sáng tạo của học sinh.

4.4. Nguyên tắc sử dụng các dạng thức câu hỏi

- Dạng câu hỏi trắc nghiệm khách quan có ưu thế để đo lường đánh giá kiến thức (VD: kiến thức về một môn học) trong quá trình học hay khi kết thúc môn học đó ở các mức nhận thức thấp như nhận biết, hiểu, áp dụng...
- Dạng câu hỏi tự luận có ưu thế để đo lường đánh giá những nhận thức ở mức độ cao (các kỹ năng trình bày, diễn đạt... các khả năng phân tích, tổng hợp, đánh giá...).
- Cả hai đều có thể dùng để đo lường đánh giá những khả năng tư duy ở mức độ cao như giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo hay lý luận phân tích...
- Hình thức thi nào và dạng câu hỏi thi nào cũng có những ưu điểm và nhược điểm nhất định do đó sử dụng dạng câu hỏi thi nào phụ thuộc vào bản chất của môn thi và mục đích của kỳ thi.

4.5. Trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn

Trắc nghiệm khách quan là phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh bằng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan. Gọi là khách quan vì cách cho điểm (đánh giá) hoàn toàn không phụ thuộc vào người chấm.

Có 4 loại trắc nghiệm khách quan bao gồm:

- Trắc nghiệm Đúng, Sai (Yes/No Questions)
- Trắc nghiệm điền khuyết (Supply items) hoặc trả lời ngắn (Short Answer).

- Trắc nghiệm ghép đôi (Matching items)
- Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Multiple choice questions)

Trong khuôn khổ tài liệu tập huấn này, chỉ tập trung vào câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn.

4.5.1. Cấu trúc câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn

Câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn có thể dùng thăm định trí nhớ, mức hiểu biết, năng lực áp dụng, phân tích, tổng hợp, giải quyết vấn đề hay cả năng lực tư duy cao hơn.

Câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn gồm hai phần:

Phần 1: câu phát biểu căn bản, gọi là câu dẫn (PROMPT), hay câu hỏi (STEM).

Phần 2: các phương án (OPTIONS) để thí sinh lựa chọn, trong đó chỉ có 1 phương án đúng hoặc đúng nhất, các phương án còn lại là phương án nhiễu (DISTRACTERS). Thông thường câu hỏi MCQ có 4 phương án lựa chọn.

* **Câu dẫn:** có chức năng chính như sau:

- Đặt câu hỏi;
- Đưa ra yêu cầu cho HS thực hiện;
- Đặt ra tình huống/ hay vấn đề cho HS giải quyết.
- Yêu cầu cơ bản khi viết câu dẫn, phải làm HS biết rõ/hiểu:
- Câu hỏi cần phải trả lời
- Yêu cầu cần thực hiện
- Vấn đề cần giải quyết

* **Các phương án lựa chọn:** có 2 loại:

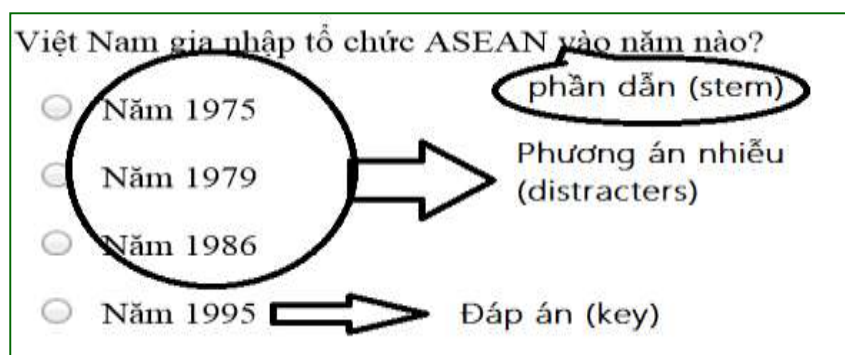
- Phương án đúng, Phương án tốt nhất: Thể hiện sự hiểu biết của học sinh và sự lựa chọn chính xác hoặc tốt nhất cho câu hỏi hay vấn đề mà câu hỏi yêu cầu.

- Phương án nhiễu - Chức năng chính: Là câu trả lời hợp lý (nhưng không chính xác) đối với câu hỏi hoặc vấn đề được nêu ra trong câu dẫn.

+ Chỉ hợp lý đối với những học sinh không có kiến thức hoặc không đọc tài liệu đầy đủ.

+ Không hợp lý đối với các học sinh có kiến thức, chịu khó học bài.

Ví dụ :



Trong câu hỏi trên:

- Đáp án là D
- Phương án A: Thống nhất đất nước
- Phương án B: Chiến tranh biên giới Việt – Trung.

- Phương án C: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam

4.5.2. Đặc tính của câu hỏi trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn

TT	Cấp độ	Mô tả
1	Nhận biết	Học sinh nhớ các khái niệm cơ bản, có thể nêu lên hoặc nhận ra chúng khi được yêu cầu
2	Thông hiểu	Học sinh hiểu các khái niệm cơ bản và có thể vận dụng chúng, khi chúng được thể hiện theo cách tương tự như cách giáo viên đã giảng hoặc như các ví dụ tiêu biểu về chúng trên lớp học.
3	Vận dụng	Học sinh có thể hiểu được khái niệm ở một cấp độ cao hơn “thông hiểu”, tạo ra được sự liên kết logic giữa các khái niệm cơ bản và có thể vận dụng chúng để tổ chức lại các thông tin đã được trình bày giống với bài giảng của giáo viên hoặc trong sách giáo khoa.
4	Vận dụng cao	Học sinh có thể sử dụng các kiến thức về môn học - chủ đề để giải quyết các vấn đề mới, không giống với những điều đã được học, hoặc trình bày trong sách giáo khoa, nhưng ở mức độ phù hợp nhiệm vụ, với kỹ năng và kiến thức được giảng dạy phù hợp với mức độ nhận thức này. Đây là những vấn đề, nhiệm vụ giống với các tình huống mà Học sinh sẽ gặp phải ngoài xã hội.

4.5.3. Ưu điểm và nhược điểm của câu hỏi trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn

- *Ưu điểm:*

- Có thể đo được khả năng tư duy khác nhau Có thể dùng loại này để kiểm tra, đánh giá những mục tiêu giảng dạy khác nhau.
- Nội dung đánh giá được nhiều, có thể bao quát được toàn bộ chương trình học
- Độ tin cậy cao hơn, yếu tố đoán mò may rủi giảm hơn so với câu hỏi có 2 lựa chọn ... (câu hỏi đúng sai)
- Độ giá trị cao hơn nhờ tính chất có thể dùng để đo những mức nhận thức và tư duy khác nhau và ở bậc cao.
- Việc chấm bài nhanh hơn, khách quan hơn.
- Khảo sát được số lượng lớn thí sinh

- *Hạn chế:*

- Khó và tốn thời gian soạn câu hỏi/các phương án nhiễu.
- Các câu hỏi dễ rơi vào tình trạng kiểm tra việc ghi nhớ kiến thức nếu viết hời hợt;
- Các câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn có thể khó đo được khả năng phán đoán tinh vi, khả năng giải quyết vấn đề một cách khéo léo và khả năng diễn giải một cách hiệu nghiệm bằng câu hỏi loại tự luận.

4.5.4. Những kiểu câu hỏi trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn:

- Câu lựa chọn câu trả lời đúng: trong các phương án đưa ra để thí sinh lựa chọn chỉ có duy nhất một phương án đúng

Câu lựa chọn câu trả lời đúng nhất: trong các phương án đưa ra có thể có nhiều hơn một phương án là đúng, tuy nhiên sẽ có một phương án là đúng nhất.

- Câu lựa chọn các phương án trả lời đúng: trong các phương án lựa chọn có một hoặc nhiều hơn một phương án đúng, và thí sinh được yêu cầu tìm ra tất cả các phương án đúng.

- Câu lựa chọn phương án để hoàn thành câu: với loại câu hỏi này, phần thân của câu hỏi là một câu không hoàn chỉnh; phần khuyết có thể nằm trong hoặc nằm cuối của câu dẫn và thí sinh được yêu cầu lựa chọn một phương án phù hợp để hoàn thành câu.

- Câu theo cấu trúc phủ định: câu hỏi kiểu này có phần thân câu hỏi chứa một từ mang ý nghĩa phủ định như không, ngoại trừ...

- Câu kết hợp các phương án: với kiểu câu này, phần thân thường đưa ra một số (nên là 3 – 6) mệnh đề, thường là các bước thực hiện trong một quy trình hoặc các sự kiện/ hiện tượng diễn ra trong một trình tự thời gian...., sau đó, mỗi phương án lựa chọn và một trật tự sắp xếp các mệnh đề đã cho.

4.5.5. Kỹ thuật viết câu hỏi trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn

*** Yêu cầu chung:**

Câu hỏi trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn phải đáp ứng được các yêu cầu chung như sau:

a. Mỗi câu hỏi phải đo một kết quả học tập quan trọng.

Cần xác định đúng mục tiêu của việc kiểm tra, đánh giá để từ đó xây dựng câu hỏi cho phù hợp.

Ví dụ: bài kiểm tra bằng lái xe chỉ với mục đích đánh giá “trượt” hay “đỗ”. Trong khi đó, bài kiểm tra trên lớp học nhằm giúp giáo viên đánh giá việc học tập, tiếp thu kiến thức của học sinh.

b. Tập trung vào một vấn đề duy nhất: Mỗi câu hỏi tự luận có thể kiểm tra được một vùng kiến thức khá rộng của một vấn đề. Tuy nhiên, đối với câu trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn, người viết cần tập trung vào một vấn đề cụ thể hơn (hoặc là duy nhất).

Ví dụ:

- Với câu tự luận “Trình bày lịch sử phát triển của bảng tuần hoàn?”

→ Câu hỏi yêu cầu học sinh phải trình bày được kiến thức tổng quan về bảng tuần hoàn.

- Với câu trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn: “ Ai là người có vai trò quan trọng nhất trong việc xây dựng bảng tuần hoàn?”

A. Mendeleev

B. Lavoisier

C. Newlands

D. Hinrichs

→ Câu hỏi này chỉ yêu cầu học sinh về vấn đề: “người có vai trò quan trọng nhất trong việc xây dựng bảng tuần hoàn”

c. Dùng từ vựng một cách nhất quán với nhóm đối tượng được kiểm tra: Cần xác định đúng đối tượng để có cách diễn đạt cho phù hợp.

d. Tránh việc một câu trắc nghiệm này gợi ý cho một câu trắc nghiệm khác, giữ các câu độc lập với nhau: Các sinh viên *giỏi làm bài trắc nghiệm* có thể tập hợp đủ thông tin từ một câu trắc nghiệm để trả lời cho một câu khác. Trong việc viết các bộ câu hỏi trắc

nghiệm từ các tác nhân chung, cần phải chú trọng thực hiện để tránh việc gợi ý này. Trường hợp này rất dễ gặp đối với nhóm các câu hỏi theo ngữ cảnh.

Ví dụ:

Câu 1. Dân số thế giới tập trung đông nhất ở châu lục nào?

A. *Châu Á. B. Châu Mỹ. C. Châu Phi. D. Châu Âu.

Câu 2. Châu Á có hai quốc gia đông dân nhất thế giới là

A. Trung Quốc, Pakistan.

B. *Ấn Độ, Trung Quốc.

C. Ấn Độ, Indonexia.

D. Pakistan, Indonexia.

f. Tránh các kiến thức quá riêng biệt hoặc câu hỏi dựa trên ý kiến cá nhân.

Ví dụ. Cầu thủ nào đã đoạt giải Quả bóng vàng Việt Nam?

A. Lê Huỳnh Đức

B. Trần Công Minh

C. *Phạm Thành Lương

D. Lê Công Vinh

Ngoài việc lời dẫn còn nhiều điều phải tranh cãi thì các tiêu chí để chọn câu trả lời cũng không rõ ràng. Các phương án đều có thể là đáp án đúng.

g. Tránh sử dụng các cụm từ đúng nguyên văn trong sách giáo khoa: Việc sử dụng các tài liệu trong sách giáo khoa quen thuộc cho ra các câu hỏi trắc nghiệm làm hạn chế việc học tập và kiểm tra trong phạm vi nhớ lại (có nghĩa là, học thuộc lòng các tài liệu của sách giáo khoa).

Ví dụ: Hoàn thành khái niệm sau: Sóng âm là những... truyền trong các môi trường khí, lỏng, rắn.”

A. sóng dừng

B. sóng tới

C. *sóng cơ

D. sóng ngang

Câu hỏi này chỉ cần học sinh học thuộc định nghĩa là có thể chọn được đáp án đúng.

h. Tránh việc sử dụng sự khôi hài:

- Các câu trắc nghiệm có chứa sự khôi hài có thể làm giảm số các yếu tố nhiễu có sức thuyết phục, do đó, làm cho câu trắc nghiệm dễ hơn một cách giả tạo.

- Sự khôi hài cũng có thể làm cho thí sinh xem bài trắc nghiệm là kém nghiêm túc.

i. Tránh viết câu không phù hợp với thực tế:

Ví dụ: Một vận động viên leo núi có độ cao 200m trong 2 phút. Vận tốc của vận động viên là bao nhiêu?

Trên thực tế, không thể có chuyện leo núi 200m trong 2 phút. Vì vậy, câu hỏi này không phù hợp với thực tiễn.

*** Kỹ thuật xây dựng phần dẫn:**

Phần dẫn là một bộ phận của câu trắc nghiệm, nó có thể được viết dưới hình thức câu hỏi hoặc đặt ra một nhiệm vụ người học phải hoàn thành, hoặc đưa ra một vấn đề người học phải giải quyết. Vì thế, phần dẫn phải được viết sao cho người học có thể hiểu được nhiệm vụ mà chúng cần hoàn thành, hoặc hiểu được câu hỏi mà chúng cần tìm câu trả lời đúng. Cần tránh viết phần dẫn quá ngắn gọn đến mức với phần dẫn đó, người làm bài không hiểu vấn đề mà câu trắc nghiệm đặt ra, và/hoặc không hiểu được yêu cầu làm gì.

Một số dạng câu dẫn thường gặp:

- Câu dẫn là câu hỏi trực tiếp: Cuối câu dẫn có dấu hỏi chấm?, mỗi phương án trả lời đều viết hoa ở đầu câu và có dấu chấm ở cuối câu.

- Câu dẫn là câu chưa hoàn chỉnh: không có dấu hai chấm cuối câu dẫn, không viết hoa đầu phương án trả lời trừ tên riêng, tên địa danh; cuối câu có dấu chấm.

Khi xây dựng phần dẫn, cần chú ý đến các kỹ thuật sau:

a. Đảm bảo các hướng dẫn trong phần dẫn là rõ ràng và việc sử dụng từ ngữ cho phép thí sinh biết chính xác họ được yêu cầu làm cái gì: Câu nên xác định rõ ràng ý nghĩa muốn biểu đạt, từ dùng trong câu phải rõ ràng, chính xác, không có sai sót và không được lẫn lộn.

Ví dụ: Đoạn hát (recitative) là

- A. * một hình thức biểu hiện âm nhạc.
- B. phần nói của một vở opera.
- C. giới thiệu một tác phẩm âm nhạc.
- D. đồng nghĩa với libretto.

Phần dẫn này không cung cấp định hướng hoặc ý tưởng về những gì tác giả tiêu mục muốn biết.

Nên sửa thành: *Trong opera, mục đích của đoạn hát là những gì?*

b. Đề nhấn mạnh vào kiến thức thu được nên trình bày câu dẫn theo định dạng câu hỏi thay vì định dạng hoàn chỉnh câu: Định dạng câu hỏi có hiệu quả hơn trong việc nhấn mạnh kiến thức đạt được thay vì đọc hiểu.

Ví dụ: Định dạng câu hỏi

Khu vực ven biển của vùng nào sau đây ở nước ta chịu ảnh hưởng nhiều nhất của bão?

- A. Đồng bằng sông Hồng.
- B. * Bắc Trung Bộ.
- C. Đông Nam Bộ.
- D. Đồng bằng sông Cửu Long.

- Định dạng hoàn chỉnh câu:

Dân cư nước ta hiện nay phân bố

- A. hợp lí giữa các vùng.
- B. chủ yếu ở thành thị.
- C. * tập trung ở khu vực đồng bằng.
- D. đồng đều giữa các vùng

c. Nếu phần dẫn có định dạng hoàn chỉnh câu, không nên tạo một chỗ trống ở giữa hay ở bắt đầu của phần câu dẫn: Các định dạng này gây khó khăn cho thí sinh khi đọc.

Ví dụ: Nhiệm vụ thành lập chính phủ _____ là một trong những nhiệm vụ trong cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng Sản Việt Nam (năm 1930).

- A. nhân dân.
- B. công nông.
- C. * công nông binh.
- D. dân chủ cộng hòa.

Có thể sửa thành: Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng Sản Việt Nam (năm 1930) đề ra nhiệm vụ là thành lập chính phủ

- A. nhân dân
- B. công nông
- C. * công nông binh.
- D. dân chủ cộng hòa.

d. Tránh sự dài dòng trong phần dẫn.

Một số tiêu mục chứa các từ, cụm từ, hoặc câu hoàn toàn không có gì liên quan với trọng tâm của tiêu mục. Một lý do cho việc này là để làm cho các tiêu mục nhìn thực tế hơn. Dạng thức như vậy sẽ thích hợp trong trường hợp người làm bài trắc nghiệm phải lựa chọn, nhận biết sự kiện chính trong chuỗi thông tin nhằm giải quyết vấn đề.

Ví dụ: Nhiệt độ cao và mưa nhiều đặc trưng của miền khí hậu ẩm ướt. Những người sống trong loại khí hậu này thường phàn nàn về việc ra nhiều mồ hôi. Ngay cả khi có ngày ẩm áp đường như họ cũng không thoải mái. Khí hậu được mô tả là gì?

- A. sa mạc
- B. * nhiệt đới
- C. ôn đới
- D. cận xích đạo

Nên sửa thành:

Thuật ngữ nào dưới đây mô tả miền khí hậu với nhiệt độ cao và mưa nhiều?

- A. sa mạc
- B. * nhiệt đới
- C. ôn đới
- D. cận xích đạo

e. Trình bày phân dẫn ở thể khẳng định:

Khi dạng phủ định được sử dụng, từ phủ định cần phải được nhấn mạnh hoặc nhấn mạnh bằng cách đặt **in đậm**, hoặc gạch chân.

Ví dụ: Âm **KHÔNG** thể truyền trong môi trường nào dưới đây?

- A. * Chân không
- B. Tường bê tông
- C. Nước biển
- D. Tầng khí quyển bao quanh trái đất

*** Kỹ thuật xây dựng các phương án lựa chọn**

Các phương án lựa chọn nên được trình bày theo một trật tự có logic. Chẳng hạn, nếu các phương án là các con số thì chúng nên được sắp xếp theo trật tự tăng dần hoặc giảm dần; nếu là tên riêng thì nên được sắp xếp theo trật tự xuất hiện trên bảng chữ cái; hoặc nếu là các bước để thực hiện trong một quy trình thì sắp xếp theo trật tự các bước xuất hiện trong quy trình. Nếu các phương án không thuộc một trật tự logic nào cả thì nên được sắp xếp theo trật tự xuất hiện trên bảng chữ cái. Chúng ta cần thực hiện điều này để thí sinh không phát hiện thấy một kiểu sắp xếp nào đó mà có thể được cho là gợi ý cho câu trả lời. Bên cạnh đó, việc làm này cũng sẽ giúp thí sinh tiết kiệm thời gian đọc câu hỏi.

Đáp án của câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn có thể là phương án lựa chọn **đúng** hoặc phương án lựa chọn **đúng nhất** tuy nhiên trong đề kiểm tra hiện nay, khuyến khích các giáo viên đưa ra các câu trắc nghiệm chỉ có duy nhất một **phương án đúng**. Các phương án còn lại được gọi là **phương án nhiễu**. Các phương án nhiễu thực chất là các phương án sai nhưng được viết theo kiểu “có vẻ đúng”, chúng chỉ “có vẻ đúng” với những thí sinh không nắm được vấn đề mà câu trắc nghiệm kiểm tra. Chính vì vậy, chúng ta phải viết các phương án nhiễu như thế nào để nó chỉ “có vẻ đúng” với những người học chưa có hiểu biết thấu đáo về vấn đề được kiểm tra; với những người học đạt cấp độ năng lực mà mục tiêu dạy học đã đặt ra thì chúng phải được dễ dàng nhận ra là phương án sai. Mỗi câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn nên có từ 3 – 5 phương án lựa chọn.

Ngày nay, để tăng tính thực tiễn của câu trắc nghiệm, người ta thường gán một hoặc một vài câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn với một phần thông tin nền, để thống nhất, chúng

ta sẽ gọi chung là phần **tình huống**. Gọi là tình huống nhưng phần thông tin nền này có thể là một bảng số liệu, một biểu đồ, một sơ đồ, một bức tranh, hoặc một đoạn viết mô tả tình huống...

Ví dụ:

Tình huống: Số trẻ sơ sinh tử vong, tính trên 100000 trẻ sơ sinh nữ ở Hoa Kỳ được tính gần đúng theo công thức $f(t) = 0,011t^2 - t + 29,8$ trong đó t là thời gian tính theo năm và $t = 0$ ứng với năm 1960.

Câu hỏi: Số trẻ sơ sinh nữ tử vong trong năm 2000 là:

- *A. 7,4 B. 42029,8 C. -0,12 D. 43

Khi xây dựng đáp án và các phương án trả lời (phương án nhiễu), cần chú ý đến các kỹ thuật sau:

a. Phải chắc chắn có một và chỉ một phương án đúng.

Ví dụ: Văn Miếu được xây dựng từ đời Vua nào?

- A. Lý Nhân Tông Phương án nhiễu
B. Lý Thánh Tông Phương án **đúng**
C. Lý Anh Tông Phương án nhiễu
D. Trần Nhân Tông Phương án nhiễu

b. Nên sắp xếp các phương án theo thứ tự: Câu trả lời nên được sắp xếp tăng dần hoặc giảm dần theo bảng chữ cái, độ lớn...

Ví dụ: Cho dãy các chất: Ag, Fe₃O₄, Na₂CO₃ và Fe(OH)₃. Số chất trong dãy tác dụng được với dung dịch H₂SO₄ loãng là

- A. 1
B. 2
C. *3
D. 4

c. Cần nhắc việc sử dụng các những phương án có hình thức hay ý nghĩa trái ngược nhau hoặc phủ định nhau: Khi chỉ có hai câu trả lời có ý nghĩa trái ngược nhau trong các phương án lựa chọn thì học sinh có xu hướng dự đoán 1 trong 2 phương án đó là phương án đúng và tập trung vào 2 phương án đó. Để khắc phục, nên xây dựng các cặp phương án có ý nghĩa trái ngược nhau đôi một.

Ví dụ: Về mặt di truyền học, phương pháp lai cải tiến giống ban đầu có tác dụng

- A. *làm tăng thể dị hợp, sau đó làm tăng dần tỉ lệ thể đồng hợp
B. trước và sau đều làm tăng thể dị hợp
C. trước và sau đều làm giảm thể đồng hợp
D. làm tăng thể đồng hợp, sau đó làm tăng thể dị hợp

d. Các phương án lựa chọn phải đồng nhất theo nội dung, ý nghĩa: Ba lựa chọn là giống nhau và một lựa chọn khác với những lựa chọn kia. Học sinh có khuynh hướng sẽ lựa chọn câu không giống như những lựa chọn khác. Tất nhiên, nếu như một trong các lựa chọn đồng nhất là đúng, câu trắc nghiệm đó có thể là một câu mẹo, có tính đánh lừa.

Ví dụ: Cái gì làm cho salsa nóng nhất?

- A. Thêm ớt đỏ vào
- B. Thêm ớt xanh vào
- C. Thêm hành và ớt xanh vào
- D. * Thêm ớt jalapeno vào

e. Các phương án lựa chọn nên có độ dài tương đương nhau và đồng nhất về mặt hình thức (độ dài, từ ngữ...)

Không nên để các câu trả lời đúng có những khuynh hướng ngắn hơn hoặc dài hơn các phương án khác.

Tính đồng nhất có thể dựa trên căn bản ý nghĩa, âm thanh, độ dài, loại từ.

Thông thường học sinh có xu hướng lựa chọn phương án dài nhất làm phương án đúng do các em thấy có nhiều thông tin hơn.

Ví dụ: Phân tích hoạt động của cơ quan giai đoạn này nhằm giúp lãnh đạo

- A. điều chỉnh năng suất lao động
 - B. xác định chế độ khen thưởng
 - C. thay đổi cơ chế quản lý
 - D. nắm vững thực trạng, xác định mục tiêu cho hướng phát triển cơ quan trong tương lai
- Phương án D quá dài, có thể sửa lại là “xác định hướng phát triển cơ quan”.

f. Không sử dụng các từ ngữ như “tất cả các những phương án trên” và “không có phương án nào”

- Sử dụng lựa chọn này có thể giúp những người chuyên làm trắc nghiệm, có kỹ năng làm bài trắc nghiệm tốt, có nghĩa là, nếu như thí sinh có thông tin một phần (biết rằng 2 hoặc 3 lựa chọn cho là đúng/sai), thông tin đó có thể gợi ý sinh viên việc chọn lựa đúng tất cả các phương án trên.

Lý do rõ ràng nhất cho việc không sử dụng dạng “không có phương án nào” là câu trả lời đúng rõ ràng là tồn tại và phải sử dụng trong câu hỏi trắc nghiệm.

Ví dụ: Biểu hiện của địa hình mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa là

- A. có nhiều hang động đá vôi nổi tiếng.
- B. nhiều sông suối cắt xẻ bề mặt miền núi và đồng bằng.
- C. khe rãnh khoét sâu xuống mặt đất ở vùng đồi núi trọc.
- D. Tất cả các ý kể trên.

Ví dụ: Chọn khẳng định sai trong các khẳng định sau:

- A. $1 + 1 = 3$
- B. $3 - 2 = 0$
- C. a và b đều sai
- D. Tất cả đều sai

g. Tránh các thuật ngữ mơ hồ, không có xác định cụ thể về mức độ như “thông thường”, “phần lớn”, “hầu hết”,... hoặc các từ hạn định cụ thể như “luôn luôn”, “không bao giờ”, “tuyệt đối”...

Các từ hạn định cụ thể thường ở mức độ quá mức và do đó chúng ít khi làm nên câu trả lời đúng.

Ví dụ: Đây là nguyên nhân chủ yếu gây nên tính kém tin cậy của một bài trắc nghiệm trong lớp học?

- A. Hoàn toàn thiếu các hướng dẫn có hiệu quả.
- B. Toàn bộ các câu hỏi thiếu hiệu quả.
- C. * Có quá ít các câu trắc nghiệm.

D. Dạng thức tất cả các câu hỏi còn mới lạ với học sinh

Các từ hạn định cụ thể đôi khi có thể là câu trả lời đúng, và, trong các trường hợp này, việc sử dụng chúng là hợp lý nếu như các phương án nhiễu cũng chứa các từ hạn định cụ thể khác.

h. Viết các lựa chọn ở thể khẳng định.

- Giống như phần dẫn, các lựa chọn phải được viết ở thể khẳng định, có nghĩa là, cần tránh các phủ định dạng KHÔNG và TRỪ.

- Thỉnh thoảng, các từ này không thể tránh được trong nội dung của một câu trắc nghiệm. Trong các trường hợp này, các từ này cần phải được đánh dấu như làm đậm, viết in, hay gạch dưới.

Ví dụ: Khi chất lỏng đang sôi, nếu tiếp tục đun thì nhiệt độ chất lỏng sẽ:

- A. Tiếp tục tăng
- B. *Không thay đổi
- C. Giảm
- D. Không tăng cũng không giảm

i. Tránh lặp lại một từ ngữ/thuật ngữ nhiều lần trong câu hỏi

Câu gốc:	Câu sửa:
Tắc động mạch vành bên phải gần nguồn gốc của nó bởi một huyết khối sẽ rất có thể là kết quả của: A. nhồi máu của vùng bờ bên của tâm thất phải và tâm nhĩ phải. B. nhồi máu của tâm thất trái bên. C. nhồi máu của tâm thất trái trước. D. nhồi máu vách ngăn phía trước.	Tắc động mạch vành bên phải gần nguồn gốc của nó bởi một huyết khối có thể do hiện tượng nhồi máu khu vực nào sau đây? A. Bờ bên của hai tâm thất B. Bên trái tâm thất. C. Trước tâm thất trái. D. vách ngăn phía trước.

k. Câu trả lời đúng phải được đặt ở các vị trí khác nhau với số lần tương đương nhau. Nên chia gần đều số lần xuất hiện cho 4 phương án A, B, C, D. Không nên để cho phương án đúng xuất hiện ở cùng 1 vị trí liên tục ở nhiều câu cạnh nhau.

* Một số điểm cần lưu ý đối với các phương án nhiễu

a. Phương án nhiễu không nên “sai” một cách quá lộ liễu mà cần có sự liên hệ logic nhất định tới chủ đề và được diễn đạt sao cho có vẻ đúng (có vẻ hợp lý). Lý tưởng nhất, các phương án nhiễu nên được xây dựng dựa trên lỗi sai của người học, chẳng hạn các con số biểu thị kết quả của những cách tư duy sai (không phải là những con số được lấy ngẫu nhiên).

Ví dụ: Hà Tiên thuộc tỉnh:

- A. An Giang
- B. Hậu Giang
- C. * Kiên Giang
- D. Hà Giang

Thí sinh sẽ dễ dàng loại được tỉnh Hà Giang.

b. Tránh dùng các cụm từ kỹ thuật có khuynh hướng hấp dẫn học sinh thiếu kiến thức và đang tìm câu trả lời có tính thuyết phục để đoán mò.

Ví dụ: Khi thiết kế bài trắc nghiệm, việc nào dưới đây phải được làm trước?

- A. Xác định kích cỡ của dữ liệu và xác định đối tượng chọn mẫu
- B. Đảm bảo rằng phạm vi và các đặc điểm kỹ thuật của bài trắc nghiệm là được dựa vào lý thuyết.

C.* Định rõ việc sử dụng cách chấm điểm bài hoặc việc giải thích.

D. Lựa chọn mô hình phản hồi c theo số lượng các tham số mong muốn.

Mỗi phương án nhiều có thể được viết bằng một ngôn ngữ đơn giản, nhưng chúng có thể có vẻ như sai rõ ràng hơn.

c. Tránh sử dụng các cụm từ chưa đúng (sai ngữ pháp, kiến thức...): Hãy viết các phương án nhiều là các phát biểu đúng, nhưng không trả lời cho câu hỏi.

Ví dụ: Điều nào dưới đây là đúng khi nói về mối quan hệ giữa chất lượng và độ tin cậy của câu trắc nghiệm?

A. Không thể có được tính giá trị mà thiếu độ tin cậy.

B.* Các câu trắc nghiệm kém có khuynh hướng làm tăng lỗi đo lường.

C. Việc thể hiện câu trắc nghiệm có thể được thể hiện trong việc dạy kém.

D. Một phạm vi hạn chế của các điểm trắc nghiệm có thể làm giảm độ tin cậy ước lượng.

d. Lưu ý đến các điểm liên hệ về văn phạm của phương án nhiều có thể giúp học sinh nhận biết câu trả lời

Ví dụ: Nhà nông luân canh để

A. giãn việc theo thời vụ

B. dễ dàng nghỉ ngơi

C. bảo trì đất đai

D. cân bằng chế độ dinh dưỡng

Phương án "B" có thể bị loại bỏ ngay vì không cùng dạng ngữ pháp.

4.5.6. Một số lưu ý khi xây dựng câu hỏi trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn

- Câu hỏi phải được viết theo đúng yêu cầu của các thông số kỹ thuật trong ma trận, bản đặc tả chi tiết đề kiểm tra đã được phê duyệt, chú ý đến các qui tắc nên theo trong quá trình viết câu hỏi;

- Câu hỏi không được sai sót về nội dung chuyên môn;

- Câu hỏi có nội dung phù hợp thuần phong mỹ tục Việt Nam; không vi phạm về đường lối chủ trương, quan điểm chính trị của Đảng CSVN, của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

- Câu hỏi chưa được sử dụng cho mục đích thi hoặc kiểm tra đánh giá trong bất cứ trường hợp nào trước đó;

- Câu hỏi phải là mới; không sao chép nguyên dạng từ sách giáo khoa hoặc các nguồn tài liệu tham khảo; không sao chép từ các nguồn đã công bố bản in hoặc bản điện tử dưới mọi hình thức;

- Câu hỏi cần khai thác tối đa việc vận dụng các kiến thức để giải quyết các tình huống thực tế trong cuộc sống;

- Câu hỏi không được vi phạm bản quyền và sở hữu trí tuệ;

- Các ký hiệu, thuật ngữ sử dụng trong câu hỏi phải thống nhất theo quy định hiện hành;

- Các câu hỏi được định kì cập nhật.

4.5.7. Một số nguyên tắc khi biên soạn câu trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn

- Phần dẫn cần bao gồm một câu hoặc một số câu truyền đạt một ý hoàn chỉnh, để người học đọc hết phần dẫn đã có thể nắm được sơ bộ câu hỏi đang kiểm tra vấn đề gì; đồng thời các phương án lựa chọn cần ngắn gọn. Nguyên tắc này cũng giúp chúng ta tiết kiệm diện tích giấy để trình bày câu hỏi trên đề thi, đồng thời tiết kiệm thời gian đọc câu hỏi của thí sinh.

- Mỗi câu hỏi nên thiết kế có 4 đến 5 phương án lựa chọn. Các câu hỏi trong cùng một đề thi nên thống nhất về số lượng phương án lựa chọn để thuận tiện trong chấm điểm. Trường hợp trong cùng một đề kiểm tra có nhiều câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn và số lượng các phương án không thống nhất thì cần sắp xếp thành các nhóm các câu có cùng số lượng phương án.

- Câu hỏi cũng như các phương án lựa chọn cần không có dấu hiệu kích thích thí sinh đoán mò đáp án. Hai tác giả Millman và Pauk (1969) đã chỉ ra 10 đặc trưng lớn mà câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn có thể cung cấp dấu hiệu để người dự thi đoán mò đáp án, đó là:

- ✓ Phương án đúng được diễn đạt dài hơn những phương án còn lại;
- ✓ Phương án đúng được mô tả chi tiết và đầy đủ, khiến cho người ta dễ dàng nhận ra nhờ tính chính xác của phương án;
- ✓ Nếu một phương án lựa chọn chứa từ khóa được nhắc lại từ phần dẫn thì nhiều khả năng đó là phương án đúng;
- ✓ Phương án đúng có tính phổ biến và quen thuộc hơn những phương án còn lại;
- ✓ Người ta sẽ ít khi đặt phương án đầu tiên và phương án cuối cùng là đáp án; Nếu các phương án được sắp xếp theo một trật tự logic (ví dụ: nếu là các con số thì sắp xếp từ bé đến lớn), người ta sẽ có xu hướng sắp xếp đáp án là các phương án ở giữa;
- ✓ Nếu các phương án đều mang ý nghĩa cụ thể, chỉ có một phương án mang ý nghĩa khái quát thì nhiều khả năng phương án khái quát nhất sẽ là đáp án;
- ✓ Nếu có hai phương án mang ý nghĩa tương tự nhau hoặc đối lập nhau thì một trong hai phương án này sẽ là đáp án;
- ✓ Nếu câu hỏi có phương án cuối cùng kiểu “tất cả các phương án trên đều đúng/sai” thì có thể đáp án sẽ rơi vào phương án này;
- ✓ Việc sử dụng ngôn từ ngây ngô, dễ dãi, không phù hợp văn cảnh có thể là dấu hiệu của phương án nhiễu;
- ✓ Nếu chỉ có một phương án khi ghép với phần dẫn tạo nên một chỉnh thể ngữ pháp thì đây chính là đáp án.

- Phương án nhiễu không nên “sai” một cách quá lộ liễu mà cần có sự liên hệ logic nhất định tới chủ đề và được diễn đạt sao cho có vẻ đúng (có vẻ hợp lý). Lý tưởng nhất, các phương án nhiễu nên được xây dựng dựa trên lỗi sai của người học, chẳng hạn các con số biểu thị kết quả của những cách tư duy sai (không phải là những con số được lấy ngẫu nhiên).

- Cần rất thận trọng khi sử dụng câu có phương án lựa chọn kiểu “tất cả các phương án trên đều đúng/sai”. Trong câu trắc nghiệm lựa chọn phương án đúng nhất, việc sử dụng lựa chọn “tất cả các phương án trên đều sai” cần tuyệt đối tránh. Trong một đề kiểm tra cũng không nên xuất hiện quá nhiều câu hỏi có lựa chọn kiểu này.

- Hạn chế sử dụng câu phủ định, đặc biệt là câu có 2 lần phủ định. Việc sử dụng câu dạng này chỉ là rối tư duy của thí sinh khi suy nghĩ tìm đáp án. Sử dụng câu dạng này làm tăng độ khó câu hỏi, mà độ khó ấy lại không nằm ở tri thức/ năng lực cần kiểm tra mà nằm ở việc đọc hiểu câu hỏi của thí sinh. Nếu nhất thiết phải dùng câu dạng này thì cần làm nổi bật từ phủ định (bằng cách in hoa và/hoặc in đậm).

- Các phương án lựa chọn cần hoàn toàn độc lập với nhau, tránh trùng lặp một phần hoặc hoàn toàn.

- Nếu có thể, hãy sắp xếp các phương án lựa chọn theo một trật tự logic nhất định. Việc làm này sẽ giảm thiểu các dấu hiệu kích thích thí sinh đoán mò đáp án.

- Trong cùng một đề kiểm tra, số câu hỏi có vị trí đáp án là phương án thứ nhất, thứ hai, thứ ba, ... nên gần bằng nhau. Tránh một đề thi có quá nhiều câu hỏi có đáp án đều là phương án thứ nhất hoặc thứ hai ...

- Các phương án lựa chọn nên đồng nhất với nhau, có thể về ý nghĩa, âm thanh từ vựng, độ dài, thứ nguyên, loại từ (danh từ, động từ, tính từ...).

- Trong một số trường hợp cụ thể, cần chú ý tính thời sự hoặc thời điểm của dữ liệu đưa ra trong câu hỏi, nhằm đảm bảo tính chính xác của dữ liệu, và không gây tranh cãi về đáp án.

- Phải chắc chắn có một phương án là đúng.

4.6. Trắc nghiệm tự luận

4.6.1. Khái niệm

Theo John M. Stalnaker (1951), câu trắc nghiệm tự luận "là một câu hỏi yêu cầu thí sinh phải tự viết ra phần bài làm của mình với độ dài thông thường là một câu hoặc nhiều hơn một câu. Về bản chất, người viết câu hỏi không thể liệt kê sẵn các kiểu trả lời được cho là đúng, và vì thế sự chính xác và chất lượng câu trả lời chỉ có thể được đánh giá một cách chủ quan bởi một người dạy dạy môn học"¹.

Theo cách định nghĩa trên, câu trắc nghiệm tự luận có 4 điểm đặc trưng, khác với câu trắc nghiệm khách quan, như sau:

- Yêu cầu thí sinh phải viết câu trả lời, thay vì lựa chọn;
- Phần trả lời của thí sinh phải bao gồm từ 2 câu trở lên;
- Cho phép mỗi thí sinh có kiểu trả lời khác nhau;
- Cần có người chấm điểm đủ năng lực để đánh giá sự chính xác và chất lượng của câu hỏi; đánh giá này mang sự chủ quan của người chấm điểm.

Mặc dù gọi là câu trắc nghiệm *tự luận* nhưng chúng ta có thể sử dụng loại câu này ở tất cả các môn học, từ nhóm các môn học xã hội đến các môn khoa học tự nhiên, kể cả toán học (chẳng hạn, kiểm tra cách tư duy và lập luận của thí sinh thông qua việc trình bày các bước để giải một bài toán).

4.6.2. Ưu điểm và hạn chế của câu trắc nghiệm tự luận:

a. Ưu điểm

- Đánh giá được những năng lực nhận thức và tư duy bậc cao, như năng lực thảo luận về một vấn đề, năng lực trình bày quan điểm, năng lực miêu tả và trình bày theo quy trình hoặc hệ thống, năng lực nhận diện nguyên nhân và trình bày giải pháp...

- Phù hợp để đánh giá quá trình tư duy và lập luận của thí sinh.

¹ Stalnaker, J. M. (1951). *The Essay Type of Examination*. In E. F. Lindquist (Ed.), *Educational Measurement* (pp. 495-530). Menasha, Wisconsin: George Banta.

- Mang lại trải nghiệm thực tế cho thí sinh: Câu hỏi tự luận thường mang lại bối cảnh để thí sinh thể hiện năng lực gắn với đời sống hơn là câu trắc nghiệm. Những kỹ năng phù hợp với đánh giá qua trắc nghiệm tự luận như kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng lập luận bảo vệ quan điểm... đều là những kỹ năng mang ý nghĩa sống còn với cuộc sống.

- Có thể đánh giá được thái độ của người học thông qua việc trả lời câu trắc nghiệm tự luận, điều này rất khó thực hiện khi sử dụng câu trắc nghiệm khách quan.

b. Hạn chế:

- Chỉ đánh giá được một phạm vi nội dung nhất định, khó đảm bảo tính đại diện cho nội dung cần đánh giá: bởi vì câu trắc nghiệm tự luận cần có thời gian để thí sinh trả lời câu hỏi, nên một đề kiểm tra không thể bao gồm quá nhiều câu tự luận, từ đó dẫn đến không thể bao phủ toàn bộ những nội dung cần đánh giá, và khó đảm bảo độ giá trị của câu hỏi.

- Với loại câu hỏi này, thông thường viết câu hỏi thì nhanh nhưng việc chấm điểm thì tốn thời gian và đòi hỏi người chấm điểm phải thành thạo chuyên môn. Việc chấm điểm cũng khó tránh khỏi chủ quan của người chấm, ảnh hưởng đến độ tin cậy của kết quả đánh giá. Trình độ, năng lực, hiểu biết về thí sinh, thậm chí cả trạng thái tâm lý của người chấm điểm đều có thể ảnh hưởng đến điểm số.

- Nhìn chung, câu trắc nghiệm tự luận sử dụng phù hợp nhất để: (i) đánh giá mức độ nắm vững một nội dung kiến thức thuộc môn học; (ii) đánh giá khả năng lập luận của người học, sử dụng kiến thức môn học.

4.6.3. Các dạng câu trắc nghiệm tự luận

Có thể phân loại câu trắc nghiệm tự luận thành hai nhóm: *Câu tự luận có cấu trúc* và *Câu tự luận mở*. Dưới đây là hai ví dụ:

Câu tự luận có cấu trúc:

Viết một bài luận ngắn khoảng 2 trang, so sánh hai khái niệm “vị tha” và “ích kỷ”. Bài luận cần liên hệ với (a) một bối cảnh hoặc tình huống cụ thể mà một người có tính “vị tha” hay “ích kỷ” gặp phải; và (b) những người mà họ gặp.

Bài luận của bạn sẽ được chấm điểm dựa trên mức độ rõ ràng của việc giải thích điểm giống và khác nhau giữa hai khái niệm trên, và cách liên hệ với (a) bối cảnh, tình huống, và (b) những người cụ thể.

Ở câu tự luận này, thí sinh được yêu cầu viết bài luận có độ dài giới hạn 2 trang, và nội dung giới hạn ở việc *so sánh*. Các yêu cầu cụ thể hơn về nội dung cũng được đưa ra, thể hiện của việc *liên hệ* với trải nghiệm thực tế của người học. Ngoài ra, đầu bài cũng nêu những tiêu chí chấm điểm quan trọng: *mức độ rõ ràng, giải thích điểm giống và khác nhau, cách liên hệ...*

Với câu tự luận dưới đây, thí sinh hoàn toàn tự do trong việc thể hiện quan điểm, tự do trong việc lựa chọn thông tin để đưa vào phần trả lời, tự do sắp xếp các ý, và tự do lựa chọn từ ngữ và cách diễn đạt để trình bày câu trả lời.

Loại câu hỏi tự luận mở rất phù hợp để khuyến khích người học phát triển năng lực sáng tạo.

Câu tự luận mở:

Có người nói công thức của tình bạn: “Một muỗng của sự chia sẻ, hai muỗng của sự quan tâm, một muỗng cho sự tha thứ, trộn tất cả những thứ này lại với nhau... sẽ tạo nên người bạn mãi mãi”. Hãy bình luận về câu nói này. Hãy đưa ra một công thức của riêng mình và dùng kinh nghiệm, sự trải nghiệm của mình để thuyết phục mọi người.

Thời gian làm bài: 40 phút

Câu tự luận có cấu trúc phù hợp để đánh giá các bậc nhận thức như Nhớ, Hiểu, Vận dụng, Phân tích, và khả năng tổ chức, sắp xếp thông tin...

Câu tự luận mở phù hợp để đánh giá các bậc nhận thức Hiểu, Vận dụng, Phân tích, Đánh giá; các vấn đề mang tính tích hợp, toàn cầu; cách thức tổ chức, sắp xếp thông tin; khả năng thuyết phục...

4.6.4. Một số lưu ý khi viết câu trắc nghiệm tự luận:

a) Chỉ nên sử dụng câu tự luận để đánh giá những mục tiêu dạy học mà nếu đánh giá bằng câu trắc nghiệm khách quan thì sẽ có nhiều hạn chế (ví dụ: những năng lực nhận thức bậc cao như phân tích, đánh giá, sáng tạo). Đặc biệt với câu tự luận mở chỉ nên khai thác để đánh giá năng lực đánh giá, sáng tạo.

b) Đặt câu hỏi phải đảm bảo nhắm đến yêu cầu thí sinh thể hiện năng lực như mục tiêu dạy học đã đặt ra. Nếu sử dụng câu tự luận có cấu trúc, phải đảm bảo sử dụng động từ phù hợp với động từ đã sử dụng ở mục tiêu dạy học. Nếu là câu tự luận mở, phải đảm bảo các tiêu chí đánh giá đánh giá được mục tiêu dạy học.

c) Yêu cầu của câu hỏi cần được làm rõ tới người học thông qua văn phong rõ ràng và ngắn gọn. Sử dụng những từ chỉ hành động cụ thể như miêu tả, giải thích, so sánh, nêu ưu điểm và nhược điểm... Tránh dùng những động từ mơ hồ, trừu tượng như “vận dụng”, vì người học có thể không biết cần làm gì khi được yêu cầu “vận dụng”. Với một số mục tiêu đánh giá kỳ vọng về số lượng lập luận hay vấn đề mà người học cần trình bày, câu hỏi cũng cần nêu rõ số lượng này. Với câu tự luận có cấu trúc, người dạy nên cùng người học xây dựng bài mẫu, hoặc các tiêu chí đánh giá để người học hiểu rõ câu hỏi hơn và việc chấm điểm cũng sẽ khách quan hơn.

d) Với câu trắc nghiệm tự luận, không nên cho phép thí sinh lựa chọn câu hỏi giữa các câu hỏi tương đương nhau. Việc sử dụng câu tự luận đã làm giảm tính đại diện của nội dung đánh giá, việc cho phép thí sinh lựa chọn câu hỏi một lần nữa làm giảm tính đại diện này. Hơn nữa, mỗi thí sinh có thể có hứng thú với câu hỏi này hơn là câu hỏi khác, việc cho thí sinh lựa chọn câu hỏi sẽ làm cho việc đánh giá trở nên thiếu công bằng.

e) Cần nhắc để giao đủ thời gian làm bài cho mỗi câu hỏi. Trên đề kiểm tra nên ghi rõ khuyến nghị thời gian làm bài và độ dài phần trả lời câu hỏi (nếu có thể). Cần tính toán để thí sinh có đủ thời gian đọc đề bài, suy nghĩ và viết câu trả lời. Không nên có quá nhiều câu hỏi tự luận trong một đề kiểm tra.

f) Công việc chấm điểm bài tự luận có thể bị ảnh hưởng bởi một số yếu tố gây thiên kiến như: chính tả, cách hành văn, chữ VIẾT, cách lấy ví dụ, hiểu biết của người chấm điểm về thí sinh... Để giảm thiểu sự ảnh hưởng này, việc chấm điểm cần tập trung vào mục tiêu dạy học mà chúng ta cần đánh giá, sử dụng các tiêu chí đánh giá đã thống nhất từ

trước. Với câu tự luận trả lời có cấu trúc, có thể xây dựng tiêu chí đánh giá và thang điểm trên một bài trả lời mẫu. Đồng thời, nên đọc phách bài kiểm tra trước khi chấm điểm. Tiến hành chấm điểm toàn bộ bài làm của một câu hỏi (ở tất cả các bài kiểm tra) trước khi chuyển sang câu tiếp theo. Với những bài kiểm tra mang ý nghĩa quan trọng đối với thí sinh, nên có 2-3 người chấm điểm cùng đánh giá một bài kiểm tra.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Allen M.J và Yen W.M. (1979), Introduction to Measurement Theory, Waveland Press
- [2]. Gronlund (1971), Measurement and Evaluation in Teaching, Macmillan; 3rd edition
- [3]. John R. Hills (1981), Measurement and Evaluation in the Classroom, The Second Edition, Charles E.Merrill Publishing Company, A Bell & Howell Company.
- [4]. Griffin, P. (1993). Program Development and Evaluation. Assessment Research Centre. RMIT Coburg. Australia.
- [5]. Sái Công Hồng, Lê Thái Hưng, Lê Thị Hoàng Hà, Lê Đức Ngọc (2017). Giáo trình kiểm tra đánh giá trong dạy học.
- [6]. Sái Công Hồng, Đinh Kim Thoa, Nguyễn Bích Ngọc (2011). Kỹ thuật đánh giá trong lớp học.

PHẦN II. XÂY DỰNG ĐỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ THEO MA TRẬN ĐỀ, ĐẶC TẢ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ THEO MÔN HỌC

1. Hướng dẫn xây dựng đề kiểm tra, đánh giá định kì lớp 10:

a) Ma trận

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút

TT	Kĩ năng	Mức độ nhận thức								Tổng		% Tổng điểm
		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số câu hỏi	Thời gian (phút)	
		Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)			
1	Đọc hiểu	15	5	15	5	10	10	0	0	06	20	40
2	Làm văn	25	10	15	10	10	20	10	30	01	70	60
Tổng		40	15	30	15	20	30	10	30	07	90	100
Tỉ lệ %		40		30		20		10				100
Tỉ lệ chung		70				30						100

Lưu ý:

- Tất cả các câu hỏi trong đề kiểm tra là câu hỏi tự luận.
- Cách tính điểm của mỗi câu hỏi được quy định chi tiết trong *Đáp án và hướng dẫn chấm*.

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút

TT	Kĩ năng	Mức độ nhận thức								Tổng		% Tổng điểm
		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
		Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Số câu hỏi	Thời gian (phút)	
1	Đọc hiểu	15	5	15	5	10	10	0	0	06	20	40
2	Làm văn	25	10	15	10	10	20	10	30	01	70	60
Tổng		40	15	30	15	20	30	10	30	07	90	100
Tỉ lệ %		40		30		20		10				100
Tỉ lệ chung		70				30						100

Lưu ý:

- Tất cả các câu hỏi trong đề kiểm tra là câu hỏi tự luận.
- Cách tính điểm của mỗi câu hỏi được quy định chi tiết trong *Đáp án và hướng dẫn chấm*.

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút

TT	Kĩ năng	Mức độ nhận thức								Tổng		% Tổng điểm
		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
		Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Số câu hỏi	Thời gian (phút)	
1	Đọc hiểu	15	5	15	5	10	10	0	0	06	20	40
2	Làm văn	25	10	15	10	10	20	10	30	01	70	60
Tổng		40	15	30	15	20	30	10	30	07	90	100
Tỉ lệ %		40		30		20		10				100
Tỉ lệ chung		70				30						100

Lưu ý:

- Tất cả các câu hỏi trong đề kiểm tra là câu hỏi tự luận.
- Cách tính điểm của mỗi câu hỏi được quy định chi tiết trong *Đáp án và hướng dẫn chấm*.

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút

TT	Kĩ năng	Mức độ nhận thức								Tổng		% Tổng điểm
		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
		Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Số câu hỏi	Thời gian (phút)	
1	Đọc hiểu	15	5	15	5	10	10	0	0	06	20	40
2	Làm văn	25	10	15	10	10	20	10	30	01	70	60
Tổng		40	15	30	15	20	30	10	30	07	90	100
Tỉ lệ %		40		30		20		10				100
Tỉ lệ chung		70				30						100

Lưu ý:

- Tất cả các câu hỏi trong đề kiểm tra là câu hỏi tự luận.
- Cách tính điểm của mỗi câu hỏi được quy định chi tiết trong *Đáp án và hướng dẫn chấm*.

b) Đặc tả

BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức/kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	ĐỌC HIỂU	Đọc hiểu các văn bản/đoạn trích sử thi, truyền thuyết, cổ tích, truyện cười (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được phương thức biểu đạt, thể loại của văn bản/đoạn trích. - Xác định được cốt truyện, các sự việc, chi tiết tiêu biểu, nhân vật trong văn bản/đoạn trích. - Chỉ ra thông tin trong văn bản/đoạn trích. - Nhận diện đặc điểm của hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ, các chức năng của ngôn ngữ trong giao tiếp, các nhân tố tham gia giao tiếp thể hiện trong văn bản/đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được đặc sắc về nội dung của văn bản/đoạn trích: chủ đề, tư tưởng, ý nghĩa của hình tượng nhân vật, ý nghĩa của sự việc chi tiết tiêu biểu... - Hiểu được đặc sắc về nghệ thuật của văn bản/ đoạn trích: nghệ thuật trần thuật, xây dựng nhân vật, chi tiết 	3	2	1	0	6

			<p>hoang đường kì ảo...</p> <p>- Hiểu được một số đặc trưng của tự sự dân gian thể hiện trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Nhận xét giá trị của các yếu tố nội dung, hình thức trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>- Rút ra được thông điệp, bài học cho bản thân từ nội dung văn bản/đoạn trích.</p>					
2	LÀM VĂN	<p>- Kể chuyện dựa trên câu chuyện đã có:</p> <p>+ <i>Chiến thắng Mtao Mxây</i> (trích <i>Đăm Săn</i> - sử thi Tây Nguyên)</p> <p>+ <i>Truyện An Dương Vương và Mị Châu-Trọng Thủy</i></p> <p>+ <i>Uy-lít-xơ trở về</i> (trích <i>Ô-đi-xê</i> – sử thi Hi Lạp)</p> <p>+ <i>Tám Cám</i></p> <p>+ <i>Tam đại con gà</i></p> <p>+ <i>Nhưng nó phải bằng hai mày</i></p>	<p>Nhận biết:</p> <p>- Xác định được kiểu bài tự sự, câu chuyện cần kể.</p> <p>- Nhớ được cốt truyện, nhân vật, các sự việc chi tiết tiêu biểu của văn bản/đoạn trích tự sự dân gian đã học.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Hiểu được các sự việc chính, các nhân vật, tư tưởng của văn bản/đoạn trích tự sự dân gian đã học</p> <p>- Hiểu vai trò của ngôi kể, lời kể, đối thoại và độc thoại trong văn tự sự.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Vận dụng chất liệu trong các văn bản tự sự dân gian đã học để viết bài văn tự sự.</p> <p>- Sử dụng ngôi kể, lời kể khác với văn</p>					1*

		<p>bản/đoạn trích trong sách giáo khoa.</p> <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn và sắp xếp diễn biến câu chuyện một cách nghệ thuật; diễn đạt sáng tạo, có giọng điệu riêng để chuyện kể hấp dẫn lôi cuốn. - Lựa chọn sự việc, chi tiết sâu sắc, có tác dụng bồi đắp suy nghĩ tình cảm tốt đẹp trong cuộc sống. 					
	<p>- Kể chuyện theo cốt truyện tự mình xây dựng.</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài tự sự, câu chuyện cần kể. - Xác định bố cục bài văn, sự kiện chính, nhân vật chính. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được các sự việc chính theo trình tự thời gian/không gian/tâm lý nhân vật... - Hiểu vai trò của ngôi kể; đối thoại và độc thoại, độc thoại nội tâm trong văn tự sự. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng kiến thức về văn tự sự để viết bài văn với cốt truyện tự xây dựng theo yêu cầu của đề bài. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn sự việc chi tiết và sắp xếp diễn biến câu chuyện 					

		<p>một cách nghệ thuật; diễn đạt sáng tạo, có giọng điệu riêng để chuyện kể hấp dẫn lôi cuốn.</p> <p>- Lựa chọn sự việc, chi tiết sâu sắc, có tác dụng bồi đắp suy nghĩ tình cảm tốt đẹp trong cuộc sống.</p>					
	<p>- Nghị luận về văn bản/đoạn trích tự sự dân gian:</p> <p>+ <i>Chiến thắng Mtao Mxây</i> (trích <i>Đăm Săn</i> - sử thi Tây Nguyên)</p> <p>+ <i>Truyện An Dương Vương và Mị Châu-Trọng Thủy</i></p> <p>+ <i>Uy-lít-xơ trở về</i> (trích <i>Ô-đi-xê</i> – sử thi Hi Lạp)</p> <p>+ <i>Tám Cám</i></p> <p>+ <i>Tam đại con gà</i></p> <p>+ <i>Nhưng nó phải bằng hai mày</i></p>	<p>Nhận biết:</p> <p>- Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận.</p> <p>- Nêu được thể loại, cốt truyện, đề tài, nhân vật, các chi tiết, sự việc nổi bật của văn bản/đoạn trích.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Trình bày được những giá trị về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm/đoạn trích theo yêu cầu đề bài: kì tích của người anh hùng thời cổ đại; bài học dựng nước và giữ nước; xung đột thiện - ác, ước mơ công bằng xã hội; cái nhìn châm biếm sâu sắc và những bài học thiết thực; cách kể chuyện, nghệ thuật xây dựng nhân vật...</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Vận dụng các kĩ năng tạo lập văn bản, kiến thức về tự sự dân gian để viết bài văn nghị luận hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề bài.</p>					

			<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá, nhận xét giá trị của văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận; vận dụng kiến thức lí luận văn học để có những phát hiện sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận. - Diễn đạt sáng tạo, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng. - Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong văn bản đối với cuộc sống, xã hội hiện tại. 					
Tổng								7
Tỉ lệ %			40	30	20	10		
Tỉ lệ chung			70		30			

Lưu ý:

- Đối với các câu hỏi ở phần Đọc hiểu, mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của *Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá* tương ứng (một chỉ báo là một gạch đầu dòng)

- Những đơn vị kiến thức/kĩ năng của các bài học Tiếng Việt, Làm văn, Lí luận văn học, Lịch sử văn học được tích hợp trong kiểm tra, đánh giá ở phần Đọc hiểu và phần Làm văn.

- (1*) Một bài văn đánh giá 4 mức độ nhận thức (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao); tỉ lệ điểm cho từng mức độ được thể hiện trong đáp án và hướng dẫn chấm.

BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức/kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	ĐỌC HIỂU	- Đọc hiểu các văn bản/đoạn trích thuộc thể loại tự sự dân gian: sử thi, truyền thuyết, cổ tích, truyện cười (ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được phương thức biểu đạt, thể loại của văn bản/đoạn trích. - Xác định được cốt truyện; các sự việc, chi tiết tiêu biểu, nhân vật trong văn bản/đoạn trích. - Chỉ ra thông tin trong văn bản/đoạn trích. - Nhận diện đặc điểm của hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ, các chức năng của ngôn ngữ trong giao tiếp, các nhân tố tham gia giao tiếp thể hiện trong văn bản/đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được đặc sắc về nội dung của văn bản/đoạn trích: chủ đề, tư tưởng, ý nghĩa của hình tượng nhân vật, ý nghĩa của sự việc chi tiết tiêu biểu... - Hiểu được đặc sắc về nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: nghệ thuật trần thuật, xây dựng nhân vật, chi tiết hoang đường kì ảo... - Hiểu được một số đặc 	3	2	1	0	6

		<p>trung của tự sự dân gian thể hiện trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét giá trị của các yếu tố nội dung, hình thức trong văn bản. - Rút ra được thông điệp, bài học cho bản thân từ nội dung văn bản. 					
	<p>- Đọc hiểu ca dao (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được phương thức biểu đạt, thể thơ, nhân vật trữ tình của bài ca dao. - Xác định được đề tài, chi tiết nghệ thuật đặc sắc của bài ca dao. - Chỉ ra được thông tin trong văn bản. - Nhận diện đặc điểm của giao tiếp bằng ngôn ngữ, các chức năng của ngôn ngữ trong giao tiếp, các nhân tố tham gia giao tiếp thể hiện trong bài ca dao. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được đặc sắc về nội dung của bài ca dao: tâm tư, tình cảm của nhân vật trữ tình... - Hiểu được đặc sắc về nghệ thuật của bài ca dao: ngôn ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ... - Hiểu được một số đặc trưng của thể trữ tình dân gian thể hiện trong bài ca dao. <p>Vận dụng:</p>					

		<ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét ý nghĩa, giá trị của các yếu tố nội dung, hình thức của bài ca dao - Rút ra được thông điệp, bài học cho bản thân từ nội dung bài ca dao. 					
	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu thơ Đường luật trung đại Việt Nam/ thơ Đường/ thơ hai-cư (ngữ liệu ngoài sách giáo khoa) 	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được phương thức biểu đạt, thể thơ của văn bản/đoạn trích thơ Đường luật trung đại Việt Nam/ thơ Đường/thơ hai-cư. - Xác định được đề tài; chi tiết, hình ảnh nghệ thuật đặc sắc của văn bản/đoạn trích. - Chỉ ra được thông tin trong văn bản/đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được đặc sắc về nội dung của văn bản/đoạn trích: bức tranh thiên nhiên, đời sống; tâm sự của tác giả,... - Hiểu được đặc sắc về nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: hình ảnh, ngôn ngữ, biện pháp tu từ,... - Hiểu được một số đặc trưng của thơ Đường luật trung đại Việt Nam/ thơ Đường/thơ hai-cư thể hiện trong văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét ý nghĩa, giá trị của các yếu tố nội dung, hình thức của 					

			<p>văn bản/đoạn trích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rút ra được thông điệp, bài học cho bản thân từ nội dung văn bản/đoạn trích. 					
2	LÀM VĂN	<p>- Kể chuyện dựa trên câu chuyện đã có:</p> <ul style="list-style-type: none"> + <i>Chiến thắng Mtao Mxây</i> (trích <i>Đăm Săn</i> - sử thi Tây Nguyên) + <i>Truyện An Dương Vương và Mị Châu-Trọng Thủy</i> + <i>Uy-lít-xơ trở về</i> (trích <i>Ô-đi-xê</i> – sử thi Hi Lạp) + <i>Tám Cám</i> + <i>Tam đại con gà</i> + <i>Nhưng nó phải bằng hai mày</i> 	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài tự sự, câu chuyện cần kể. - Nhớ được cốt truyện, nhân vật, các sự việc, chi tiết tiêu biểu của văn bản/đoạn trích tự sự dân gian đã học. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được các sự việc chính, các nhân vật, tư tưởng của văn bản/đoạn trích tự sự dân gian đã học. - Hiểu vai trò của ngôi kể, lời kể, đối thoại và độc thoại trong văn tự sự. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng chất liệu trong các văn bản tự sự dân gian đã học để viết bài văn tự sự. - Sử dụng ngôi kể, lời kể khác với văn bản/đoạn trích trong sách giáo khoa. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn và sắp xếp diễn biến câu chuyện một cách nghệ thuật; diễn đạt sáng tạo, có giọng điệu riêng để chuyện kể hấp dẫn lôi cuốn. - Lựa chọn sự việc, chi tiết sâu sắc, có tác dụng bồi đắp suy nghĩ tình cảm 					1*

		tốt đẹp trong cuộc sống.					
	- Kể chuyện theo cốt truyện tự mình xây dựng.	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài tự sự, câu chuyện cần kể. - Xác định bố cục bài văn, sự kiện chính, nhân vật chính. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được các sự việc chính theo trình tự thời gian/không gian/tâm lý nhân vật... - Hiểu vai trò của ngôi kể; đối thoại và độc thoại, độc thoại nội tâm trong văn tự sự. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng kiến thức về văn tự sự để viết bài văn với cốt truyện tự xây dựng theo yêu cầu của đề bài. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn sự việc chi tiết và sắp xếp diễn biến câu chuyện một cách nghệ thuật; diễn đạt sáng tạo, có giọng điệu riêng để chuyện kể hấp dẫn lôi cuốn. - Lựa chọn sự việc, chi tiết sâu sắc, có tác dụng bồi đắp suy nghĩ tình cảm tốt đẹp trong cuộc sống. 					
	- Nghị luận về văn bản/đoạn trích tự sự dân	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận. - Nêu được thể loại, cốt truyện, đề tài, nhân vật, 					

		<p>gian: + <i>Chiến thắng Mtao Mxây</i> (trích <i>Đăm Săn</i> - sử thi Tây Nguyên) + <i>Truyện An Dương Vương và Mị Châu-Trọng Thủy</i> + <i>Tám Cám</i> + <i>Tam đại con gà</i> + <i>Nhưng nó phải bằng hai mày</i> + <i>Uy-lít-xơ trở về</i> (trích <i>Ô-đi-xê</i> – sử thi Hi Lạp)</p>	<p>các chi tiết, sự việc của văn bản/đoạn trích</p> <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được những giá trị về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm/đoạn trích theo yêu cầu đề bài: kì tích của người anh hùng thời cổ đại; bài học dựng nước và giữ nước; xung đột thiện - ác, ước mơ công bằng xã hội; cái nhìn châm biếm sâu sắc và những bài học thiết thực; cách kể chuyện, nghệ thuật xây dựng nhân vật... <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kĩ năng tạo lập văn bản, kiến thức về tự sự dân gian để viết bài văn nghị luận hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề bài. - Đánh giá, nhận xét giá trị của văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận; vận dụng kiến thức lí luận để có những phát hiện sâu sắc, mới mẻ vấn đề nghị luận; - Diễn đạt sáng tạo, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng. - Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong văn bản đối với cuộc sống, xã hội 					
--	--	---	---	--	--	--	--	--

			hiện tại.					
		<p>- Nghị luận về ca dao: + <i>Ca dao than thân yêu thương tình nghĩa</i> (bài số 1,4,6) + <i>Ca dao hài hước</i> (bài số 1,2)</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận. - Nêu được đề tài, chủ đề, kết cấu, nhân vật trữ tình của bài ca dao. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm theo yêu cầu đề bài: đời sống tình cảm đa dạng, phong phú của nhân dân lao động; cách thể hiện tình cảm vừa giản dị, gần gũi vừa tinh tế, sâu sắc;.... <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kỹ năng tạo lập văn bản, các thao tác lập luận; những kiến thức đã học về ca dao để viết bài văn nghị luận hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề bài. - Đánh giá, nhận xét giá trị của bài ca dao. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận; vận dụng kiến thức lí luận để có những phát hiện sâu sắc, mới mẻ vấn đề nghị luận; - Diễn đạt sáng tạo, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng. 					

			<p>- Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong bài ca dao đối với cuộc sống, xã hội hiện tại.</p>				
		<p>- Nghị luận về thơ Đường, thơ Đường luật trung đại Việt Nam; thơ hai-cư:</p> <p>+ <i>Tỏ lòng</i> (Phạm Ngũ Lão).</p> <p>+ <i>Cảnh ngày hè</i> (Nguyễn Trãi)</p> <p>+ <i>Nhàn</i> (Nguyễn Bình Khiêm)</p> <p>+ <i>Độc Tiểu Thanh kí</i> (Nguyễn Du).</p> <p>+ <i>Tại lầu Hoàng Hạc tiễn Mạnh Hạo Nhiên đi Quảng Lăng</i> (Lý Bạch).</p> <p>+ <i>Cảm xúc mùa thu</i> (Đỗ Phủ).</p>	<p>Nhận biết:</p> <p>- Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận</p> <p>- Nêu được thông tin về tác giả, tác phẩm.</p> <p>- Nêu nội dung cảm hứng, hình tượng nhân vật trữ tình, đặc điểm nghệ thuật nổi bật... của bài thơ.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Trình bày được giá trị về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm theo yêu cầu đề bài: hoài bão, khát vọng, lí tưởng của con người thời trung đại; những suy ngẫm về số phận con người, cuộc đời và thế sự; vẻ đẹp hàm súc cổ điển của thơ Đường thơ Đường luật; ý nghĩa triết lí thơ hai-cư của Ba-sô,...</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Vận dụng các kĩ năng tạo lập văn bản; kiến thức đã học về thơ Đường luật trung đại Việt Nam/thơ Đường/thơ hai-cư để viết bài văn nghị luận đáp ứng yêu cầu của đề bài.</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>- Liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác để đánh giá, làm nổi bật</p>				

	+ Thơ hai-cư của Ba-sô (bài 1, 2, 3, 6)	vấn đề nghị luận; vận dụng kiến thức lí luận văn học để có những phát hiện sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận. - Diễn đạt sáng tạo, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng. - Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong bài thơ đối với cuộc sống, xã hội hiện tại.					
Tổng							7
Tỉ lệ %			40	30	20	10	
Tỉ lệ chung			70		30		

Lưu ý:

- Đối với các câu hỏi ở phần Đọc hiểu, mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của *Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá* tương ứng (một chỉ báo là một gạch đầu dòng)

- Những đơn vị kiến thức/kĩ năng của các bài học Tiếng Việt, Làm văn, Lí luận văn học, Lịch sử văn học được tích hợp trong kiểm tra, đánh giá ở phần Đọc hiểu và Làm văn.

- (1*) Một bài văn đánh giá 4 mức độ nhận thức (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao); tỉ lệ điểm cho từng mức độ được thể hiện trong đáp án và hướng dẫn chấm.

BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II
MÔN NGỮ VĂN LỚP 10 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức/kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	ĐỌC HIỂU	- Đọc hiểu các văn bản/đoạn trích thuộc thể phú, cáo, nghị luận trung đại (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa).	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được phương thức biểu đạt, thể loại của văn bản/đoạn trích. - Xác định các chi tiết tiêu biểu trong văn bản/đoạn trích. - Chỉ ra thông tin trong văn bản/đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được đặc sắc về nội dung của văn bản/đoạn trích: chủ đề, tư tưởng, vấn đề nghị luận... - Hiểu được đặc sắc về nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: lập luận, ngôn ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ... - Hiểu được một số đặc trưng của thể loại thể hiện trong văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của các yếu tố nội dung, hình thức trong văn bản. - Rút ra được những bài học, thông điệp từ nội dung văn bản. 	3	2	1	0	6

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
		<p>- Đọc hiểu văn bản văn xuôi tự sự trung đại (ngữ liệu ngoài sách giáo khoa).</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được phương thức biểu đạt, thể loại của văn bản/đoạn trích. - Xác định được các sự việc chi tiết tiêu biểu, nhân vật trong văn bản/đoạn trích. - Chỉ ra thông tin trong văn bản/đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được đặc sắc về nội dung của văn bản/đoạn trích: chủ đề, tư tưởng, ý nghĩa của hình tượng nhân vật, ý nghĩa của sự việc chi tiết tiêu biểu... - Hiểu được đặc sắc về nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: nghệ thuật trần thuật, nghệ thuật xây dựng nhân vật... - Hiểu được một số đặc trưng của tự sự trung đại thể hiện trong văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét giá trị của các yếu tố nội dung, hình thức trong văn bản. - Rút ra được thông điệp, bài học cho bản thân từ nội dung văn bản. 					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
2	LÀM VĂN	- Thuyết minh về tác phẩm, tác giả, một thể loại văn học đã học trong <i>Ngữ văn 10</i> .	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định kiểu bài, đối tượng cần thuyết minh - Nhớ được thông tin về tác giả, tác phẩm, thể loại văn học đã học. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được đặc trưng của văn thuyết minh: hình thức kết cấu, tính chuẩn xác, hấp dẫn, phương pháp thuyết minh. - Trình bày được những đặc điểm, bản chất của đối tượng thuyết minh. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết cách sử dụng những kiến thức kĩ năng tạo lập văn bản thuyết minh, kiến thức đã học về tác giả, tác phẩm, thể loại văn học để viết bài văn hoàn chỉnh theo yêu cầu đề bài. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ, so sánh với các đối tượng khác để làm nổi bật nội dung thuyết minh. - Diễn đạt sáng tạo, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng để thuyết minh hấp dẫn, lôi cuốn. 					1*

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
		Nghị luận về văn bản/đoạn trích <i>Phú sông Bạch Đằng</i> (Trương Hán Siêu)	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận. - Giới thiệu thông tin về thời đại, tác giả, tác phẩm <i>Phú sông Bạch Đằng</i>. - Xác định được bố cục, nội dung chính, các nhân vật của bài phú. - Nhận diện từ cổ, điển tích, điển cố trong văn bản/đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được những giá trị về nội dung và nghệ thuật của bài phú: tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc; có sự kết hợp hài hòa nhuần nhuyễn giữa tự sự, nghị luận và trữ tình; lối văn biền ngẫu đăng đối; giọng điệu hùng hồn, tha thiết... <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng những kĩ năng tạo lập văn bản, vận dụng kiến thức về tác phẩm <i>Phú sông Bạch Đằng</i> để viết được bài văn nghị luận hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề. - Nhận xét, đánh giá 					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>giá trị của tác phẩm, vai trò của tác giả Trương Hán Siêu trong văn học Việt Nam.</p> <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận; vận dụng kiến thức lí luận để có những phát hiện sâu sắc, mới mẻ vấn đề nghị luận. - Diễn đạt sáng tạo, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng. - Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong văn bản đối với cuộc sống, xã hội hiện tại. 					
		<p>Nghị luận về văn bản/đoạn trích <i>Đại cáo bình Ngô</i> (Nguyễn Trãi)</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận. - Giới thiệu thông tin về thời đại, tác giả, tác phẩm <i>Đại cáo bình Ngô</i>. - Xác định được bố cục, nội dung chính... của văn bản/ đoạn trích. - Nhận diện từ cổ, điển tích, điển cố trong văn bản/đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p>					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>- Trình bày được những giá trị về nội dung và nghệ thuật của bài cáo: là bản tuyên ngôn độc lập hoàn chỉnh nhất thời trung đại; thể hiện tư tưởng nhân nghĩa; tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc; sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố chính luận và trữ tình; lập luận chặt chẽ sắc bén; giọng điệu hào hùng...</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Vận dụng những kĩ năng tạo lập văn bản, vận dụng kiến thức về tác phẩm <i>Đại cáo bình Ngô</i> để viết được bài văn nghị luận hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề.</p> <p>- Nhận xét, đánh giá giá trị của tác phẩm, vai trò của tác giả Nguyễn Trãi trong văn học Việt Nam.</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>- Liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận; vận dụng kiến thức lí luận văn học để phát hiện những vấn đề sâu sắc/mới mẻ/độc đáo trong văn bản.</p> <p>- Diễn đạt sáng tạo, giàu hình ảnh, có</p>					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			giọng điệu riêng. - Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong văn bản đối với cuộc sống, xã hội hiện tại.					
		- Nghị luận về đoạn trích <i>Hiền tài là nguyên khí của Quốc gia</i> (Trích <i>Bài kí đề danh tiến sĩ khoa Nhâm Tuất, niên hiệu Đại Bảo thứ ba</i>) của Thân Nhân Trung	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận. - Giới thiệu thông tin về thời đại, tác giả, tác phẩm <i>Bài kí đề danh tiến sĩ khoa Nhâm Tuất, niên hiệu Đại Bảo thứ ba</i> và đoạn trích <i>Hiền tài là nguyên khí của quốc gia</i>. - Xác định được bố cục, nội dung chính... của văn bản/đoạn trích. - Nhận diện từ cổ, điển tích, điển cố trong văn bản/đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được những giá trị về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích: vai trò của người hiền tài với đất nước; khích lệ kẻ sĩ đương thời luyện tài, rèn đức để lập nghiệp; lập luận thuyết phục bằng lí lẽ sắc sảo, kết cấu chặt 					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>chẽ; tâm huyết của tác giả với tư tưởng trọng hiền tài...</p> <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng những kĩ năng tạo lập văn bản, vận dụng kiến thức tác phẩm và đoạn trích để viết được bài văn nghị luận hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề. - Nhận xét, đánh giá giá trị của tác phẩm, vị trí của tác giả Thân Nhân Trung trong văn học Việt Nam. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận; vận dụng kiến thức lí luận văn học để phát hiện những vấn đề sâu sắc, độc đáo trong văn bản. - Diễn đạt sáng tạo, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng. - Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong văn bản đối với cuộc sống, xã hội hiện tại. 					
		- Nghị luận về văn bản/đoạn trích trong <i>Chuyện</i>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận. 					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
		<p><i>chức phán sự đền Tản Viên</i> (Nguyễn Dữ).</p>	<p>- Giới thiệu thông tin về thời đại, tác giả, tác phẩm <i>Chuyện chức phán sự đền Tản Viên</i>.</p> <p>- Xác định được cốt truyện, các sự việc tiêu biểu, hệ thống nhân vật, ngôi kể... trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>- Nhận diện từ cổ, điển tích, điển cố trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Trình bày được những giá trị về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích:</p> <p>+ Ngợi ca khí tiết cương trực, dũng cảm của nhân vật Ngô Tử Văn trong cuộc đấu tranh với các thế lực gian tà; đề cao lối sống ngay thẳng, chính trực...</p> <p>+ Cốt truyện li kì, bất ngờ; chi tiết kì ảo đặc trưng của truyện truyền kì...</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Vận dụng những kĩ năng tạo lập văn bản, kiến thức về thể loại truyện truyền kì và tác phẩm để viết được bài văn nghị luận</p>					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>hoàn chỉnh theo yêu cầu của đề.</p> <p>- Nhận xét, đánh giá giá trị của tác phẩm, vai trò của tác giả Nguyễn Dữ trong văn học Việt Nam.</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>- Liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận; vận dụng kiến thức lí luận văn học để phát hiện những vấn đề sâu sắc, độc đáo trong văn bản.</p> <p>- Diễn đạt sáng tạo, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng. - Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong văn bản đối với cuộc sống, xã hội hiện tại.</p>					
		<p>- Nghị luận về đoạn trích <i>Hội trống Cổ Thành</i> (Trích <i>Tam quốc diễn nghĩa</i>) của La Quán Trung</p>	<p>Nhận biết:</p> <p>- Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận.</p> <p>- Giới thiệu thông tin về thời đại, tác giả, tác phẩm <i>Tam quốc diễn nghĩa</i> và đoạn trích <i>Hội trống Cổ Thành</i>.</p> <p>- Xác định được nội dung chính, nhân vật... của đoạn trích.</p> <p>Thông hiểu:</p>					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>- Trình bày được những giá trị về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích:</p> <p>+ Ngợi ca những phẩm chất cao đẹp của Trương Phi, Quan Vũ: ngay thẳng, trung nghĩa, can trường...</p> <p>+ Cốt truyện, tình tiết giàu kịch tính, được giải quyết bất ngờ; nghệ thuật khắc họa tính cách nhân vật; không khí chiến trận...</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Vận dụng những kĩ năng tạo lập văn bản, kiến thức về tác phẩm và đoạn trích để viết được bài văn nghị luận hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề.</p> <p>- Nhận xét, đánh giá giá trị của tác phẩm, tầm ảnh hưởng của tác phẩm <i>Tam quốc diễn nghĩa</i> với văn học Việt Nam.</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>- Liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận; vận dụng kiến thức lí luận để có những phát hiện sâu sắc, mới mẻ vấn đề nghị luận;</p> <p>- Diễn đạt sáng tạo,</p>					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng. Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong đoạn trích đối với cuộc sống, xã hội hiện tại.					
Tổng								7
Tỉ lệ %				40	30	20	10	
Tỉ lệ chung				70		30		

Lưu ý:

- Đối với các câu hỏi ở phần Đọc hiểu, mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của *Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá* tương ứng (một chỉ báo là một gạch đầu dòng)

- Những đơn vị kiến thức/kĩ năng của các bài học Tiếng Việt, Làm văn, Lí luận văn học, Lịch sử văn học được tích hợp trong kiểm tra, đánh giá ở phần Đọc hiểu và phần Làm văn.

- (1*) Một bài văn đánh giá 4 mức độ nhận thức (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao); tỉ lệ điểm cho từng mức độ được thể hiện trong đáp án và hướng dẫn chấm.

BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ kĩ năng	Chuẩn kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	ĐỌC HIỂU	- Đọc hiểu các văn bản/đoạn trích thuộc thể phú, cáo, nghị luận trung đại (ngữ liệu ngoài sách giáo khoa).	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được phương thức biểu đạt, thể loại của văn bản/đoạn trích. - Xác định các chi tiết tiêu biểu trong văn bản/đoạn trích. - Chỉ ra thông tin trong văn bản/đoạn trích. - Nhận diện đặc trưng của phong cách ngôn ngữ nghệ thuật thể hiện trong văn bản/đoạn trích <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được đặc sắc về nội dung của văn bản/đoạn trích: chủ đề, tư tưởng, vấn đề nghị luận... - Hiểu được đặc sắc về nghệ thuật của văn bản/ đoạn trích: lập luận, ngôn ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ,... - Hiểu được một số đặc trưng của thể loại thể hiện trong văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét giá trị của các yếu tố nội dung, hình thức trong văn bản. - Rút ra được những bài học, thông điệp từ 	3	2	1	0	6

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ kĩ năng	Chuẩn kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			nội dung văn bản.					
		<p>- Đọc hiểu văn bản văn xuôi tự sự trung đại (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa).</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được phương thức biểu đạt, thể loại của văn bản/đoạn trích. - Xác định được các sự việc chi tiết tiêu biểu, nhân vật trong văn bản/đoạn trích. - Chỉ ra thông tin trong văn bản/đoạn trích. - Nhận diện đặc trưng của phong cách ngôn ngữ nghệ thuật thể hiện trong văn bản/đoạn trích <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được đặc sắc về nội dung của văn bản/đoạn trích: chủ đề, tư tưởng, ý nghĩa của hình tượng nhân vật, ý nghĩa của sự việc chi tiết tiêu biểu... - Hiểu được đặc sắc về nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: nghệ thuật trần thuật, nghệ thuật xây dựng nhân vật... - Hiểu được một số đặc trưng của tự sự trung đại thể hiện trong văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét giá trị của các yếu tố nội dung, hình thức trong văn 					

TT	Nội dung kiến thức/kỹ năng	Đơn vị kiến thức/ kỹ năng	Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>bản; sự khác biệt giữa văn xuôi tự sự trung đại với văn xuôi tự sự tự sự hiện đại.</p> <p>- Rút ra được thông điệp, bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.</p>					
		<p>- Đọc hiểu truyện thơ, ngâm khúc trung đại (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa).</p>	<p>Nhận biết:</p> <p>- Xác định phương thức biểu đạt, thể loại của văn bản/đoạn trích.</p> <p>- Xác định nhân vật, chi tiết nghệ thuật tiêu biểu của văn bản/đoạn trích.</p> <p>- Chỉ ra được thông tin trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>- Nhận diện đặc trưng của phong cách ngôn ngữ nghệ thuật thể hiện trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Hiểu được đặc sắc về nội dung của văn bản/đoạn trích: chủ đề, tình cảm của nhân vật...</p> <p>- Hiểu được đặc sắc về nghệ thuật của văn bản/ đoạn trích: ngôn ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ...</p> <p>- Hiểu được một số đặc trưng của thể loại thể hiện trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>Vận dụng:</p>					

TT	Nội dung kiến thức/kỹ năng	Đơn vị kiến thức/ kỹ năng	Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét giá trị của các yếu tố nội dung, hình thức trong văn bản - Rút ra được những bài học, thông điệp từ nội dung văn bản 					
2	LÀM VĂN	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết minh về tác phẩm, tác giả, một thể loại văn học đã học trong <i>Ngữ văn 10</i>. 	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định kiểu bài, đối tượng cần thuyết minh. - Nhớ được thông tin về tác giả, tác phẩm, thể loại văn học đã học. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được đặc trưng của văn thuyết minh: hình thức kết cấu, tính chuẩn xác, hấp dẫn, phương pháp thuyết minh. - Trình bày được những đặc điểm, bản chất của đối tượng thuyết minh. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết cách sử dụng những kiến thức kỹ năng tạo lập văn bản thuyết minh, kiến thức đã học về tác giả, tác phẩm, thể loại văn học để viết bài văn hoàn chỉnh theo yêu cầu đề bài. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ, so sánh với các đối tượng khác để làm nổi bật nội dung 					1*

TT	Nội dung kiến thức/kỹ năng	Đơn vị kiến thức/ kỹ năng	Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>thuyết minh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn đạt sáng tạo, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng để thuyết minh hấp dẫn, lôi cuốn. 					
		<p>- Nghị luận về văn bản/đoạn trích <i>Phú sông Bạch Đằng</i> (Trương Hán Siêu)</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận. - Giới thiệu thông tin về thời đại, tác giả, tác phẩm <i>Phú sông Bạch Đằng</i>. - Xác định được bố cục, nội dung chính, các nhân vật của bài phú. - Nhận diện từ cổ, điển tích, điển cố trong văn bản/đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được những giá trị về nội dung và nghệ thuật của bài phú: tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc; có sự kết hợp hài hòa nhuần nhuyễn giữa tự sự, nghị luận và trữ tình; lối văn biền ngẫu đăng đối; giọng điệu hùng hồn, tha thiết... <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng những kỹ năng tạo lập văn bản, vận dụng kiến thức về tác phẩm <i>Phú sông Bạch Đằng</i> để viết 					

TT	Nội dung kiến thức/kỹ năng	Đơn vị kiến thức/ kỹ năng	Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>được bài văn nghị luận hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề.</p> <p>- Nhận xét, đánh giá giá trị của tác phẩm, vai trò của tác giả Trương Hán Siêu trong văn học Việt Nam.</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>- Liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận; vận dụng kiến thức lí luận để có những phát hiện sâu sắc, mới mẻ vấn đề nghị luận.</p> <p>- Diễn đạt sáng tạo, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.</p> <p>- Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong văn bản đối với cuộc sống, xã hội hiện tại.</p>					
		- Nghị luận về văn bản/đoạn trích <i>Đại cáo bình Ngô</i> (Nguyễn Trãi)	<p>Nhận biết:</p> <p>- Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận.</p> <p>- Giới thiệu thông tin về thời đại, tác giả, tác phẩm <i>Đại cáo bình Ngô</i>.</p> <p>- Xác định được bố cục, nội dung chính... của văn bản/ đoạn trích.</p> <p>- Nhận diện từ cổ, điển tích, điển cố trong văn</p>					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ kĩ năng	Chuẩn kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>bản/đoạn trích.</p> <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được những giá trị về nội dung và nghệ thuật của bài cáo: là bản tuyên ngôn độc lập hoàn chỉnh nhất thời trung đại; thể hiện tư tưởng nhân nghĩa; tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc; sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố chính luận và trữ tình; lập luận chặt chẽ sắc bén; giọng điệu hào hùng... <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng những kĩ năng tạo lập văn bản, vận dụng kiến thức về tác phẩm <i>Đại cáo bình Ngô</i> để viết được bài văn nghị luận hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề. - Nhận xét, đánh giá giá trị của tác phẩm, vị trí của tác giả Nguyễn Trãi trong văn học Việt Nam. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận; vận dụng kiến thức lí luận văn học để phát hiện những vấn đề sâu sắc/mới mẻ/độc đáo 					

TT	Nội dung kiến thức/kỹ năng	Đơn vị kiến thức/ kỹ năng	Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>trong văn bản.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn đạt sáng tạo, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng. - Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong văn bản đối với cuộc sống, xã hội hiện tại. 					
		<p>- Nghị luận về đoạn trích <i>Hiền tài là nguyên khí của Quốc gia</i> (Trích <i>Bài kí đề danh tiến sĩ khoa Nhâm Tuất, niên hiệu Đại Bảo thứ ba</i>) của Thân Nhân Trung</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận. - Giới thiệu thông tin về thời đại, tác giả, tác phẩm <i>Bài kí đề danh tiến sĩ khoa Nhâm Tuất, niên hiệu Đại Bảo thứ ba</i> và đoạn trích <i>Hiền tài là nguyên khí của quốc gia</i>. - Xác định được bố cục, nội dung chính... của văn bản/đoạn trích. - Nhận diện từ cổ, điển tích, điển cố trong văn bản/đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được những giá trị về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích: vai trò của người hiền tài với đất nước; khích lệ kẻ sĩ đương thời luyện tài, rèn đức để lập nghiệp; lập luận thuyết phục bằng lí lẽ 					

TT	Nội dung kiến thức/kỹ năng	Đơn vị kiến thức/ kỹ năng	Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>sắc sảo, kết cấu chặt chẽ; tâm huyết của tác giả với tư tưởng trọng hiền tài...</p> <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng những kỹ năng tạo lập văn bản, vận dụng kiến thức tác phẩm và đoạn trích để viết được bài văn nghị luận hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề. - Nhận xét, đánh giá giá trị của tác phẩm, vị trí của tác giả Thân Nhân Trung trong văn học Việt Nam. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận; vận dụng kiến thức lí luận văn học để phát hiện những vấn đề sâu sắc, độc đáo trong văn bản. - Diễn đạt sáng tạo, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng. - Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong văn bản đối với cuộc sống, xã hội hiện tại. 					
		- Nghị luận về văn bản/đoạn trích trong	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề 					

TT	Nội dung kiến thức/kỹ năng	Đơn vị kiến thức/ kỹ năng	Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
		<i>Chuyện chức phán sự đền Tản Viên</i> (Nguyễn Dữ).	<p>cần nghị luận.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu thông tin về thời đại, tác giả, tác phẩm <i>Chuyện chức phán sự đền Tản Viên</i>. - Xác định được cốt truyện, các sự việc tiêu biểu, hệ thống nhân vật, ngôi kể... trong văn bản/đoạn trích. - Nhận diện từ cổ, điển tích, điển cố trong văn bản/đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được những giá trị về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: <ul style="list-style-type: none"> + Ngợi ca khí tiết cương trực, dũng cảm của nhân vật Ngô Tử Văn trong cuộc đấu tranh với các thế lực gian tà; đề cao lối sống ngay thẳng, chính trực... + Cốt truyện li kì, bất ngờ; chi tiết kì ảo đặc trưng của truyện truyền kì... <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng những kỹ năng tạo lập văn bản, kiến thức về thể loại truyện truyền kì và tác phẩm để viết được bài văn nghị luận hoàn chỉnh theo yêu 					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ kĩ năng	Chuẩn kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>câu của đề.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét, đánh giá giá trị của tác phẩm, vị trí của tác giả Nguyễn Dữ trong văn học Việt Nam. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận; vận dụng kiến thức lí luận văn học để phát hiện những vấn đề sâu sắc, độc đáo trong văn bản. - Diễn đạt sáng tạo, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng. - Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong văn bản đối với cuộc sống, xã hội hiện tại. 					
		<p>- Nghị luận về đoạn trích <i>Hồi trống Cổ Thành</i> (Trích <i>Tam quốc diễn nghĩa</i>) của La Quán Trung</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận. - Giới thiệu thông tin về thời đại, tác giả, tác phẩm <i>Tam quốc diễn nghĩa</i> và đoạn trích <i>Hồi trống Cổ Thành</i>. - Xác định được nội dung chính, nhân vật... của đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được những giá trị về nội dung và nghệ thuật 					

TT	Nội dung kiến thức/kỹ năng	Đơn vị kiến thức/ kỹ năng	Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>của đoạn trích:</p> <p>+ Ngợi ca những phẩm chất cao đẹp của Trương Phi, Quan Vũ: ngay thẳng, trung nghĩa, can trường...</p> <p>+ Cốt truyện, tình tiết giàu kịch tính, được giải quyết bất ngờ; nghệ thuật khắc họa tính cách nhân vật; không khí chiến trận...</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Vận dụng những kỹ năng tạo lập văn bản, kiến thức về tác phẩm và đoạn trích để viết được bài văn nghị luận hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề.</p> <p>- Nhận xét, đánh giá giá trị của tác phẩm, tầm ảnh hưởng của tác phẩm <i>Tam quốc diễn nghĩa</i> với văn học Việt Nam.</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>- Liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận; vận dụng kiến thức lí luận để có những phát hiện sâu sắc, mới mẻ vấn đề nghị luận;</p> <p>- Diễn đạt sáng tạo, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.</p> <p>- Đánh giá được vai</p>					

TT	Nội dung kiến thức/kỹ năng	Đơn vị kiến thức/ kỹ năng	Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			trò, ý nghĩa của thông điệp trong đoạn trích đối với cuộc sống, xã hội hiện tại.					
		- Nghị luận về đoạn trích <i>Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ</i> (trích <i>Chinh phụ ngâm</i>)	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận. - Giới thiệu thông tin về thời đại, tác giả, dịch giả, tác phẩm <i>Chinh phụ ngâm</i> và đoạn trích <i>Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ</i>. - Xác định được nội dung cảm xúc, nhân vật trữ tình... của đoạn trích. - Nhận diện được từ cổ, điển tích, điển cố trong văn bản/đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được nội dung và nghệ thuật đoạn trích: nỗi đau khổ của người chinh phụ phải sống trong cảnh cô đơn, khao khát hạnh phúc lứa đôi; nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật... <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng kỹ năng tạo lập văn bản; vận dụng kiến thức về lập luận trong văn nghị luận, các thao tác nghị 					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ kĩ năng	Chuẩn kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>luận; vận dụng kiến thức về tác phẩm để viết được bài văn nghị luận hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề bài.</p> <p>- Nhận xét, đánh giá giá trị của tác phẩm, vai trò của tác giả, dịch giả trong văn học Việt Nam.</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>- Liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận; vận dụng kiến thức lí luận để có những phát hiện sâu sắc, mới mẻ vấn đề nghị luận;</p> <p>- Diễn đạt sáng tạo, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.</p> <p>- Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong đoạn trích đối với cuộc sống, xã hội hiện tại.</p>					
		<p>- Nghị luận về đoạn trích <i>Truyện Kiều</i>:</p> <p>- <i>Trao duyên</i></p> <p>- <i>Chí khí anh hùng</i></p>	<p>Nhận biết:</p> <p>- Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận.</p> <p>- Giới thiệu thông tin về thời đại, tác giả, tác phẩm <i>Truyện Kiều</i> và đoạn trích.</p> <p>- Xác định được nội dung, nhân vật, biện pháp nghệ thuật...</p>					

TT	Nội dung kiến thức/kỹ năng	Đơn vị kiến thức/ kỹ năng	Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>trong đoạn trích.</p> <p>- Nhận diện được từ cổ, điển tích, điển cố trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Trình bày được nội dung và nghệ thuật đoạn trích:</p> <p>+ <i>Trao duyên</i>: bi kịch tình yêu, thân phận bất hạnh và sự hi sinh quên mình của Kiều vì hạnh phúc của người thân qua lời “trao duyên” đầy đau khổ; nghệ thuật khắc họa nội tâm nhân vật Thúy Kiều.</p> <p>+ <i>Chí khí anh hùng</i>: khát vọng lên đường, lí tưởng anh hùng của Từ Hải; nghệ thuật xây dựng hình tượng người anh hùng Từ Hải.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Vận dụng các kỹ năng lập dàn ý, tạo lập văn bản, sử dụng các thao tác nghị luận; kỹ năng đọc hiểu tác phẩm để viết được bài văn nghị luận hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề bài.</p> <p>- Nhận xét, đánh giá giá trị của tác phẩm, vai trò của tác giả Nguyễn Du trong văn</p>					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ kĩ năng	Chuẩn kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			học Việt Nam. Vận dụng cao: - Liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận; vận dụng kiến thức lí luận để có những phát hiện sâu sắc, mới mẻ vấn đề nghị luận; - Diễn đạt sáng tạo, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng. - Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong đoạn trích đối với cuộc sống, xã hội hiện tại.					
Tổng								7
Tỉ lệ %				40	30	20	10	
Tỉ lệ chung				70		30		

Lưu ý:

- Đối với các câu hỏi ở phần Đọc hiểu, mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của *Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá* tương ứng (một chỉ báo là một gạch đầu dòng)

- Những đơn vị kiến thức/kĩ năng của các bài học Tiếng Việt, Làm văn, Lí luận văn học, Lịch sử văn học được tích hợp trong kiểm tra, đánh giá ở phần Đọc hiểu và phần Làm văn.

- (1*): Một bài văn đánh giá 4 mức độ nhận thức (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao); tỉ lệ điểm cho từng mức độ được thể hiện trong đáp án và hướng dẫn chấm.

c) Hướng dẫn ra đề kiểm tra theo ma trận và đặc tả

HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I
MÔN: NGŨ VĂN, LỚP 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	ĐỌC HIỂU	Đọc hiểu các văn bản/ đoạn trích sử thi, truyền thuyết, cổ tích, truyện cười (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được phương thức biểu đạt, thể loại của văn bản/đoạn trích. (Câu 1) - Xác định được cốt truyện, các sự việc chi tiết tiêu biểu, nhân vật trong văn bản/đoạn trích. - Chỉ ra thông tin trong văn bản/đoạn trích. (Câu 2) - Nhận diện đặc điểm của hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ, các chức năng của ngôn ngữ trong giao tiếp, các nhân tố tham gia giao tiếp thể hiện trong văn bản/đoạn trích. (Câu 3) <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được đặc sắc về nội dung của văn bản/đoạn trích: chủ đề, tư tưởng, ý nghĩa của hình tượng nhân vật, ý nghĩa của sự việc chi tiết tiêu biểu... (Câu 5) - Hiểu được đặc sắc về nghệ thuật của văn bản/ đoạn trích: 	3	2	1	0	6

			<p>nghệ thuật trần thuật, xây dựng nhân vật, chi tiết hoang đường kì ảo... (Câu 4)</p> <p>- Hiểu được một số đặc trưng của tự sự dân gian thể hiện trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Nhận xét giá trị của các yếu tố nội dung, hình thức trong văn bản.</p> <p>- Rút ra được thông điệp, bài học cho bản thân từ nội dung văn bản. (Câu 6)</p>					
2	LÀM VĂN	<p>- Kể chuyện dựa trên câu chuyện đã có:</p> <p>+ <i>Chiến thắng Mtao Mxây</i> (trích <i>Đăm Săn</i> - sử thi Tây Nguyên)</p> <p>+ <i>Truyện An Dương Vương và Mị Châu- Trọng Thủy</i></p> <p>+ <i>Uy-lít-xơ trở về</i> (trích <i>Ô-đi-xê</i> – sử thi Hi Lạp)</p> <p>+ <i>Tám Cám</i></p> <p>+ <i>Tam đại con gà</i></p> <p>+ <i>Nhưng nó phải bằng hai mày</i></p>	<p>Nhận biết:</p> <p>- Xác định được kiểu bài tự sự, câu chuyện cần kể.</p> <p>- Nhớ được cốt truyện, nhân vật, các sự việc chi tiết tiêu biểu của văn bản/đoạn trích tự sự dân gian đã học.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Hiểu được các sự việc chính, các nhân vật, tư tưởng của văn bản/đoạn trích tự sự dân gian đã học</p> <p>- Hiểu vai trò của ngôi kể, lời kể, đối thoại và độc thoại trong văn tự sự.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Vận dụng chất liệu trong các văn bản tự</p>					1*

		<p>(Phần Làm văn)</p>	<p>sự dân gian đã học để viết bài văn tự sự.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng ngôi kể, lời kể khác với văn bản/đoạn trích trong sách giáo khoa. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn và sắp xếp diễn biến câu chuyện một cách nghệ thuật; diễn đạt sáng tạo, có giọng điệu riêng để chuyện kể hấp dẫn lôi cuốn. - Lựa chọn sự việc, chi tiết sâu sắc, có tác dụng bồi đắp suy nghĩ tình cảm tốt đẹp trong cuộc sống. 					
		<ul style="list-style-type: none"> - Kể chuyện theo cốt truyện tự mình xây dựng 	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài tự sự, câu chuyện cần kể. - Xác định bộ cục bài văn, sự kiện chính, nhân vật chính. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được các sự việc chính theo trình tự thời gian/không gian/tâm lý nhân vật... - Hiểu vai trò của ngôi kể; đối thoại và độc thoại, độc thoại nội tâm trong văn tự sự. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng kiến thức về văn tự sự để viết bài văn với cốt truyện tự xây dựng 					

		<p>theo yêu cầu của đề bài.</p> <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn sự việc chi tiết và sắp xếp diễn biến câu chuyện một cách nghệ thuật; diễn đạt sáng tạo, có giọng điệu riêng để chuyện kể hấp dẫn lôi cuốn. - Lựa chọn sự việc, chi tiết sâu sắc, có tác dụng bồi đắp suy nghĩ tình cảm tốt đẹp trong cuộc sống. 					
	<p>- Nghị luận về văn bản/đoạn trích tự sự dân gian:</p> <p>+ <i>Chiến thắng Mtao Mxây</i> (trích <i>Đăm Săn</i> - sử thi Tây Nguyên)</p> <p>+ <i>Truyện An Dương Vương và Mị Châu- Trọng Thủy</i></p> <p>+ <i>Uy-lít-xơ trở về</i> (trích <i>Ô-đi-xê</i> – sử thi Hi Lạp)</p> <p>+ <i>Tám Cám</i></p> <p>+ <i>Tam đại con gà</i></p> <p>+ <i>Nhưng nó phải bằng hai mày</i></p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận. - Nêu được thể loại, cốt truyện, đề tài, nhân vật, các chi tiết, sự việc nổi bật của văn bản/đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được những giá trị về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm/đoạn trích theo yêu cầu đề bài: kì tích của người anh hùng thời cổ đại; bài học dựng nước và giữ nước; xung đột thiện - ác, ước mơ công bằng xã hội; cái nhìn châm biếm sâu sắc và những bài học thiết thực; cách kể chuyện, nghệ thuật 					

			<p>xây dựng nhân vật...</p> <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kĩ năng tạo lập văn bản, kiến thức về tự sự dân gian để viết bài văn nghị luận hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề bài. - Đánh giá, nhận xét giá trị của văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận; vận dụng kiến thức lí luận để có những phát hiện sâu sắc, mới mẻ vấn đề nghị luận. - Diễn đạt sáng tạo, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng. - Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong văn bản đối với cuộc sống, xã hội hiện tại. 					
Tổng								7
Tỉ lệ %			40	30	20	10		
Tỉ lệ chung			70		30			

HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	ĐỌC HIỂU	- Đọc hiểu các văn bản/ đoạn trích thuộc thể loại tự sự dân gian: sử thi, truyền thuyết, cổ tích, truyện cười (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được phương thức biểu đạt, thể loại của văn bản/đoạn trích. - Xác định được cốt truyện, các sự việc chi tiết tiêu biểu, nhân vật trong văn bản/đoạn trích. - Chỉ ra thông tin trong văn bản/đoạn trích . - Nhận diện đặc điểm của hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ, các chức năng của ngôn ngữ trong giao tiếp, các nhân tố tham gia giao tiếp thể hiện trong văn bản/đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được đặc sắc về nội dung của văn bản/đoạn trích: chủ đề, tư tưởng, ý nghĩa của hình tượng nhân vật, ý nghĩa của sự việc chi tiết tiêu biểu... - Hiểu được đặc sắc về nghệ thuật của văn bản/ đoạn trích: nghệ thuật trần thuật, xây dựng nhân vật, chi tiết hoang đường kì ảo... - Hiểu được một số đặc trưng của tự sự dân 	3	2	1	0	6

		<p>gian thể hiện trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét giá trị của các yếu tố nội dung, hình thức trong văn bản. - Rút ra được thông điệp, bài học cho bản thân từ nội dung văn bản. 				
	<p>- Đọc hiểu ca dao (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được phương thức biểu đạt, thể thơ, nhân vật trữ tình của bài ca dao. (Câu 1) - Xác định được đề tài, chi tiết nghệ thuật đặc sắc của bài ca dao. (Câu 2) - Chỉ ra được thông tin trong văn bản. (Câu 3) - Nhận diện đặc điểm của giao tiếp bằng ngôn ngữ, các chức năng của ngôn ngữ trong giao tiếp, các nhân tố tham gia giao tiếp thể hiện trong bài ca dao. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được đặc sắc về nội dung của bài ca dao: tâm tư, tình cảm của nhân vật trữ tình... (Câu 5) - Hiểu được đặc sắc về nghệ thuật của bài ca dao: ngôn ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ... (Câu 4) - Hiểu được một số đặc 				

		<p>trung của thể trữ tình dân gian thể hiện trong bài ca dao.</p> <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét ý nghĩa, giá trị của các yếu tố nội dung, hình thức của bài ca dao (Câu 6) - Rút ra được thông điệp, bài học cho bản thân từ nội dung bài ca dao. 					
	<p>- Đọc hiểu thơ Đường luật trung đại Việt Nam/ thơ Đường/thơ hai-cư (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được phương thức biểu đạt, thể thơ của văn bản/đoạn trích thơ Đường luật trung đại Việt Nam/ thơ Đường/ thơ hai-cư. - Xác định được đề tài; chi tiết, hình ảnh nghệ thuật đặc sắc của văn bản/đoạn trích. - Chỉ ra được thông tin trong văn bản/đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được đặc sắc về nội dung của văn bản/đoạn trích: bức tranh thiên nhiên, đời sống; tâm sự của tác giả... - Hiểu được đặc sắc về nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: hình ảnh, ngôn ngữ, biện pháp tu từ... - Hiểu được một số đặc trưng của thơ Đường luật/ thơ Đường thể hiện trong văn 					

			<p>bản/đoạn trích.</p> <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét ý nghĩa, giá trị của các yếu tố nội dung, hình thức của văn bản/đoạn trích. - Rút ra được thông điệp, bài học cho bản thân từ nội dung văn bản/đoạn trích. 					
2	LÀM VĂN	<ul style="list-style-type: none"> - Kể chuyện dựa trên câu chuyện đã có: <ul style="list-style-type: none"> + <i>Chiến thắng Mtao Mxây</i> (trích <i>Đăm Săn</i> - sử thi Tây Nguyên) + <i>Truyện An Dương Vương và Mị Châu-Trọng Thủy</i> + <i>Uy-lít-xơ trở về</i> (trích <i>Ô-đi-xê</i> – sử thi Hi Lạp) + <i>Tám Cám</i> + <i>Tam đại con gà</i> + <i>Nhưng nó phải bằng hai</i> 	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài tự sự, câu chuyện cần kể. - Nhớ được cốt truyện, nhân vật, các sự việc chi tiết tiêu biểu của văn bản/đoạn trích tự sự dân gian đã học. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được các sự việc chính, các nhân vật, tư tưởng của văn bản/đoạn trích tự sự dân gian đã học - Hiểu vai trò của ngôi kể, lời kể, đối thoại và độc thoại trong văn tự sự. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng chất liệu trong các văn bản tự sự dân gian đã học để viết bài văn tự sự. - Sử dụng ngôi kể, lời kể khác với văn bản/đoạn trích trong sách giáo khoa. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn và sắp xếp diễn biến câu chuyện một cách nghệ thuật; 					1*

		<p>mày</p> <p>diễn đạt sáng tạo, có giọng điệu riêng để chuyện kể hấp dẫn lôi cuốn.</p> <p>- Lựa chọn sự việc, chi tiết sâu sắc, có tác dụng bồi đắp suy nghĩ tình cảm tốt đẹp trong cuộc sống.</p>					
	<p>- Kể chuyện theo cốt truyện tự mình xây dựng.</p>	<p>Nhận biết:</p> <p>- Xác định được kiểu bài tự sự, câu chuyện cần kể.</p> <p>- Xác định bố cục bài văn, sự kiện chính, nhân vật chính.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Trình bày được các sự việc chính theo trình tự thời gian/không gian/tâm lý nhân vật...</p> <p>- Hiểu vai trò của ngôi kể; đối thoại và độc thoại, độc thoại nội tâm trong văn tự sự.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Vận dụng kiến thức về văn tự sự để viết bài văn với cốt truyện tự xây dựng theo yêu cầu của đề bài.</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>- Lựa chọn sự việc chi tiết và sắp xếp diễn biến câu chuyện một cách nghệ thuật; diễn đạt sáng tạo, có giọng điệu riêng để chuyện kể hấp dẫn lôi cuốn.</p> <p>- Lựa chọn sự việc, chi tiết sâu sắc, có tác dụng bồi đắp suy nghĩ tình cảm tốt đẹp trong cuộc</p>					

			sống.					
		<p>- Nghị luận về văn bản/đoạn trích tự sự dân gian:</p> <p>+ <i>Chiến thắng Mtao Mxây</i> (trích <i>Đăm Săn</i>- sử thi Tây Nguyên)</p> <p>+ <i>Truyện An Dương Vương và Mị Châu-Trọng Thủy</i></p> <p>+ <i>Tám Cám</i></p> <p>+ <i>Tam đại con gà</i></p> <p>+ <i>Nhưng nó phải bằng hai mày</i></p> <p>+ <i>Uy-lít-xơ trở về</i> (trích <i>Ô-đi-xê</i> – sử thi Hi Lạp)</p>	<p>Nhận biết:</p> <p>- Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận.</p> <p>- Nêu được thể loại, cốt truyện, đề tài, nhân vật, các chi tiết, sự việc nổi bật của văn bản/đoạn trích</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Trình bày được những giá trị về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm/đoạn trích theo yêu cầu đề bài: kì tích của người anh hùng thời cổ đại; bài học dựng nước và giữ nước; xung đột thiện - ác, ước mơ công bằng xã hội; cái nhìn châm biếm sâu sắc và những bài học thiết thực; cách kể chuyện, nghệ thuật xây dựng nhân vật...</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Vận dụng các kĩ năng tạo lập văn bản, kiến thức về tự sự dân gian để viết bài văn nghị luận hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề bài.</p> <p>- Đánh giá, nhận xét giá trị của văn bản/đoạn trích.</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>- Liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận; vận</p>					

		<p>dụng kiến thức lí luận để có những phát hiện sâu sắc, mới mẻ vấn đề nghị luận;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn đạt sáng tạo, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng. - Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong văn bản đối với cuộc sống, xã hội hiện tại. 					
	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị luận về ca dao: <ul style="list-style-type: none"> + <i>Ca dao than thân yêu thương tình nghĩa</i> (bài số 1, 4, 6) + <i>Ca dao hài hước</i> (bài số 1, 2) 	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận. - Nêu được đề tài, chủ đề, kết cấu, nhân vật trữ tình của bài ca dao. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm theo yêu cầu đề bài: đời sống tình cảm đa dạng, phong phú của nhân dân lao động; cách thể hiện tình cảm vừa giản dị, gần gũi vừa tinh tế, sâu sắc;.... <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kĩ năng tạo lập văn bản, các thao tác lập luận; những kiến thức đã học về ca dao để viết bài văn nghị luận hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề bài. - Đánh giá, nhận xét giá trị của bài ca dao. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ, so sánh với 					

		<p>các tác phẩm khác để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận; vận dụng kiến thức lí luận để có những phát hiện sâu sắc, mới mẻ vấn đề nghị luận;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn đạt sáng tạo, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng. - Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong bài ca dao đối với cuộc sống, xã hội hiện tại. 						
		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị luận về thơ Đường luật trung đại Việt Nam, thơ hai-cư: <ul style="list-style-type: none"> + <i>Tỏ lòng</i> (Phạm Ngũ Lão). + <i>Cảnh ngày hè</i> (Nguyễn Trãi) + <i>Nhàn</i> (Nguyễn Bỉnh Khiêm) + <i>Độc Tiểu Thanh kí</i> (Nguyễn Du). + <i>Tại lầu Hoàng Hạc tiễn Mạnh Hạo Nhiên đi</i> 	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận - Nêu được thông tin về tác giả, tác phẩm. - Nêu nội dung cảm hứng, hình tượng nhân vật trữ tình, đặc điểm nghệ thuật nổi bật... của bài thơ. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được những giá trị về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm theo yêu cầu đề bài: hoài bão, khát vọng, <p>lí tưởng của con người thời trung đại; những suy ngẫm về số phận con người, cuộc đời và thế sự; vẻ đẹp hàm súc cổ điển của thơ Đường và thơ Đường luật; ý nghĩa triết lí của thơ hai-cư,...</p> <p>Vận dụng:</p>					

	<p><i>Quảng Lãng</i> (Lý Bạch).</p> <p>+ <i>Cảm xúc mùa thu</i> (Đỗ Phủ).</p> <p>+ Thơ hai-cư của Ba-sô (bài 1, 2, 3, 6)</p> <p>(Phần Làm văn)</p>	<p>- Vận dụng các kỹ năng tạo lập văn bản; kiến thức đã học về thơ Đường luật trung đại Việt Nam/thơ Đường/thơ hai-cư của Ba-sô để viết bài văn nghị luận đáp ứng yêu cầu của đề bài.</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>- Liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận; vận dụng kiến thức lí luận để có những phát hiện sâu sắc, mới mẻ vấn đề nghị luận.</p> <p>- Diễn đạt sáng tạo, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.</p> <p>- Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong bài thơ đối với cuộc sống, xã hội hiện tại.</p>					
Tổng							7
Tỉ lệ %			40	30	20	10	
Tỉ lệ chung			70	30			

HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II
MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	ĐỌC HIỂU	- Đọc hiểu các văn bản/đoạn trích thuộc thể phú, cáo, nghị luận trung đại (ngữ liệu ngoài sách giáo khoa).	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được phương thức biểu đạt, thể loại của văn bản/đoạn trích. - Xác định các chi tiết tiêu biểu trong văn bản/đoạn trích. - Chỉ ra thông tin trong văn bản/đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được đặc sắc về nội dung của văn bản/đoạn trích: chủ đề, tư tưởng, vấn đề nghị luận... - Hiểu được đặc sắc về nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: lập luận, ngôn ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ... - Hiểu được một số đặc trưng của thể loại thể hiện trong văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của các yếu tố nội dung, hình thức trong văn bản. - Rút ra được những bài học, thông điệp từ nội dung văn bản. 	3	2	1	0	6

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
		<p>- Đọc hiểu văn bản văn xuôi tự sự trung đại (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa).</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được phương thức biểu đạt, thể loại của văn bản/đoạn trích. (Câu 1) - Xác định được các sự việc chi tiết tiêu biểu, nhân vật trong văn bản/đoạn trích. (Câu 2) - Chỉ ra thông tin trong văn bản/đoạn trích. (Câu 3) <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được đặc sắc về nội dung của văn bản/đoạn trích: chủ đề, tư tưởng, ý nghĩa của hình tượng nhân vật, ý nghĩa của sự việc chi tiết tiêu biểu...(Câu 4) - Hiểu được đặc sắc về nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: nghệ thuật trần thuật, nghệ thuật xây dựng nhân vật... (Câu 5) - Hiểu được một số đặc trưng của tự sự trung đại thể hiện trong văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét giá trị của các yếu tố nội dung, hình thức trong văn bản. (Câu 6) - Rút ra được thông điệp, bài học cho bản thân từ nội dung văn bản. 					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
2	LÀM VĂN	<p>- Thuyết minh về tác phẩm, tác giả, một thể loại văn học đã học trong <i>Ngữ văn 10</i>.</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định kiểu bài, đối tượng cần thuyết minh - Nhớ được thông tin về tác giả, tác phẩm, thể loại văn học đã học. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được đặc trưng của văn thuyết minh: hình thức kết cấu, tính chuẩn xác, hấp dẫn, phương pháp thuyết minh. - Trình bày được những đặc điểm, bản chất của đối tượng thuyết minh. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết cách sử dụng những kiến thức kĩ năng tạo lập văn bản thuyết minh, kiến thức đã học về tác giả, tác phẩm, thể loại văn học để viết bài văn hoàn chỉnh theo yêu cầu đề bài. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ, so sánh với các đối tượng khác để làm nổi bật nội dung thuyết minh. - Diễn đạt sáng tạo, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng để thuyết minh hấp dẫn, lôi cuốn. 					1*
		Nghị luận về văn bản/đoạn	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề 					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
		trích <i>Phú sông Bạch Đằng</i> (Trương Hán Siêu)	<p>cần nghị luận.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu thông tin về thời đại, tác giả, tác phẩm <i>Phú sông Bạch Đằng</i>. - Xác định được bố cục, nội dung chính, các nhân vật của bài phú. - Nhận diện từ cổ, điển tích, điển cố trong văn bản/đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được những giá trị về nội dung và nghệ thuật của bài phú: tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc; có sự kết hợp hài hòa nhuần nhuyễn giữa tự sự, nghị luận và trữ tình; lời văn biền ngẫu đăng đối; giọng điệu hùng hồn, tha thiết... <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng những kĩ năng tạo lập văn bản, vận dụng kiến thức về tác phẩm <i>Phú sông Bạch Đằng</i> để viết được bài văn nghị luận hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề. - Nhận xét, đánh giá giá trị của tác phẩm, vai trò của tác giả Trương Hán Siêu trong văn học Việt Nam. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác để 					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận; vận dụng kiến thức lí luận để có những phát hiện sâu sắc, mới mẻ vấn đề nghị luận.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn đạt sáng tạo, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng. - Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong văn bản đối với cuộc sống, xã hội hiện tại. 					
		<p>Nghị luận về văn bản/đoạn trích <i>Đại cáo bình Ngô</i> (Nguyễn Trãi)</p> <p>(Phần Làm văn)</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận. - Giới thiệu thông tin về thời đại, tác giả, tác phẩm <i>Đại cáo bình Ngô</i>. - Xác định được bố cục, nội dung chính... của văn bản/ đoạn trích. - Nhận diện từ cổ, điển tích, điển cố trong văn bản/đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được những giá trị về nội dung và nghệ thuật của bài cáo: là bản tuyên ngôn độc lập hoàn chỉnh nhất thời trung đại; thể hiện tư tưởng nhân nghĩa; tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc; sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố chính luận và trữ tình; lập luận 					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>chặt chẽ sắc bén; giọng điệu hào hùng...</p> <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng những kĩ năng tạo lập văn bản, vận dụng kiến thức về tác phẩm <i>Đại cáo bình Ngô</i> để viết được bài văn nghị luận hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề. - Nhận xét, đánh giá giá trị của tác phẩm, vai trò của tác giả Nguyễn Trãi trong văn học Việt Nam. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận; vận dụng kiến thức lí luận văn học để phát hiện những vấn đề sâu sắc/mới mẻ/độc đáo trong văn bản. - Diễn đạt sáng tạo, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng. - Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong văn bản đối với cuộc sống, xã hội hiện tại. 					
		- Nghị luận về đoạn trích <i>Hiền tài là nguyên khí của Quốc gia</i> (Trích	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận. - Giới thiệu thông tin về thời đại, tác giả, tác 					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
		Bài kí đề danh tiến sĩ khoa Nhân Tuất, niên hiệu Đại Bảo thứ ba) của Thân Nhân Trung	<p>phẩm Bài kí đề danh tiến sĩ khoa Nhân Tuất, niên hiệu Đại Bảo thứ ba và đoạn trích <i>Hiền tài là nguyên khí của quốc gia</i>.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được bố cục, nội dung chính... của văn bản/đoạn trích. - Nhận diện từ cổ, điển tích, điển cố trong văn bản/đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được những giá trị về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích: vai trò của người hiền tài với đất nước; khích lệ kẻ sĩ đương thời luyện tài, rèn đức để lập nghiệp; lập luận thuyết phục bằng lí lẽ sắc sảo, kết cấu chặt chẽ; tâm huyết của tác giả với tư tưởng trọng hiền tài... <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng những kĩ năng tạo lập văn bản, vận dụng kiến thức tác phẩm và đoạn trích để viết được bài văn nghị luận hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề. - Nhận xét, đánh giá giá trị của tác phẩm, vị trí của tác giả Thân Nhân Trung trong văn học Việt Nam. <p>Vận dụng cao:</p>					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận; vận dụng kiến thức lí luận văn học để phát hiện những vấn đề sâu sắc, độc đáo trong văn bản. - Diễn đạt sáng tạo, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng. - Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong văn bản đối với cuộc sống, xã hội hiện tại. 					
		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị luận về văn bản/đoạn trích trong <i>Chuyện chức phán sự đền Tản Viên</i> (Nguyễn Dữ). 	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận. - Giới thiệu thông tin về thời đại, tác giả, tác phẩm <i>Chuyện chức phán sự đền Tản Viên</i>. - Xác định được cốt truyện, các sự việc tiêu biểu, hệ thống nhân vật, ngôi kể... trong văn bản/đoạn trích. - Nhận diện từ cổ, điển tích, điển cố trong văn bản/đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được những giá trị về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: + Ngợi ca khí tiết cương trực, dũng cảm của nhân 					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>vật Ngô Tử Văn trong cuộc đấu tranh với thế lực gian tà; đề cao lối sống ngay thẳng, chính trực...</p> <p>+ Cốt truyện li kì, bất ngờ; chi tiết kì ảo đặc trưng của truyện truyền kì...</p> <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng những kĩ năng tạo lập văn bản, kiến thức về thể loại truyện truyền kì và tác phẩm để viết được bài văn nghị luận hoàn chỉnh theo yêu cầu của đề. - Nhận xét, đánh giá giá trị của tác phẩm, vai trò của tác giả Nguyễn Dữ trong văn học Việt Nam. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận; vận dụng kiến thức lí luận văn học để phát hiện những vấn đề sâu sắc, độc đáo trong văn bản. - Diễn đạt sáng tạo, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng. - Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong văn bản đối với cuộc sống, xã hội hiện tại. 					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
		<p>- Nghị luận về đoạn trích <i>Hồi trống Cổ thành</i> (Trích <i>Tam quốc diễn nghĩa</i>) của La Quán Trung</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận. - Giới thiệu thông tin về thời đại, tác giả, tác phẩm <i>Tam quốc diễn nghĩa</i> và đoạn trích <i>Hồi trống Cổ thành</i>. - Xác định được nội dung chính, nhân vật... của đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được giá trị về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích: + Ngợi ca những phẩm chất cao đẹp của Trương Phi, Quan Vũ: ngay thẳng, trung nghĩa, can trường... + Cốt truyện, tình tiết giàu kịch tính, được giải quyết bất ngờ; nghệ thuật khắc họa tính cách nhân vật; không khí chiến trận... <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng những kĩ năng tạo lập văn bản, kiến thức về tác phẩm và đoạn trích để viết được bài văn nghị luận hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề. - Nhận xét, đánh giá giá trị của tác phẩm, tâm ảnh hưởng của tác phẩm <i>Tam quốc diễn nghĩa</i> với văn 					

TT	Nội dung kiến thức/kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>học Việt Nam.</p> <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận; vận dụng kiến thức lí luận để có những phát hiện sâu sắc, mới mẻ vấn đề nghị luận; - Diễn đạt sáng tạo, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng. - Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong đoạn trích đối với cuộc sống, xã hội hiện tại. 					
Tổng								7
Tỉ lệ %				40	30	20	10	
Tỉ lệ chung				70		30		

HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II
MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ kĩ năng	Chuẩn kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	ĐỌC HIỂU	- Đọc hiểu các văn bản/đoạn trích thuộc thể phú, cáo, nghị luận trung đại (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa).	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được phương thức biểu đạt, thể loại của văn bản/đoạn trích. - Xác định các chi tiết tiêu biểu trong văn bản/đoạn trích. - Chỉ ra thông tin trong văn bản/đoạn trích. - Nhận diện đặc trưng của phong cách ngôn ngữ nghệ thuật thể hiện trong văn bản/đoạn trích <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được đặc sắc về nội dung của văn bản/đoạn trích: chủ đề, tư tưởng, vấn đề nghị luận... - Hiểu được đặc sắc về nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: lập luận, ngôn ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ... - Hiểu được một số đặc trưng của thể loại thể hiện trong văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét giá trị của các yếu tố nội dung, hình thức trong văn bản. - Rút ra được những bài học, thông điệp từ 	3	2	1	0	6

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ kĩ năng	Chuẩn kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			nội dung văn bản.					
		<p>- Đọc hiểu văn bản văn xuôi tự sự trung đại</p> <p>(Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa).</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được phương thức biểu đạt, thể loại của văn bản/đoạn trích. - Xác định được các sự việc chi tiết tiêu biểu, nhân vật trong văn bản/đoạn trích. - Chỉ ra thông tin trong văn bản/đoạn trích. - Nhận diện đặc trưng của phong cách ngôn ngữ nghệ thuật thể hiện trong văn bản/đoạn trích <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được đặc sắc về nội dung của văn bản/đoạn trích: chủ đề, tư tưởng, ý nghĩa của hình tượng nhân vật, ý nghĩa của sự việc chi tiết tiêu biểu... - Hiểu được đặc sắc về nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: nghệ thuật trần thuật, nghệ thuật xây dựng nhân vật... - Hiểu được một số đặc trưng của tự sự trung đại thể hiện trong văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét giá trị của các yếu tố nội dung, hình thức trong văn 					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ kĩ năng	Chuẩn kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>bản; sự khác biệt giữa văn xuôi tự sự trung đại với văn xuôi tự sự hiện đại.</p> <p>- Rút ra được thông điệp, bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.</p>					
		- Đọc hiểu truyện thơ, ngâm khúc trung đại (ngữ liệu ngoài sách giáo khoa).	<p>Nhận biết:</p> <p>- Xác định phương thức biểu đạt, thể loại của văn bản/đoạn trích. (Câu 1)</p> <p>- Xác định nhân vật, chi tiết nghệ thuật tiêu biểu của văn bản/đoạn trích. (Câu 2)</p> <p>- Chỉ ra được thông tin trong văn bản/ đoạn trích. (Câu 3)</p> <p>- Nhận diện đặc trưng của phong cách ngôn ngữ nghệ thuật thể hiện trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Hiểu được đặc sắc về nội dung của văn bản/đoạn trích: chủ đề, tình cảm của nhân vật... (Câu 5)</p> <p>- Hiểu được đặc sắc về nghệ thuật của văn bản/ đoạn trích: ngôn ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ... (Câu 4)</p> <p>- Hiểu được một số đặc trưng của thể loại thể hiện trong văn</p>					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ kĩ năng	Chuẩn kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			bản/đoạn trích. Vận dụng: - Nhận xét giá trị của các yếu tố nội dung, hình thức trong văn bản. (Câu 6) - Rút ra được những bài học, thông điệp từ nội dung văn bản					
2	LÀM VĂN	- Thuyết minh về tác phẩm, tác giả, một thể loại văn học đã học trong <i>Ngữ văn 10</i> .	Nhận biết: - Xác định kiểu bài, đối tượng cần thuyết minh - Nhớ được thông tin về tác giả, tác phẩm, thể loại văn học đã học. Thông hiểu: - Hiểu được đặc trưng của văn thuyết minh: hình thức kết cấu, tính chuẩn xác, hấp dẫn, phương pháp thuyết minh. - Trình bày được những đặc điểm, bản chất của đối tượng thuyết minh. Vận dụng: - Biết cách sử dụng những kiến thức kĩ năng tạo lập văn bản thuyết minh, kiến thức đã học về tác giả, tác phẩm, thể loại văn học để viết bài văn hoàn chỉnh theo yêu cầu đề bài. Vận dụng cao: - Liên hệ, so sánh với các đối tượng khác để					1*

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ kĩ năng	Chuẩn kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>làm nổi bật nội dung thuyết minh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn đạt sáng tạo, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng để thuyết minh hấp dẫn, lôi cuốn. 					
		<p>- Nghị luận về văn bản/đoạn trích <i>Phú sông Bạch Đằng</i> (Trương Hán Siêu)</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận. - Giới thiệu thông tin về thời đại, tác giả, tác phẩm <i>Phú sông Bạch Đằng</i>. - Xác định được bố cục, nội dung chính, các nhân vật của bài phú. - Nhận diện từ cổ, điển tích, điển cố trong văn bản/đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được những giá trị về nội dung và nghệ thuật của bài phú: tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc; có sự kết hợp hài hòa nhuần nhuyễn giữa tự sự, nghị luận và trữ tình; lối văn biền ngẫu đăng đối; giọng điệu hùng hồn, tha thiết... <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng những kĩ năng tạo lập văn bản, vận dụng kiến thức về tác phẩm <i>Phú sông Bạch Đằng</i> để viết 					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ kĩ năng	Chuẩn kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>được bài văn nghị luận hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét, đánh giá giá trị của tác phẩm, vai trò của tác giả Trương Hán Siêu trong văn học Việt Nam. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận; vận dụng kiến thức lí luận để có những phát hiện sâu sắc, mới mẻ vấn đề nghị luận. - Diễn đạt sáng tạo, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng. - Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong văn bản đối với cuộc sống, xã hội hiện tại. 					
		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị luận về văn bản/đoạn trích <i>Đại cáo bình Ngô</i> (Nguyễn Trãi) 	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận. - Giới thiệu thông tin về thời đại, tác giả, tác phẩm <i>Đại cáo bình Ngô</i>. - Xác định được bố cục, nội dung chính... của văn bản/ đoạn trích. - Nhận diện từ cổ, điển tích, điển cố trong văn bản/đoạn trích. 					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ kĩ năng	Chuẩn kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được những giá trị về nội dung và nghệ thuật của bài cáo: là bản tuyên ngôn độc lập hoàn chỉnh nhất thời trung đại; thể hiện tư tưởng nhân nghĩa; tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc; sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố chính luận và trữ tình; lập luận chặt chẽ sắc bén; giọng điệu hào hùng... <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng những kĩ năng tạo lập văn bản, vận dụng kiến thức về tác phẩm <i>Đại cáo bình Ngô</i> để viết được bài văn nghị luận hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề. - Nhận xét, đánh giá giá trị của tác phẩm, vai trò của tác giả Nguyễn Trãi trong văn học Việt Nam. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận; vận dụng kiến thức lí luận văn học để phát hiện những vấn đề sâu sắc/mới mẻ/độc đáo trong văn bản. - Diễn đạt sáng tạo, giàu hình ảnh, có giọng 					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ kĩ năng	Chuẩn kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			điều riêng. - Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong văn bản đối với cuộc sống, xã hội hiện tại.					
		- Nghị luận về đoạn trích <i>Hiền tài là nguyên khí của Quốc gia</i> (Trích <i>Bài kí đề danh tiến sĩ khoa Nhâm Tuất, niên hiệu Đại Bảo thứ ba</i>) của Thân Nhân Trung	Nhận biết: - Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận. - Giới thiệu thông tin về thời đại, tác giả, tác phẩm <i>Bài kí đề danh tiến sĩ khoa Nhâm Tuất, niên hiệu Đại Bảo thứ ba</i> và đoạn trích <i>Hiền tài là nguyên khí của quốc gia</i> . - Xác định được bố cục, nội dung chính... của văn bản/đoạn trích. - Nhận diện từ cổ, điển tích, điển cố trong văn bản/đoạn trích. Thông hiểu: - Trình bày được những giá trị về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích: vai trò của người hiền tài với đất nước; khích lệ kẻ sĩ đương thời luyện tài, rèn đức để lập nghiệp; lập luận thuyết phục bằng lí lẽ sắc sảo, kết cấu chặt chẽ; tâm huyết của tác giả với tư tưởng trọng hiền tài... Vận dụng:					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ kĩ năng	Chuẩn kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng những kĩ năng tạo lập văn bản, vận dụng kiến thức tác phẩm và đoạn trích để viết được bài văn nghị luận hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề. - Nhận xét, đánh giá giá trị của tác phẩm, vị trí của tác giả Thân Nhân Trung trong văn học Việt Nam. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận; vận dụng kiến thức lí luận văn học để phát hiện những vấn đề sâu sắc, độc đáo trong văn bản. - Diễn đạt sáng tạo, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng. - Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong văn bản đối với cuộc sống, xã hội hiện tại. 					
		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị luận về văn bản/đoạn trích <i>Chuyện chức phán sự đền Tản Viên</i> của Nguyễn Dữ 	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận. - Giới thiệu thông tin về thời đại, tác giả, tác phẩm <i>Chuyện chức phán sự đền Tản Viên</i>. - Xác định được cốt truyện, các sự việc tiêu 					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ kĩ năng	Chuẩn kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			biểu, hệ thống nhân vật, ngôi kể... trong văn bản/đoạn trích. - Nhận diện từ cổ, điển tích, điển cố trong văn bản/đoạn trích. Thông hiểu: - Trình bày được những giá trị về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: + Ngợi ca khí tiết cương trực, dũng cảm của nhân vật Ngô Tử Văn trong cuộc đấu tranh với các thế lực gian tà; đề cao lối sống ngay thẳng, chính trực... + Cốt truyện li kì, bất ngờ; chi tiết kì ảo đặc trưng của truyện truyền kì... Vận dụng: - Vận dụng những kĩ năng tạo lập văn bản, kiến thức về thể loại truyện truyền kì và tác phẩm để viết được bài văn nghị luận hoàn chỉnh theo yêu cầu của đề. - Nhận xét, đánh giá giá trị của tác phẩm, vai trò của tác giả Nguyễn Dữ trong văn học Việt Nam. Vận dụng cao: - Liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác để đánh giá, làm nổi bật					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ kĩ năng	Chuẩn kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>vấn đề nghị luận; vận dụng kiến thức lí luận văn học để phát hiện những vấn đề sâu sắc, độc đáo trong văn bản.</p> <p>- Diễn đạt sáng tạo, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.</p> <p>- Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong văn bản đối với cuộc sống, xã hội hiện tại.</p>					
		<p>- Nghị luận về đoạn trích <i>Hồi trống Cổ Thành</i> (Trích <i>Tam quốc diễn nghĩa</i>) của La Quán Trung</p>	<p>Nhận biết:</p> <p>- Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận.</p> <p>- Giới thiệu thông tin về thời đại, tác giả, tác phẩm <i>Tam quốc diễn nghĩa</i> và đoạn trích <i>Hồi trống Cổ Thành</i>.</p> <p>- Xác định được nội dung chính, nhân vật... của đoạn trích.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Trình bày được những giá trị về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích:</p> <p>+ Ngợi ca những phẩm chất cao đẹp của Trương Phi, Quan Vũ: ngay thẳng, trung nghĩa, can trường...</p> <p>+ Cốt truyện, tình tiết giàu kịch tính, được giải quyết bất ngờ; nghệ thuật khắc họa</p>					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ kĩ năng	Chuẩn kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>tính cách nhân vật; không khí chiến trận...</p> <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng những kĩ năng tạo lập văn bản, kiến thức về tác phẩm và đoạn trích để viết được bài văn nghị luận hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề. - Nhận xét, đánh giá giá trị của tác phẩm, tầm ảnh hưởng của tác phẩm <i>Tam quốc diễn nghĩa</i> với văn học Việt Nam. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận; vận dụng kiến thức lí luận để có những phát hiện sâu sắc, mới mẻ vấn đề nghị luận; - Diễn đạt sáng tạo, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng. - Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong đoạn trích đối với cuộc sống, xã hội hiện tại. 					
		- Nghị luận về đoạn trích <i>Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ</i>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận. - Giới thiệu thông tin về thời đại, tác giả, dịch giả, tác phẩm <i>Chinh phụ</i> 					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ kĩ năng	Chuẩn kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p><i>ngâm</i> và đoạn trích <i>Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ</i>.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được nội dung cảm xúc, nhân vật trữ tình... của đoạn trích. - Nhận diện được từ cổ, điển tích, điển cố trong văn bản/đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được nội dung và nghệ thuật đoạn trích: nỗi đau khổ của người chinh phụ phải sống trong cảnh cô đơn, khao khát hạnh phúc lứa đôi; nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật... <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng kĩ năng tạo lập văn bản; vận dụng kiến thức về lập luận trong văn nghị luận, các thao tác nghị luận; vận dụng kiến thức về tác phẩm để viết được bài văn nghị luận hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề bài. - Nhận xét, đánh giá giá trị của tác phẩm, vai trò của tác giả, dịch giả trong văn học Việt Nam. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận; vận dụng kiến thức lí luận 					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ kĩ năng	Chuẩn kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>đề có những phát hiện sâu sắc, mới mẻ vấn đề nghị luận;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn đạt sáng tạo, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng. - Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong đoạn trích đối với cuộc sống, xã hội hiện tại. 					
		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị luận về đoạn trích <i>Truyện Kiều</i>: - <i>Trao duyên</i> - <i>Chí khí anh hùng</i> <p>(Phần Làm văn)</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận. - Giới thiệu thông tin về thời đại, tác giả, tác phẩm <i>Truyện Kiều</i> và đoạn trích. - Xác định được nội dung, nhân vật, biện pháp nghệ thuật... trong đoạn trích. - Nhận diện được từ cổ, điển tích, điển cố trong văn bản/đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được nội dung và nghệ thuật đoạn trích: + <i>Trao duyên</i>: bi kịch tình yêu, thân phận bất hạnh và sự hi sinh quên mình của Kiều vì hạnh phúc của người thân qua lời “trao duyên” đầy đau khổ; nghệ thuật khắc họa nội tâm nhân vật Thúy Kiều. + <i>Chí khí anh hùng</i>: 					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ kĩ năng	Chuẩn kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			khát vọng lên đường, lí tưởng anh hùng của Từ Hải; nghệ xây dựng hình tượng người anh hùng Từ Hải. Vận dụng: - Vận dụng các kĩ năng lập dàn ý, tạo lập văn bản, sử dụng các thao tác nghị luận; kĩ năng đọc hiểu tác phẩm để viết được bài văn nghị luận hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề bài. - Nhận xét, đánh giá giá trị của tác phẩm, vai trò của tác giả Nguyễn Du trong văn học Việt Nam. Vận dụng cao: - Liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận; vận dụng kiến thức lí luận để có những phát hiện sâu sắc, mới mẻ vấn đề nghị luận; - Diễn đạt sáng tạo, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng. - Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong đoạn trích đối với cuộc sống, xã hội hiện tại.					
Tổng								5
Tỉ lệ %				40	30	20	10	
Tỉ lệ chung				70	30			

d) Đề minh họa; đáp án và hướng dẫn chấm

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I NĂM HỌC 2020 - 2021

ĐỀ MINH HỌA

Môn: Ngữ văn, lớp 10

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề

Họ và tên học sinh: Mã số học sinh:

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản:

Một hôm, chủ nhà bảo anh đầy tớ về quê có việc, người đầy tớ xin mấy đồng tiền để uống nước dọc đường.

Chủ nhà ngẫm nghĩ một lúc rồi nói:

- Thằng này ngốc thật, hai bên đường thiếu gì ao hồ. Khát nước thì xuống đó mà uống, tìm vào quán xá cho nó phiền phức.

- Thưa ông, độ này trời đang cạn, ao hồ ruộng nương cạn khô hết cả.

- Thế thì tao cho mày mượn cái này!

Nói rồi đưa cho anh đầy tớ cái khó tải. Người này chưa hiểu ra sao, thì chủ nhà đã giải thích luôn cho biết ý tứ:

- Vận vào người, khi khát vận ra mà uống.

Người đầy tớ liền thưa:

- Dạ, trời nóng thế này vận khó tải ngót lắm! Hay là ông cho tôi mượn cái chày giã cua vậy.

- Để mày làm gì chứ?

- Dạ, vất cổ chày ra nước ạ!

(Vất cổ chày ra nước, Tinh hoa văn học dân gian người Việt- Truyện cười,

NXB Khoa học xã hội, 2009, tr.119-120)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Chỉ ra phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản.

Câu 2. Trong câu chuyện, hoạt động giao tiếp diễn ra giữa các nhân vật nào?

Câu 3. Trong câu chuyện, người đầy tớ xin tiền chủ nhà để làm gì?

Câu 4. Theo anh/chị, chi tiết người đầy tớ mượn ông chủ cái chày giã cua có ý nghĩa gì?

Câu 5. Câu chuyện phê phán thói xấu nào của con người?

Câu 6. Hãy nêu bài học ý nghĩa nhất đối với anh/chị rút ra từ văn bản trên.

II. LÀM VĂN (6,0 điểm)

Anh/Chị hãy tưởng tượng mình là nhân vật Mị Châu kể lại *Truyện An Dương Vương và Mị Châu - Trọng Thủy* với một kết thúc khác bản kể trong sách giáo khoa *Ngữ văn 10*.

-----**HẾT**-----

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Phương thức biểu đạt chính: tự sự Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như Đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời không đúng phương thức biểu đạt chính: không cho điểm.	0,5
	2	Hoạt động giao tiếp diễn ra giữa các nhân vật: chủ nhà và đầy tớ Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như Đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời không đúng các nhân vật giao tiếp: không cho điểm.	0,5
	3	Người đầy tớ xin tiền chủ nhà để uống nước dọc đường về quê theo yêu cầu của chủ nhà Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như Đáp án: 0,5 điểm - Học sinh trả lời được “để uống nước dọc đường”: 0,25 điểm	0,5
	4	Chi tiết người đầy tớ mượn ông chủ cái chày giã cua có ý nghĩa: - Thể hiện thái độ mỉa mai của người đầy tớ - Tạo nên tiếng cười ở phần kết thúc truyện. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như Đáp án hoặc có cách diễn đạt tương đương: 0,75 điểm. - Học sinh trả lời 1 trong 2 ý của Đáp án: 0,5 điểm.	0,75
	5	Câu chuyện phê phán thói keo kiệt của con người. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án hoặc có cách diễn đạt tương đương: 0,75 điểm. - Học sinh trả lời không đúng phương thức biểu đạt chính: không cho điểm.	0,75

6	<p>- Học sinh rút ra bài học ý nghĩa nhất với bản thân. - Trình bày thuyết phục.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh nêu bài học: 0,25 điểm - Học sinh trình bày, lí giải: + Trình bày thuyết phục: 0,75 điểm; + Trình bày chung chung: 0,5 điểm; + Trình bày thiếu thuyết phục: 0,25 điểm.</p>	1,0
II	LÀM VĂN	6,0
	<p>Tưởng tượng mình là nhân vật Mị Châu kể lại <i>Truyện An Dương Vương và Mị Châu - Trọng Thủy</i> với một kết thúc khác bản kể trong sách giáo khoa</p>	6,0
	<p><i>a. Đảm bảo cấu trúc bài tự sự</i></p> <p>Mở bài giới thiệu được bản thân (nhập vai), Thân bài kể được các sự việc chi tiết của truyện, Kết bài nêu được cảm nghĩ của bản thân.</p>	0,5
	<p><i>b. Xác định đúng yêu cầu đề bài:</i></p> <p>Kể chuyện <i>Truyện An Dương Vương và Mị Châu - Trọng Thủy</i> theo ngôi kể Mị Châu; sáng tạo kết thúc khác với bản kể của sách giáo khoa.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh xác định đúng 02 yêu cầu của đề bài: 0,5 điểm. - Học sinh xác định được 1 trong 2 yêu cầu của đề bài: 0,25 điểm.</p>	0,5
	<p><i>c. Triển khai cốt truyện</i></p> <p>Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo kể được cốt truyện hoàn chỉnh với các sự việc chi tiết tiêu biểu theo ngôi kể Mị Châu.</p>	
	<p><i>* Tưởng tượng mình là Mị Châu để giới thiệu bản thân</i></p>	0,5
	<p><i>* Kể lại chuyện theo ngôi kể Mị Châu:</i></p> <p>- Sự việc An Dương Vương xây thành, làm nỏ, chống giặc ngoại xâm - Sự việc nên duyên cùng Trọng Thủy. - Sự việc cho Trọng Thủy xem nỏ thần. - Sự việc cuộc chia tay với Trọng Thủy. - Sự việc chạy trốn cùng cha, rắc lông ngỗng.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Kể được đầy đủ các sự kiện, chi tiết, đúng ngôi kể: 2,5 điểm - Kể chưa đầy đủ: 1,5 điểm - 2,0 điểm.</p>	2,5

	<ul style="list-style-type: none"> - Kể sơ sài: 0,75 điểm - 1,25 điểm. - Kể sai sự việc: 0,25 điểm - 0,5 điểm. 	
	<p>* Sáng tạo kết thúc truyện khác với bản kể của sách giáo khoa.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sáng tạo kết thúc mới hấp dẫn và hợp logic với cốt truyện: 0,5 điểm. - Kể kết thúc mới chưa phù hợp với cốt truyện: 0,25 điểm. 	0,5
	<p>* Nêu cảm nghĩ của bản thân trong vai Mị Châu, rút ra bài học lịch sử</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảm nghĩ của bản thân trong vai Mị Châu - Bài học dựng nước, giữ nước; bài học về mối quan hệ cá nhân và cộng đồng <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đáp ứng được 2 yêu cầu: 0,5 điểm - Học sinh đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm. 	0,5
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</p>	0,5
	<p>e. Sáng tạo</p> <p>Thể hiện trí tưởng tượng phong phú; lựa chọn và sắp xếp diễn biến câu chuyện một cách nghệ thuật; diễn đạt giàu cảm xúc, có giọng điệu riêng.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm. - Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm. 	0,5
Tổng điểm		10,0

----- Hết -----

Họ và tên học sinh: Mã số học sinh:

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc bài ca dao:

*Hôm qua tát nước đầu đình,
Bỏ quên chiếc áo trên cành hoa sen.
Em được thì cho anh xin,
Hay là em để làm tin trong nhà?
Áo anh sứt chỉ đường tà,
Vợ anh chưa có, mẹ già chưa khâu,
Áo anh sứt chỉ đã lâu,
Mai mượn cô ấy về khâu cho cùng.
Khâu rồi anh sẽ trả công,
Đến lúc lấy chồng, anh sẽ giúp cho,
Giúp em một thúng xôi vò
Một con lợn béo, một vò rượu tăm,
Giúp cho đôi chiếu em nằm,
Đôi chăn em đắp, đôi trâm em đeo,
Giúp cho quan tám tiền cheo,
Quan năm tiền cưới, lại đèo bông cau.*

(Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam, Vũ Ngọc Phan,

NXB Văn học, 2005, tr. 271)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định thể thơ của bài ca dao.

Câu 2. Chàng trai trong bài ca dao bỏ quên áo trong hoàn cảnh nào?

Câu 3. Theo lời chàng trai trong bài ca dao, hoàn cảnh gia đình của anh như thế nào?

Câu 4. Anh/Chị hiểu như thế nào về từ “*cô ấy*” được chàng trai nói đến câu “*Mai mượn cô ấy về khâu cho cùng*”?

Câu 5. Những lễ vật mà chàng trai hứa trả công cho người khâu áo giúp anh có ý nghĩa gì?

Câu 6. Anh/Chị có nhận xét gì về cách bày tỏ tình cảm của chàng trai trong bài ca dao?

II. LÀM VĂN (6,0 điểm)

Trình bày cảm nhận của anh/chị về bài thơ sau:

Nhàn

(Nguyễn Bình Khiêm)

Một mai, một cuốc, một cần câu,

Thơ thần dầu ai vui thú nào.

Ta dại ta tìm nơi vắng vẻ,

Người khôn, người đến chốn lao xao.

Thu ăn măng trúc, đông ăn giá,

Xuân tắm hồ sen hạ tắm ao.

Rượu, đến cội cây ta sẽ uống,

Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao.

(Theo *Ngữ văn 10*, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020, tr. 129)

-----**HẾT**-----

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Thể thơ: lục bát Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như Đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời không đúng thể thơ: không cho điểm.	0,5
	2	Chàng trai trong bài ca dao bỏ quên áo trong hoàn cảnh: <i>đêm qua tát nước đầu đình</i> . Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như Đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời “đêm qua” hoặc “tát nước”/ “tát nước đầu đình”: 0,25 điểm.	0,5
	3	Hoàn cảnh gia đình của chàng trai: chưa có vợ, nhà có mẹ già. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như Đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời 01 trong 02 ý của Đáp án hoặc chép nguyên văn câu thơ “vợ anh chưa có, mẹ già chưa khâu”: 0,25 điểm.	0,5
	4	Từ “ <i>cô ấy</i> ”: - “ <i>Cô ấy</i> ” thực chất để chỉ “ <i>em</i> ”. - Cách gọi lấp lửng thể hiện sự ý nhị, khéo léo của chàng trai. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,75 điểm - Học sinh trả lời 01 trong 02 ý của đáp án: 0,5 điểm	0,75
	5	- Những lễ vật hứa trả công cho người giúp khâu áo là đồ sính lễ/ lễ vật cho đám cưới. - Ý nghĩa: thể hiện sự trân trọng cô gái; mong muốn được kết duyên với cô gái của chàng trai. Hướng dẫn chấm:	0,75

		- Học sinh trả lời như đáp án: 0,75 điểm - Học sinh trả lời 01 trong 02 ý của đáp án: 0,5 điểm	
	6	- Học sinh nhận xét về cách tỏ tình của chàng trai: khéo léo, tế nhị, hóm hỉnh, chân thành... Hướng dẫn chấm: - Trình bày thuyết phục: 1,0 điểm. - Trình bày chung chung: 0,5 điểm-0,75 điểm. - Trình bày thiếu thuyết phục: 0,25 điểm.	1,0
II		LÀM VĂN	
		Trình bày cảm nhận của anh/chị về bài thơ Nhàn của Nguyễn Bình Khiêm	6,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề	0,5
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Bài thơ Nhàn của Nguyễn Bình Khiêm Hướng dẫn chấm: - Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm. - Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm.	0,5
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:	
		* Giới thiệu tác giả Nguyễn Bình Khiêm, tác phẩm Nhàn. Hướng dẫn chấm: - Giới thiệu tác giả: 0.25 điểm - Giới thiệu tác phẩm: 0.25 điểm	0,5

	<p>* <i>Bài thơ thể hiện quan niệm, lối sống nhàn dật của người ẩn sĩ với những biểu hiện sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhàn là vui với thú điền viên (<i>một mai, một cuộc, một căn câu</i>), mặc cho “<i>ai vui thú nào</i>”. - Nhàn là nhận <i>dại</i> về mình, nhường <i>khôn</i> cho người, tìm về chốn thôn quê thanh vắng, đứng ngoài vòng danh lợi để được sống tự do, tự tại. - Nhàn là thoả mái tận hưởng những thứ có sẵn ở chốn thôn quê, thuận theo lẽ tự nhiên mà không cần mưu cầu, tranh đoạt, coi phú quý như chiêm bao. <p>* <i>Nghệ thuật:</i> thể thơ thất ngôn, ngôn từ giản dị, nhịp điệu khoan thai, hình ảnh, chi tiết giàu ý nghĩa biểu tượng...</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Trình bày đầy đủ, sâu sắc: 2,5 điểm</i> - <i>Trình bày chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 2,25 điểm - 1,25 điểm.</i> - <i>Trình bày chung chung, chưa rõ: 0,25 điểm – 1,0 điểm</i> 	2,5
	<p> * <i>Đánh giá:</i></p> <p>Bài thơ bộc lộ thái độ coi thường danh lợi trong hoàn cảnh chế độ phong kiến suy vi; thể hiện nhân cách cao, tài năng thi ca của Nguyễn Bình Khiêm.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.</i> 	0,5
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p><i>Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</i></p>	0,5
	<p><i>e. Sáng tạo:</i> vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác để làm nổi bật nét đặc sắc; biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.</p> <p>Hướng dẫn chấm</p> <ul style="list-style-type: none"> + <i>Đáp ứng được 3 yêu cầu trở lên: 1,0 điểm.</i> + <i>Đáp ứng được 2 yêu cầu: 0,75 điểm.</i> + <i>Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,5 điểm.</i> 	1,0
Tổng điểm		10,0

-----Hết-----

Họ và tên học sinh:..... Mã số học sinh:.....

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

Trong năm Quang Thái đời nhà Trần, người ở Hóa Châu tên là Từ Thức, vì có phụ ả được bổ làm tri huyện Tiên Du. Bên cạnh huyện có một tòa chùa danh tiếng, trong chùa trồng một cây mầu đơn, đến kỳ hoa nở thì người các nơi đến xem đông rộn rịp, thành một đám hội xem hoa tưng bừng lắm. Tháng Hai năm Bính Tý (niên hiệu Quang Thái thứ chín (1396) đời nhà Trần), người ta thấy có cô con gái, tuổi độ mười sáu, phấn son điểm phớt, nhan sắc xinh đẹp tuyệt vời, đến hội ấy xem hoa. Cô gái vin một cành hoa, không may cành giòn mà gãy khúc, bị người coi hoa bắt giữ lại, ngày đã sắp tối vẫn không ai đến nhận. Từ Thức cũng có mặt ở đám hội, thấy vậy động lòng thương, nhân cởi tấm áo cừu gấm trắng, đưa vào tặng phòng để chuộc lỗi cho người con gái ấy. Mọi người đều khen quan huyện là một người hiền đức.

Song Từ Thức vốn tính hay rượu, thích đàn, ham thơ, mến cảnh, việc sổ sách bỏ ùn cả lại thường bị quan trên quở trách rằng:

- Thân phụ thầy làm đến đại thân mà thầy không làm nổi một chức tri huyện hay sao!

Từ than rằng:

- Ta không thể vì số lương năm đấu gạo đỏ mà buộc mình trong áng lợi danh. Âu là một mái chèo vè, nước biếc non xanh vốn chẳng phụ gì ta đâu vậy.

Bèn cởi trả ấn tín, bỏ quan mà về. Vốn yêu cảnh hang động ở huyện Tống Sơn, nhân làm nhà tại đấy để ở. Thường dùng một thằng nhỏ đem một bầu rượu, một cây đàn đi theo, mình thì mang mấy quyển thơ của Đào Uyên Minh, hễ gặp chỗ nào thích ý thì hí hứng ngả rượu ra uống. Phàm những nơi nước tú non kì như núi Chích Trạ, động Lục Vân, sông Lãi, cửa Nga, không đâu không từng có những thơ đề vịnh.

(Trích Chuyện Từ Thức lấy vợ tiên, Truyền kì mạn lục, Nguyễn Dữ,

NXB Hội Nhà văn, 2018, tr.112-113)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Chỉ ra phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2. Theo đoạn trích, chức quan của nhân vật Từ Thức là gì?

Câu 3. Hành động nào khiến Từ Thức được khen là người hiền đức?

Câu 4. Việc trả ấn tín, từ quan cho thấy Từ Thức có thái độ như thế nào với danh lợi?

Câu 5. Anh/Chị hiểu gì về tâm hồn nhân vật Từ Thức qua chi tiết chàng đề thơ vịnh cảnh ở nhiều nơi?

Câu 6. Theo anh/chị, hành động từ quan của Từ Thức mang tính tích cực hay tiêu cực? Vì sao?

II. LÀM VĂN (6,0 điểm)

Phân tích tư tưởng độc lập dân tộc được Nguyễn Trãi thể hiện trong đoạn trích sau:

*Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,
Quân điếu phạt trước lo trừ bạo.
Như nước Đại Việt ta từ trước,
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu.
Núi sông bờ cõi đã chia,
Phong tục Bắc Nam cũng khác.
Từ Triệu, Đinh, Lí, Trần bao đời gây nền độc lập,
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương.
Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau,
Song hào kiệt đời nào cũng có.*

(Trích Đại cáo bình Ngô, Nguyễn Trãi, *Ngữ văn 10*, Tập 2,
NXB Giáo dục Việt Nam, 2020, tr. 17)

-----HẾT -----

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II ĐỀ MINH HỌA

Năm học 2020 - 2021

Môn: Ngữ văn, lớp 10

(Đáp án và Hướng dẫn chấm gồm trang)

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Phương thức biểu đạt chính: tự sự. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như Đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời không đúng phương thức biểu đạt chính: không cho điểm.	0,5
	2	Chức quan của nhân vật Từ Thức: tri huyện Tiên Du. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như Đáp án hoặc “Tri huyện Tiên Du”/“Tri huyện”: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời không đúng: không cho điểm.	0,5

3	<p>Hành động khiến Từ Thức được khen là người hiền đức: dùng áo cừu gấm trắng của mình chuộc lỗi cho người con gái.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời như Đáp án hoặc “cứu người con gái làm gãy cành hoa”/“giúp cô gái”/“chuộc cô gái khỏi tội”: 0,5 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời không đúng: không cho điểm.</p>	0,5
4	<p>Hành động trả ân tín từ quan cho thấy Từ Thức là người coi thường danh lợi</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời như Đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 0,75 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời không đúng: không cho điểm.</p>	0,75
5	<p>Tâm hồn nhân vật Từ Thức qua chi tiết chàng đề thơ vịnh cảnh ở nhiều nơi: lãng mạn, bay bổng; say mê vẻ đẹp thiên nhiên; ham thích tiêu dao, du ngoạn.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>Trả lời được 01 ý của Đáp án: 0,25 điểm.</p>	0,75
6	<p>- Bày tỏ được quan điểm của bản thân: Tích cực/tiêu cực/vừa tích cực vừa tiêu cực. (0,25 điểm)</p> <p>- Trình bày lí lẽ thuyết phục. (0,75 điểm)</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Lí giải được hợp lí, thuyết phục: 0,75 điểm.</p> <p>- Lí giải chưa rõ ràng, thuyết phục: 0,25 điểm - 0,5 điểm.</p>	1,0
II	<p>Phân tích tư tưởng độc lập dân tộc được Nguyễn Trãi thể hiện trong đoạn trích của Đại cáo bình Ngô</p>	6,0
	<p>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</p> <p>Mở bài nêu được vấn đề; Thân bài triển khai được vấn đề; Kết bài khái quát được vấn đề.</p>	0,5
	<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>Tư tưởng độc lập dân tộc được Nguyễn Trãi thể hiện trong đoạn trích của Đại cáo bình Ngô</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm.</p> <p>- Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm.</p>	0,5
	<p>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</p> <p>Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cần đảm bảo các yêu cầu sau:</p>	
	<p>* Giới thiệu khái quát về tác giả Nguyễn Trãi, tác phẩm “Đại cáo bình Ngô” và đoạn trích.</p>	0,5

	<p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>Học sinh chỉ giới thiệu được 01 trong 03 ý tác giả, tác phẩm, đoạn trích: 0,25 điểm.</p>	
	<p>* Tư tưởng độc lập dân tộc trong đoạn trích:</p> <p>- Tư tưởng độc lập dân tộc được thể hiện qua các phương diện: Đại Việt có một nền văn hiến riêng, bờ cõi riêng, phong tục riêng so với phương Bắc; có các triều đại kế tiếp trị vì (Triệu, Đinh, Lí, Trần), song song “xung đế” cùng triều đại phương Bắc (Hán Đường, Tống Nguyên); có sự khác nhau về vận nước ở các thời kì nhưng “hào kiệt đời nào cũng có”.</p> <p>- Tinh thần độc lập dân tộc ta trong đoạn trích được thể hiện bằng giọng điệu hùng hồn, chứa đựng niềm tự tin, tự hào dân tộc sâu sắc; kết cấu sóng đôi tạo sự ngang hàng, bình đẳng giữa Đại Việt và phương Bắc.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Trình bày đầy đủ, sâu sắc: 2,5 điểm</p> <p>- Trình bày chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 2,25 điểm - 1,25 điểm.</p> <p>- Trình bày chung chung, chưa rõ: 0,25 điểm – 1,0 điểm.</p>	2,5
	<p>* Đánh giá</p> <p>- Tư tưởng độc lập dân tộc trong đoạn trích nói riêng và tác phẩm Đại cáo bình Ngô nói chung là minh chứng đánh dấu sự phát triển cao trong nhận thức về quốc gia, dân tộc thời trung đại.</p> <p>- Qua việc khẳng định tư tưởng độc lập dân tộc, Nguyễn Trãi bày tỏ tình yêu, ý thức trách nhiệm cao cả với quốc gia, dân tộc.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>+ Đáp ứng được 01 yêu cầu: 0,25 điểm.</p>	0,5
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p> <p>Hướng dẫn chấm: không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</p>	0,5
	<p>e. Sáng tạo: vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác để làm nổi bật nét đặc sắc; biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>+ Đáp ứng được 3 yêu cầu trở lên: 1,0 điểm.</p> <p>+ Đáp ứng được 2 yêu cầu: 0,75 điểm.</p> <p>+ Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,5 điểm.</p>	1,0

----- Hết -----

Họ và tên học sinh:..... Mã số học sinh:.....

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

*Nỗi lòng biết ngỏ cùng ai,
Thiếp trong cánh cửa chàng ngoài chân mây
Trong cửa này đã đành phận thiếp,
Ngoài mây kia há kiếp chàng vay¹
Những mong cá nước sum vầy,
Bao giờ² đôi ngả nước mây cách vời.*

(Trích bản dịch *Chinh phụ ngâm khúc*, Đặng Trần Côn,
Chinh phụ ngâm diễn ca, NXB Văn học, 1987, tr. 20)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2. Trong đoạn trích, nhân vật trữ tình là ai?

Câu 3. Chỉ ra những chi tiết diễn tả hoàn cảnh biệt li cách trở trong đoạn trích.

Câu 4. Nêu hiệu quả phép đối được sử dụng trong câu: *Thiếp trong cánh cửa chàng ngoài chân mây*.

Câu 5. Anh/Chị hiểu như thế nào về nội dung hai câu thơ sau?

*Những mong cá nước sum vầy,
Bao giờ đôi ngả nước mây cách vời.*

Câu 6. Nhận xét về tâm trạng của nhân vật trữ tình trong đoạn trích.

II. LÀM VĂN (6,0 điểm)

Trình bày cảm nhận của anh/chị về nhân vật Từ Hải trong đoạn trích sau:

*Nửa năm hương lửa đương nồng,
Trượng phu thoát đã động lòng bốn phương.
Trông vời trời bể mệnh mang,
Thanh gươm yên ngựa lên đường thẳng rong.
Nàng rằng: “Phận gái chữ tòng,
Chàng đi thiếp cũng một lòng xin đi”.
Từ rằng: “Tâm phúc tương tri,
Sao chưa thoát khỏi nữ nhi thường tình?”*

¹ Vay: từ chỉ ý hoài nghi, than thở (*Chinh phụ ngâm diễn ca* - NXB Văn học, năm 1987, tr.20)

² Bao giờ: đầu giờ (*Chinh phụ ngâm diễn ca* - NXB Văn học, năm 1987, tr.20)

*Bao giờ mười vạn tinh binh,
Tiếng chiêng dậy đất bóng tinh rợp đường.
Làm cho rõ mặt phi thường,
Bấy giờ ta sẽ rước nàng nghi gia.
Bằng nay bốn bề không nhà,
Theo càng thêm bạn biết là đi đâu?
Đành lòng chờ đó ít lâu,
Chầy chăng là một năm sau vội gì!”
Quyết lời dứt áo ra đi,
Gió mây bằng đã đến kì dặm khơi.*

*(Chí khí anh hùng - trích Truyện Kiều, Nguyễn Du,
Ngữ văn 10, Tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020, tr. 113)*

-----**HẾT**-----

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như Đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời không đúng phương thức biểu đạt chính: không cho điểm.	0,5
	2	Nhân vật trữ tình trong đoạn trích: Người chinh phụ Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án hoặc “thiếp” hoặc “người vợ có chồng đi chinh chiến”: 0,5 điểm - Học sinh trả lời không đúng nhân vật trữ tình: không cho điểm	0,5
	3	Những chi tiết diễn tả đôi lứa biệt li cách trở: - Thiếp trong cánh cửa chàng ngoài chân mây - Trong cửa này; ngoài mây kia - đôi ngả nước mây cách vời Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời được 2/3 ý của đáp án: 0,5 điểm - Học sinh trả lời được 1 ý trong đáp án: 0,25 điểm Lưu ý: Học sinh trích dẫn nguyên văn những câu thơ về cảnh biệt li cách trở vẫn cho điểm tối đa.	0,5
	4	- Hiệu quả của phép đối: diễn tả sự chia lìa cách trở của chàng và thiếp; nhấn mạnh nỗi cô đơn, nhớ nhung của thiếp. Hướng dẫn chấm: - Học sinh nêu được cả 2 ý trên: 0,5 điểm - Học sinh chỉ làm rõ được một ý: 0,25 điểm	0,5
	5	Nội dung của hai câu thơ: - Người chinh phụ mong ước gắn bó, sum vầy lứa đôi nhưng lại phải sống trong xa cách, cô đơn. - Diễn tả nỗi buồn đau thất vọng của người chinh phụ khi khát	1,0

	<p>vọng hạnh phúc không thành.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh nêu được cả 2 ý trên: 1,0 điểm.</p> <p>- Học sinh chỉ nêu được 1 trong 2 ý: 0,5 điểm.</p> <p>+ Học sinh chỉ nêu chung chung hoặc chạm đến phần nào nội dung của 1 trong 2 ý trên: 0,25 điểm.</p>	
6	<p>Nhận xét về tâm trạng của nhân vật trữ tình trong đoạn trích:</p> <p>- Chỉ ra được những trạng thái tâm trạng của nhân vật trữ tình trong đoạn trích: cô đơn, sầu muộn, thất vọng, nhớ thương chồng...</p> <p>- Nhận xét về tâm trạng của nhân vật trữ tình: thể hiện những khát khao hạnh phúc muôn đời của người phụ nữ; là tiếng nói phản đối chiến tranh phong kiến phi nghĩa; được thể hiện một cách tinh tế, tài hoa....</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>+ Học sinh nêu được cả 2 ý trên: 1,0 điểm</p> <p>+ Học sinh nêu được 1 trong 2 ý: 0,5 điểm.</p> <p>+ Học sinh chỉ nêu chung chung hoặc chạm đến phần nào nội dung của 1 trong 2 ý trên: 0,25 điểm.</p>	1,0
II	LÀM VĂN	6,0
	<p>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</p> <p>Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề</p>	0,5
	<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>Cảm nhận về nhân vật Từ Hải trong đoạn trích <i>Chí khí anh hùng</i>.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>+ Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm.</p> <p>+ Xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm.</p>	0,5
	<p>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</p> <p>Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:</p>	
	<p>* Giới thiệu tác giả Nguyễn Du và Truyện Kiều, đoạn trích <i>Chí khí anh hùng</i>.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Giới thiệu tác giả, tác phẩm: 0,5 điểm.</p> <p>- Giới thiệu đoạn trích: 0,25 điểm.</p>	0,5

	<p><i>* Cảm nhận về nhân vật Từ Hải:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Có chí lớn, có hoài bão lập nên những kì tích phi thường, muốn có mười vạn tinh binh với tiếng chiêng dậy đất bóng tinh rợp đường. - Có quyết tâm thực hiện hoài bão, có hành động mạnh mẽ, quyết đoán khi lên đường: <i>thăng rong, quyết lời, dứt áo ra đi, cánh hồng bay bổng...</i> - Có tình nghĩa sâu nặng với Kiều, coi Thúy Kiều là “<i>tâm phúc tương tri</i>” và dặn dò, động viên nàng bằng những lời lẽ ân tình. - Nhân vật Từ Hải được khắc họa bằng bút pháp lí tưởng hoá, hình ảnh ước lệ kì vĩ, phóng đại, tạo cho nhân vật một tầm vóc phi thường. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đầy đủ, sâu sắc: 2,5 điểm - Trình bày chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 2,25 điểm - 1,25 điểm. - Trình bày chung chung, chưa rõ: 0,25 điểm – 1,0 điểm 	2,5
	<p><i>* Đánh giá</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn trích thể hiện khuynh hướng lí tưởng hóa người anh hùng bằng bút pháp ước lệ gắn bó chặt chẽ với cảm hứng vũ trụ. - Nguyễn Du gửi gắm nơi người anh hùng Từ Hải khát vọng tự do, công lí trong xã hội nhiều bất công, ngang trái. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng được 1 trong 2 yêu cầu: 0,25 điểm. 	0,5
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p><i>Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</i></p>	0,5
	<p><i>e. Sáng tạo:</i> vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác để làm nổi bật nét đặc sắc; biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.</p> <p>Hướng dẫn chấm</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đáp ứng được 3 yêu cầu trở lên: 1,0 điểm. + Đáp ứng được 2 yêu cầu: 0,75 điểm. + Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,5 điểm. 	1,0
Tổng điểm	10,0	

.....Hết.....

2. Hướng dẫn xây dựng đề kiểm tra, đánh giá định kì lớp 11

a) Ma trận

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I MÔN: NGỮ VĂN LỚP 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Kĩ năng	Mức độ nhận thức								Tổng		% Tổng điểm
		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
		Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Số câu hỏi	Thời gian (phút)	
1	Đọc hiểu	15	10	10	5	5	5	0	0	04	20	30
2	Viết đoạn văn nghị luận xã hội	5	5	5	5	5	5	5	5	01	20	20
3	Viết bài nghị luận văn học	20	10	15	10	10	20	5	10	01	50	50
Tổng		40	25	30	20	20	30	10	15	06	90	100
Tỉ lệ %		40		30		20		10		100		
Tỉ lệ chung		70				30				100		

Lưu ý:

- Tất cả các câu hỏi trong đề kiểm tra là câu hỏi tự luận.
- Cách cho điểm mỗi câu hỏi được quy định chi tiết trong Đáp án/Hướng dẫn chấm.

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA KIỂM TRA CUỐI KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 11 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Kĩ năng	Mức độ nhận thức								Tổng		% Tổng điểm
		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
		Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Số câu hỏi	Thời gian (phút)	
1	Đọc hiểu	15	10	10	5	5	5	0	0	04	20	30
2	Viết đoạn văn nghị luận xã hội	5	5	5	5	5	5	5	5	01	20	20
3	Viết bài văn nghị luận văn học	20	10	15	10	10	20	5	10	01	50	50
Tổng		40	25	30	20	20	30	10	15	06	90	100
Tỉ lệ %		40		30		20		10				100
Tỉ lệ chung		70				30						100

Lưu ý:

- Tất cả các câu hỏi trong đề kiểm tra là câu hỏi tự luận.
- Cách cho điểm mỗi câu hỏi được quy định chi tiết trong Đáp án/Hướng dẫn chấm.

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 11 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Kĩ năng	Mức độ nhận thức								Tổng		% Tổng điểm
		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
		Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Số câu hỏi	Thời gian (phút)	
1	Đọc hiểu	15	10	10	5	5	5	0	0	04	20	30
2	Viết đoạn văn nghị luận xã hội	5	5	5	5	5	5	5	5	01	20	20
3	Viết bài văn nghị luận văn học	20	10	15	10	10	20	5	10	01	50	50
Tổng		40	25	30	20	20	30	10	15	06	90	100
Tỉ lệ %		40		30		20		10				100
Tỉ lệ chung		70				30						100

Lưu ý:

- Tất cả các câu hỏi trong đề kiểm tra là câu hỏi tự luận.
- Cách cho điểm mỗi câu hỏi được quy định chi tiết trong Đáp án/Hướng dẫn chấm.

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II
MÔN: NGỮ VĂN 11 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Kĩ năng	Mức độ nhận thức								Tổng		% Tổng điểm
		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
		Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Số câu hỏi	Thời gian (phút)	
1	Đọc hiểu	15	10	10	5	5	5	0	0	04	20	30
2	Viết đoạn nghị luận xã hội	5	5	5	5	5	5	5	5	01	20	20
3	Viết bài nghị luận văn học	20	10	15	10	10	20	5	10	01	50	50
Tổng		40	25	30	20	20	30	10	15	06	90	100
Tỉ lệ %		40		30		20		10				100
Tỉ lệ chung		70				30						100

Lưu ý:

- Tất cả các câu hỏi trong đề kiểm tra là câu hỏi tự luận.
- Cách cho điểm mỗi câu hỏi được quy định chi tiết trong Đáp án/Hướng dẫn chấm.

b) Đặc tả

**BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 11 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

TT	Nội dung kiến thức/Kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	Đọc hiểu	Thơ trung đại (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định đề tài, hình tượng nhân vật trữ tình trong bài thơ/đoạn thơ. - Nhận diện được phương thức biểu đạt, thể thơ, các biện pháp tu từ... trong bài thơ/đoạn thơ. - Nhận diện được từ ngữ, chi tiết, hình ảnh,... trong bài thơ/đoạn thơ. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu nghĩa của từ/câu thơ trong ngữ cảnh; hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ. - Hiểu được một số đặc điểm cơ bản của thơ trung đại Việt Nam về thể loại, đề tài, cảm hứng, nghệ thuật biểu đạt được thể hiện trong bài thơ/đoạn thơ. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong bài thơ/đoạn thơ. - Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân. 	2	1	1	0	4
		Kí trung đại	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định đối tượng 					

TT	Nội dung kiến thức/Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
		(Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)	<p>phản ánh, hình tượng nhân vật <i>tôi</i> trong văn bản/đoạn trích.</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhận diện được phương thức biểu đạt, thành ngữ, điển cố, các biện pháp tu từ, chi tiết, hình ảnh... trong văn bản/đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> Hiểu được nghĩa của từ/câu trong ngữ cảnh; giá trị của thành ngữ, điển cố; những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích. Hiểu được đặc điểm cơ bản của kí trung đại về nội dung phản ánh, hình tượng nhân vật <i>tôi</i>, ngôn ngữ biểu đạt, cách quan sát, miêu tả, ghi chép... được thể hiện trong văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích. Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân. 					
		Nghị luận trung đại (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> Xác định thông tin được nêu trong văn bản/đoạn trích. Nhận diện được phương thức biểu đạt, 					

TT	Nội dung kiến thức/Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>thao tác lập luận, phong cách ngôn ngữ, biện pháp tu từ, thành ngữ, điển cố... trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được nghĩa của từ/câu trong ngữ cảnh; nội dung của văn bản/đoạn trích. - Hiểu được cách triển khai lập luận, ngôn ngữ biểu đạt; giá trị của thành ngữ, điển cố, các biện pháp tu từ... trong văn bản/đoạn trích. - Hiểu được những đặc điểm cơ bản của nghị luận trung đại thể hiện trong văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích. - Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân. 					
		Văn tế trung đại (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được mục đích, đối tượng của bài văn tế; cảm xúc, thái độ của tác giả. - Nhận diện được bố cục của bài văn tế, phương thức biểu đạt, thành ngữ, điển cố, chi tiết, hình ảnh, biện pháp tu từ... của văn 					

TT	Nội dung kiến thức/Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			bản/đoạn trích. Thông hiểu: - Hiểu nghĩa của từ/câu trong ngữ cảnh; giá trị của các thành ngữ điển cố trong văn bản/đoạn trích; những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích. - Hiểu được một số đặc điểm cơ bản của bài văn tế được thể hiện trong văn bản/đoạn trích: nội dung hiện thực và tiếng nói trữ tình, cách khắc họa hình tượng... Vận dụng: - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích. - Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân.					
		Hát nói trung đại (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)	Nhận biết: - Nhận diện được bố cục của bài hát nói; phương thức biểu đạt, thành ngữ, điển cố, hình ảnh, chi tiết, hình ảnh... trong văn bản/đoạn trích. Thông hiểu: - Hiểu nghĩa của từ/câu trong ngữ cảnh; giá trị của thành ngữ, điển cố được sử dụng trong văn bản/đoạn trích; những đặc sắc về nội dung và					

TT	Nội dung kiến thức/Kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>nghệ thuật của văn bản/đoạn trích.</p> <p>- Hiểu được một số đặc điểm cơ bản của thể hát nói về nội dung và cách thể hiện tư tưởng tình cảm được thể hiện trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>- Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân.</p>					
2	Viết đoạn văn nghị luận xã hội (Khoảng 150 chữ)	Nghị luận về một tư tưởng đạo lí	<p>Nhận biết:</p> <p>- Xác định được tư tưởng, đạo lí cần bàn luận.</p> <p>- Xác định được cách thức trình bày đoạn văn.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Diễn giải về nội dung, ý nghĩa của tư tưởng, đạo lí.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Vận dụng các kỹ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về tư tưởng, đạo lí.</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>- Huy động được kiến</p>					1*

TT	Nội dung kiến thức/Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về tư tưởng đạo lí.</p> <p>- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, đoạn văn giàu sức thuyết phục.</p>					
		Nghị luận về một hiện tượng đời sống	<p>Nhận biết:</p> <p>- Xác định được hiện tượng đời sống cần bàn luận.</p> <p>- Xác định cách thức trình bày đoạn văn.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Hiểu được thực trạng/nguyên nhân/các mặt lợi – hại, đúng – sai của hiện tượng đời sống.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về hiện tượng đời sống.</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>- Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về hiện tượng đời sống.</p> <p>- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, đoạn văn giàu sức thuyết phục.</p>					

TT	Nội dung kiến thức/Kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
3	Viết bài văn nghị luận văn học	<p>Nghị luận về một đoạn thơ/bài thơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Tự tình (bài II)</i> của Hồ Xuân Hương - <i>Câu cá mùa thu</i> (Nguyễn Khuyến) - <i>Thương vợ</i> (Trần Tế Xương) - <i>Bài ca ngắn đi trên bãi cát</i> (Cao Bá Quát) 	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận; vấn đề nghị luận. - Giới thiệu tác giả, bài thơ, đoạn thơ. - Nêu nội dung cảm hứng, hình tượng nhân vật trữ tình, đặc điểm nghệ thuật nổi bật... của bài thơ/đoạn thơ. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ theo yêu cầu của đề: những tâm sự về con người và thời thế; nghệ thuật xây dựng hình ảnh, thể hiện cảm xúc, sử dụng ngôn ngữ... - Lí giải được một số đặc điểm của thơ trung đại được thể hiện trong bài thơ/đoạn thơ. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kỹ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ. - Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ; vị trí, đóng góp của tác giả. <p>Vận dụng cao:</p>					1*

TT	Nội dung kiến thức/Kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<ul style="list-style-type: none"> - So sánh với các tác phẩm khác; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục. 					
		Nghị luận về một văn bản/đoạn trích kí trung đại: <i>Vào phủ chúa Trịnh</i> (Lê Hữu Trác)	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề nghị luận. - Giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn trích. - Xác định được nội dung phản ánh và hình tượng nhân vật tôi trong bài kí. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích/văn bản theo yêu cầu của đề: thái độ lên án cuộc sống xa hoa nơi phủ chúa; tính chân thực, sinh động trong nghệ thuật miêu tả, kể chuyện. - Lí giải được một số đặc điểm của kí trung đại được thể hiện trong văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kỹ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, 					

TT	Nội dung kiến thức/Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của đoạn trích/văn bản.</p> <p>- Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm, vị trí, đóng góp của tác giả.</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>- So sánh với các tác phẩm khác; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.</p> <p>- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục.</p>					
		<p>Nghị luận về một văn bản/đoạn trích chiếu : <i>Chiếu cầu hiền</i> (Ngô Thì Nhậm)</p>	<p>Nhận biết:</p> <p>- Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề nghị luận.</p> <p>- Giới thiệu tác giả, văn bản/ đoạn trích.</p> <p>- Xác định được nội dung chính của văn bản/đoạn trích.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích theo yêu cầu của đề: chủ trương đúng đắn của vua Quang Trung trong việc tập hợp người hiền tài, cách lập luận, ngôn ngữ biểu đạt của tác giả.</p> <p>- Lí giải được một số đặc điểm của nghị luận trung</p>					

TT	Nội dung kiến thức/Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>đại được thể hiện trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của văn bản/đoạn trích. - Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của văn bản/đoạn trích, đóng góp của tác giả. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh với các tác phẩm khác; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục. 					
		<p>Nghị luận về một văn bản/đoạn trích văn tế trung đại: <i>Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc</i> (Nguyễn Đình Chiểu)</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề NL. - Giới thiệu tác giả, tác phẩm. - Xác định được nội dung chính của đoạn trích . <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ 					

TT	Nội dung kiến thức/Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>thuật của bài văn tế theo yêu cầu của đề: tinh thần yêu nước thiết tha, vẻ đẹp bi tráng của hình tượng người nông dân nghĩa sĩ; sự kết hợp chặt chẽ hiện thực và trữ tình, cách khắc hoạ hình tượng...</p> <p>- Lí giải được một số đặc điểm của văn tế trung đại được thể hiện trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của văn bản/đoạn trích.</p> <p>- Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của văn bản/đoạn trích, đóng góp của tác giả.</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>- So sánh với các tác phẩm khác; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.</p> <p>- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục.</p>					
		Nghị luận về văn	Nhận biết:					

TT	Nội dung kiến thức/Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
		bản/đoạn trích hát nói: <i>Bài ca ngát ngưỡng</i> (Nguyễn Công Trứ)	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề nghị luận. - Giới thiệu tác giả, tác phẩm. - Xác định được nội dung chính của đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài hát nói theo yêu cầu của đề: phong cách sống tự tin, giàu bản lĩnh; tính chất phóng túng trong cách thể hiện. - Lí giải được một số đặc điểm của hát nói trung đại được thể hiện trong văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của văn bản/đoạn trích. - Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của văn bản/đoạn trích, đóng góp của tác giả. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh với các tác phẩm khác; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật 					

TT	Nội dung kiến thức/Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			vấn đề nghị luận. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục.					
Tổng								6
Tỉ lệ %				40	30	20	10	100
Tỉ lệ chung				70		30		100

Lưu ý:

- Đối với các câu hỏi ở phần Đọc hiểu, mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của *Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá* tương ứng (một chỉ báo là một gạch đầu dòng)

- Những đơn vị kiến thức/kĩ năng của các bài học Tiếng Việt, Làm văn, Lí luận văn học, Lịch sử văn học được tích hợp trong kiểm tra, đánh giá ở phần Đọc hiểu và phần viết đoạn văn nghị luận xã hội, viết bài văn nghị luận văn học.

(1*) Một đoạn văn/bài văn đánh giá 4 mức độ nhận thức (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao); tỉ lệ điểm cho từng mức độ được thể hiện trong đáp án và hướng dẫn chấm.

BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 11 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	ĐỌC HIỂU	<p>Thơ trung đại (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định đề tài, hình tượng nhân vật trữ tình trong bài thơ/đoạn thơ. - Nhận diện được phương thức biểu đạt, thể thơ, các biện pháp tu từ... trong bài thơ/đoạn thơ. - Nhận diện được từ ngữ, chi tiết, hình ảnh,... trong bài thơ/đoạn thơ. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu nghĩa của từ/câu thơ trong ngữ cảnh; hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ. - Hiểu được một số đặc điểm cơ bản của thơ trung đại Việt Nam về thể loại, đề tài, cảm hứng, nghệ thuật biểu đạt được thể hiện trong bài thơ/đoạn thơ. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong bài thơ/đoạn thơ. - Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân. 	2	1	1	0	4
		<p>Kí trung đại (Ngữ liệu</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định đối tượng phản ánh, hình tượng 					

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
		ngoài sách giáo khoa)	<p>nhân vật <i>tôi</i> trong văn bản/đoạn trích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện được phương thức biểu đạt, thành ngữ, điển cố, các biện pháp tu từ, chi tiết, hình ảnh... trong văn bản/đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được nghĩa của từ/câu trong ngữ cảnh; giá trị của thành ngữ, điển cố; những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích. - Hiểu được đặc điểm cơ bản của kí trung đại về nội dung phản ánh, hình tượng nhân vật <i>tôi</i>, ngôn ngữ biểu đạt, cách quan sát, miêu tả, ghi chép... được thể hiện trong văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích. - Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân. 					
		Nghị luận trung đại (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định thông tin được nêu trong văn bản/đoạn trích. - Nhận diện được phương thức biểu đạt, 					

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>thao tác lập luận, phong cách ngôn ngữ, biện pháp tu từ, thành ngữ, điển cố... trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được nghĩa của từ/câu trong ngữ cảnh; nội dung của văn bản/đoạn trích. - Hiểu được cách triển khai lập luận, ngôn ngữ biểu đạt; giá trị của thành ngữ, điển cố, các biện pháp tu từ... trong văn bản/đoạn trích. - Hiểu được những đặc điểm cơ bản của nghị luận trung đại thể hiện trong văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích. - Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân. 					
		Văn tế trung đại (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được mục đích, đối tượng của bài văn tế; cảm xúc, thái độ của tác giả. - Nhận diện được bố cục của bài văn tế, phương thức biểu đạt, thành ngữ, điển cố, chi tiết, hình ảnh, biện pháp 					

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>tu từ... của văn bản/đoạn trích.</p> <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu nghĩa của từ/câu trong ngữ cảnh; giá trị của các thành ngữ điển cố trong văn bản/đoạn trích; những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích. - Hiểu được một số đặc điểm cơ bản của bài văn tề được thể hiện trong văn bản/đoạn trích: nội dung hiện thực và tiếng nói trữ tình, cách khắc hoạ hình tượng... <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích. - Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân. 					
		Hát nói trung đại (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện được bố cục của bài hát nói; phương thức biểu đạt, thành ngữ, điển cố, hình ảnh, chi tiết,... trong văn bản/đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu nghĩa của từ/câu trong ngữ cảnh; giá trị của thành ngữ, điển cố được sử dụng trong văn bản/đoạn trích; những 					

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích.</p> <p>- Hiểu được một số đặc điểm cơ bản của thể hát nói về nội dung và cách thể hiện tư tưởng tình cảm được thể hiện trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>- Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân.</p>					
		Truyện hiện đại Việt Nam (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)	<p>Nhận biết</p> <p>- Xác định được đề tài, cốt truyện, các chi tiết, sự việc tiêu biểu... trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>- Nhận diện được phương thức biểu đạt, các biện pháp nghệ thuật, ngôi kể, hệ thống nhân vật... trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>Thông hiểu</p> <p>- Hiểu được nghĩa của từ/câu trong ngữ cảnh; những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: chủ đề, tư tưởng, ý nghĩa của các chi tiết, sự việc tiêu biểu; ý nghĩa của hình tượng nhân vật,</p>					

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>nghệ thuật trần thuật, bút pháp....</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu một số đặc điểm của truyện ngắn Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 được thể hiện trong văn bản, đoạn trích. <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích. - Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân. - Phân biệt được truyện trung đại và truyện hiện đại về đề tài, kết cấu, nghệ thuật thể hiện. 					
		Kịch hiện đại Việt Nam (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện về nhân vật, hành động kịch, xung đột kịch,... trong văn bản/đoạn trích. <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được nghĩa của từ/câu trong ngữ cảnh; những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: tư tưởng của tác giả, cách tạo mâu thuẫn và xung đột kịch, ngôn ngữ kịch. - Hiểu một số đặc điểm của kịch hiện đại Việt Nam thể hiện trong văn bản/đoạn trích. 					

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			Vận dụng - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích. - Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân.					
	Kịch nước ngoài (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)		Nhận biết - Nhận diện về nhân vật, hành động kịch, xung đột kịch,... trong văn bản/đoạn trích. Thông hiểu - Hiểu được nghĩa của từ/câu trong ngữ cảnh; những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: tư tưởng của tác giả, cách tạo mâu thuẫn và xung đột kịch, ngôn ngữ kịch. - Hiểu một số đặc điểm của kịch nước ngoài thể hiện trong văn bản/đoạn trích. Vận dụng - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích. - Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân.					
	Văn bản báo chí		Nhận biết: - Xác định được thông tin					

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
		(Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)	<p>trong văn bản/đoạn trích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện được thể loại chủ yếu của văn bản báo chí: bản tin, phóng sự, phỏng vấn, quảng cáo... <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được nội dung, thông điệp của văn bản báo chí. - Hiểu đặc điểm của phong cách ngôn ngữ báo chí được thể hiện trong văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt phong cách ngôn ngữ báo chí với các phong cách ngôn ngữ khác đã học. - Bày tỏ quan điểm của bản thân về thông tin, vấn đề được đề cập trong văn bản/đoạn trích. 					
2	Viết đoạn văn nghị luận xã hội (Khoảng 150 chữ)	Nghị luận về một tư tưởng đạo lí	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được tư tưởng, đạo lí cần bàn luận. - Xác định được cách thức trình bày đoạn văn. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn giải về nội dung, ý nghĩa của tư tưởng, đạo lí. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kỹ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các 					1*

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về tư tưởng, đạo lí.</p> <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về tư tưởng đạo lí. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, đoạn văn giàu sức thuyết phục. 					
		Nghị luận về một hiện tượng đời sống	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được hiện tượng đời sống cần bàn luận. - Xác định cách thức trình bày đoạn văn. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được thực trạng/nguyên nhân/các mặt lợi – hại, đúng – sai của hiện tượng đời sống. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kỹ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về hiện tượng đời sống. <p>Vận dụng cao:</p>					

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<ul style="list-style-type: none"> - Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về hiện tượng đời sống. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, đoạn văn giàu sức thuyết phục. 					
3	Viết bài văn nghị luận văn học	Nghị luận về một đoạn thơ/bài thơ: <ul style="list-style-type: none"> - <i>Tự tình (bài II)</i> của Hồ Xuân Hương - <i>Câu cá mùa thu</i> (Nguyễn Khuyến) - <i>Thương vợ</i> (Trần Tế Xương) - <i>Bài ca ngắn đi trên bãi cát</i> (Cao Bá Quát) 	Nhận biết: <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận; vấn đề nghị luận. - Giới thiệu tác giả, bài thơ, đoạn thơ. - Nêu nội dung cảm hứng, hình tượng nhân vật trữ tình, đặc điểm nghệ thuật nổi bật... của bài thơ/đoạn thơ. Thông hiểu: <ul style="list-style-type: none"> - Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ theo yêu cầu của đề: những tâm sự về con người và thời thế; nghệ thuật xây dựng hình ảnh, thể hiện cảm xúc, sử dụng ngôn ngữ... - Lí giải được một số đặc điểm của thơ trung đại được thể hiện trong bài thơ/đoạn thơ. Vận dụng: <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kỹ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, 					1*

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ.</p> <p>- Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ; vị trí, đóng góp của tác giả.</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>- So sánh với các tác phẩm khác; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.</p> <p>- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục.</p>					
		<p>Nghị luận về một văn bản/đoạn trích kí trung đại: <i>Vào phủ chúa Trịnh</i> (Lê Hữu Trác)</p>	<p>Nhận biết:</p> <p>- Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề nghị luận.</p> <p>- Giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn trích.</p> <p>- Xác định được nội dung phản ánh và hình tượng nhân vật tôi trong bài kí.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích/văn bản theo yêu cầu của đề: thái độ lên án cuộc sống xa hoa nơi phủ chúa; tính chân thực, sinh động trong nghệ thuật</p>					

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			miêu tả, kể chuyện. - Lí giải được một số đặc điểm của kí trung đại được thể hiện trong văn bản/đoạn trích. Vận dụng: - Vận dụng các kỹ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của đoạn trích/văn bản. - Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm, vị trí, đóng góp của tác giả. Vận dụng cao: - So sánh với các tác phẩm khác; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục.					
		Nghị luận về một văn bản/đoạn trích chiều: <i>Chiều câu hò</i> (Ngô Thì Nhậm)	Nhận biết: - Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề nghị luận. - Giới thiệu tác giả, văn bản/ đoạn trích. - Xác định được nội dung chính của văn bản/đoạn trích.					

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích theo yêu cầu của đề: chủ trương đúng đắn của vua Quang Trung trong việc tập hợp người hiền tài, cách lập luận, ngôn ngữ biểu đạt của tác giả. - Lí giải được một số đặc điểm của nghị luận trung đại được thể hiện trong văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kỹ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của văn bản/đoạn trích. - Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của văn bản/đoạn trích, đóng góp của tác giả. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh với các tác phẩm khác; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục. 					

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
		Nghị luận về một văn bản/đoạn trích văn tế trung đại: <i>Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc</i> (Nguyễn Đình Chiểu)	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề nghị luận. - Giới thiệu tác giả, tác phẩm. - Xác định được nội dung chính của đoạn trích . <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài văn tế theo yêu cầu của đề: tinh thần yêu nước thiết tha, vẻ đẹp bi tráng của hình tượng người nông dân nghĩa sĩ; sự kết hợp chặt chẽ hiện thực và trữ tình, cách khắc họa hình tượng... - Lí giải được một số đặc điểm của văn tế trung đại được thể hiện trong văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kỹ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của văn bản/đoạn trích. - Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của văn bản/đoạn trích, đóng góp của tác giả. <p>Vận dụng cao:</p>					

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<ul style="list-style-type: none"> - So sánh với các tác phẩm khác; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục. 					
	Nghị luận về văn bản/đoạn trích hát nói: <i>Bài ca ngát ngưỡng</i> (Nguyễn Công Trứ)		<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề nghị luận. - Giới thiệu tác giả, tác phẩm. - Xác định được nội dung chính của đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài hát nói theo yêu cầu của đề: phong cách sống tự tin, giàu bản lĩnh; tính chất phóng túng trong cách thể hiện... - Lí giải được một số đặc điểm của hát nói trung đại được thể hiện trong văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kỹ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để 					

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của văn bản/đoạn trích.</p> <p>- Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của văn bản/đoạn trích, đóng góp của tác giả.</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>- So sánh với các tác phẩm khác; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.</p> <p>- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục.</p>					
		<p>Nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi:</p> <p>- <i>Hai đứa trẻ</i> (Thạch Lam)</p> <p>- <i>Chữ người tử tù</i> (Nguyễn Tuân)</p> <p>- <i>Hạnh phúc của một tang gia</i> (trích <i>Số đỏ</i> của</p>	<p>Nhận biết:</p> <p>- Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề nghị luận.</p> <p>- Giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn trích.</p> <p>- Nêu được cốt truyện, đề tài, chủ đề, nhân vật, các chi tiết, sự việc nổi bật của tác phẩm/đoạn trích.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Diễn giải về giá trị nội dung, giá trị nghệ thuật của tác phẩm/đoạn trích theo yêu cầu của đề: giá trị hiện thực, tư tưởng nhân đạo, nghệ thuật trần thuật và xây dựng nhân vật, bút pháp hiện thực và lãng mạn...</p>					

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
		Vũ Trọng Phụng) - <i>Chí Phèo</i> (Nam Cao)	<p>- Lí giải được một số đặc điểm của truyện hiện đại Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 được thể hiện trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Vận dụng các kỹ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của đoạn trích/văn bản.</p> <p>- Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của đoạn trích/ văn bản, đóng góp của tác giả.</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>- So sánh với các tác phẩm khác; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.</p> <p>- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục.</p>					
		Nghị luận về một đoạn trích kịch hiện đại Việt Nam: <i>Vĩnh biệt Cửu</i>	<p>Nhận biết:</p> <p>- Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề nghị luận.</p> <p>- Giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn trích.</p> <p>- Nhận diện được nhân</p>					

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
		Trùng Đài (Vũ Như Tô - Nguyễn Huy Tưởng)	<p>vật, hành động kịch, xung đột kịch... trong đoạn trích.</p> <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn giải về giá trị nội dung, giá trị nghệ thuật của đoạn trích <i>Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài</i> (Vũ Như Tô - Nguyễn Huy Tưởng): bi kịch của người nghệ sĩ tài năng, giàu hoài bão; thái độ trân trọng, cảm thông của tác giả đối với số phận bi thảm của người nghệ sĩ; đặc sắc trong ngôn ngữ kịch, cách tổ chức xung đột kịch,... - Lí giải được một số đặc điểm của kịch hiện đại Việt Nam được thể hiện trong đoạn trích. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kỹ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của văn bản/đoạn trích. - Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của văn bản/đoạn trích, đóng góp của tác giả. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh với các tác phẩm khác; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để 					

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.</p> <p>- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục.</p>					
		<p>Nghị luận về một tác phẩm/ đoạn trích kịch nước ngoài kịch <i>Rô-mê-ô và Giu-li-ét</i> của U.Sêch-xpia</p>	<p>Nhận biết</p> <p>- Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề nghị luận.</p> <p>- Giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn trích.</p> <p>- Nhận diện được nhân vật, hành động kịch, xung đột kịch...</p> <p>Thông hiểu</p> <p>- Diễn giải về giá trị nội dung, giá trị nghệ thuật của đoạn trích <i>Tình yêu và thù hận</i> (kịch <i>Rô-mê-ô và Giu-li-ét</i> của U.Sêch-xpia): ca ngợi tình yêu trong trắng, bất chấp thù hận; tư tưởng nhân văn; cách tổ chức xung đột kịch, ngôn ngữ kịch giàu chất thơ.</p> <p>- Lí giải được một số đặc điểm của kịch nước ngoài được thể hiện trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>Vận dụng</p> <p>- Vận dụng các kỹ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về</p>					

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			nội dung, nghệ thuật của văn bản/đoạn trích. - Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của văn bản/đoạn trích, đóng góp của tác giả. Vận dụng cao - So sánh với các tác phẩm khác; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục.					
Tổng								6
Tỉ lệ %				40	30	20	10	100
Tỉ lệ chung				70		30		100

Lưu ý:

- Đối với các câu hỏi ở phần Đọc hiểu, mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của *Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá* tương ứng (một chỉ báo là một gạch đầu dòng)

- Những đơn vị kiến thức/kỹ năng của các bài học Tiếng Việt, Làm văn, Lí luận văn học, Lịch sử văn học được tích hợp trong kiểm tra, đánh giá ở phần Đọc hiểu và phần viết đoạn văn nghị luận xã hội, viết bài văn nghị luận văn học.

- (1*) Một đoạn văn/bài văn đánh giá 4 mức độ nhận thức (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao); tỉ lệ điểm cho từng mức độ được thể hiện trong đáp án và hướng dẫn chấm.

BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II
MÔN: NGỮ VĂN 11 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức/kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	ĐỌC HIỂU	Thơ hiện đại Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến 1945 (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa).	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định đề tài, hình tượng nhân vật trữ tình trong bài thơ/đoạn thơ. - Nhận diện được phương thức biểu đạt, thể thơ, các biện pháp tu từ... trong bài thơ/đoạn thơ. - Nhận diện được từ ngữ, chi tiết, hình ảnh,... trong bài thơ/đoạn thơ. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được các thành phần nghĩa của câu; hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ. - Hiểu được một số đặc điểm cơ bản của thơ hiện đại Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 về thể loại, đề tài, cảm hứng, nghệ thuật biểu đạt được thể hiện trong bài thơ/đoạn thơ. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong bài thơ/đoạn thơ. - Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân. 	2	1	1	0	4

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			- Phân biệt thơ hiện đại và thơ trung đại.					
2	VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI (Khoảng 150 chữ)	Nghị luận về một tư tưởng, đạo lí	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được tư tưởng, đạo lí cần bàn luận. - Xác định được cách thức trình bày đoạn văn. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn giải về nội dung, ý nghĩa của tư tưởng, đạo lí. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về tư tưởng, đạo lí. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về tư tưởng đạo lí. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, đoạn văn giàu sức thuyết phục. 					1*

TT	Nội dung kiến thức/kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
		Nghị luận về một hiện tượng đời sống	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được hiện tượng đời sống cần bàn luận. - Xác định cách thức trình bày đoạn văn. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được thực trạng/nguyên nhân/ các mặt lợi – hại, đúng – sai... của hiện tượng đời sống. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kỹ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về hiện tượng đời sống. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về hiện tượng đời sống. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, đoạn văn giàu sức thuyết phục. 					
3	VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VĂN	Nghị luận về một bài thơ/đoạn thơ: - <i>Lưu biệt</i>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận; vấn đề nghị luận. - Giới thiệu tác giả, bài 					1*

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
	HỌC	<p><i>khi xuất dương</i> (Phan Bội Châu)</p> <p>- <i>Hầu trời</i> (Tân Đà)</p> <p>- <i>Vội vàng</i> (Xuân Diệu)</p> <p>- <i>Tràng giang</i> (Huy Cận)</p> <p>- <i>Đây thôn Vĩ Dạ</i> (Hàn Mặc Tử)</p> <p>- <i>Chiều tối</i> (Hồ Chí Minh)</p> <p>- <i>Từ ấy</i> (Tố Hữu)</p>	<p>thơ, đoạn thơ.</p> <p>- Nêu nội dung cảm hứng, hình tượng nhân vật trữ tình, đặc điểm nghệ thuật nổi bật... của bài thơ/đoạn thơ.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ theo yêu cầu của đề: tình cảm quê hương, tư tưởng yêu nước; quan niệm thẩm mỹ và nhân sinh mới mẻ...; sự kế thừa các thể thơ truyền thống và hiện đại hóa thơ ca về ngôn ngữ, thể loại, hình ảnh,...</p> <p>- Lí giải được một số đặc điểm của thơ hiện đại từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 được thể hiện trong bài thơ/đoạn thơ.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ.</p> <p>- Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ; vị trí, đóng góp của tác giả.</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>- So sánh với các tác</p>					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			phẩm khác; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục.					
Tổng								6
Tỉ lệ %				40	30	20	10	100
Tỉ lệ chung				70		30		100

Lưu ý:

- Đối với các câu hỏi ở phần Đọc hiểu, mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của *Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá* tương ứng (một chỉ báo là một gạch đầu dòng).

- Những đơn vị kiến thức/kĩ năng của các bài học Tiếng Việt, Làm văn, Lí luận văn học, Lịch sử văn học được tích hợp trong kiểm tra, đánh giá ở phần Đọc hiểu và phần viết đoạn văn nghị luận xã hội, viết bài văn nghị luận văn học.

- (1*) Một đoạn văn/bài văn đánh giá 4 mức độ nhận thức (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao); tỉ lệ điểm cho từng mức độ được thể hiện trong đáp án và hướng dẫn chấm.

BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II
MÔN: NGỮ VĂN 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/ kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	ĐỌC HIỂU	Thơ hiện đại Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến 1945/thơ nước ngoài (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa).	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định đề tài, hình tượng nhân vật trữ tình trong bài thơ/đoạn thơ. - Nhận diện được phương thức biểu đạt, thể thơ, các biện pháp tu từ... trong bài thơ/đoạn thơ. - Chỉ ra các từ ngữ, chi tiết, hình ảnh,... trong bài thơ/ đoạn thơ. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được các thành phần nghĩa của câu; hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ. - Hiểu được một số đặc điểm cơ bản của thơ hiện đại Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 về thể loại, đề tài, cảm hứng, nghệ thuật biểu đạt được thể hiện trong bài thơ/đoạn thơ. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong bài thơ/đoạn thơ. - Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân. 	2	1	1	0	4

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/ kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>- Phân biệt thơ hiện đại và thơ trung đại.</p>					
		Nghị luận hiện đại (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa).	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định thông tin được nêu trong văn bản/đoạn trích. - Nhận diện được phương thức biểu đạt, thao tác lập luận, phong cách ngôn ngữ, biện pháp tu từ,... trong văn bản/đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được các thành phần nghĩa của câu; nội dung của văn bản/đoạn trích. - Hiểu được cách triển khai lập luận, ngôn ngữ biểu đạt; các biện pháp tu từ, đặc trưng của phong cách ngôn ngữ... trong văn bản/đoạn trích. - Hiểu được những đặc điểm cơ bản của nghị luận hiện đại thể hiện trong văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích. - Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân. - Phân biệt được nghị luận hiện đại và nghị 					

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/ kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			luận trung đại.					
	Truyện nước ngoài (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa).		<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được đề tài, cốt truyện, các chi tiết, sự việc tiêu biểu... trong văn bản/đoạn trích. - Nhận diện được phương thức biểu đạt, các biện pháp nghệ thuật, ngôi kể, hệ thống nhân vật... trong văn bản/đoạn trích. <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: chủ đề, tư tưởng, ý nghĩa của các chi tiết, sự việc tiêu biểu; ý nghĩa của hình tượng nhân vật, nghệ thuật trần thuật, bút pháp.... - Hiểu một số đặc điểm của truyện nước ngoài được thể hiện trong văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích. - Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân. 					

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/ kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
2	VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI (khoảng 150 chữ)	Nghị luận về tư tưởng, đạo lí	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được tư tưởng, đạo lí cần bàn luận. - Xác định được cách thức trình bày đoạn văn. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn giải về nội dung, ý nghĩa của tư tưởng, đạo lí. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kỹ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về tư tưởng, đạo lí. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về tư tưởng đạo lí. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, đoạn văn giàu sức thuyết phục. 					1*
		Nghị luận về một hiện tượng đời sống	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được hiện tượng đời sống cần bàn luận. - Xác định cách thức trình bày đoạn văn. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được thực 					

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/ kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			trạng/nguyên nhân/ các mặt lợi – hại, đúng – sai của hiện tượng đời sống. Vận dụng: - Vận dụng các kỹ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về hiện tượng đời sống. Vận dụng cao: - Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về hiện tượng đời sống. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, đoạn văn giàu sức thuyết phục.					
3	VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC	Nghị luận về một bài thơ/đoạn thơ: - Lưu biệt khi xuất dương (Phan Bội Châu) - Hầu Trời (Tản Đà) - Vội vàng (Xuân	Nhận biết: - Xác định được kiểu bài nghị luận; vấn đề nghị luận. - Giới thiệu tác giả, bài thơ, đoạn thơ. - Nêu nội dung cảm hứng, hình tượng nhân vật trữ tình, đặc điểm nghệ thuật nổi bật... của bài thơ/đoạn thơ. Thông hiểu: - Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ theo yêu cầu của đề: tình cảm					1*

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
		Diệu) - <i>Tràng giang</i> (Huy Cận) - <i>Đây thôn Vĩ Dạ</i> (Hàn Mặc Tử) - <i>Chiều tối</i> (Hồ Chí Minh) - <i>Từ ấy</i> (Tố Hữu) - <i>Tôi yêu em</i> (A.Puskin)	quê hương, tư tưởng yêu nước; tình yêu trong sáng cao thượng; quan niệm thẩm mỹ và nhân sinh mới mẻ...; sự kế thừa các thể thơ truyền thống và hiện đại hóa thơ ca về ngôn ngữ, thể loại, hình ảnh,... - Lí giải được một số đặc điểm của thơ hiện đại từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 được thể hiện trong bài thơ/đoạn thơ. Vận dụng: - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ. - Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ; vị trí, đóng góp của tác giả. Vận dụng cao: - So sánh với các tác phẩm khác; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục.					

TT	Nội dung kiến thức/ kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
		<p>Nghị luận về đoạn trích/ tác phẩm truyện nước ngoài:</p> <p>- <i>Người trong bao</i> (A.P.Sê-khốp)</p> <p>- <i>Người cầm quyền khôi phục uy quyền</i> (Trích <i>Những người khốn khổ</i>, V. Huy-gô)</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề nghị luận. - Giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn trích. - Nhớ được cốt truyện, nhân vật; xác định các chi tiết, sự việc tiêu biểu... của văn bản/đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn giải về giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản/đoạn trích theo yêu cầu của đề: giá trị hiện thực, tư tưởng nhân đạo, nghệ thuật trần thuật và xây dựng nhân vật, bút pháp hiện thực và lãng mạn... - Lí giải được một số đặc điểm của truyện nước ngoài được thể hiện trong văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm, đoạn trích. - Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của văn bản/đoạn trích, đóng góp của tác giả. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh với các tác 					

TT	Nội dung kiến thức/kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>phẩm khác; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.</p> <p>- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục.</p>					
		<p>Nghị luận về đoạn trích “<i>Một thời đại trong thi ca</i>” (Trích <i>Thi nhân Việt Nam</i>) của Hoài Thanh</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận; vấn đề nghị luận. - Giới thiệu tác giả, văn bản, đoạn trích. - Nêu được luận điểm, cách triển khai lập luận trong đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích theo yêu cầu của đề: tinh thần thơ mới, bi kịch của “cái tôi” trong thơ mới...; nghệ thuật lập luận khoa học, chặt chẽ, văn phong tài hoa, tinh tế... - Lí giải được một số đặc điểm của nghị luận hiện đại được thể hiện trong đoạn trích. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kỹ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của đoạn trích. 					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>- Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của đoạn trích, đóng góp của tác giả.</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>- So sánh với các tác phẩm khác; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.</p> <p>- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục.</p>					
Tổng								6
Tỉ lệ %				40	30	20	10	100
Tỉ lệ chung				70		30		100

Lưu ý:

- Đối với các câu hỏi ở phần Đọc hiểu, mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của *Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá* tương ứng (một chỉ báo là một gạch đầu dòng)

- Những đơn vị kiến thức/kĩ năng của các bài học Tiếng Việt, Làm văn, Lí luận văn học, Lịch sử văn học được tích hợp trong kiểm tra, đánh giá ở phần Đọc hiểu và phần viết đoạn văn nghị luận xã hội, viết bài văn nghị luận văn học.

- (1*) Một đoạn văn/bài văn đánh giá 4 mức độ nhận thức (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao); tỉ lệ điểm cho từng mức độ được thể hiện trong đáp án và hướng dẫn chấm.

c) Hướng dẫn ra đề kiểm tra theo ma trận và đặc tả

HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/ kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	ĐỌC HIỂU	Thơ trung đại (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định đề tài, hình tượng nhân vật trữ tình trong bài thơ/đoạn thơ. - Nhận diện được phương thức biểu đạt, thể thơ, các biện pháp tu từ... trong bài thơ/đoạn thơ. (Câu 1) - Nhận diện được từ ngữ, chi tiết, hình ảnh,... trong bài thơ/đoạn thơ. (Câu 2) <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu nghĩa của từ/câu thơ trong ngữ cảnh; hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ. (Câu 3) - Hiểu được một số đặc điểm cơ bản của thơ trung đại Việt Nam về thể loại, đề tài, cảm hứng, nghệ thuật biểu đạt được thể hiện trong bài thơ/đoạn thơ. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/đoạn 	2	1	1		4

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/ kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>thơ; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong bài thơ/đoạn thơ.</p> <p>- Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân. (Câu 4)</p>					
		Kí trung đại (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)	<p>Nhận biết:</p> <p>- Xác định đối tượng phản ánh, hình tượng nhân vật <i>tôi</i> trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>- Nhận diện được phương thức biểu đạt, thành ngữ, điển cố, các biện pháp tu từ, chi tiết, hình ảnh... trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Hiểu được nghĩa của từ/câu trong ngữ cảnh; giá trị của thành ngữ, điển cố; những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích.</p> <p>- Hiểu được đặc điểm cơ bản của kí trung đại về nội dung phản ánh, hình tượng nhân vật <i>tôi</i>, ngôn ngữ biểu đạt, cách quan sát, miêu tả, ghi chép... được thể hiện trong văn</p>					

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/ kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			bản/đoạn trích. Vận dụng: - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích. - Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân.					
		Nghị luận trung đại (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)	Nhận biết: - Xác định thông tin được nêu trong văn bản/đoạn trích. - Nhận diện được phương thức biểu đạt, thao tác lập luận, phong cách ngôn ngữ, biện pháp tu từ, thành ngữ, điển cố... trong văn bản/đoạn trích. Thông hiểu: - Hiểu được nghĩa của từ/câu trong ngữ cảnh; nội dung của văn bản/đoạn trích. - Hiểu được cách triển khai lập luận, ngôn ngữ biểu đạt; giá trị của thành ngữ, điển cố, các biện pháp tu từ... trong văn bản/đoạn trích.					

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/ kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>- Hiểu được những đặc điểm cơ bản của nghị luận trung đại thể hiện trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>- Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân.</p>					
		Văn tế trung đại (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)	<p>Nhận biết:</p> <p>- Xác định được mục đích, đối tượng của bài văn tế; cảm xúc, thái độ của tác giả.</p> <p>- Nhận diện được bố cục của bài văn tế, phương thức biểu đạt, thành ngữ, điển cố, chi tiết, hình ảnh, biện pháp tu từ... của văn bản/đoạn trích.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Hiểu nghĩa của từ/câu trong ngữ cảnh; giá trị của các thành ngữ điển cố trong văn bản/đoạn trích; những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích.</p>					

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/ kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>- Hiểu được một số đặc điểm cơ bản của bài văn tế được thể hiện trong văn bản/đoạn trích: nội dung hiện thực và tiếng nói trữ tình, cách khắc họa hình tượng...</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>- Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân.</p>					
		Hát nói trung đại (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)	<p>Nhận biết:</p> <p>- Nhận diện được bố cục của bài hát nói; phương thức biểu đạt, thành ngữ, điển cố, hình ảnh, chi tiết, hình ảnh... trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Hiểu nghĩa của từ/câu trong ngữ cảnh; giá trị của thành ngữ, điển cố được sử dụng trong văn bản/đoạn trích; những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích.</p> <p>- Hiểu được một số</p>					

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/ kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>đặc điểm cơ bản của thể hát nói về nội dung và cách thể hiện tư tưởng tình cảm được thể hiện trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích. - Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân. 					
2	VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI (khoảng 150 chữ)	Nghị luận về một tư tưởng đạo lí (Câu 1- Phần Làm văn)	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được tư tưởng, đạo lí cần bàn luận. - Xác định được cách thức trình bày đoạn văn. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn giải về nội dung, ý nghĩa của tư tưởng, đạo lí. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kỹ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về tư 					1*

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/ kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>tưởng, đạo lí.</p> <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về tư tưởng đạo lí. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, đoạn văn giàu sức thuyết phục. 					
		Nghị luận về một hiện tượng đời sống	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được hiện tượng đời sống cần bàn luận. - Xác định cách thức trình bày đoạn văn. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được thực trạng/nguyên nhân/các mặt lợi – hại, đúng – sai của hiện tượng đời sống. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kỹ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về hiện tượng đời sống. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Huy động được 					

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/ kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về hiện tượng đời sống. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, đoạn văn giàu sức thuyết phục.					
3	VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC	Nghị luận về một đoạn thơ/bài thơ: - <i>Tự tình (bài II) của Hồ Xuân Hương</i> - <i>Câu cá mùa thu (Nguyễn Khuyến)</i> - <i>Thương vợ (Tú Xương)</i> - <i>Bài ca ngắn đi trên bãi cát (Cao Bá Quát)</i>	Nhận biết: - Xác định được kiểu bài nghị luận; vấn đề nghị luận. - Giới thiệu tác giả, bài thơ, đoạn thơ. - Nêu nội dung cảm hứng, hình tượng nhân vật trữ tình, đặc điểm nghệ thuật nổi bật... của bài thơ/đoạn thơ. Thông hiểu: - Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ theo yêu cầu của đề: những tâm sự về con người và thời thế; nghệ thuật xây dựng hình ảnh, thể hiện cảm xúc, sử dụng ngôn ngữ... - Lí giải được một số đặc điểm của thơ trung đại được thể hiện trong bài thơ/đoạn thơ.					1*

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/ kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kỹ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ. - Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ; vị trí, đóng góp của tác giả. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh với các tác phẩm khác; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục. 					
		<p>Nghị luận về một văn bản/đoạn trích kí trung đại: <i>Vào phủ chúa Trịnh</i> (Lê Hữu Trác)</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề nghị luận. - Giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn trích. - Xác định được nội dung phản ánh và hình tượng nhân vật tôi trong bài kí. 					

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/ kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích/văn bản theo yêu cầu của đề: thái độ lên án cuộc sống xa hoa nơi phủ chúa; tính chân thực, sinh động trong nghệ thuật miêu tả, kể chuyện. - Lí giải được một số đặc điểm của kí trung đại được thể hiện trong văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của đoạn trích/văn bản. - Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm, vị trí, đóng góp của tác giả. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh với các tác phẩm khác; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận. - Có sáng tạo trong 					

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/ kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục.					
		Nghị luận về một văn bản/đoạn trích chiếu: <i>Chiếu cầu hiền</i> (Ngô Thì Nhậm)	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề nghị luận. - Giới thiệu tác giả, văn bản/ đoạn trích. - Xác định được nội dung chính của văn bản/đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích theo yêu cầu của đề: chủ trương đúng đắn của vua Quang Trung trong việc tập hợp người hiền tài, cách lập luận, ngôn ngữ biểu đạt của tác giả. - Lí giải được một số đặc điểm của nghị luận trung đại được thể hiện trong văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kỹ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội 					

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/ kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>dung, nghệ thuật của văn bản/đoạn trích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của văn bản/đoạn trích, đóng góp của tác giả. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh với các tác phẩm khác; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục. 					
		<p>Nghị luận về một văn bản/đoạn trích văn tế trung đại: <i>Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc</i> (Nguyễn Đình Chiểu)</p> <p>(Câu 2 – Phần Làm văn)</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề nghị luận. - Giới thiệu tác giả, tác phẩm. - Xác định được nội dung chính của đoạn trích . <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài văn tế theo yêu cầu của đề: tinh thần yêu nước thiết tha, vẻ đẹp bi tráng của hình tượng người nông dân nghĩa sĩ; 					

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/ kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>sự kết hợp chặt chẽ hiện thực và trữ tình, cách khắc họa hình tượng...</p> <p>- Lí giải được một số đặc điểm của văn tế trung đại được thể hiện trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Vận dụng các kỹ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của văn bản/đoạn trích.</p> <p>- Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của văn bản/đoạn trích, đóng góp của tác giả.</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>- So sánh với các tác phẩm khác; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.</p> <p>- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục.</p>					
		Nghị luận về văn	<p>Nhận biết:</p> <p>- Xác định được kiểu</p>					

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/ kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
		bản/đoạn trích hát nói: <i>Bài ca ngát ngưỡng</i> (Nguyễn Công Trứ)	<p>bài nghị luận, vấn đề nghị luận.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tác giả, tác phẩm. - Xác định được nội dung chính của đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài hát nói theo yêu cầu của đề: phong cách sống tự tin, giàu bản lĩnh; tính chất phóng túng trong cách thể hiện. - Lí giải được một số đặc điểm của hát nói trung đại được thể hiện trong văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kỹ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của văn bản/đoạn trích. - Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của văn bản/đoạn trích, đóng góp của tác giả. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh với các tác phẩm khác; liên hệ 					

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/ kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.</p> <p>- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục.</p>					
Tổng								6
Tỉ lệ %				40	30	20	10	100
Tỉ lệ chung				70		30		100

HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	ĐỌC HIỂU	Thơ trung đại (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định đề tài, hình tượng nhân vật trữ tình trong bài thơ/đoạn thơ. - Nhận diện được phương thức biểu đạt, thể thơ, các biện pháp tu từ... trong bài thơ/đoạn thơ. - Nhận diện được từ ngữ, chi tiết, hình ảnh,... trong bài thơ/đoạn thơ. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu nghĩa của từ/câu thơ trong ngữ cảnh; hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ. - Hiểu được một số đặc điểm cơ bản của thơ trung đại Việt Nam về thể loại, đề tài, cảm hứng, nghệ thuật biểu đạt được thể hiện trong bài thơ/đoạn thơ. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong bài thơ/đoạn thơ. - Rút ra thông điệp/bài học cho bản 	2	1	1		4

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			thân.					
		Kí trung đại (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định đối tượng phản ánh, hình tượng nhân vật <i>tôi</i> trong văn bản/đoạn trích. - Nhận diện được phương thức biểu đạt, thành ngữ, điển cố, các biện pháp tu từ, chi tiết, hình ảnh... trong văn bản/đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được nghĩa của từ/câu trong ngữ cảnh; giá trị của thành ngữ, điển cố; những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích. - Hiểu được đặc điểm cơ bản của kí trung đại về nội dung phản ánh, hình tượng nhân vật <i>tôi</i>, ngôn ngữ biểu đạt, cách quan sát, miêu tả, ghi chép... được thể hiện trong văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích. - Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân. 					

TT	Nội dung kiến thức/kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
		Nghị luận trung đại (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định thông tin được nêu trong văn bản/đoạn trích. - Nhận diện được phương thức biểu đạt, thao tác lập luận, phong cách ngôn ngữ, biện pháp tu từ, thành ngữ, điển cố... trong văn bản/đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được nghĩa của từ/câu trong ngữ cảnh; nội dung của văn bản/đoạn trích. - Hiểu được cách triển khai lập luận, ngôn ngữ biểu đạt; giá trị của thành ngữ, điển cố, các biện pháp tu từ... trong văn bản/đoạn trích. - Hiểu được những đặc điểm cơ bản của nghị luận trung đại thể hiện trong văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích. - Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân. 					
		Văn tế trung đại (Ngữ)	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được mục 					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
		liệu ngoài sách giáo khoa)	<p>đích, đối tượng của bài văn tế; cảm xúc, thái độ của tác giả.</p> <p>- Nhận diện được bố cục của bài văn tế, phương thức biểu đạt, thành ngữ, điển cố, chi tiết, hình ảnh, biện pháp tu từ... của văn bản/đoạn trích.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Hiểu nghĩa của từ/câu trong ngữ cảnh; giá trị của các thành ngữ điển cố trong văn bản/đoạn trích; những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích.</p> <p>- Hiểu được một số đặc điểm cơ bản của bài văn tế được thể hiện trong văn bản/đoạn trích: nội dung hiện thực và tiếng nói trữ tình, cách khắc họa hình tượng...</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>- Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân.</p>					
		Hát nói trung đại	<p>Nhận biết:</p> <p>- Nhận diện được bố</p>					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
		(Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)	<p>cục của bài hát nói; phương thức biểu đạt, thành ngữ, điển cố, hình ảnh, chi tiết,... trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu nghĩa của từ/câu trong ngữ cảnh; giá trị của thành ngữ, điển cố được sử dụng trong văn bản/đoạn trích; những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích. - Hiểu được một số đặc điểm cơ bản của thể hát nói về nội dung và cách thể hiện tư tưởng tình cảm được thể hiện trong văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích. - Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân. 					
		Truyện hiện đại Việt Nam (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được đề tài, cốt truyện, các chi tiết, sự việc tiêu biểu... trong văn bản/đoạn trích. (Câu 2) - Nhận diện được 					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>phương thức biểu đạt, các biện pháp nghệ thuật, ngôi kể, hệ thống nhân vật... trong văn bản/đoạn trích. (Câu 1)</p> <p>Thông hiểu</p> <p>- Hiểu được nghĩa của từ/câu trong ngữ cảnh; những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: chủ đề, tư tưởng, ý nghĩa của các chi tiết, sự việc tiêu biểu; ý nghĩa của hình tượng nhân vật, nghệ thuật trần thuật, bút pháp.... (Câu 3)</p> <p>- Hiểu một số đặc điểm của truyện ngắn Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 được thể hiện trong văn bản, đoạn trích.</p> <p>Vận dụng</p> <p>- Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích. (Câu 4)</p> <p>- Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân.</p> <p>- Phân biệt được truyện trung đại và truyện hiện đại về đề tài, kết cấu, nghệ thuật thể hiện.</p>					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
		Kịch hiện đại Việt Nam (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện về nhân vật, hành động kịch, xung đột kịch,... trong văn bản/đoạn trích. <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được nghĩa của từ/câu trong ngữ cảnh; những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: tư tưởng của tác giả, cách tạo mâu thuẫn và xung đột kịch, ngôn ngữ kịch. - Hiểu một số đặc điểm của kịch hiện đại Việt Nam thể hiện trong văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích. - Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân. 					
		Kịch nước ngoài (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện về nhân vật, hành động kịch, xung đột kịch,... trong văn bản/đoạn trích. <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được nghĩa của từ/câu trong ngữ cảnh; những đặc sắc về nội 					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: tư tưởng của tác giả, cách tạo mâu thuẫn và xung đột kịch, ngôn ngữ kịch.</p> <p>- Hiểu một số đặc điểm của kịch nước ngoài thể hiện trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>Vận dụng</p> <p>- Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>- Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân.</p>					
		Văn bản báo chí (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)	<p>Nhận biết:</p> <p>- Xác định được thông tin trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>- Nhận diện được thể loại chủ yếu của văn bản báo chí: bản tin, phóng sự, phỏng vấn, quảng cáo...</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Hiểu được nội dung, thông điệp của văn bản báo chí.</p> <p>- Hiểu đặc điểm của phong cách ngôn ngữ báo chí được thể hiện trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Phân biệt phong cách ngôn ngữ báo</p>					

TT	Nội dung kiến thức/kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>chỉ với các phong cách ngôn ngữ khác đã học.</p> <p>- Bày tỏ quan điểm của bản thân về thông tin, vấn đề được đề cập trong văn bản/đoạn trích.</p>					
2	VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI (khoảng 150 chữ)	Nghị luận về một tư tưởng đạo lí	<p>Nhận biết:</p> <p>- Xác định được tư tưởng, đạo lí cần bàn luận.</p> <p>- Xác định được cách thức trình bày đoạn văn.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Diễn giải về nội dung, ý nghĩa của tư tưởng, đạo lí.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Vận dụng các kỹ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về tư tưởng, đạo lí.</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>- Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về tư tưởng đạo lí.</p> <p>- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, đoạn văn giàu sức thuyết</p>					1*

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			phục.					
		Nghị luận về một hiện tượng đời sống (Câu 1, Phần Làm văn)	Nhận biết: - Xác định được hiện tượng đời sống cần bàn luận. - Xác định cách thức trình bày đoạn văn. Thông hiểu: - Hiểu được thực trạng/nguyên nhân/các mặt lợi – hại, đúng – sai của hiện tượng đời sống. Vận dụng: - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về hiện tượng đời sống. Vận dụng cao: - Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về hiện tượng đời sống. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, đoạn văn giàu sức thuyết phục.					
3	VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN	Nghị luận về một đoạn thơ/bài thơ:	Nhận biết: - Xác định được kiểu bài nghị luận; vấn đề					1*

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
	VĂN HỌC	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Tự tình</i> (Hồ Xuân Hương) - <i>Câu cá mùa thu</i> (Nguyễn Khuyến) - <i>Thương vợ</i> (Tú Xương) - <i>Bài ca ngắn đi trên bãi cát</i> (Cao Bá Quát) 	<p>nghị luận.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tác giả, bài thơ, đoạn thơ. - Nêu nội dung cảm hứng, hình tượng nhân vật trữ tình, đặc điểm nghệ thuật nổi bật... của bài thơ/đoạn thơ. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ theo yêu cầu của đề: những tâm sự về con người và thời thế; nghệ thuật xây dựng hình ảnh, thể hiện cảm xúc, sử dụng ngôn ngữ... - Lí giải được một số đặc điểm của thơ trung đại được thể hiện trong bài thơ/đoạn thơ. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ. - Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ; vị trí, đóng góp của tác giả. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh với các tác phẩm khác; liên hệ với 					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.</p> <p>- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục.</p>					
		<p>Nghị luận về một văn bản/đoạn trích kí trung đại: <i>Vào phủ chúa Trịnh</i> (Lê Hữu Trác)</p>	<p>Nhận biết:</p> <p>- Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề nghị luận.</p> <p>- Giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn trích.</p> <p>- Xác định được nội dung phản ánh và hình tượng nhân vật tiêu biểu trong bài kí.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích/văn bản theo yêu cầu của đề: thái độ lên án cuộc sống xa hoa nơi phủ chúa; tính chân thực, sinh động trong nghệ thuật miêu tả, kể chuyện.</p> <p>- Lí giải được một số đặc điểm của kí trung đại được thể hiện trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu</p>					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của đoạn trích/văn bản.</p> <p>- Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm, vị trí, đóng góp của tác giả.</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>- So sánh với các tác phẩm khác; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.</p> <p>- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục.</p>					
		<p>Nghị luận về một văn bản/đoạn trích chiếu: <i>Chiếu cầu hiền</i> (Ngô Thì Nhậm)</p>	<p>Nhận biết:</p> <p>- Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề nghị luận.</p> <p>- Giới thiệu tác giả, văn bản/ đoạn trích.</p> <p>- Xác định được nội dung chính của văn bản/đoạn trích.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích theo yêu cầu của đề: chủ trương đúng đắn của vua Quang Trung trong việc tập hợp người hiền tài, cách</p>					

TT	Nội dung kiến thức/kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>lập luận, ngôn ngữ biểu đạt của tác giả.</p> <p>- Lí giải được một số đặc điểm của nghị luận trung đại được thể hiện trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Vận dụng các kỹ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của văn bản/đoạn trích.</p> <p>- Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của văn bản/đoạn trích, đóng góp của tác giả.</p> <p>- Lí giải được một số đặc điểm của kí trung đại được thể hiện trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>- So sánh với các tác phẩm khác; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.</p> <p>- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục.</p>					
		Nghị luận về một văn bản/đoạn	<p>Nhận biết:</p> <p>- Xác định được kiểu</p>					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
		trích văn tế trung đại: <i>Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc</i> (Nguyễn Đình Chiểu)	<p>bài nghị luận, vấn đề nghị luận.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tác giả, tác phẩm. - Xác định được nội dung chính của đoạn trích . <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài văn tế theo yêu cầu của đề: tinh thần yêu nước thiết tha, vẻ đẹp bi tráng của hình tượng người nông dân nghĩa sĩ; sự kết hợp chất hiện thực và trữ tình, cách khắc hoạ hình tượng... - Lí giải được một số đặc điểm của văn tế trung đại được thể hiện trong văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của văn bản/đoạn trích. - Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của văn bản/đoạn trích, đóng góp của tác giả. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh với các tác phẩm khác; liên hệ với 					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.</p> <p>- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục.</p>					
		<p>Nghị luận về văn bản/đoạn trích hát nói: <i>Bài ca ngát ngưỡng</i> (Nguyễn Công Trứ)</p>	<p>Nhận biết:</p> <p>- Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề nghị luận.</p> <p>- Giới thiệu tác giả, tác phẩm.</p> <p>- Xác định được nội dung chính của đoạn trích.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài hát nói theo yêu cầu của đề: phong cách sống tự tin, giàu bản lĩnh; tính chất phóng túng trong cách thể hiện...</p> <p>- Lí giải được một số đặc điểm của hát nói trung đại được thể hiện trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung,</p>					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>nghệ thuật của văn bản/đoạn trích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của văn bản/đoạn trích, đóng góp của tác giả. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh với các tác phẩm khác; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục. 					
		<p>Nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Hai đứa trẻ</i> (Thạch Lam) - <i>Chữ người tử tù</i> (Nguyễn Tuân) - <i>Số đỏ</i> (Vũ Trọng Phụng) - <i>Chí Phèo</i> (Nam Cao) <p>(Câu 2 – Phần Làm văn)</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề nghị luận. - Giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn trích. - Nêu được cốt truyện, đề tài, chủ đề, nhân vật, các chi tiết, sự việc nổi bật của tác phẩm/đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn giải về giá trị nội dung, giá trị nghệ thuật của tác phẩm/đoạn trích theo yêu cầu của đề: giá trị hiện thực, tư tưởng nhân đạo, nghệ thuật trần thuật và xây dựng nhân vật, bút pháp hiện thực và lãng 					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>man...</p> <p>- Lí giải được một số đặc điểm của truyện hiện đại Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 được thể hiện trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của đoạn trích/văn bản.</p> <p>- Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của đoạn trích/ văn bản, đóng góp của tác giả.</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>- So sánh với các tác phẩm khác; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.</p> <p>- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục.</p>					
		Nghị luận về một đoạn trích kịch hiện đại Việt Nam: <i>Vĩnh biệt</i>	<p>Nhận biết:</p> <p>- Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề nghị luận.</p> <p>- Giới thiệu tác giả,</p>					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
		<i>Cử Trùng Đài</i> (Vũ Như Tô - Nguyễn Huy Tưởng)	<p>tác phẩm, đoạn trích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện được nhân vật, hành động kịch, xung đột kịch... trong đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn giải về giá trị nội dung, giá trị nghệ thuật của đoạn trích <i>Vĩnh biệt Cử Trùng Đài</i> (Vũ Như Tô - Nguyễn Huy Tưởng): bi kịch của người nghệ sĩ tài năng, giàu hoài bão; thái độ trân trọng, cảm thông của tác giả đối với số phận bi thảm của người nghệ sĩ; đặc sắc trong ngôn ngữ kịch, cách tổ chức xung đột kịch,... - Lí giải được một số đặc điểm của kịch hiện đại Việt Nam được thể hiện trong đoạn trích. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của văn bản/đoạn trích. - Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của văn bản/đoạn trích, đóng góp của tác giả. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh với các tác 					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>phẩm khác; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.</p> <p>- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục.</p>					
		<p>Nghị luận về một tác phẩm/đoạn trích kịch nước ngoài: <i>Rô-mê-ô và Giu-li-ét</i> của U.Sếch-xpia</p>	<p>Nhận biết</p> <p>- Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề nghị luận.</p> <p>- Giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn trích.</p> <p>- Nhận diện được nhân vật, hành động kịch, xung đột kịch...</p> <p>Thông hiểu</p> <p>- Diễn giải về giá trị nội dung, giá trị nghệ thuật của đoạn trích <i>Tình yêu và thù hận</i> (kịch <i>Rô-mê-ô và Giu-li-ét</i>, U.Sếch-xpia): ca ngợi tình yêu trong trắng, bất chấp thù hận; tư tưởng nhân văn; cách tổ chức xung đột kịch, ngôn ngữ kịch giàu chất thơ.</p> <p>- Lí giải được một số đặc điểm của kịch nước ngoài được thể hiện trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>Vận dụng</p> <p>- Vận dụng các kĩ</p>					

TT	Nội dung kiến thức/kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của văn bản/đoạn trích.</p> <p>- Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của văn bản/đoạn trích, đóng góp của tác giả.</p> <p>Vận dụng cao</p> <p>- So sánh với các tác phẩm khác; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.</p> <p>- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục.</p>					
Tổng								6
Tỉ lệ %				40	30	20	10	100
Tỉ lệ chung				70		30		100

HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II
MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức/kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	ĐỌC HIỂU	Thơ hiện đại Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến 1945 (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa).	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định đề tài, hình tượng nhân vật trữ tình trong bài thơ/đoạn thơ. (Câu 1) - Nhận diện được phương thức biểu đạt, thể thơ, các biện pháp tu từ... trong bài thơ/đoạn thơ. - Nhận diện được từ ngữ, chi tiết, hình ảnh,... trong bài thơ/đoạn thơ. (Câu 2) <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được các thành phần nghĩa của câu; hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ. (Câu 1) - Hiểu được một số đặc điểm cơ bản của thơ hiện đại Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 về thể loại, đề tài, cảm hứng, nghệ thuật biểu đạt được thể hiện trong bài thơ/đoạn thơ. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật 	2	1	1	0	4

TT	Nội dung kiến thức/kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>của bài thơ/đoạn thơ; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong bài thơ/đoạn thơ. (Câu 4)</p> <p>- Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân.</p> <p>- Phân biệt thơ hiện đại và thơ trung đại.</p>					
2	<p>VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI (khoảng 150 chữ)</p>	<p>Nghị luận về một tư tưởng, đạo lí.</p> <p>(Câu 1 – Phần Làm văn)</p>	<p>Nhận biết:</p> <p>- Xác định được tư tưởng, đạo lí cần bàn luận.</p> <p>- Xác định được cách thức trình bày đoạn văn.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Diễn giải về nội dung, ý nghĩa của tư tưởng, đạo lí.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Vận dụng các kỹ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về tư tưởng, đạo lí.</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>- Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về tư</p>					1*

TT	Nội dung kiến thức/kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>tương đạo lí.</p> <p>- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, đoạn văn giàu sức thuyết phục.</p>					
		Nghị luận về một hiện tượng đời sống.	<p>Nhận biết:</p> <p>- Xác định được hiện tượng đời sống cần bàn luận.</p> <p>- Xác định cách thức trình bày đoạn văn.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Hiểu được thực trạng/nguyên nhân/các mặt lợi – hại, đúng – sai... của hiện tượng đời sống.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Vận dụng các kỹ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về hiện tượng đời sống.</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>- Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về hiện tượng đời sống.</p> <p>- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có</p>					

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/ kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			giọng điệu, hình ảnh, đoạn văn giàu sức thuyết phục.					
3	VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC	<p>Nghị luận về một bài thơ/đoạn thơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Lưu biệt khi xuất dương</i> của Phan Bội Châu - <i>Hầu trời</i> của Tản Đà - <i>Vội vàng</i> của Xuân Diệu - <i>Tràng giang</i> của Huy Cận. - <i>Đây thôn Vỹ Dạ</i> của Hàn Mặc Tử. - <i>Chiều tối</i> của Hồ Chí Minh - <i>Từ ấy</i> của Tố Hữu <p>(Câu 2 – Phần Làm văn)</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận; vấn đề nghị luận. - Giới thiệu tác giả, bài thơ, đoạn thơ. - Nêu nội dung cảm hứng, hình tượng nhân vật trữ tình, đặc điểm nghệ thuật nổi bật... của bài thơ/đoạn thơ. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ theo yêu cầu của đề: tình cảm quê hương, tư tưởng yêu nước; quan niệm thẩm mỹ và nhân sinh mới mẻ...; sự kế thừa các thể thơ truyền thống và hiện đại hóa thơ ca về ngôn ngữ, thể loại, hình ảnh,... - Lí giải được một số đặc điểm của thơ hiện đại từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 được thể hiện trong bài thơ/đoạn thơ. 					1*

TT	Nội dung kiến thức/kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kỹ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ. - Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ; vị trí, đóng góp của tác giả. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh với các tác phẩm khác; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục. 					
Tổng							6	
Tỉ lệ %				40	30	20	10	100
Tỉ lệ chung				70		30		100

HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II
MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/ kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	ĐỌC HIỂU	Thơ hiện đại Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến năm 1945/thơ nước ngoài (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa).	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định đề tài, hình tượng nhân vật trữ tình trong bài thơ/đoạn thơ. - Nhận diện được phương thức biểu đạt, thể thơ, các biện pháp tu từ... trong bài thơ/đoạn thơ. - Chỉ ra các từ ngữ, chi tiết, hình ảnh,... trong bài thơ/ đoạn thơ. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được các thành phần nghĩa của câu; hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ. - Hiểu được một số đặc điểm cơ bản của thơ hiện đại Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 về thể loại, đề tài, cảm hứng, nghệ thuật biểu đạt được thể hiện trong bài thơ/đoạn thơ. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề 	2	1	1	0	4

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>đặt ra trong bài thơ/đoạn thơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân. - Phân biệt thơ hiện đại và thơ trung đại. 					
		Nghị luận hiện đại (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa).	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định thông tin được nêu trong văn bản/đoạn trích. (Câu 2) - Nhận diện được phương thức biểu đạt, thao tác lập luận, phong cách ngôn ngữ, biện pháp tu từ,... trong văn bản/đoạn trích. (Câu 1) <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được các thành phần nghĩa của câu; nội dung của văn bản/đoạn trích. (Câu 3) - Hiểu được cách triển khai lập luận, ngôn ngữ biểu đạt; các biện pháp tu từ, đặc trưng của phong cách ngôn ngữ... trong văn bản/đoạn trích. - Hiểu được những đặc điểm cơ bản của nghị luận hiện đại thể hiện trong văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng:</p>					

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/ kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích. (Câu 4) - Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân. - Phân biệt được nghị luận hiện đại và nghị luận trung đại. 					
		Truyện nước ngoài (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa).	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được đề tài, cốt truyện, các chi tiết, sự việc tiêu biểu... trong văn bản/đoạn trích. - Nhận diện được phương thức biểu đạt, các biện pháp nghệ thuật, ngôi kể, hệ thống nhân vật... trong văn bản/đoạn trích. <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: chủ đề, tư tưởng, ý nghĩa của các chi tiết, sự việc tiêu biểu; ý nghĩa của hình tượng nhân vật, nghệ thuật trần thuật, bút pháp.... 					

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/ kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>- Hiểu một số đặc điểm của truyện nước ngoài được thể hiện trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>Vận dụng</p> <p>- Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>- Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân.</p>					
2	VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI (khoảng 150 chữ)	Nghị luận về một tư tưởng, đạo lí	<p>Nhận biết:</p> <p>- Xác định được tư tưởng, đạo lí cần bàn luận.</p> <p>- Xác định được cách thức trình bày đoạn văn.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Diễn giải về nội dung, ý nghĩa của tư tưởng, đạo lí.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Vận dụng các kỹ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về tư tưởng, đạo lí.</p>					1*

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/ kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về tư tưởng đạo lí. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, đoạn văn giàu sức thuyết phục. 					
		<p>Nghị luận về một hiện tượng đời sống (Câu 1, Phần Làm văn)</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được hiện tượng đời sống cần bàn luận. - Xác định cách thức trình bày đoạn văn. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được thực trạng/nguyên nhân/ các mặt lợi – hại, đúng – sai của hiện tượng đời sống. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kỹ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về hiện tượng đời sống. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân 					

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/ kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>để bàn luận về hiện tượng đời sống.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, đoạn văn giàu sức thuyết phục. 					
3	VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC	<p>Nghị luận về một bài thơ/đoạn thơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Lưu biệt khi xuất dương</i> (Phan Bội Châu) - <i>Hầu Trời</i> (Tản Đà) - <i>Vội vàng</i> (Xuân Diệu) - <i>Tràng giang</i> (Huy Cận) - <i>Đáy thôn Vĩ Dạ</i> (Hàn Mặc Tử) - <i>Chiều tối</i> (Hồ Chí Minh) - <i>Từ ấy</i> (Tố Hữu) - <i>Tôi yêu em</i> (A.Puskin) <p>(Câu 2 – Phần Làm</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận; vấn đề nghị luận. - Giới thiệu tác giả, bài thơ, đoạn thơ. - Nêu nội dung cảm hứng, hình tượng nhân vật trữ tình, đặc điểm nghệ thuật nổi bật... của bài thơ/đoạn thơ. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ theo yêu cầu của đề: tình cảm quê hương, tư tưởng yêu nước; tình yêu trong sáng cao thượng; quan niệm thẩm mỹ và nhân sinh mới mẻ...; sự kế thừa các thể thơ truyền thống và hiện đại hóa thơ ca về ngôn ngữ, thể loại, hình ảnh,... - Lí giải được một số đặc điểm của thơ 					1*

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/ kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
		văn)	<p>hiện đại từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 được thể hiện trong bài thơ/đoạn thơ.</p> <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kỹ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ. - Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ; vị trí, đóng góp của tác giả. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh với các tác phẩm khác; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục. 					

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/ kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
		<p>Nghị luận về đoạn trích/ tác phẩm truyện nước ngoài:</p> <p>- Người trong bao (A.P.Sê-khốp)</p> <p>- Người cầm quyền khôi phục uy quyền (Trích Những người khốn khổ) của V. Huy-gô</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề nghị luận. - Giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn trích. - Nhớ được cốt truyện, nhân vật; xác định các chi tiết, sự việc tiêu biểu... của văn bản/đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn giải về giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản/đoạn trích theo yêu cầu của đề: giá trị hiện thực, tư tưởng nhân đạo, nghệ thuật trần thuật và xây dựng nhân vật, bút pháp hiện thực và lãng mạn... - Lí giải được một số đặc điểm của truyện nước ngoài được thể hiện trong văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kỹ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm, đoạn trích. 					

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/ kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>- Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của văn bản/đoạn trích, đóng góp của tác giả.</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>- So sánh với các tác phẩm khác; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.</p> <p>- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục.</p>					
		<p>Nghị luận về đoạn trích: <i>Một thời đại trong thi ca</i> (Trích <i>Thi nhân Việt Nam</i>) của Hoài Thanh</p>	<p>Nhận biết:</p> <p>- Xác định được kiểu bài nghị luận; vấn đề nghị luận.</p> <p>- Giới thiệu tác giả, văn bản, đoạn trích.</p> <p>- Nêu được luận điểm, cách triển khai lập luận trong đoạn trích.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích theo yêu cầu của đề: tinh thần thơ mới, bi kịch của “cái tôi” trong thơ mới...; nghệ thuật lập luận khoa học, chặt chẽ, văn phong tài hoa, tinh tế...</p> <p>- Lí giải được một số</p>					

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/ kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>đặc điểm của nghị luận hiện đại được thể hiện trong đoạn trích.</p> <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kỹ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của đoạn trích. - Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của đoạn trích, đóng góp của tác giả. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh với các tác phẩm khác; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục. 					
Tổng								6
Tỉ lệ %				40	30	20	10	100
Tỉ lệ chung				70		30		100

d) Đề minh họa; đáp án và hướng dẫn chấm

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐỀ MINH HỌA

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I NĂM HỌC 2020 - 2021

Môn: Ngữ văn, lớp 11

Thời gian làm bài: 90 phút, không tính thời gian phát đề

Họ và tên học sinh: Mã số học sinh:

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc bài thơ:

Cuộc kêu cảm hứng

(Nguyễn Khuyên)

*Khắc khoải đưa sầu giọng lữ lơ,
Áy hôn Thục đế* thác bao giờ
Năm canh máu chảy đêm hè vắng,
Sáu khắc hồn tan bóng nguyệt mờ,
Có phải tiếc xuân mà đứng gọi,
Hay là nhớ nước vẫn nằm mơ.
Thâu đêm róng rã kêu ai đó,
Giục khách giang hồ dạ ngán ngờ.*

(Thơ Nguyễn Khuyên, NXB Văn học, 2016, tr. 28)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

Câu 2. Chỉ ra 03 từ diễn tả tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trữ tình trong bài thơ.

Câu 3. Nêu hiệu quả của phép đối được sử dụng trong hai câu thơ:

*Năm canh máu chảy đêm hè vắng,
Sáu khắc hồn tan bóng nguyệt mờ*

Câu 4. Tâm sự của tác giả trong hai câu thơ: *Có phải tiếc xuân mà đứng gọi/ Hay là nhớ nước vẫn nằm mơ* gợi cho anh/chị suy nghĩ gì?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Phải chăng “*làm một việc gì thật to lớn cho Tổ quốc mới là yêu nước*”?

(Hãy để giới trẻ được thể hiện tình yêu nước tự nhiên, tuoitre.vn, 09/08/2020)

Anh/Chị hãy viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) trả lời câu hỏi trên.

Câu 2 (5,0 điểm)

Phân tích hình tượng người nghĩa sĩ Cần Giuộc được Nguyễn Đình Chiểu thể hiện trong đoạn trích sau:

Ngoài cật có một manh áo vải, nào đợi mang bao tấu, bầu ngòi; trong tay cầm một ngọn tầm vông, chi nài sắm dao tu, nón gõ.

Hỏa mai đánh bằng rơm con cúi, cũng đốt xong nhà dạy đạo kia; gươm đeo dùng bằng lưỡi dao phay, cũng chém rớt đầu quan hai nọ.

Chi nhọc quan quân giống trống kìa trống giục, đạp rào lướt tới, coi giặc cũng như không; nào sợ thằng Tây bắn đạn nhỏ đạn to, xô cửa xông vào, liều mình như chẳng có.

Kẻ đâm ngang, người chém ngược, làm cho mã tà ma ní hồn kinh; bọn hè trước, lũ ó sau, trối kệ tàu sắt tàu đồng súng nổ.

(Trích Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc, Ngữ văn 11,

Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020, tr.62)

.....Hết

* *Thực đế*: điển cũ cho rằng vua nước Thục mất nước, lúc chết hóa cuốc, nhớ nước đêm đêm lại kêu rờn rã: “Thục quốc! Thục quốc!” (Thơ Nguyễn Khuyến, NXB Văn học, 2016, tr.28).

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐỀ MINH HỌA

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I NĂM HỌC 2020 - 2021

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Môn: Ngữ văn, lớp 11

(Đáp án và hướng dẫn chấm gồm trang)

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3,0
	1	Thể thơ: thất ngôn bát cú Đường luật. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như Đáp án hoặc trả lời thể thơ thất ngôn bát cú: 0,75 điểm - Học sinh trả lời thể thơ thất ngôn: 0,5 điểm	0,75
	2	Các từ diễn tả cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình: <i>khắc khoải, sầu, tiếc, nhớ, ngán ngơ...</i> Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời được 03 từ trong đáp án: 0,75 điểm - Học sinh trả lời được 02 từ trong đáp án: 0,5 điểm - Học sinh trả lời được 01 từ trong đáp án: 0,25 điểm	0,75
	3	- Phép đối: <i>năm canh - sáu khắc, máu chảy - hồn tan, đêm hè vắng - bóng nguyệt mờ.</i> - Hiệu quả:	1,0

		<p>+ Tạo sự cân xứng, hô ứng, đối xứng, nhịp nhàng.</p> <p>+ Nhân mạnh nỗi đau đớn, xót xa của chủ thể trữ tình như thấm vào thời gian, lan tỏa trong không gian.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm</p> <p>- Học sinh trả lời được 02 ý về hiệu quả, không nêu biểu hiện của phép đối: 0,75 điểm</p> <p>- Học sinh trả lời được 01 ý về hiệu quả, không nêu biểu hiện của phép đối: 0,5 điểm</p> <p>- Học sinh trả lời được 01 ý về hiệu quả, không nêu biểu hiện của phép đối: 0,25 điểm</p>	
	4	<p>- Tâm sự của tác giả trong hai câu thơ: tiếc nhớ, ngẩn ngơ, xót xa, đau đớn khi mất nước.</p> <p>- Suy nghĩ của bản thân: thấu cảm, trân trọng vẻ đẹp tâm hồn của tác giả; đánh thức tình cảm, ý thức trách nhiệm của bản thân đối với đất nước...</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời được 2 ý: 0,5 điểm</p> <p>- Học sinh trả lời được 1 ý: 0,25 điểm</p>	0,5
II		LÀM VĂN	7,0
	1	Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trả lời câu hỏi: Phải chăng “ <i>làm một việc gì thật to lớn cho Tổ quốc mới là yêu nước.</i> ”?	2,0
		<p>a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</p> <p>Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.</p>	0,25
		<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>Cách thể hiện lòng yêu nước.</p>	0,25
		<p>c. Triển khai vấn đề nghị luận</p> <p>Thí sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ suy nghĩ, quan điểm của bản thân về ý kiến được nêu. Có thể theo hướng sau:</p> <p>Mỗi cá nhân thể hiện tình yêu nước và trách nhiệm công dân theo cách riêng, gắn với hoàn cảnh, năng lực bản thân; những việc lớn lao hay bình thường nhỏ bé đều là biểu hiện của lòng yêu nước nếu xuất phát từ nhận thức đúng đắn, biểu hiện bằng hành động thiết thực, có ý nghĩa; những công hiến vĩ đại, những đóng góp thầm lặng của mỗi công dân đều xứng đáng được tôn vinh, ghi</p>	0,75

	<p>nhận...</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng (0,75 điểm).</p> <p>- Học sinh lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (0,5 điểm)</p> <p>- Học sinh lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25 điểm).</p> <p>Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt</p> <p>Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp</p>	0,25
	<p>e. Sáng tạo</p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p> <p>Hướng dẫn chấm: huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân khi bàn luận; có cái nhìn riêng, mới mẻ về vấn đề; có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận, làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, đoạn văn giàu sức thuyết phục.</p> <p>- Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.</p> <p>- Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.</p>	0,5
2	Phân tích hình tượng người nghĩa sĩ Cần Giuộc trong đoạn trích	5,0
	<p>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</p> <p>Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề</p>	0,25
	<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>Hình tượng người nghĩa sĩ Cần Giuộc.</p>	0,5
	<p>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</p> <p>Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:</p>	

	<p>* Giới thiệu khái quát về tác giả Nguyễn Đình Chiểu, tác phẩm Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc và đoạn trích</p> <p>Hướng dẫn chấm: giới thiệu tác giả: 0,25 điểm; giới thiệu tác phẩm, đoạn trích: 0,25 điểm</p>	0,5
	<p>* Phân tích hình tượng người nghĩa sĩ Cần Giuộc</p> <p>- Hình tượng người nghĩa sĩ Cần Giuộc khi ra trận:</p> <p>+ Tinh thần tự nguyện ra trận đánh giặc, vượt lên hoàn cảnh khó khăn, thiếu thốn.</p> <p>+ Tinh thần xả thân của những người dân chân đất mang trọng trách và chí khí của người anh hùng thời đại.</p> <p>- Hình tượng người nghĩa sĩ Cần Giuộc được thể hiện bằng thể văn biền ngẫu, thủ pháp tương phản, ngôn ngữ vừa trang trọng vừa dân dã, mang đậm sắc thái Nam Bộ.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Phân tích chi tiết, làm rõ hình tượng người nghĩa sĩ Cần Giuộc: 2,0 điểm - 2,5 điểm</p> <p>- Phân tích được hình tượng người nghĩa sĩ Cần Giuộc nhưng chưa thật chi tiết, đầy đủ: 1,0 điểm - 1,75 điểm.</p> <p>- Phân tích chung chung, chưa làm rõ hình tượng người nghĩa sĩ Cần Giuộc: 0,25 điểm - 0,75 điểm.</p>	2,5
	<p>* Đánh giá</p> <p>- Với hình tượng người nghĩa sĩ Cần Giuộc, lần đầu tiên trong văn học Việt Nam, người nông dân có mặt ở vị trí trung tâm và hiện ra với tất cả vẻ đẹp vốn có của họ.</p> <p>- Vẻ đẹp giản dị mà bi tráng của người nghĩa sĩ nông dân cùng thái độ cảm phục, ngợi ca của tác giả có tác dụng thức tỉnh tuổi trẻ hôm nay về tình yêu, trách nhiệm với đất nước.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>-Trình bày được 2 ý: 0,5 điểm.</p> <p>-Trình bày được 1 ý: 0,25 điểm.</p>	0,5
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt</p> <p><i>Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp</i></p>	0,25
	<p>e. Sáng tạo</p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p> <p>Hướng dẫn chấm: Học sinh biết vận dụng lí luận văn học trong</p>	0,5

	<p>quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác để làm nổi bật nét đặc sắc của tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu; biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.</p> <p>- Học sinh đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm. - Học sinh đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.</p>	
Tổng điểm		10,0

.....Hết.....

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐỀ MINH HỌA

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I NĂM HỌC 2020 - 2021
Môn: Ngữ văn, Lớp: 11

Thời gian làm bài: 90 phút, không tính thời gian phát đề

Họ và tên học sinh: Mã số học sinh:

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

Ngoài khung cửa sổ, trời xanh ngắt ánh sáng; lá cây rung động dưới làn gió nhẹ. Một thân cây vút cao lên trước mặt. Cùng một lúc, chàng lâm bảm: “cây hoàng lan”, mùi hương thơm thoang thoang đưa vào. Thanh nhắm mắt ngửi hương thơm và nhớ đến cái cây ấy chàng hay chơi dưới gốc nhật hoa. Đã từ lâu lắm, ngày mới có căn nhà này, ngày cha mẹ chàng hãy còn. Rồi đến ngày một bà một cháu quấn quýt nhau. Thanh ra tỉnh làm rồi đi về hàng năm, các ngày nghỉ. Bây giờ cây đã lớn.

Thanh thấy tâm hồn nhẹ nhõm tươi mát như vừa tắm ở suối. Chàng tắm trong cái không khí tươi mát này. Những ngày bận rộn ở tỉnh giờ xa quá. Khu vườn với các cây quen đã nhận biết chàng rồi.

Nghe thấy bà đi vào. Thanh nằm yên giả vờ ngủ. Bà lại gần sờ sờ, buông màn, nhìn cháu và xua đuôi muỗi. Gió quạt đưa nhẹ trên mái tóc chàng. Thanh vẫn nằm yên nhắm mắt nhưng biết bà ở bên mình. Chàng không dám động dậy, yên lặng chờ cho bà lại đi ra. Bà xuống bếp làm cơm hẩm. Tiếng dèp nhỏ dần.

(Trích *Dưới bóng hoàng lan* - Thạch Lam, NXB Văn hóa Thông tin, 2007, tr. 165-166)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định các phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2. Trong đoạn trích, *cây hoàng lan* được miêu tả qua những chi tiết nào?

Câu 3. Nêu tâm trạng của nhân vật Thanh khi trở về *dưới bóng hoàng lan* trong đoạn trích.

Câu 4. Anh/Chị hãy nhận xét về nghệ thuật miêu tả tâm trạng nhân vật của Thạch Lam trong đoạn trích.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Anh/Chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về vai trò của sự trải nghiệm trong cuộc sống.

Câu 2 (5,0 điểm)

Phân tích hình tượng nhân vật Huấn Cao trong đoạn trích sau:

Đêm hôm ấy, lúc trại giam tỉnh Sơn chỉ còn vắng có tiếng mõ vọng canh, một cảnh tượng xưa nay chưa từng có, đã bày ra trong một buồng tối chật hẹp, ẩm ướt, tường đầy mạng nhện, đất bừa bãi phân chuột, phân gián.

Trong không khí khói tỏa như đám cháy nhà, ánh sáng đỏ rực của một bó đuốc tẩm dầu rọi lên ba cái đầu người đang chăm chú trên một tấm lụa bạch còn nguyên vẹn lần hồ. Khói bốc tỏa cay mắt, làm họ dụi mắt lia lịa.

Một người tù, cổ đeo gông, chân vướng xiềng, đang dậm tô nét chữ trên tấm lụa trắng tinh căng trên mảnh ván. Người tù viết xong một chữ, viên quản ngục lại vội khúm núm cất những đồng tiền kẽm đánh dấu ô chữ đặt trên phiến lụa óng. Và cái thầy thơ lại gầy gò, run run bưng chậu mực. Thay bút con, đề xong lạc khoản, ông Huấn Cao thở dài, buồn bã đỡ viên quản ngục đứng dậy và đình đạc bảo:

- Ở đây lẫn lộn. Ta khuyên thầy Quản nên thay chốn ở đi. Chỗ này không phải là nơi để treo một bức lụa trắng với những nét chữ vuông tươi tắn nó nói nên những cái hoài bão tung hoành của một đời con người. Thoi mực thầy mua ở đâu mà tốt và thơm quá. Thầy có thấy mùi thơm ở chậu mực bốc lên không?...Tôi bảo thực đấy, thầy Quản nên về quê mà ở, thầy hãy thoát khỏi cái nghề này đi đã, rồi hãy nghĩ đến chuyện chơi chữ. Ở đây, khó giữ thiên lương cho lành vững và rồi cũng đến nhem nhuốc cái đời lương thiện đi.

Lửa đóm cháy rừng rực, lửa rụng xuống nền đất ẩm phòng giam, tàn lửa tắt nghe xèo xèo.

Ba người nhìn bức chằm, rồi lại nhìn nhau.

Ngục quan cảm động, vái người tử tù một vái, chắp tay nói một câu mà dòng nước mắt rỉ vào kẽ miệng làm cho nghẹn ngào: “Kẻ mê muội này xin bái lĩnh”.

(Trích *Chữ người tử tù* - Nguyễn Tuân, *Ngữ văn 11*,

Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2019, tr. 113 -114)

.....Hết.....

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3,0
	1	Các phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn trích: tự sự, miêu tả, biểu cảm. Hướng dẫn chấm: - Học sinh nêu được 3 phương thức biểu đạt: 0,75 điểm. - Học sinh nêu được 2 phương thức biểu đạt: 0,5 điểm. - Học sinh nêu được 1 phương thức biểu đạt: 0,25 điểm.	0,75
	2	Những chi tiết miêu tả cây hoàng lan trong đoạn trích: lá cây rung động; thân cây vút cao; mùi hương thơm thoang thoảng; cây đã lớn. Hướng dẫn chấm: - Học sinh nêu được 3 chi tiết trở lên: 0,75 điểm. - Học sinh nêu được 2 chi tiết: 0,5 điểm. - Học sinh nêu được 1 chi tiết: 0,25 điểm.	0,75
	3	Tâm trạng của nhân vật Thanh trong đoạn trích: cảm thấy nhẹ nhàng, thư thái, bình yên khi tắm mình trong không khí tươi mát của hương hoàng lan và đón nhận sự săn sóc của bà. Hướng dẫn chấm: - Học sinh nêu được các nét tâm trạng của nhân vật (nhẹ nhàng, thư thái, bình yên) hoặc có cách diễn đạt tương đương: 1,0 điểm. - Học sinh nêu được 1 hoặc 2 nét tâm trạng: 0,5 điểm.	1,0
	4	Nhận xét về nghệ thuật miêu tả tâm trạng nhân vật của Thạch Lam trong đoạn trích: miêu tả tinh tế các sắc thái tâm trạng ; ngôn ngữ trong sáng, gợi cảm; giọng điệu nhẹ nhàng, giàu chất trữ tình. Hướng dẫn chấm: - Học sinh nêu được 2 ý trở lên: 0,5 điểm. - Học sinh nêu được 1 ý: 0,25 điểm. Lưu ý: Học sinh trả lời các ý trong Đáp án bằng các từ ngữ/cách	0,5

		<i>diễn đạt tương đương vẫn cho điểm tối đa.</i>	
II		LÀM VĂN	7,0
	1	Viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về vai trò của sự trải nghiệm trong cuộc sống.	2,0
		<i>a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</i> Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Vai trò của sự trải nghiệm trong cuộc sống.	0,25
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận</i> Học sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ vai trò của sự trải nghiệm trong cuộc sống. Có thể theo hướng sau: Sự trải nghiệm đem lại hiểu biết, kinh nghiệm thực tế, giúp con người trưởng thành, vững vàng; cuộc sống trở nên phong phú, sâu sắc hơn; ... Hướng dẫn chấm: + <i>Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữ lí lẽ và dẫn chứng (0,75 điểm).</i> + <i>Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (0,5 điểm).</i> + <i>Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25 điểm).</i> Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	0,75
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,25
		<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. Hướng dẫn chấm: Học sinh huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về hiện tượng đời sống; có cách nhìn riêng, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận,	0,5

	<p><i>làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, đoạn văn giàu sức thuyết phục.</i></p> <p>- Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên 0,5 điểm.</p> <p>- Đáp ứng được 1 yêu cầu 0,25 điểm.</p>	
2	Phân tích hình tượng nhân vật Huân Cao trong đoạn trích.	5,0
	<p><i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i></p> <p>Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề</p>	0,25
	<p><i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i></p> <p>Vai trò của sự trải nghiệm trong cuộc sống.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm.</p> <p>- Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm.</p>	0,5
	<p><i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i></p> <p>Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:</p>	
	<p>* Giới thiệu tác giả (0,25 điểm), tác phẩm, đoạn trích và nhân vật (0,25 điểm)</p>	0,5
	<p>* Phân tích</p> <p>- Hoàn cảnh:</p> <p>+ Tử tù Huân Cao có tài viết chữ rất nhanh và rất đẹp. Quản ngục biệt đãi Huân Cao để bày tỏ sự ngưỡng mộ, trân trọng.</p> <p>+ Huân Cao đáp lại bằng thái độ khinh bạc. Đêm trước khi bị giải về kinh chịu án chém, Huân Cao hiểu ra tấm lòng <i>biệt nhỡn liên tài</i> của viên quản ngục và đồng ý cho chữ ngay trong buồng giam chật hẹp, ẩm ướt...</p> <p>- Tư thế, hành động, ngôn ngữ:</p> <p>+ Tư thế, hành động: người tử tù <i>cổ đeo gông, chân vướng xiềng, đang dậm tô nét chữ trên tấm lụa trắng tinh</i> toát lên phong thái ung dung, uy nghi, <i>đĩnh đạc</i> của người nghệ sĩ tài hoa, có khí phách hiên ngang.</p> <p>+ Ngôn ngữ: khuyên viên quản ngục <i>thay chốn ở, thoát khỏi nghề cai ngục, giữ thiên lương cho lành vững</i>; lời khuyên bộc lộ thiên lương trong sáng, nhân cách cao đẹp của nhân vật.</p> <p>- Nghệ thuật khắc họa nhân vật: đặt nhân vật vào tình huống độc đáo; sử dụng ngôn ngữ giàu tính tạo hình, bút pháp lãng mạn để tô</p>	2,5

	<p>đậm vẻ đẹp của nhân vật.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,0 điểm - 2,5 điểm - Phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu : 1,0 điểm - 1,75 điểm. - Phân tích chung chung, sơ sài: 0,25 điểm - 0,75 điểm. 	
	<p>* Đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân vật Huân Cao được khắc họa với vẻ đẹp lí tưởng, hiện ra trong hình ảnh của người sáng tạo và ban phát cái đẹp. - Nhân vật Huân Cao thể hiện quan niệm thẩm mĩ tiến bộ, lòng yêu nước thầm kín và ngòi bút tài hoa của Nguyễn Tuân. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được 2 ý: 0,5 điểm. - Trình bày được 1 ý: 0,25 điểm. 	0,5
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt</p> <p>Lưu ý: Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</p>	0,25
	<p>e. Sáng tạo</p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p> <p>Hướng dẫn chấm: Học sinh biết vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác để làm nổi bật nét đặc sắc của truyện ngắn Nguyễn Tuân; biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm. - Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm. 	0,5
Tổng điểm		10,0

.....Hết.....

Họ và tên học sinh:.....Mã số học sinh:.....

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc bài thơ:

GIÁC MƠ ANH LÁI ĐÒ

(Nguyễn Bính)

Năm xưa chở chiếc thuyền này.

Cho cô sang bãi tước đay chiều chiều.

Để tôi mơ mãi mơ nhiều:

“Tước đay xe võng nhuộm điều, ta đi.

Tưng bưng vua mở khoa thi,

Tôi đỗ quan Trạng, vinh quy về làng.

Võng anh đi trước võng nàng...

Cả hai chiếc võng cùng sang một đò.”

Đón rặng đám cưới cô to.

Nhà giai thuê chín chiếc đò đón dâu.

Nhà gái ăn chín nghìn cau,

Tiền cheo tiền cưới chừng đâu chín nghìn...

Lang thang tôi dạm bán thuyền,

Có người giả chín quan tiền lại thôi!

(Thi nhân Việt Nam, Hoài Thanh - Hoài Chân,

NXB Văn học, 2000, tr. 347)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định hình tượng nhân vật trữ tình trong bài thơ.

Câu 2. Trong giấc mơ, nhân vật trữ tình đã hình dung ra cảnh tượng nào?

Câu 3. Anh/Chị hiểu như thế nào về nội dung của hai câu thơ sau?

Lang thang tôi dạm bán thuyền,

Có người giả chín quan tiền lại thôi!

Câu 4. Nêu nhận xét của anh/chị về giấc mơ của nhân vật trữ tình trong bài thơ.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Khi tài năng chưa đủ để thực hiện ước mơ, bạn chọn từ bỏ hay kiên trì trau dồi bản thân để thực hiện ước mơ ấy?

Hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) lí giải về sự lựa chọn của anh/chị.

Câu 2 (5,0 điểm)

Anh/Chị hãy phân tích quan niệm về thời gian được nhà thơ Xuân Diệu thể hiện trong đoạn thơ sau:

*Xuân đương tới, nghĩa là xuân đương qua,
Xuân còn non, nghĩa là xuân sẽ già,
Mà xuân hết, nghĩa là tôi cũng mất.
Lòng tôi rộng, nhưng lượng trời cứ chật,
Không cho dài thời trẻ của nhân gian,
Nói làm chi rằng xuân vẫn tuần hoàn,
Nếu tuổi trẻ chẳng hai lần thắm lại!*

(Trích *Vội vàng*, Xuân Diệu, *Ngữ văn 11*,
Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2019, tr. 22)

-----Hết-----

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐỀ MINH HỌA

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II NĂM HỌC 2020 - 2021

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Môn: Ngữ văn, Lớp: 11

(Đáp án và hướng dẫn chấm gồmtrang)

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3,0
	1	Nhân vật trữ tình trong bài thơ: anh lái đò. Hướng dẫn chấm: Học sinh xác định nhân vật trữ tình là “tôi” hay “tác giả” vẫn cho điểm tối đa.	0,75
	2	Trong giấc mơ, nhân vật trữ tình đã hình dung ra cảnh tượng: Vua mở khoa thi, nhân vật trữ tình đỗ quan Trạng vinh quy về làng, võng anh và võng nàng cùng sang sông trên một con đò. Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án: 0,75 điểm - Trả lời được 1/2 yêu cầu trong Đáp án: 0,5 điểm Lưu ý: Học sinh trích dẫn nguyên văn những câu thơ nói về giấc mơ của nhân vật trữ tình vẫn cho điểm tối đa	0,75

	<p>3 Nội dung của hai câu thơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Anh lái đò định bán thuyền, có người trả chín quan tiền nhưng anh lại không bán nữa. - Nỗi buồn, sự thất vọng, trống trải của nhân vật trữ tình khi giấc mơ không thành. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời như Đáp án: 1,0 điểm - Trả lời được 1 ý trong Đáp án: 0,5 điểm - Trả lời được 1 phần của ý 1 hoặc ý 2 trong Đáp án: 0,25 điểm <p>Lưu ý: Học sinh trả lời các ý trong Đáp án bằng các cách diễn đạt tương đương vẫn cho điểm tối đa.</p>	1,0
	<p>4 Nhận xét về giấc mơ của nhân vật trữ tình trong bài thơ: Đó là giấc mơ lỡ dở của cái tôi lãng mạn, thể hiện cảm giác lạc lõng của nhân vật trữ tình trước hiện tại.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời như Đáp án: 0,5 điểm. - Trả lời được ½ yêu cầu trong Đáp án: 0,25 điểm <p>Lưu ý: Học sinh nhận xét về giấc mơ của nhân vật trữ tình trong bài thơ bằng các cách diễn đạt tương đương vẫn cho điểm tối đa.</p>	0,5
II	LÀM VĂN	7,0
	<p>1 Viết đoạn văn lí giải sự lựa chọn của bản thân: khi năng lực chưa đủ để thực hiện ước mơ, bạn chọn từ bỏ hay tiếp tục trau dồi bản thân để theo đuổi ước mơ?</p> <p><i>a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</i></p> <p>Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân- hợp, móc xích hoặc song hành.</p> <p><i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i></p> <p>Lí giải lựa chọn của bản thân : khi năng lực chưa đủ để thực hiện ước mơ, nên từ bỏ hoặc nên tiếp tục trau dồi bản thân để theo đuổi ước mơ.</p> <p><i>c. Triển khai vấn đề nghị luận</i></p> <p>Học sinh có thể vận dụng các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải nêu và lí giải được lựa chọn của bản thân. Có thể trình bày theo các hướng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu chọn từ bỏ khi năng lực chưa đủ thực hiện ước mơ, có thể lập luận theo hướng: không phải ước mơ nào cũng có thể thực hiện được; khi năng lực không đủ để thực hiện ước mơ, khi nhận ra giới hạn của bản thân, dừng lại là một lựa chọn tỉnh táo để tìm cho 	<p>2,0</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,75</p>

	<p>mình hướng đi khác phù hợp hơn; đó là lựa chọn của những người sống lí trí, thực tế, hiểu rõ bản thân, biết thay đổi để thích ứng...</p> <p>- Nếu chọn tiếp tục trau dồi bản thân để theo đuổi ước mơ, có thể lập luận theo hướng: tiềm năng của con người là vô hạn; khi có ý chí và quyết tâm, mỗi người sẽ biết cách vượt lên trên những giới hạn của bản thân để theo đuổi và thực hiện mơ ước; đó là lựa chọn của những người dám sống hết mình với đam mê, dám dấn thân...</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữ lí lẽ và dẫn chứng (0,75 điểm).</p> <p>- Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (0,5 điểm).</p> <p>- Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25 điểm).</p> <p>Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p> <p>Lưu ý: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</p>	0,25
	<p>e. Sáng tạo</p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.</p> <p>Hướng dẫn chấm: huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân khi bàn luận; có cái nhìn riêng, mới mẻ về vấn đề; có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận, làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, đoạn văn giàu sức thuyết phục.</p> <p>- Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.</p> <p>- Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.</p>	0,5
2	<p>Phân tích quan niệm về thời gian được nhà thơ Xuân Diệu thể hiện trong đoạn thơ</p>	5,0
	<p>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</p> <p>Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.</p>	0,25
	<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>Phân tích quan niệm về thời gian được Xuân Diệu thể hiện trong đoạn thơ.</p>	0,5
	<p>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</p>	

	<p>Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:</p>	
<p>* Giới thiệu khái quát về tác giả Xuân Diệu, bài thơ <i>Vội vàng</i> và đoạn trích.</p> <p>Hướng dẫn chấm: <i>Phần giới thiệu tác giả: 0,25 điểm; giới thiệu tác phẩm, đoạn trích: 0,25 điểm.</i></p>	0,5	
<p>* Phân tích quan niệm về thời gian được Xuân Diệu thể hiện trong đoạn trích:</p> <p>- Quan niệm về thời gian được thể hiện trong đoạn trích:</p> <p>+ Xuân Diệu hình dung thời gian không trôi chảy theo vòng tuần hoàn mà trôi đi như một dòng chảy xuôi chiều, một đi không trở lại, mỗi khoảnh khắc trôi qua là mất đi vĩnh viễn.</p> <p>+ Xuân Diệu lấy sinh mệnh cá thể làm thước đo thời gian, tức là lấy quỹ thời gian hữu hạn của sinh mệnh cá thể để đo đếm thời gian trong vũ trụ, thậm chí, lấy quãng đời ngắn nhất, giàu ý nghĩa nhất trong sinh mệnh con người là tuổi trẻ để làm thước đo.</p> <p>+ Quan niệm về thời gian của Xuân Diệu thể hiện một tâm thế sống cuồng nhiệt, tích cực, một niềm yêu đời thiết tha. Đó là quan niệm rất mới mẻ, táo bạo đầy tính cách mạng.</p> <p>- Quan niệm về thời gian được Xuân Diệu thể hiện bằng thể thơ tự do, giọng điệu sôi nổi, từ ngữ giàu sức gợi, cách tranh biện hăng hái, lối cắt nghĩa liên tục, thủ pháp điệp...</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,0 điểm - 2,5 điểm.</p> <p>- Phân tích đầy đủ nhưng có ý chưa sâu hoặc phân tích sâu nhưng chưa thật đầy đủ: 1,0 điểm - 1,75 điểm.</p> <p>- Phân tích chưa đầy đủ hoặc chung chung, sơ sài: 0,25 điểm - 0,75 điểm.</p>	2,5	
<p>* Đánh giá:</p> <p>Quan niệm và cách cảm nhận thời gian của Xuân Diệu thể hiện sự thức tỉnh sâu sắc về “cái tôi” cá nhân; sự cách tân táo bạo của “nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới”.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Trình bày được 2 ý: 0,5 điểm.</p> <p>- Trình bày được 1 ý: 0,25 điểm.</p>	0,5	
<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p> <p>Hướng dẫn chấm: <i>Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</i></p>	0,25	

	<p><i>e. Sáng tạo</i></p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p> <p>Hướng dẫn chấm: Học sinh biết vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác, với thực tiễn đời sống để làm nổi bật vấn đề nghị luận; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.</p> <p>- Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm. - Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.</p>	0,5
Tổng điểm		10,0

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐỀ MINH HỌA

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II NĂM HỌC 2020 - 2021
Môn: Ngữ văn, lớp 11

Thời gian làm bài: 90 phút, không tính thời gian phát đề.

Họ và tên học sinh: Mã số học sinh:

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

Tôi không so sánh các nhà thơ mới với Nguyễn Du để xem ai hơn, ai kém. Đời xưa có thể có những bậc kì tài đời nay không sánh kịp. Đừng lấy một người sánh với một người. Hãy sánh thời đại cùng thời đại. Tôi quyết rằng trong lịch sử thi ca Việt Nam chưa bao giờ có một thời đại phong phú như thời đại này. Chưa bao giờ người ta thấy xuất hiện cùng một lần một hồn thơ rộng mở như Thế Lữ, mơ màng như Lưu Trọng Lư, hùng tráng như Huy Thông, trong sáng như Nguyễn Nhược Pháp, ảo não như Huy Cận, quê mùa như Nguyễn Bính, kì dị như Chế Lan Viên ... và thiết tha, rạo rực, băn khoăn như Xuân Diệu.

(Trích *Một thời đại trong thi ca* - Thi nhân Việt Nam,
Hoài Thanh, NXB Văn học, 2000, tr.29)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Chỉ ra thao tác lập luận chính được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2. Trong đoạn trích, tác giả đề xuất tiêu chí nào để so sánh thơ mới với thơ cũ?

Câu 3. Xác định nghĩa sự việc và nghĩa tình thái của câu văn: *Tôi quyết rằng trong lịch sử thi ca Việt Nam chưa bao giờ có một thời đại phong phú như thời đại này.*

Câu 4. Nhận xét về ngôn ngữ biểu đạt của tác giả trong đoạn trích.

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày thái độ ứng xử của anh/chị đối với cái mới trong cuộc sống.

Câu 2 (5,0 điểm)

Chiều tối

(Mộ - Hồ Chí Minh)

Phiên âm

*Quyện điểu quy lâm tầm túc thụ,
Cô vân mạn mạn độ thiên không;
Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc,
Bao túc ma hoàn lo dĩ hồng.*

Dịch thơ

*Chim mới về rừng tìm chốn ngủ,
Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không;
Cô em xóm núi xay ngô tối,
Xay hết, lò than đã rực hồng.*

(Ngữ văn 11, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020, tr. 41)

Phân tích sự vận động tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ trên.

-----HẾT -----

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II NĂM HỌC 2020 - 2021

ĐỀ MINH HỌA

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Môn: Ngữ văn, Lớp: 11

(Đáp án và hướng dẫn chấm gồm trang)

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3,0
	1	Thao tác lập luận chính: bình luận <i>Hướng dẫn chấm:</i> - Học sinh trả lời như Đáp án: 0,75 điểm. - Học sinh trả lời không đúng thao tác lập luận chính không cho điểm.	0,75
	2	Tiêu chí so sánh thơ mới với thơ cũ: - Đùng lấy một người sánh với một người. - Hãy sánh thời đại cùng thời đại. <i>Hướng dẫn chấm:</i>	0,75

		<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời được 2 ý: 0,75 điểm. - Học sinh trả lời được 1 ý: 0,5 điểm. 	
	3	<ul style="list-style-type: none"> - Nghĩa sự việc: trong lịch sử thơ ca Việt Nam, chưa bao giờ có một thời đại phong phú như thời đại thơ mới. - Nghĩa tình thái: khẳng định, quả quyết (tôi quyết rằng) <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời nghĩa sự việc và nghĩa tình thái của câu văn như Đáp án hoặc có cách diễn đạt tương đương: 1,0 điểm - Học sinh trả lời được nghĩa sự việc và một phần nghĩa tình thái của câu hoặc nghĩa tình thái và một phần nghĩa sự việc của câu: 0,75 điểm - Học sinh trả lời được nghĩa sự việc hoặc nghĩa tình thái của câu: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời được một phần nghĩa sự việc hoặc nghĩa tình thái của câu: 0,25 điểm. 	1,0
	4	<p>Từ ngữ phong phú, chính xác; vừa thể hiện được sự sắc sảo trong tư duy khoa học vừa thể hiện được sự tinh tế trong cảm thụ văn học.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nhận xét đúng các đặc điểm (phong phú, chính xác, sắc sảo, tinh tế) hoặc đúng từ 2 đặc điểm trở lên: 0,5 điểm. - Học sinh nhận xét đúng 1 đặc điểm: 0,25 điểm. <p>Lưu ý: Học sinh nhận xét các đặc điểm của ngôn ngữ biểu đạt trong đoạn trích bằng các từ ngữ/các cách diễn đạt tương đương vẫn cho điểm tối đa.</p>	0,5
II		LÀM VĂN	7,0
	1	Viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày thái độ ứng xử của anh/chị đối với cái mới trong cuộc sống.	2,0
		<p><i>a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</i></p> <p>Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành</p>	0,25
		<p><i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i></p> <p>Thái độ ứng xử của bản thân đối với cái mới trong đời sống</p>	0,25
		<p><i>c. Triển khai vấn đề nghị luận</i></p> <p>Thí sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ thái độ ứng xử của bản thân đối với cái mới trong đời sống. Có thể theo hướng sau:</p> <p>Bình tĩnh, khách quan khi tìm hiểu để nhận ra bản chất, giá trị của cái mới; lựa chọn thái độ ứng xử phù hợp: ủng hộ, tiếp nhận</p>	0,75

	<p>hoặc phản đối, phủ định; tránh vội vàng, phiến diện, cực đoan.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng (0,75 điểm). - Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (0,5 điểm). - Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25 điểm). <p>Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt</p> <p>Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</p>	0,25
	<p>e. Sáng tạo</p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p> <p>Hướng dẫn chấm: huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân khi bàn luận; có cái nhìn riêng, mới mẻ về vấn đề; có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận, làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, đoạn văn giàu sức thuyết phục.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm. - Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm. 	0,5
2	<p>Phân tích sự vận động tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ <i>Chiều tối</i>.</p>	5,0
	<p>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</p> <p>Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề</p>	0,25
	<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: sự vận động tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ “Chiều tối”.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm. - Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm. 	0,5
	<p>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</p> <p>Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:</p>	
	<p>* Giới thiệu tác giả (0,25 điểm), tác phẩm (0,25 điểm)</p>	0,5

	<p>* <i>Phân tích sự vận động tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ</i></p> <p>- Tâm trạng của nhân vật trữ tình vận động từ cảm giác mệt mỏi, buồn và cô đơn ở hai câu đầu (<i>cánh chim mỏi, chòm mây lẻ loi trôi lững lờ</i>) đến niềm vui, niềm tin yêu hướng về sự sống và ánh sáng ở hai câu sau (<i>thiếu nữ xóm núi xay ngô, lò than rực hồng</i>); tâm trạng vận động theo hướng tích cực: từ bóng tối đến ánh sáng, từ tàn lụi đến sự sống, từ buồn đến vui, từ cô đơn đến ấm áp tình người.</p> <p>- Sự vận động tâm trạng của nhân vật trữ tình được thể hiện bằng ngôn ngữ hàm súc, bút pháp tả cảnh ngụ tình vừa cổ điển vừa hiện đại.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- <i>Phân tích chi tiết, làm rõ sự vận động tâm trạng của nhân vật trữ tình: 2,0 điểm - 2,5 điểm</i></p> <p>- <i>Phân tích được sự vận động tâm trạng của nhân vật trữ tình nhưng chưa thật chi tiết hoặc phân tích được biểu hiện tâm trạng của nhân vật trữ tình nhưng chưa làm rõ sự vận động tâm trạng: 1,0 điểm - 1,75 điểm.</i></p> <p>- <i>Phân tích chung chung, chưa làm rõ các biểu hiện tâm trạng, chưa chỉ ra sự vận động tâm trạng: 0,25 điểm - 0,75 điểm.</i></p>	2,5
	<p>* <i>Đánh giá:</i></p> <p>- Sự vận động tâm trạng cho thấy sự lạc quan, tin tưởng của nhà thơ vào sự sống, tương lai; chất chiến sĩ của cái tôi trữ tình Hồ Chí Minh; góp phần làm nên vẻ đẹp hiện đại của tác phẩm.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- <i>Trình bày được 2 ý trở lên: 0,5 điểm.</i></p> <p>- <i>Trình bày được 1 ý: 0,25 điểm.</i></p>	0,5
	<p>d. <i>Chính tả, ngữ pháp</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt</p> <p>Hướng dẫn chấm: <i>Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</i></p>	0,25
	<p>e. <i>Sáng tạo</i></p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p> <p>Hướng dẫn chấm: <i>Học sinh biết vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác, với thực tiễn đời sống để làm nổi bật vấn đề nghị luận; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.</i></p> <p>- <i>Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.</i></p> <p>- <i>Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.</i></p>	0,5
Tổng điểm		10,0

.....Hết.....

3. Hướng dẫn xây dựng đề kiểm tra, đánh giá định kì lớp 12:

a) Ma trận

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I MÔN: NGỮ VĂN 12 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút

TT	Kĩ năng	Mức độ nhận thức								Tổng		% Tổng điểm
		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
		Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Số câu hỏi	Thời gian (phút)	
1	Đọc hiểu	15	10	10	5	5	5			4	20	30
2	Viết đoạn văn nghị luận xã hội	5	5	5	5	5	5	5	5	1	20	20
3	Viết bài văn nghị luận văn học	20	10	15	10	10	20	5	10	1	50	50
Tổng		40	25	30	20	20	30	10	15	6	90	100
Tỉ lệ %		40		30		20		10				100
Tỉ lệ chung		70				30						100

Lưu ý:

- Tất cả các câu hỏi trong đề kiểm tra là câu hỏi tự luận.
- Cách cho điểm mỗi câu hỏi được quy định chi tiết trong *Đáp án - Hướng dẫn chấm*.

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN 12 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút

TT	Kĩ năng	Mức độ nhận thức								Tổng		% Tổng điểm
		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
		Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Số câu hỏi	Thời gian (phút)	
1	Đọc hiểu	15	10	10	5	5	5			4	20	30
2	Viết đoạn văn nghị luận xã hội	5	5	5	5	5	5	5	5	1	20	20
3	Viết bài văn nghị luận văn học	20	10	15	10	10	20	5	10	1	50	50
Tổng		40	25	30	20	20	30	10	15	6	90	100
Tỉ lệ %		40		30		20		10				100
Tỉ lệ chung		70				30						100

Lưu ý:

- Tất cả các câu hỏi trong đề kiểm tra là câu hỏi tự luận.
- Cách cho điểm mỗi câu hỏi được quy định chi tiết trong *Đáp án - Hướng dẫn chấm*.

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II
MÔN: NGỮ VĂN 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút

TT	Kĩ năng	Mức độ nhận thức								Tổng		% Tổng điểm
		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
		Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Số câu hỏi	Thời gian (phút)	
1	Đọc hiểu	15	10	10	5	5	5			4	20	30
2	Viết đoạn văn nghị luận xã hội	5	5	5	5	5	5	5	5	1	20	20
3	Viết bài văn nghị luận văn học	20	10	15	10	10	20	5	10	1	50	50
Tổng		40	25	30	20	20	30	10	15	6	90	100
Tỉ lệ %		40		30		20		10				100
Tỉ lệ chung		70				30						100

Lưu ý:

- Tất cả các câu hỏi trong đề kiểm tra là câu hỏi tự luận.
- Cách cho điểm mỗi câu hỏi được quy định chi tiết trong *Đáp án - Hướng dẫn chấm*.

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II
MÔN: NGỮ VĂN 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút

TT	Kĩ năng	Mức độ nhận thức								Tổng		% Tổng điểm
		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
		Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Số câu hỏi	Thời gian (phút)	
1	Đọc hiểu	15	10	10	5	5	5			4	20	30
2	Viết đoạn văn nghị luận xã hội	5	5	5	5	5	5	5	5	1	20	20
3	Viết bài văn nghị luận văn học	20	10	15	10	10	20	5	10	1	50	50
Tổng		40	25	30	20	20	30	10	15	6	90	100
Tỉ lệ %		40		30		20		10				100
Tỉ lệ chung		70				30						100

Lưu ý:

- Tất cả các câu hỏi trong đề kiểm tra là câu hỏi tự luận.
- Cách cho điểm mỗi câu hỏi được quy định chi tiết trong *Đáp án - Hướng dẫn chấm*.

b) Đặc tả

BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN 12; THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút

TT	Nội dung kiến thức/kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	ĐỌC HIỂU	<p>Nghị luận hiện đại (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)</p> <p>Thơ Việt Nam 1945 - 1975 (Ngữ liệu ngoài sách)</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định thông tin được nêu trong văn bản/đoạn trích. - Nhận diện phương thức biểu đạt, thao tác lập luận, phong cách ngôn ngữ, biện pháp tu từ,... <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được nội dung văn bản/đoạn trích. - Hiểu được cách triển khai lập luận, ngôn ngữ biểu đạt, giá trị các biện pháp tu từ của văn bản/đoạn trích. - Hiểu một số đặc điểm của nghị luận hiện đại được thể hiện trong văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích. - Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân. 	2	1	1	0	4
			<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được thể thơ, phương thức biểu đạt của bài thơ/đoạn thơ. - Xác định được đề 					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
		giáo khoa)	<p>tài, hình tượng nhân vật trữ tình trong bài thơ/đoạn thơ.</p> <p>- Chỉ ra các chi tiết, hình ảnh, từ ngữ, biện pháp tu từ... trong bài thơ/đoạn thơ.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Hiểu được đề tài, khuynh hướng tư tưởng, cảm hứng thẩm mĩ, giọng điệu, tình cảm của nhân vật trữ tình, những sáng tạo về ngôn ngữ, hình ảnh của bài thơ/đoạn thơ.</p> <p>- Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của thơ Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến 1975 được thể hiện trong bài thơ/đoạn thơ.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong bài thơ/đoạn thơ.</p> <p>- Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân.</p>					
2	VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI (khoảng	Nghị luận về tư tưởng, đạo lí	<p>Nhận biết:</p> <p>- Xác định được tư tưởng đạo lí cần bàn luận.</p> <p>- Xác định được cách thức trình bày đoạn văn.</p>					1*

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
	150 chữ)		<p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn giải về nội dung, ý nghĩa của tư tưởng đạo lí. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về tư tưởng đạo lí. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về tư tưởng đạo lí. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; đoạn văn giàu sức thuyết phục. 					
		Nghị luận về một hiện tượng đời sống	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện hiện tượng đời sống cần nghị luận. - Xác định được cách thức trình bày đoạn văn. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được thực trạng/nguyên nhân/ các mặt lợi - hại, đúng - sai của hiện tượng đời sống. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kĩ năng 					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về hiện tượng đời sống.</p> <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về hiện tượng đời sống. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; đoạn văn giàu sức thuyết phục. 					
3	VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC	<p>Nghị luận về một tác phẩm, đoạn trích văn chính luận:</p> <p><i>Tuyên ngôn độc lập</i> của Hồ Chí Minh</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết kiểu bài nghị luận; vấn đề cần nghị luận. - Giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn trích. - Nêu nội dung khái quát của văn bản/đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dẫn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: luận điểm - tư tưởng, cách lập luận chặt chẽ, sắc bén, cách đưa dẫn chứng sinh động, thuyết phục, sử dụng ngôn ngữ chính xác, gợi cảm. - Lí giải được một số 					1*

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>đặc điểm cơ bản của văn chính luận được thể hiện trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích nội dung, nghệ thuật của văn bản/đoạn trích. - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; vị trí và đóng góp của tác giả. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh với các tác phẩm chính luận khác, liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; bài văn giàu sức thuyết phục. 					
		<p>Nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Tây Tiến</i> của Quang Dũng - <i>Việt Bắc</i> (trích) của 	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận; vấn đề cần nghị luận. - Giới thiệu tác giả, bài thơ, đoạn thơ. - Nêu được nội dung cảm hứng, hình tượng nhân vật trữ tình, đặc 					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
		Tố Hữu	<p>điểm nghệ thuật,... của bài thơ/đoạn thơ.</p> <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của các bài thơ/đoạn thơ theo yêu cầu của đề bài: hình ảnh hai cuộc kháng chiến và những tình cảm yêu nước thiết tha, những suy nghĩ và cảm xúc riêng tư trong sáng; tính dân tộc và những tìm tòi về thể loại, từ ngữ, hình ảnh,... - Lí giải một số đặc điểm cơ bản của thơ Việt Nam 1945 - 1975 được thể hiện trong bài thơ/đoạn thơ. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ. - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ; vị trí và đóng góp của tác giả. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh với các bài thơ khác, liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn 					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; bài văn giàu sức thuyết phục.					
Tổng								6
Tỉ lệ %				40	30	20	10	100
Tỉ lệ chung				70		30		100

Lưu ý:

- Đối với các câu hỏi ở phần Đọc hiểu, mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của *Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá* tương ứng (một chỉ báo là một gạch đầu dòng).

- Những đơn vị kiến thức/kĩ năng của các bài học Tiếng Việt, Làm văn, Lí luận văn học, Lịch sử văn học được tích hợp trong kiểm tra, đánh giá ở phần Đọc hiểu và phần Làm văn.

- (1*) Một bài văn đánh giá 4 mức độ nhận thức (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao); tỉ lệ điểm cho từng mức độ được thể hiện trong đáp án và hướng dẫn chấm.

BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN 12; THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút

TT	Nội dung kiến thức/kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	ĐỌC HIỂU	Nghị luận hiện đại (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định thông tin được nêu trong văn bản/đoạn trích. - Nhận diện phương thức biểu đạt, thao tác lập luận, phong cách ngôn ngữ, biện pháp tu từ,... <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được nội dung của văn bản/đoạn trích. - Hiểu được cách triển khai lập luận, ngôn ngữ biểu đạt, giá trị các biện pháp tu từ của văn bản/đoạn trích. - Hiểu một số đặc điểm của nghị luận hiện đại được thể hiện trong văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích. - Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân. 	2	1	1	0	4

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
		<p>Thơ Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được thể thơ, phương thức biểu đạt, biện pháp tu từ,... của bài thơ/đoạn thơ. - Xác định được đề tài, hình tượng nhân vật trữ tình trong bài thơ/đoạn thơ. - Chỉ ra các chi tiết, hình ảnh, từ ngữ,... trong bài thơ/đoạn thơ. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được đề tài, khuynh hướng tư tưởng, cảm hứng thẩm mỹ, giọng điệu, tình cảm của nhân vật trữ tình, những sáng tạo về ngôn ngữ, hình ảnh của bài thơ/đoạn thơ. - Hiểu được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật thơ Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX được thể hiện trong bài thơ/đoạn thơ. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong bài thơ/đoạn thơ. - Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân. 					
		Kí hiện đại	Nhận biết:					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
		Việt Nam (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được đối tượng phản ánh; hình tượng nhân vật <i>tôi</i>. - Nhận diện được phương thức biểu đạt, biện pháp tu từ, chi tiết, hình ảnh,... <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích. - Hiểu được đặc điểm cơ bản của kí hiện đại được thể hiện trong văn bản/đoạn trích: hình tượng nhân vật <i>tôi</i>, ngôn ngữ biểu đạt, bút pháp nghệ thuật,... <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong đoạn trích/văn bản. - Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân. 					
2	VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI (khoảng 150 chữ)	Nghị luận về tư tưởng, đạo lí	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được tư tưởng đạo lí cần bàn luận. - Xác định được cách thức trình bày đoạn văn. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn giải về nội dung, 					1*

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>ý nghĩa của tư tưởng đạo lí.</p> <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về tư tưởng đạo lí. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về tư tưởng đạo lí. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; đoạn văn giàu sức thuyết phục. 					
		Nghị luận về một hiện tượng đời sống	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện hiện tượng đời sống cần nghị luận. - Xác định được cách thức trình bày đoạn văn. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được thực trạng/nguyên nhân/ các mặt lợi - hại, đúng - sai của hiện tượng đời sống. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kĩ năng 					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về hiện tượng đời sống.</p> <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về hiện tượng đời sống. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; đoạn văn giàu sức thuyết phục. 					
3	VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC	Nghị luận về một tác phẩm, đoạn trích văn chính luận: <i>Tuyên ngôn độc lập</i> của Hồ Chí Minh	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được kiểu bài nghị luận; vấn đề cần nghị luận. - Giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn trích. - Nêu nội dung khái quát của văn bản/đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dẫn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: luận điểm - tư tưởng, cách lập luận chặt chẽ, sắc bén, cách đưa dẫn chứng sinh động, thuyết phục, sử dụng ngôn ngữ chính xác, 					1*

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>gợi cảm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lí giải được một số đặc điểm cơ bản của văn chính luận được thể hiện trong văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích nội dung, nghệ thuật của văn bản/đoạn trích. - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; vị trí và đóng góp của tác giả. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh với các tác phẩm chính luận khác, liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; bài văn giàu sức thuyết phục. 					
		<p>Nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Tây Tiến</i> của Quang Dũng 	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận; vấn đề cần nghị luận. - Giới thiệu tác giả, bài thơ, đoạn thơ. - Nêu được nội dung 					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
		<p>- <i>Việt Bắc</i> (trích) của Tố Hữu</p> <p>- <i>Đất Nước</i> (trích trường ca <i>Mặt đường khát vọng</i>) của Nguyễn Khoa Điềm</p> <p>- <i>Sóng</i> của Xuân Quỳnh</p> <p>- <i>Đàn ghi ta của Lorca</i> của Thanh Thảo</p>	<p>cảm hứng, hình tượng nhân vật trữ tình, đặc điểm nghệ thuật,... của bài thơ/đoạn thơ.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của các bài thơ/đoạn thơ theo yêu cầu của đề bài: hình ảnh hai cuộc kháng chiến và những tình cảm yêu nước thiết tha, những suy nghĩ và cảm xúc riêng tư trong sáng; tính dân tộc và những tìm tòi về thể loại, từ ngữ, hình ảnh,...</p> <p>- Lí giải một số đặc điểm cơ bản của thơ Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX được thể hiện trong bài thơ/đoạn thơ.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ.</p> <p>- Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ; vị trí và đóng góp của tác giả.</p> <p>Vận dụng cao:</p>					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<ul style="list-style-type: none"> - So sánh với các bài thơ khác, liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; bài văn giàu sức thuyết phục. 					
		<p>Nghị luận về một tác phẩm/đoạn trích kí:</p> <p>- <i>Người lái đò Sông Đà</i> (trích) của Nguyễn Tuân</p> <p>- <i>Ai đã đặt tên cho dòng sông?</i> (trích) của Hoàng Phủ Ngọc Tường</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận; vấn đề cần nghị luận. - Giới thiệu tác giả, văn bản, đoạn trích. - Xác định được đối tượng phản ánh và hình tượng nhân vật <i>tôi</i>. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: vẻ đẹp và sức hấp dẫn của cuộc sống, con người và quê hương qua những trang viết chân thực, đa dạng, hấp dẫn. - Hiểu một số đặc điểm của kí hiện đại Việt Nam được thể hiện trong văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng kĩ năng dùng từ, viết câu, các 					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của văn bản/đoạn trích.</p> <p>- Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; vị trí và đóng góp của tác giả.</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>- So sánh với các bài kí khác, liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.</p> <p>- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; bài văn giàu sức thuyết phục.</p>					
Tổng								6
Tỉ lệ %				40	30	20	10	100
Tỉ lệ chung				70		30		100

Lưu ý:

- Đối với các câu hỏi ở phần Đọc hiểu, mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của *Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá* tương ứng (một chỉ báo là một gạch đầu dòng).

- Những đơn vị kiến thức/kĩ năng của các bài học Tiếng Việt, Làm văn, Lí luận văn học, Lịch sử văn học được tích hợp trong kiểm tra, đánh giá ở phần Đọc hiểu và phần Làm văn.

- (1*) Một bài văn đánh giá 4 mức độ nhận thức (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao); tỉ lệ điểm cho từng mức độ được thể hiện trong đáp án và hướng dẫn chấm.

BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II

MÔN: NGỮ VĂN 12; THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút

TT	Nội dung kiến thức/ Kỹ năng	Đơn vị kiến thức/Kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	ĐỌC HIỂU	Truyện hiện đại Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được đề tài, cốt truyện, chi tiết, sự việc tiêu biểu. - Nhận diện phương thức biểu đạt, ngôi kể, hệ thống nhân vật, biện pháp nghệ thuật,... của văn bản/đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: chủ đề tư tưởng, ý nghĩa của các chi tiết, sự việc tiêu biểu, ý nghĩa của hình tượng nhân vật, nghệ thuật trần thuật, bút pháp nghệ thuật,... - Hiểu một số đặc điểm của truyện ngắn hiện đại Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX được thể hiện trong văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích truyện ngắn hiện đại Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 	2	1	1	0	4

TT	Nội dung kiến thức/ Kỹ năng	Đơn vị kiến thức/Kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>1945 đến hết thế kỉ XX.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích. - Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân. 					
2	VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI (khoảng 150 chữ)	Nghị luận về tư tưởng, đạo lí	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được tư tưởng đạo lí cần bàn luận. - Xác định được cách thức trình bày đoạn văn. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn giải về nội dung, ý nghĩa của tư tưởng đạo lí. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kỹ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về tư tưởng đạo lí. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về tư tưởng đạo lí. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình 					1*

TT	Nội dung kiến thức/ Kỹ năng	Đơn vị kiến thức/Kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			ảnh; đoạn văn giàu sức thuyết phục.					
		Nghị luận về một hiện tượng đời sống	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện hiện tượng đời sống cần nghị luận. - Xác định được cách thức trình bày đoạn văn. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được thực trạng/nguyên nhân/ các mặt lợi - hại, đúng - sai của hiện tượng đời sống. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kỹ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về hiện tượng đời sống. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về hiện tượng đời sống. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; đoạn văn giàu sức thuyết phục. 					
3	VIẾT BÀI VĂN	Nghị luận về một tác phẩm,	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị 					1 *

TT	Nội dung kiến thức/ Kỹ năng	Đơn vị kiến thức/Kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
	NGHỊ LUẬN VĂN HỌC	<p>một đoạn trích văn xuôi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Vợ chồng A Phủ</i> (trích) của Tô Hoài - <i>Vợ nhặt</i> của Kim Lân - <i>Rừng xà nu</i> của Nguyễn Trung Thành - <i>Những đứa con trong gia đình</i> của Nguyễn Thi - <i>Chiếc thuyền ngoài xa</i> của Nguyễn Minh Châu 	<p>luận.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tác giả, tác phẩm. - Nhớ được cốt truyện, nhân vật; xác định được chi tiết, sự việc tiêu biểu,... <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn giải về giá trị nội dung, giá trị nghệ thuật của truyện hiện đại: vấn đề số phận con người, cảm hứng anh hùng ca và cảm hứng thế sự, tình yêu quê hương đất nước; nghệ thuật xây dựng nhân vật, nghệ thuật xây dựng tình huống truyện, bút pháp trần thuật mới mẻ. - Lí giải một số đặc điểm cơ bản của truyện hiện đại Việt Nam được thể hiện trong văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kỹ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của truyện hiện đại Việt Nam. - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn 					

TT	Nội dung kiến thức/ Kỹ năng	Đơn vị kiến thức/Kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			bản/đoạn trích; vị trí và đóng góp của tác giả. Vận dụng cao: - So sánh với các tác phẩm khác, liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; bài văn giàu sức thuyết phục.					
Tổng								6
Tỉ lệ %				40	30	20	10	100
Tỉ lệ chung				70		30		100

Lưu ý:

- Đối với các câu hỏi ở phần Đọc hiểu, mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của *Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá* tương ứng (một chỉ báo là một gạch đầu dòng).

- Những đơn vị kiến thức/kỹ năng của các bài học Tiếng Việt, Làm văn, Lí luận văn học, Lịch sử văn học được tích hợp trong kiểm tra, đánh giá ở phần Đọc hiểu và phần Làm văn.

- (1*) Một bài văn đánh giá 4 mức độ nhận thức (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao); tỉ lệ điểm cho từng mức độ được thể hiện trong đáp án và hướng dẫn chấm.

BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II
MÔN: NGỮ VĂN 12; THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút

TT	Nội dung kiến thức/kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	ĐỌC HIỂU	- Truyện ngắn hiện đại Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX; truyện ngắn hiện đại nước ngoài (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được đề tài, cốt truyện, chi tiết, sự việc tiêu biểu. - Nhận diện phương thức biểu đạt, ngôi kể, hệ thống nhân vật, biện pháp nghệ thuật,... của văn bản/đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: chủ đề tư tưởng, ý nghĩa của các chi tiết, sự việc tiêu biểu, ý nghĩa của hình tượng nhân vật, nghệ thuật trần thuật, bút pháp nghệ thuật,... - Hiểu một số đặc điểm của truyện ngắn hiện đại Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX, truyện ngắn hiện đại nước ngoài được thể hiện trong văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích truyện ngắn hiện đại Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX, truyện ngắn hiện đại nước ngoài. 	2	1	1	0	4

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<ul style="list-style-type: none"> - Bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích. - Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân. 					
		<p>Kịch hiện đại Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX</p> <p>(Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện về nhân vật, hành động kịch, xung đột kịch,... trong văn bản/đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật quan của văn bản/đoạn trích: tư tưởng tác giả, cách tạo mâu thuẫn và xung đột kịch, ngôn ngữ kịch,... - Hiểu được số đặc điểm của kịch hiện đại Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX thể hiện trong văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích. - Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân. 					
		Văn bản nghị luận hiện đại	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định thông tin được nêu trong văn 					

TT	Nội dung kiến thức/kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
		(Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)	<p>bản/đoạn trích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện phương thức biểu đạt, thao tác lập luận, phong cách ngôn ngữ, biện pháp tu từ,... <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được nội dung của văn bản/đoạn trích. - Hiểu được cách triển khai lập luận, ngôn ngữ biểu đạt, giá trị các biện pháp tu từ của văn bản/đoạn trích. - Hiểu một số đặc điểm của nghị luận hiện đại. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích. - Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân. 					
2	VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI (khoảng 150 chữ)	Nghị luận về tư tưởng, đạo lí	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được tư tưởng đạo lí cần bàn luận. - Xác định được cách thức trình bày đoạn văn. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn giải về nội dung, ý nghĩa của tư tưởng đạo lí. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kỹ năng dùng từ, viết câu, các 					1 *

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về tư tưởng đạo lí.</p> <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về tư tưởng đạo lí. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; đoạn văn giàu sức thuyết phục. 					
		Nghị luận về một hiện tượng đời sống	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện hiện tượng đời sống cần nghị luận. - Xác định được cách thức trình bày đoạn văn. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được thực trạng/nguyên nhân/ các mặt lợi - hại, đúng - sai của hiện tượng đời sống. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về hiện tượng đời sống. <p>Vận dụng cao:</p>					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<ul style="list-style-type: none"> - Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về hiện tượng đời sống. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; đoạn văn giàu sức thuyết phục. 					
3	VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC	<p>Nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Vợ chồng A Phủ</i> (trích) của Tô Hoài - <i>Vợ nhặt</i> của Kim Lân - <i>Rừng xà nu</i> của Nguyễn Trung Thành - <i>Những đứa con trong gia đình</i> của Nguyễn Thi - <i>Chiếc thuyền ngoài xa</i> của Nguyễn 	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận. - Giới thiệu tác giả, tác phẩm. - Nhớ được cốt truyện, nhân vật; xác định được chi tiết, sự việc tiêu biểu,... <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn giải về giá trị nội dung, giá trị nghệ thuật của truyện hiện đại: vấn đề số phận con người, cảm hứng anh hùng ca và cảm hứng thế sự, tình yêu quê hương đất nước; nghệ thuật xây dựng nhân vật, nghệ thuật xây dựng tình huống truyện, bút pháp trần thuật mới mẻ. - Lí giải một số đặc điểm cơ bản của truyện hiện đại Việt Nam, truyện nước ngoài được thể hiện trong văn bản/đoạn trích. 					1 *

TT	Nội dung kiến thức/kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
		Minh Châu - <i>Số phận con người</i> (trích) của M.Sô-lô-khốp - <i>Ông già và biển cả</i> (trích) của Ô.Hê-minh-uê	Vận dụng: - Vận dụng các kỹ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của truyện hiện đại Việt Nam, truyện hiện đại nước ngoài. - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; vị trí và đóng góp của tác giả. Vận dụng cao: - So sánh với các tác phẩm khác, liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; bài văn giàu sức thuyết phục.					
		Nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích kịch: <i>Hòn Trơng Ba, da hàng thịt</i> (trích) của Lưu Quang Vũ	Nhận biết: - Xác định được kiểu bài nghị luận; vấn đề cần nghị luận. - Giới thiệu tác giả, tác phẩm. - Nhận diện nhân vật, hành động kịch, xung đột kịch,... trong đoạn trích. Thông hiểu: - Diễn giải về giá trị					

TT	Nội dung kiến thức/kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>nội dung, giá trị nghệ thuật của đoạn trích <i>Hồn Trương Ba, da hàng thịt</i>: sự chiến thắng của lương tâm, đạo đức đối với bản năng; đặc sắc trong ngôn ngữ đối thoại, xung đột, ngôn ngữ,...</p> <p>- Lí giải một số đặc điểm cơ bản của kịch hiện đại Việt Nam, được thể hiện trong đoạn trích.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Vận dụng các kỹ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để thể hiện cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của kịch hiện đại.</p> <p>- Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích; vị trí và đóng góp của tác giả.</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>- So sánh với các tác phẩm khác, liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.</p> <p>- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; bài văn giàu sức thuyết phục.</p>					

TT	Nội dung kiến thức/kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
		Nghị luận về một đoạn trích/tác phẩm văn nghị luận: <i>Nhìn về vốn văn hóa dân tộc</i> của Trần Đình Hượu	Nhận biết: - Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận. - Giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn trích. - Xác định nội dung chính của văn bản/đoạn trích. Thông hiểu: - Diễn giải được quan điểm của tác giả về những nét đặc trưng của văn hóa dân tộc – cơ sở để xây dựng một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. - Lí giải được một số đặc điểm cơ bản của nghị luận hiện đại được thể hiện trong văn bản/đoạn trích. Vận dụng: - Vận dụng các kỹ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích nội dung, nghệ thuật của của đoạn trích/văn bản nghị luận. - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích; vị trí và đóng góp của tác giả. Vận dụng cao: - So sánh với các tác phẩm khác, liên hệ với					

TT	Nội dung kiến thức/kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; bài văn giàu sức thuyết phục.					
Tổng								6
Tỉ lệ %				40	30	20	10	100
Tỉ lệ chung				70		30		100

Lưu ý:

- Đối với các câu hỏi ở phần Đọc hiểu, mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của *Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá* tương ứng (một chỉ báo là một gạch đầu dòng).

- Những đơn vị kiến thức/kỹ năng của các bài học Tiếng Việt, Làm văn, Lí luận văn học, Lịch sử văn học được tích hợp trong kiểm tra, đánh giá ở phần Đọc hiểu và phần Làm văn.

- (1*) Một bài văn đánh giá 4 mức độ nhận thức (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao); tỉ lệ điểm cho từng mức độ được thể hiện trong đáp án và hướng dẫn chấm.

c) Hướng dẫn ra đề kiểm tra theo ma trận và đặc tả

HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức/kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	ĐỌC HIỂU	Nghị luận hiện đại (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định thông tin được nêu trong văn bản/đoạn trích. - Nhận diện phương thức biểu đạt, thao tác lập luận, phong cách ngôn ngữ, biện pháp tu từ,... <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được nội dung văn bản/đoạn trích. - Hiểu được cách triển khai lập luận, ngôn ngữ biểu đạt, giá trị các biện pháp tu từ của văn bản/đoạn trích. - Hiểu một số đặc điểm của nghị luận hiện đại được thể hiện trong văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích. - Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân. 	2	1	1	0	4

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
		Thơ Việt Nam 1945 - 1975 (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được thể thơ, phương thức biểu đạt của bài thơ/đoạn thơ. (Câu 1) - Xác định được đề tài, hình tượng nhân vật trữ tình trong bài thơ/đoạn thơ. - Chỉ ra các chi tiết, hình ảnh, từ ngữ, biện pháp tu từ... trong bài thơ/đoạn thơ (Câu 2) <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được đề tài, khuynh hướng tư tưởng, cảm hứng thẩm mĩ, giọng điệu, tình cảm của nhân vật trữ tình, những sáng tạo về ngôn ngữ, hình ảnh của bài thơ/đoạn thơ. - Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của thơ Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến 1975 được thể hiện trong bài thơ/đoạn thơ. (Câu 3) <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong bài thơ/đoạn 					

TT	Nội dung kiến thức/kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>thơ. (Câu 4)</p> <p>- Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân.</p>					
2	<p>VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI</p> <p>(khoảng 150 chữ)</p>	<p>Nghị luận về tư tưởng, đạo lí (Câu 1- Phân Làm văn)</p>	<p>Nhận biết:</p> <p>- Xác định được tư tưởng đạo lí cần bàn luận.</p> <p>- Xác định được cách thức trình bày đoạn văn.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Diễn giải về nội dung, ý nghĩa của tư tưởng đạo lí.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Vận dụng các kỹ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về tư tưởng đạo lí.</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>- Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về tư tưởng đạo lí.</p> <p>- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; đoạn văn giàu sức thuyết phục.</p>					1*

TT	Nội dung kiến thức/kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
		Nghị luận về một hiện tượng đời sống	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện hiện tượng đời sống cần nghị luận. - Xác định được cách thức trình bày đoạn văn. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được thực trạng/nguyên nhân/các mặt lợi - hại, đúng - sai của hiện tượng đời sống. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kỹ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về hiện tượng đời sống. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về hiện tượng đời sống. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; đoạn văn giàu sức thuyết phục. 					
3	VIẾT BÀI VĂN	Nghị luận về một tác phẩm,	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết kiểu bài 					1*

TT	Nội dung kiến thức/kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
	NGHỊ LUẬN VĂN HỌC	đoạn trích văn chính luận: <i>Tuyên ngôn độc lập</i> của Hồ Chí Minh	<p>nghị luận; vấn đề cần nghị luận.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn trích. - Nêu nội dung khái quát của văn bản/đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: luận điểm - tư tưởng, cách lập luận chặt chẽ, sắc bén, cách đưa dẫn chứng sinh động, thuyết phục, sử dụng ngôn ngữ chính xác, gợi cảm. - Lí giải được một số đặc điểm cơ bản của văn chính luận được thể hiện trong văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kỹ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích nội dung, nghệ thuật của văn bản/đoạn trích. - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; vị trí và đóng góp của tác giả. <p>Vận dụng cao:</p>					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>- So sánh với các tác phẩm chính luận khác, liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.</p> <p>- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; bài văn giàu sức thuyết phục.</p>					
		<p>Nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ:</p> <p>- <i>Tây Tiến</i> của Quang Dũng</p> <p>- <i>Việt Bắc</i> (trích) của Tố Hữu</p> <p>(Câu 2 – Phần Làm văn)</p>	<p>Nhận biết:</p> <p>- Xác định được kiểu bài nghị luận; vấn đề cần nghị luận.</p> <p>- Giới thiệu tác giả, bài thơ, đoạn thơ.</p> <p>- Nêu được nội dung cảm hứng, hình tượng nhân vật trữ tình, đặc điểm nghệ thuật,... của bài thơ/đoạn thơ.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của các bài thơ/đoạn thơ theo yêu cầu của đề bài: hình ảnh hai cuộc kháng chiến và những tình cảm yêu nước thiết tha, những suy nghĩ và cảm xúc riêng tư trong sáng; tính dân tộc và những tìm tòi về thể loại, từ ngữ,</p>					

TT	Nội dung kiến thức/kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>hình ảnh,...</p> <p>- Lí giải một số đặc điểm cơ bản của thơ Việt Nam 1945 - 1975 được thể hiện trong bài thơ/đoạn thơ.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Vận dụng các kỹ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ.</p> <p>- Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ; vị trí và đóng góp của tác giả.</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>- So sánh với các bài thơ khác, liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề NL.</p> <p>- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; bài văn giàu sức thuyết phục.</p>					
Tổng								6
Tỉ lệ %				40	30	20	10	100
Tỉ lệ chung				70		30		100

HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	ĐỌC HIỂU	Nghị luận hiện đại (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định thông tin được nêu trong văn bản/đoạn trích. (Câu 2) - Nhận diện phương thức biểu đạt, thao tác lập luận, phong cách ngôn ngữ, biện pháp tu từ,... (Câu 1) <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được nội dung của văn bản/đoạn trích. (Câu 3) - Hiểu được cách triển khai lập luận, ngôn ngữ biểu đạt, giá trị các biện pháp tu từ của văn bản/đoạn trích. - Hiểu một số đặc điểm của nghị luận hiện đại được thể hiện trong văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích. - Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân. (Câu 4) 	2	1	1	0	4
		Thơ Việt Nam từ sau Cách mạng	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được thể thơ, phương thức biểu 					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
	tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)	đạt, biện pháp tu từ,... của bài thơ/đoạn thơ. - Xác định được đề tài, hình tượng nhân vật trữ tình trong bài thơ/đoạn thơ. - Chỉ ra các chi tiết, hình ảnh, từ ngữ,... trong bài thơ/đoạn thơ. Thông hiểu: - Hiểu được đề tài, khuynh hướng tư tưởng, cảm hứng thẩm mĩ, giọng điệu, tình cảm của nhân vật trữ tình, những sáng tạo về ngôn ngữ, hình ảnh của bài thơ/đoạn thơ. - Hiểu được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật thơ Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX được thể hiện trong bài thơ/đoạn thơ. Vận dụng: - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong bài thơ/đoạn thơ. - Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân.						
	Kí hiện đại Việt Nam (Ngữ liệu	Nhận biết: - Xác định được đối tượng phản ánh; hình tượng nhân vật <i>tôi</i> .						

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
		ngoài sách giáo khoa)	<p>- Nhận diện được phương thức biểu đạt, biện pháp tu từ, chi tiết, hình ảnh,...</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Hiểu được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích.</p> <p>- Hiểu được đặc điểm cơ bản của kí hiện đại được thể hiện trong văn bản/đoạn trích: hình tượng nhân vật tô, ngôn ngữ biểu đạt, bút pháp nghệ thuật,...</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong đoạn trích/văn bản.</p> <p>- Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân.</p>					
2	VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI (khoảng 150 chữ)	Nghị luận về tư tưởng, đạo lí (Câu 1- Phần Làm văn)	<p>Nhận biết:</p> <p>- Xác định được tư tưởng đạo lí cần bàn luận.</p> <p>- Xác định được cách thức trình bày đoạn văn.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Diễn giải về nội dung, ý nghĩa của tư tưởng đạo lí.</p> <p>Vận dụng:</p>					1*

TT	Nội dung kiến thức/kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>- Vận dụng các kỹ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về tư tưởng đạo lí.</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>- Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về tư tưởng đạo lí.</p> <p>- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; đoạn văn giàu sức thuyết phục.</p>					
		Nghị luận về một hiện tượng đời sống	<p>Nhận biết:</p> <p>- Nhận diện hiện tượng đời sống cần nghị luận.</p> <p>- Xác định được cách thức trình bày đoạn văn.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Hiểu được thực trạng/nguyên nhân/các mặt lợi - hại, đúng - sai của hiện tượng đời sống.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Vận dụng các kỹ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển</p>					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về hiện tượng đời sống.</p> <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về hiện tượng đời sống. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; đoạn văn giàu sức thuyết phục. 					
3	VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC	<p>Nghị luận về một tác phẩm, đoạn trích văn chính luận:</p> <p><i>Tuyên ngôn độc lập</i> của Hồ Chí Minh</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được kiểu bài nghị luận; vấn đề cần nghị luận. - Giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn trích. - Nêu nội dung khái quát của văn bản/đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: luận điểm - tư tưởng, cách lập luận chặt chẽ, sắc bén, cách đưa dẫn chứng sinh động, thuyết phục, sử dụng ngôn ngữ chính xác, gợi cảm. - Lí giải được một số đặc điểm cơ bản của 					1*

TT	Nội dung kiến thức/kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>văn chính luận được thể hiện trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kỹ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích nội dung, nghệ thuật của văn bản/đoạn trích. - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; vị trí và đóng góp của tác giả. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh với các tác phẩm chính luận khác, liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; bài văn giàu sức thuyết phục. 					
		<p>Nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Tây Tiến</i> của Quang 	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận; vấn đề cần nghị luận. - Giới thiệu tác giả, bài thơ, đoạn thơ. - Nêu được nội dung cảm hứng, hình tượng 					

TT	Nội dung kiến thức/kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
		<p>Dũng</p> <p>- <i>Việt Bắc</i> (trích) của Tố Hữu</p> <p>- <i>Đất Nước</i> (trích trường ca <i>Mặt đường khát vọng</i>) của Nguyễn Khoa Điềm</p> <p>- <i>Sóng</i> của Xuân Quỳnh</p> <p>- <i>Đàn ghi ta của Lorca</i> của Thanh Thảo</p> <p>(Câu 2- Phần Làm văn)</p>	<p>nhân vật trữ tình, đặc điểm nghệ thuật,... của bài thơ/đoạn thơ.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của các bài thơ/đoạn thơ theo yêu cầu của đề bài: hình ảnh hai cuộc kháng chiến và những tình cảm yêu nước thiết tha, những suy nghĩ và cảm xúc riêng tư trong sáng; tính dân tộc và những tìm tòi về thể loại, từ ngữ, hình ảnh,...</p> <p>- Lí giải một số đặc điểm cơ bản của thơ Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX được thể hiện trong bài thơ/đoạn thơ.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Vận dụng các kỹ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ.</p> <p>- Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ; vị trí và đóng góp của</p>					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>tác giả.</p> <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh với các bài thơ khác, liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; bài văn giàu sức thuyết phục. 					
		<p>Nghị luận về một tác phẩm/đoạn trích kí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Người lái đò Sông Đà</i> (trích) của Nguyễn Tuân - <i>Ai đã đặt tên cho dòng sông?</i> (trích) của Hoàng Phủ Ngọc Tường 	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận; vấn đề cần nghị luận. - Giới thiệu tác giả, văn bản, đoạn trích. - Xác định được đối tượng phản ánh và hình tượng nhân vật <i>tôi</i>. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: vẻ đẹp và sức hấp dẫn của cuộc sống, con người và quê hương qua những trang viết chân thực, đa dạng, hấp dẫn. - Hiểu một số đặc điểm của kí hiện đại Việt Nam được thể 					

TT	Nội dung kiến thức/kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>hiện trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng kỹ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của văn bản/đoạn trích. - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; vị trí và đóng góp của tác giả. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh với các bài kí khác, liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; bài văn giàu sức thuyết phục. 					
Tổng								6
Tỉ lệ %				40	30	20	10	100
Tỉ lệ chung				70		30		100

HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II
MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	ĐỌC HIỂU	Truyện ngắn hiện đại Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được đề tài, cốt truyện, chi tiết, sự việc tiêu biểu. (Câu 2) - Nhận diện phương thức biểu đạt, ngôi kể, hệ thống nhân vật, biện pháp nghệ thuật,... của văn bản/đoạn trích. (Câu 1) <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: chủ đề tư tưởng, ý nghĩa của các chi tiết, sự việc tiêu biểu, ý nghĩa của hình tượng nhân vật, nghệ thuật trần thuật, bút pháp nghệ thuật,... (Câu 3) - Hiểu một số đặc điểm của truyện ngắn hiện đại Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX được thể hiện trong văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích truyện ngắn hiện đại Việt Nam 	2	1	1	0	4

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX. (Câu 4)</p> <p>- Bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>- Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân.</p>					
2	<p>VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI</p> <p>(khoảng 150 chữ)</p>	<p>Nghị luận về tư tưởng, đạo lí</p>	<p>Nhận biết:</p> <p>- Xác định được tư tưởng đạo lí cần bàn luận.</p> <p>- Xác định được cách thức trình bày đoạn văn.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Diễn giải về nội dung, ý nghĩa của tư tưởng đạo lí.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về tư tưởng đạo lí.</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>- Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về tư</p>					1*

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>tương đạo lí.</p> <p>- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; đoạn văn giàu sức thuyết phục.</p>					
		<p>Nghị luận về một hiện tượng đời sống (Câu 1 – Phần Làm văn)</p>	<p>Nhận biết:</p> <p>- Nhận diện hiện tượng đời sống cần nghị luận.</p> <p>- Xác định được cách thức trình bày đoạn văn.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Hiểu được thực trạng/nguyên nhân/các mặt lợi - hại, đúng - sai của hiện tượng đời sống.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về hiện tượng đời sống.</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>- Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về hiện tượng đời sống.</p> <p>- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận</p>					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; đoạn văn giàu sức thuyết phục.					
3	VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC	<p>Nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vợ chồng A Phủ (trích) của Tô Hoài - Vợ nhặt của Kim Lân - Rừng xà nu của Nguyễn Trung Thành - Những đứa con trong gia đình của Nguyễn Thi - Chiếc thuyền ngoài xa của Nguyễn Minh Châu <p>(Câu 2 – Phần Làm văn)</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận. - Giới thiệu tác giả, tác phẩm. - Nhớ được cốt truyện, nhân vật; xác định được chi tiết, sự việc tiêu biểu,... <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn giải về giá trị nội dung, giá trị nghệ thuật của truyện hiện đại: vấn đề số phận con người, cảm hứng anh hùng ca và cảm hứng thế sự, tình yêu quê hương đất nước; nghệ thuật xây dựng nhân vật, nghệ thuật xây dựng tình huống truyện, bút pháp trần thuật mới mẻ. - Lí giải một số đặc điểm cơ bản của truyện hiện đại Việt Nam được thể hiện trong văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên 					1 *

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của truyện hiện đại Việt Nam.</p> <p>- Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; vị trí và đóng góp của tác giả.</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>- So sánh với các tác phẩm khác, liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.</p> <p>- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; bài văn giàu sức thuyết phục.</p>					
Tổng								6
Tỉ lệ %				40	30	20	10	100
Tỉ lệ chung				70	30	30		100

HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II
MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	ĐỌC HIỂU	- Truyện hiện đại Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX; truyện hiện đại nước ngoài (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được đề tài, cốt truyện, chi tiết, sự việc tiêu biểu. - Nhận diện phương thức biểu đạt, ngôi kể, hệ thống nhân vật, biện pháp nghệ thuật,...của văn bản/đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: chủ đề tư tưởng, ý nghĩa của các chi tiết, sự việc tiêu biểu, ý nghĩa của hình tượng nhân vật, nghệ thuật trần thuật, bút pháp nghệ thuật,... - Hiểu một số đặc điểm của truyện ngắn hiện đại Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX, truyện hiện đại nước ngoài được thể hiện trong văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích truyện ngắn hiện đại Việt Nam 	2	1	1	0	4

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX, truyện hiện đại nước ngoài.</p> <p>- Bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>- Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân.</p>					
		<p>Kịch hiện đại Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)</p>	<p>Nhận biết:</p> <p>- Nhận diện về nhân vật, hành động kịch, xung đột kịch,... trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Hiểu được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật quan của văn bản/đoạn trích: tư tưởng tác giả, cách tạo mâu thuẫn và xung đột kịch, ngôn ngữ kịch,...</p> <p>- Hiểu được số đặc điểm của kịch hiện đại Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX thể hiện trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Nhận xét về nội dung và nghệ thuật</p>					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>- Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân.</p>					
	Văn bản nghị luận hiện đại (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)		<p>Nhận biết:</p> <p>- Xác định thông tin được nêu trong văn bản/đoạn trích. (Câu 2)</p> <p>- Nhận diện phương thức biểu đạt, thao tác lập luận, phong cách ngôn ngữ, biện pháp tu từ,... (Câu 1)</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Hiểu được nội dung của văn bản/đoạn trích. (Câu 3)</p> <p>- Hiểu được cách triển khai lập luận, ngôn ngữ biểu đạt, giá trị các biện pháp tu từ của văn bản/đoạn trích.</p> <p>- Hiểu một số đặc điểm của nghị luận hiện đại.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân</p>					

TT	Nội dung kiến thức/kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích. (Câu 4) - Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân.					
2	VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI (khoảng 150 chữ)	Nghị luận về tư tưởng, đạo lí (Câu 1 – Phần Làm văn)	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được tư tưởng đạo lí cần bàn luận. - Xác định được cách thức trình bày đoạn văn. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn giải về nội dung, ý nghĩa của tư tưởng đạo lí. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kỹ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về tư tưởng đạo lí. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về tư tưởng đạo lí. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình 					1 *

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			ảnh; đoạn văn giàu sức thuyết phục.					
		Nghị luận về một hiện tượng đời sống	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện hiện tượng đời sống cần nghị luận. - Xác định được cách thức trình bày đoạn văn. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được thực trạng/nguyên nhân/các mặt lợi - hại, đúng - sai của hiện tượng đời sống. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về hiện tượng đời sống. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về hiện tượng đời sống. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; đoạn văn giàu sức thuyết phục. 					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
3	VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC	<p>Nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vợ chồng A Phủ (trích) của Tô Hoài - Vợ nhặt của Kim Lân - Rừng xà nu của Nguyễn Trung Thành - Những đứa con trong gia đình của Nguyễn Thi - Chiếc thuyền ngoài xa của Nguyễn Minh Châu - Số phận con người (trích) của M.Sô-lô-khốp - Ông già 	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận. - Giới thiệu tác giả, tác phẩm. - Nhớ được cốt truyện, nhân vật; xác định được chi tiết, sự việc tiêu biểu,... <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn giải về giá trị nội dung, giá trị nghệ thuật của truyện hiện đại: vấn đề số phận con người, cảm hứng anh hùng ca và cảm hứng thế sự, tình yêu quê hương đất nước; nghệ thuật xây dựng nhân vật, nghệ thuật xây dựng tình huống truyện, bút pháp trần thuật mới mẻ. - Lí giải một số đặc điểm cơ bản của truyện hiện đại Việt Nam, truyện nước ngoài được thể hiện trong văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân 					1 *

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
		<p>và <i>biển cả</i> (trích) của O.Hê-minh-uê</p> <p>(Câu 2 – Phần Làm văn)</p>	<p>tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của truyện hiện đại Việt Nam, truyện hiện đại nước ngoài.</p> <p>- Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; vị trí và đóng góp của tác giả.</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>- So sánh với các tác phẩm khác, liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.</p> <p>- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; bài văn giàu sức thuyết phục.</p>					
		<p>Nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích kịch: <i>Hòn Trống</i> <i>Ba, da hàng thịt</i> (trích) của Lưu Quang Vũ</p>	<p>Nhận biết:</p> <p>- Xác định được kiểu bài nghị luận; vấn đề cần nghị luận.</p> <p>- Giới thiệu tác giả, tác phẩm.</p> <p>- Nhận diện nhân vật, hành động kịch, xung đột kịch,... trong đoạn trích.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Diễn giải về giá trị nội dung, giá trị nghệ thuật của đoạn</p>					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<p>trích <i>Hòn Trương Ba, da hàng thịt</i>: sự chiến thắng của lương tâm, đạo đức đối với bản năng; đặc sắc trong ngôn ngữ đối thoại, xung đột, ngôn ngữ,...</p> <p>- Lí giải một số đặc điểm cơ bản của kịch hiện đại Việt Nam, được thể hiện trong đoạn trích.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để thể hiện cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của kịch hiện đại.</p> <p>- Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích; vị trí và đóng góp của tác giả.</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>- So sánh với các tác phẩm khác, liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.</p> <p>- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; bài văn giàu</p>					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			sức thuyết phục.					
		<p>Nghị luận về một đoạn trích/tác phẩm văn nghị luận: <i>Nhìn về vốn văn hóa dân tộc</i> của Trần Đình Hượu</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận. - Giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn trích. - Xác định nội dung chính của văn bản/đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn giải được quan điểm của tác giả về những nét đặc trưng của văn hóa dân tộc – cơ sở để xây dựng một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. - Lí giải được một số đặc điểm cơ bản của nghị luận hiện đại được thể hiện trong văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích nội dung, nghệ thuật của của đoạn trích/văn bản nghị luận. - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích; vị trí và đóng góp của tác giả. 					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			Vận dụng cao: - So sánh với các tác phẩm khác, liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; bài văn giàu sức thuyết phục.					
Tổng								6
Tỉ lệ %				40	30	20	10	100
Tỉ lệ chung				70		30		100

d) Đề minh họa; đáp án và hướng dẫn chấm

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐỀ MINH HỌA

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I NĂM HỌC 2020 - 2021
Môn: Ngữ văn, lớp 12

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề

Họ và tên học sinh: Mã số học sinh:

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn thơ:

*Tôi trở lại những bờ đường mùa xuân
Cây già trắng lá
Ôi thành phố tôi yêu kỳ lạ
Cái sống như trăn trở ngày đêm
Tôi lớn lên, lo nghĩ nhiều thêm
Thành phố cũng như tôi đang lớn
Những gác xép bộn bề hy vọng
Những đầu hồi bóng nắng nhấp nhô...*

*Tôi trở về những ngõ quen xưa
Mỗi ngõ nhỏ giấu một lời tâm sự
Tôi trở lại những lối mòn quá khứ
Có tấm tình ta mắc nợ cha ông*

(Trích *Trở lại trái tim mình* - Bằng Việt,
Thơ tuyển 1961 - 2001, NXB Văn học, 2003, tr. 12)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Đoạn thơ được viết theo thể thơ nào?

Câu 2. Chỉ ra 2 từ diễn tả tâm trạng của nhân vật trữ tình trong đoạn thơ trên.

Câu 3. Anh/Chị hiểu như thế nào về nội dung câu thơ: *Tôi lớn lên, lo nghĩ nhiều thêm*?

Câu 4. Tâm sự của tác giả trong câu thơ *Có tấm tình ta mắc nợ cha ông* gợi cho anh/chị suy nghĩ gì?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Anh/Chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về ý nghĩa của sự trân trọng quá khứ với mỗi con người.

Câu 2 (5,0 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ sau:

*Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa
Kìa em xiêm áo tự bao giờ
Khèn lên man điệu nàng e ấp
Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ*

(Trích *Tây Tiến* - Quang Dũng, *Ngữ văn 12*,
Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020, tr. 88)

.....Hết.....

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3,0
	1	Thể thơ: tự do Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời chính xác như đáp án: 0,75 điểm. - Học sinh không trả lời đúng thể thơ “tự do”: không cho điểm	0,75
	2	Những từ diễn tả tâm trạng của nhân vật trữ tình trong đoạn thơ: yêu, lo nghĩ. Hướng dẫn chấm: - Học sinh chỉ ra được 2 từ: 0,75 điểm. - Học sinh chỉ ra được 1 từ: 0,5 điểm.	0,75
	3	Nội dung câu thơ <i>Tôi lớn lên, lo nghĩ nhiều thêm</i> : - Con người trưởng thành, cuộc sống mở rộng cũng là lúc ý thức đầy đủ về trách nhiệm. - Theo thời gian, con người suy tư, lo nghĩ sâu sắc hơn. Hướng dẫn chấm: - Học sinh nêu được 2 ý: 1,0 điểm. - Học sinh nêu được 1 ý: 0,5 điểm.	1,0
	4	Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ về tâm sự của tác giả trong câu thơ <i>Có tấm tình ta mắc nợ cha ông</i> theo hướng: Cha ông đã tạo dựng cuộc sống hòa bình, hạnh phúc; mỗi chúng ta cần tri ân thế hệ đi trước. Hướng dẫn chấm: - Học sinh bày tỏ rõ ràng, thuyết phục: 0,5 điểm - Học sinh bày tỏ chưa rõ ràng, chưa thuyết phục: 0,25 điểm.	0,5
II		LÀM VĂN	7,0
	1	Viết đoạn văn về ý nghĩa của sự trân trọng quá khứ.	2,0

	<p><i>a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</i></p> <p>Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành.</p>	0,25
	<p><i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i></p> <p>Ý nghĩa của sự trân trọng quá khứ.</p>	0,25
	<p><i>c. Triển khai vấn đề nghị luận</i></p> <p>Học sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ về ý nghĩa của sự tri ân với thế hệ đi trước. Có thể triển khai theo hướng:</p> <p>Trân trọng quá khứ giúp cá nhân nhận ra được những giá trị tốt đẹp của quá khứ, bồi đắp đời sống tâm hồn mỗi người, góp phần hoàn thiện nhân cách...</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữ lí lẽ và dẫn chứng (0,75 điểm).</i> - <i>Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (0,5 điểm).</i> - <i>Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25 điểm).</i> <p><i>Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i></p>	0,75
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</i> 	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo</i></p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p> <p>Hướng dẫn chấm: <i>Học sinh huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận; có sáng tạo trong viết câu, dựng đoạn, làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.</i> - <i>Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.</i> 	0,5
2	Cảm nhận đoạn thơ trong bài <i>Tây Tiến</i> của Quang Dũng	5,0

	<p><i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i></p> <p>Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.</p>	0,25
	<p><i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i></p> <p>Phân tích nội dung và nghệ thuật đoạn thơ</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm. - Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm. 	0,5
	<p><i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i></p> <p>Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:</p>	
	<p><i>* Giới thiệu tác giả (0,25 điểm), tác phẩm và đoạn thơ (0,25 điểm)</i></p>	0,5
	<p><i>* Cảm nhận về đoạn thơ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn thơ diễn tả khung cảnh đêm liên hoan diễn ra trong ánh sáng rực rỡ, lung linh; âm thanh rộn ràng, náo nức; hình ảnh lộng lẫy, yêu kiều; không khí tung bừng, sôi nổi... - Tâm hồn trẻ trung lãng mạn của những người chiến sĩ Tây Tiến thể hiện cảm xúc ngỡ ngàng, say đắm, phiêu bồng. - Đoạn thơ có những sáng tạo về hình ảnh, ngôn ngữ biểu cảm: <i>bừng, hội đuốc hoa, xiêm áo,...</i> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,5 điểm. - Phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 1,75 điểm - 2,25 điểm. - Phân tích chung chung, chưa rõ các biểu hiện của tâm trạng: 0,75 điểm - 1,25 điểm. - Phân tích chung chung, không rõ các biểu hiện: 0,25 điểm - 0,5 điểm. 	2,5
	<p><i>* Đánh giá</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn thơ thể hiện vẻ đẹp của tâm hồn người lính Tây Tiến hào hoa, lãng mạn. - Đoạn thơ góp phần thể hiện phong cách thơ Quang Dũng. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trình bày được 2 ý: 0,5 điểm - Học sinh trình bày được 1 ý: 0,25 điểm 	0,5

	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo</i></p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p> <p>Hướng dẫn chấm: Học sinh biết vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác để làm nổi bật nét đặc sắc của thơ Quang Dũng; biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.</p> <p>- Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.</p> <p>- Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.</p>	0,5
Tổng điểm		10,0

.....Hết.....

Họ và tên học sinh: Mã số học sinh:

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

Những ai tự hào với kết quả công việc của mình và luôn cố gắng tạo ra trải nghiệm ngày càng ý nghĩa hơn cho người thưởng thức là những người luôn thành công trong bất cứ hoàn cảnh nào. Ngay cả một nhân viên phục vụ ở tiệm bán thức ăn nhanh cũng có thể được xem là thành công khi anh ta dốc hết sức mình cho công việc: vừa nhận đơn đặt hàng qua điện thoại, vừa tươi cười với thực khách, vừa nhanh tay đóng gói thực phẩm khách mua về...

Bất cứ việc gì cũng đòi hỏi chúng ta phải thật sự chú tâm, giống như những nghệ sĩ trên sân khấu. Nếu bạn làm vì niềm vui, sự phấn khởi, vì những thử thách mà công việc ấy mang đến cho bạn và lòng tự hào về những gì làm được, bạn sẽ không ngừng phát triển bản thân. Nếu làm việc chỉ vì danh tiếng, tư lợi bạn sẽ dậm chân tại chỗ. Suy cho cùng, sự khen tặng, ái mộ mọi người dành cho bạn rồi cũng tan biến đi khi cảm giác mới lạ trong họ không còn nữa. Còn nếu bạn muốn lặp lại những việc tương tự chỉ để nhận lấy những lời khen cũ rích thì bạn sẽ chẳng có động lực nội tại nào thúc đẩy bản thân tiến bước xa hơn.

(Trích *10 quy luật cuộc sống* - Dan Sullivan Catherine Nomura, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2019, tr. 49 - 50)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2. Theo đoạn trích, để thành công trong mọi hoàn cảnh con người cần có thái độ như thế nào đối với công việc của mình?

Câu 3. Dựa vào đoạn trích, hãy cho biết những yếu tố tạo nên động lực nội tại để thúc đẩy con người tiến bước xa hơn trong công việc.

Câu 4. Thông điệp nào của đoạn trích có ý nghĩa nhất với anh/chị?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Anh/Chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về sự cần thiết phải có tinh thần trách nhiệm trong công việc.

Câu 2 (5,0 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về hình tượng sóng trong đoạn thơ sau:

*Dữ dội và dịu êm
Ồn ào và lặng lẽ
Sông không hiểu nổi mình
Sóng tìm ra tận bể
Ôi con sóng ngày xưa
Và ngày sau vẫn thế
Nỗi khát vọng tình yêu
Bồi hồi trong ngực trẻ*

(Trích *Sóng* - Xuân Quỳnh, *Ngữ văn 12*, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020, tr. 155)

.....Hết.....

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3,0
	1	Phương thức biểu đạt chính: nghị luận Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời chính xác như đáp án: 0,75 điểm. - Học sinh không trả lời đúng phương thức “nghị luận”: không cho điểm	0,75
	2	Con người đề thành công trong mọi hoàn cảnh cần có thái độ tự hào với kết quả công việc của mình Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án: 0,75 điểm. - Nếu học sinh trích dẫn nguyên câu văn: Những ai tự hào với kết quả công việc của mình và luôn cố gắng tạo ra trải nghiệm ngày càng ý nghĩa hơn cho người thưởng thức là những người luôn thành công trong bất cứ hoàn cảnh nào vẫn cho: 0,75 điểm.	0,75
	3	Những yếu tố tạo ra động lực nội tại để thúc đẩy con người tiến bước xa hơn trong công việc: - Niềm vui, sự phấn khởi. - Những thử thách mà công việc mang đến. - Lòng tự hào về những gì làm được. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời được 3 ý: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời được 2 ý: 0,75 điểm. - Học sinh trả lời được 1 ý: 0,5 điểm.	1,0
	4	Học sinh rút ra một thông điệp có ý nghĩa nhất đối với bản thân. Có thể theo gợi ý sau: Tình yêu đối với công việc là động lực để con người đạt được thành công. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trình bày thuyết phục: 0,5 điểm. - Học sinh trình bày chưa thuyết phục: 0,25 điểm.	0,5
II		LÀM VĂN	7,0

1	Viết đoạn văn về sự cần thiết phải có tinh thần trách nhiệm trong công việc.	2,0
	<p><i>a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</i></p> <p>Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành.</p>	0,25
	<p><i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i></p> <p>Sự cần thiết phải có tinh thần trách nhiệm trong công việc.</p>	0,25
	<p><i>c. Triển khai vấn đề nghị luận</i></p> <p>Học sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ sự cần thiết phải có tinh thần trách nhiệm trong công việc. Có thể theo hướng sau:</p> <p>Tinh thần trách nhiệm trong công việc giúp con người có thái độ làm việc hăng say, vượt qua mọi khó khăn, thử thách để hoàn thành các nhiệm vụ, công việc được giao; tạo ra động lực thúc đẩy con người hoàn thiện bản thân; đóng góp cho xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- <i>Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữ lí lẽ và dẫn chứng (0,75 điểm).</i></p> <p>- <i>Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (0,5 điểm).</i></p> <p>- <i>Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25 điểm).</i></p> <p><i>Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i></p>	0,75
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- <i>Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</i></p>	0,25
<p><i>e. Sáng tạo</i></p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p> <p>Hướng dẫn chấm: <i>Học sinh huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về tư tưởng, đạo lí; có sáng tạo trong viết câu, dựng đoạn làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh.</i></p>	0,5	

	<p>- <i>Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.</i></p> <p>- <i>Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.</i></p>	
2	Cảm nhận về hình tượng sóng trong đoạn thơ.	5,0
	<p><i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i></p> <p><i>Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.</i></p>	0,25
	<p><i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i></p> <p>Hình tượng sóng trong đoạn thơ.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- <i>Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm.</i></p> <p>- <i>Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm.</i></p>	0,5
	<p><i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i></p> <p>Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:</p>	
	<p><i>* Giới thiệu khái quát về tác giả (0,25 điểm), bài thơ và đoạn thơ (0,25 điểm).</i></p>	0,5
	<p><i>* Cảm nhận về hình tượng sóng được Xuân Quỳnh thể hiện trong đoạn thơ</i></p> <p>- Sự tương đồng giữa những trạng thái đối lập của sóng với những trạng thái đối cực trong tình yêu của người phụ nữ: <i>dữ dội - dịu êm, ồn ào - lặng lẽ.</i></p> <p>- Sóng chính là hiện thân cho khát khao của em, khát khao được vươn ra biển lớn, khao khát tìm đến một tình yêu đích thực, rộng lớn, bao dung.</p> <p>- Khát vọng <i>ngày xưa – ngày sau</i> của sóng cũng là khát vọng tình yêu muôn đời của tuổi trẻ.</p> <p>- Hình tượng sóng được thể hiện bằng thể thơ năm chữ, gọi âm điệu của nhịp sóng biển và sóng lòng; sự song hành của hai hình tượng sóng và em; ngôn ngữ giản dị, trong sáng; giọng điệu tha thiết, mãnh liệt; các biện pháp tu từ điệp từ, điệp ngữ, ẩn dụ, đối lập...</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- <i>Học sinh cảm nhận về hình tượng sóng đầy đủ, sâu sắc: 2,5 điểm.</i></p> <p>- <i>Học sinh cảm nhận chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 1,75 điểm - 2,25 điểm.</i></p> <p>- <i>Cảm nhận chung chung, chưa rõ các biểu hiện của hình tượng sóng: 0,75 điểm - 1,25 điểm.</i></p> <p>- <i>Cảm nhận sơ lược, không rõ các biểu hiện của hình tượng sóng:</i></p>	2,5

	<i>0,25 điểm - 0,5 điểm.</i>	
	<p>* Đánh giá</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình tượng sóng trong đoạn thơ chính là biểu hiện của một tâm hồn phụ nữ nhạy cảm, khao khát yêu đương, chủ động và mạnh mẽ trong tình yêu. - Hình tượng sóng góp phần thể hiện phong cách nghệ thuật thơ Xuân Quỳnh. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đánh giá được 2 ý: 0,5 điểm. - Học sinh đánh giá được 1 ý: 0,25 điểm. 	0,5
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp. 	0,25
	<p>e. Sáng tạo</p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p> <p>Hướng dẫn chấm: Học sinh biết vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác để làm nổi bật nét đặc sắc của thơ Xuân Quỳnh; biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm. - Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm. 	0,5
Tổng điểm		10,0

.....Hết.....

Họ và tên học sinh: Mã số học sinh:

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)**Đọc đoạn trích:**

Tôi vội vàng nhét vào trong chiếc túi cấp dưỡng nhỏ nhem của chị một chiếc phong bì niêm rất cẩn thận. Suốt buổi trưa, tôi đã mượn giấy bút biên cho Nguyệt lá thư đầu tiên. Ra đến rừng vắng lẽ, tôi chưa về chỗ giấu xe vội, mà men bờ sông ra ngoài cầu. Con sông miền Tây in đầy bóng núi xanh thắm, hai bên bờ cỏ lau chen với hố bom. Chiếc cầu bị cắt làm đôi như một nhát rìu phang rất ngọt. Ba nhịp phía bên này đổ sập xuống, những phiến đá xanh lớn rơi ngổn ngang dưới lòng sông, chỉ còn hai hàng trụ đứng trơ vơ giữa trời. Tôi đứng bên bờ sông giữa cảnh một chiếc cầu đổ và lại tự hỏi: Qua bấy nhiêu năm tháng sống giữa cảnh bom đạn và tàn phá những cái quý giá đó chính bàn tay mình xây dựng nên, vậy mà Nguyệt vẫn không quên tôi sao? Trong tâm hồn người con gái nhỏ bé, tình yêu và niềm tin mãnh liệt vào cuộc sống, cái sợi chỉ xanh óng ánh ấy, bao nhiêu bom đạn dội xuống cũng không hề đứt, không thể nào tàn phá nổi ư?

(Trích *Mảnh trăng cuối rừng*, Tuyển tập Nguyễn Minh Châu, NXB Văn học, 2018, tr. 46)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định ngôi kể trong đoạn trích.

Câu 2. Chỉ ra hình ảnh thiên nhiên được tác giả miêu tả trong đoạn trích.

Câu 3. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ trong câu văn: “*Trong tâm hồn người con gái nhỏ bé, tình yêu và niềm tin mãnh liệt vào cuộc sống, cái sợi chỉ xanh óng ánh ấy, bao nhiêu bom đạn dội xuống cũng không hề đứt, không thể nào tàn phá nổi ư?*”.

Câu 4. Anh/Chị hãy nhận xét quan niệm về con người của tác giả trong đoạn trích.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)**Câu 1 (2,0 điểm)**

Trong thời gian dịch bệnh Covid-19 bùng phát, tại nhiều địa phương đã xuất hiện *cây ATM gạo* để chia sẻ với những người có hoàn cảnh khó khăn.

Anh/Chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về ý nghĩa của hiện tượng trên.

Câu 2 (5,0 điểm)

Phân tích tâm trạng và hành động của nhân vật Mị được nhà văn Tô Hoài thể hiện trong đoạn trích sau:

Ngày Tết, Mị cũng uống rượu. Mị lén lấy hũ rượu, cứ uống ực từng bát. Rồi say, Mị lịm mặt ngồi đấy nhìn mọi người nhảy đồng, người hát, nhưng lòng Mị thì đang sống về ngày trước. Tại Mị vắng vắng tiếng sáo gọi bạn đầu làng. Ngày trước, Mị thổi sáo giỏi. Mùa xuân này, Mị uống rượu bên bếp và thổi sáo. Mị uốn chiếc lá trên môi, thổi lá cũng hay như thổi sáo. Có biết bao người mê, ngày đêm đã thổi sáo đi theo Mị.

Rượu đã tan lúc nào. Người về, người đi chơi đã vãn cả. Mị không biết, Mị vẫn ngồi trơ một mình giữa nhà. Mãi sau Mị mới đứng dậy, nhưng Mị không bước ra đường chơi, mà từ từ bước vào buồng. Chẳng năm nào A Sử cho Mị đi chơi Tết. Mị cũng chẳng buồn đi. Bấy giờ Mị ngồi xuống giường, trông ra cái cửa sổ lỗ vuông mờ mờ trắng trắng. Đã từ nãy, Mị thấy phơi phới trở lại, trong lòng đột nhiên vui sướng như những đêm Tết ngày trước. Mị trẻ lắm. Mị vẫn còn trẻ. Mị muốn đi chơi. Bao nhiêu người có chồng cũng đi chơi ngày Tết. Huống chi A Sử với Mị, không có lòng với nhau mà vẫn phải ở với nhau! Nếu có nắm lá ngón trong tay lúc này, Mị sẽ ăn cho chết ngay, chứ không buồn nhớ lại nữa. Nhớ lại, chỉ thấy nước mắt ứa ra. Mà tiếng sáo gọi bạn yêu vẫn lừng lờ bay ngoài đường.

(Trích Vợ chồng A Phủ, Ngữ văn 12, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam 2020, tr. 7 - 8)

.....Hết.....

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐỀ MINH HỌA

KIỂM TRA GIỮA KÌ II NĂM HỌC 2020 - 2021

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Môn: Ngữ văn, lớp 12

(Đáp án và hướng dẫn chấm gồm trang)

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3,0
	1	Ngôi kể: ngôi thứ nhất. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,75 điểm. - Học sinh trả lời ngôi kể là “tôi”: 0,75 điểm.	0,75
	2	Hình ảnh thiên nhiên được tác giả miêu tả trong đoạn trích: con sông miền Tây in đầy bóng núi xanh thẳm, hai bên bờ cỏ lau. Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án: 0,75 điểm. - Nếu học sinh trích dẫn nguyên câu văn “Con sông miền Tây in đầy bóng núi xanh thẳm, hai bên bờ cỏ lau chen với hồ bom” vẫn cho: 0,75 điểm.	0,75
	3	Tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ trong câu văn: - Diễn tả vẻ đẹp tình yêu và niềm tin mãnh liệt vào cuộc sống của nhân vật Nguyệt. - Tạo cho câu văn giàu hình ảnh, sinh động, gợi cảm. Hướng dẫn chấm: - Trả lời được 2 ý: 1,0 điểm.	1,0

		- Trả lời được 1 trong 2 ý: 0,5 điểm.	
	4	<p>Nhận xét quan niệm về con người của tác giả trong đoạn trích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngợi ca vẻ đẹp tâm hồn tuổi trẻ những năm chống Mĩ cứu nước. - Quan niệm có ý nghĩa tích cực, tiến bộ, thể hiện khuynh hướng lãng mạn của văn xuôi Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nêu được quan niệm: 0,25 điểm. - Học sinh nhận xét quan niệm: 0,25 điểm. 	0,5
II		LÀM VĂN	7,0
	1	Trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của hiện tượng cây ATM gạo ở nhiều địa phương trong lúc dịch bệnh Covid-19 bùng phát.	2,0
		<p>a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</p> <p>Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành.</p>	0,25
		<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>Suy nghĩ về ý nghĩa của hiện tượng cây ATM gạo ở nhiều địa phương trong lúc dịch bệnh Covid-19 bùng phát.</p>	0,25
		<p>c. Triển khai vấn đề nghị luận</p> <p>Học sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ ý nghĩa của hiện tượng cây ATM gạo ở nhiều địa phương. Có thể theo hướng sau:</p> <p>Thể hiện tinh thần đoàn kết, chia sẻ cộng đồng tạo nên sức mạnh vượt qua dịch bệnh.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữ lí lẽ và dẫn chứng (0,75 điểm). - Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (0,5 điểm). - Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25 điểm). <p>Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	0,75
		<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p>	0,25

	<p>- Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</p> <p><i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. Hướng dẫn chấm: Học sinh huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về hiện tượng đời sống; có cách nhìn riêng, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có sáng tạo trong viết câu, dựng đoạn, làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh. - Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm. - Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.</p>	0,5
2	Phân tích tâm trạng và hành động của nhân vật Mị được nhà văn Tô Hoài thể hiện trong đoạn trích.	5,0
	<p><i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.</p>	0,25
	<p><i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Tâm trạng và hành động của nhân vật Mị trong đoạn truyện. Hướng dẫn chấm: - Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm. - Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm.</p>	0,5
	<p><i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:</p>	
	<p>* Giới thiệu tác giả (0,25 điểm), tác phẩm và đoạn truyện (0,25 điểm)</p>	0,5
	<p>* Phân tích tâm trạng và hành động nhân vật Mị - Hoàn cảnh: Mị là con dâu gạt nợ của nhà thống lí Pá Tra, đêm tình mùa xuân. - Tâm trạng và hành động + Tâm trạng: niềm vui sướng khi hoài niệm về quá khứ tươi đẹp, ý thức về sức sống tuổi trẻ, về quyền sống, về thân phận. + Hành động: Mị uống rượu thể hiện sự uất hận, cay đắng của thân phận nô lệ; thối sáo thể hiện niềm khao khát tự do. - Tâm trạng và hành động của nhân vật được thể hiện bằng ngôn ngữ tự nhiên, sinh động, giàu tính biểu cảm, giọng điệu tha thiết,...</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p>	2,5

	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,5 điểm. - Học sinh phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 1,75 điểm - 2,25 điểm. - Học sinh phân tích chung chung, chưa rõ các biểu hiện: 1,0 điểm - 1,5 điểm. - Học sinh phân tích sơ lược, không rõ các biểu hiện: 0,25 điểm - 0,75 điểm. 	
	<p>* Đánh giá</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tâm trạng và hành động của nhân vật Mị góp phần làm nên giá trị nhân đạo của tác phẩm <i>Vợ chồng A Phủ</i>. - Tâm trạng và hành động của nhân vật Mị góp phần thể hiện phong cách nghệ thuật truyện ngắn của Tô Hoài. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trình bày được 2 ý: 0,5 điểm. - Học sinh trình bày được 1 ý: 0,25 điểm. 	0,5
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp. 	0,25
	<p>e. Sáng tạo</p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p> <p>Hướng dẫn chấm: Học sinh biết vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác để làm nổi bật nét đặc sắc của truyện ngắn Tô Hoài; biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm. - Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm. 	0,5
Tổng điểm		10,0

.....Hết.....

Họ và tên học sinh: Mã số học sinh:

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

Cách nhìn và ý chí của từng người dẫn đến các ứng xử khác nhau trước sai lầm. Với người này, sai lầm để lại những bài học bổ ích, những kinh nghiệm quý giá. Với người khác, sai lầm lại trở thành vỏ ốc để họ thu mình trong đó, không dám mạo hiểm lần nữa. Hãy biết chấp nhận sai lầm như một động lực để bạn tiếp tục phấn đấu [...].

[...] Con người thường mắc phải một trong hai loại sai lầm sau đây: một loại sai lầm do thiếu hiểu biết và một loại sai lầm do bất cẩn. Trong khi những sai lầm do thiếu hiểu biết có thể khắc phục bằng quyết tâm học hỏi không ngừng thì sai lầm do bất cẩn thường khiến con người trở nên yếu đuối và nhu nhược. Những người thường xuyên mắc phải loại sai lầm này luôn phải đối diện với thất bại vì họ đã lãng phí bầu nhiệt huyết và nguồn năng lượng của mình.

Một trong những điều tốt đẹp mà bạn có thể làm mỗi ngày là hãy nỗ lực hết mình, và không sợ phạm sai lầm. Đừng chối bỏ, cũng đừng thất vọng nếu bạn mắc phải một sai lầm nào đó.

(Trích *Không gì là không thể* - George Matthew Adams,

NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2018, tr. 119 - 120)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2. Theo đoạn trích, con người thường mắc phải những sai lầm nào?

Câu 3. Chỉ ra mối quan hệ giữa cách nhìn và ý chí với cách ứng xử trước sai lầm của con người được đề cập trong đoạn trích.

Câu 4. Lời khuyên *Hãy biết chấp nhận sai lầm như một động lực để bạn tiếp tục phấn đấu* trong đoạn trích có ý nghĩa gì với anh/chị?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Anh/Chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về sự cần thiết phải sống là chính mình.

Câu 2 (5,0 điểm)

Phân tích tâm trạng và hành động của nhân vật người đàn bà hàng chài được nhà văn Nguyễn Minh Châu thể hiện trong đoạn trích sau:

Người đàn bà dường như lúc này mới cảm thấy đau đớn - vừa đau đớn vừa vô cùng xấu hổ, nhục nhã.

- Phác, con ơi!

Miệng mếu máo gọi, người đàn bà ngồi xếp xuống trước mặt thằng bé, ôm chầm lấy nó rồi lại buông ra, chấp tay vái lấy vái để, rồi lại ôm chầm lấy. Thằng nhỏ đến lúc này vẫn chẳng hề hé răng, như một viên đạn bắn vào người đàn ông và bây giờ đang xuyên qua tâm hồn người đàn bà, làm rỏ xuống những dòng nước mắt, và cái thằng nhỏ, lặng lẽ đưa mấy ngón tay khế sờ trên khuôn mặt người mẹ, như muốn lau đi những giọt nước mắt chứa đầy trong những nốt rỗ chẳng chịt.

Thế rồi bất ngờ người đàn bà buông đứa trẻ ra, đi thật nhanh ra khỏi bãi xe tăng hỏng, đuổi theo lão đàn ông. Cả hai người lại trở về chiếc thuyền.

(Trích *Chiếc thuyền ngoài xa*, Ngữ văn 12, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020, tr. 72 - 73)

.....Hết.....

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐỀ MINH HỌA

KIỂM TRA CUỐI KÌ II NĂM HỌC 2020 - 2021

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Môn: Ngữ văn, lớp 12

(Đáp án và hướng dẫn chấm gồm ... trang)

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3,0
	1	Phương thức biểu đạt chính: nghị luận. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời chính xác như đáp án: 0,75 điểm. - Học sinh không trả lời đúng phương thức “nghị luận”: không cho điểm	0,75
	2	Theo đoạn trích, con người thường mắc những sai lầm: - Sai lầm do thiếu hiểu biết. - Sai lầm do bất cẩn. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời được 2 ý : 0,75 điểm. - Học sinh trả lời được 1 ý : 0,5 điểm. Nếu học sinh trích dẫn nguyên câu văn “Con người thường mắc phải một trong hai loại sai lầm sau đây: một loại sai lầm do thiếu hiểu biết và một loại sai lầm do bất cẩn” vẫn cho: 0,75 điểm.	0,75
	3	Mối quan hệ giữa cách nhìn và ý chí với cách ứng xử trước sai lầm của con người: - Cách nhìn tích cực và ý chí mạnh mẽ sẽ ứng xử: xem sai lầm là những bài học bổ ích, những kinh nghiệm quý giá. - Cách nhìn tiêu cực và ý chí yếu đuối: xem sai lầm lại trở thành vỏ ốc để thu mình trong đó, không dám mạo hiểm lần nữa.	1,0

		Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời được 2 ý : 0,5 điểm. - Học sinh trả lời được 1 ý : 0,5 điểm.	
	4	Ý nghĩa của lời khuyên <i>Hãy biết chấp nhận sai lầm như một động lực để bạn tiếp tục phấn đấu.</i> Học sinh rút ra ý nghĩa khác nhau cho bản thân, có thể theo hướng: Khi biết chấp nhận sai lầm, con người rút ra được bài học kinh nghiệm, có thêm nghị lực, phấn đấu hoàn thiện bản thân. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trình bày thuyết phục: 0,5 điểm. - Học sinh trình bày chưa thuyết phục: 0,25 điểm.	0,5
II		LÀM VĂN	7,0
	1	Trình bày suy nghĩ của bản thân về sự cần thiết phải sống là chính mình.	2,0
		<i>a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</i> Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Sự cần thiết phải sống là chính mình.	0,25
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận</i> Thí sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ sự cần thiết phải sống là chính mình. Có thể theo hướng sau: Sống là chính mình giúp mỗi người chủ động khẳng định năng lực; vươn lên hoàn thiện bản thân, đóng góp cho xã hội. Hướng dẫn chấm: - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữ lí lẽ và dẫn chứng (0,75 điểm). - Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (0,5 điểm). - Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25 điểm). Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	0,75
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Hướng dẫn chấm:	0,25

	<p>- Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</p> <p><i>e. Sáng tạo</i></p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p> <p>Hướng dẫn chấm: Học sinh huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về tư tưởng, đạo lí; có cách nhìn riêng, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có sáng tạo trong viết câu, dựng đoạn, làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh.</p> <p>- Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.</p> <p>- Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.</p>	0,5
2	<p>Phân tích tâm trạng và hành động của nhân vật người đàn bà hàng chài được nhà văn Nguyễn Minh Châu thể hiện trong đoạn trích.</p>	5,0
	<p><i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i></p> <p>Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.</p>	0,25
	<p><i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i></p> <p>Tâm trạng và hành động của nhân vật người đàn bà hàng chài được nhà văn Nguyễn Minh Châu thể hiện trong đoạn trích.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm.</p> <p>- Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm.</p>	0,5
	<p><i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i></p> <p>Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:</p>	
	<p>* Giới thiệu tác giả (0,25 điểm), tác phẩm và đoạn trích (0,25 điểm)</p>	0,5
	<p>* Phân tích tâm trạng và hành động nhân vật người đàn bà hàng chài</p> <p>- Hoàn cảnh: người đàn bà hàng chài bị chồng bạo hành.</p> <p>- Tâm trạng và hành động</p> <p>+ Tâm trạng: đau đớn về thể xác và tinh thần; xấu hổ, nhục nhã với đứa con.</p> <p>+ Hành động: ôm con, chấp tay vái lạy con thể hiện tình thương yêu con, lo sợ đứa con làm điều có lỗi với bố; buông con ra đi theo chồng thể hiện sự chấp nhận số phận.</p> <p>- Nghệ thuật: miêu tả tâm trạng và hành động nhân vật bằng ngôn ngữ tự nhiên, sinh động, giàu tính biểu cảm, giọng điệu cảm thương,...</p>	2,5

	<p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,5 điểm. - Học sinh phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 1,75 điểm - 2,25 điểm. - Học sinh phân tích chung chung, chưa rõ các biểu hiện: 1,0 điểm - 1,5 điểm. - Học sinh phân tích sơ lược, không rõ các biểu hiện: 0,25 điểm - 0,75 điểm. 	
	<p>* Đánh giá</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tâm trạng và hành động của nhân vật người đàn bà hàng chài góp phần làm nên giá trị nhân đạo của tác phẩm <i>Chiếc thuyền ngoài xa</i>. - Tâm trạng và hành động của nhân vật người đàn bà hàng chài góp phần thể hiện phong cách nghệ thuật truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trình bày được 2 ý: 0,5 điểm. - Học sinh trình bày được 1 ý: 0,25 điểm. 	0,5
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp. 	0,25
	<p>e. Sáng tạo</p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p> <p>Hướng dẫn chấm: Học sinh biết vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác để làm nổi bật nét đặc sắc của truyện ngắn Nguyễn Minh Châu; biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm. - Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm. 	0,5
Tổng điểm		10,0

.....Hết.....

PHỤ LỤC

1. Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 26/2020/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2020

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học,

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 6 như sau:

"b) Kết hợp giữa đánh giá bằng nhận xét và đánh giá bằng điểm số đối với các môn học còn lại:

- Đánh giá bằng nhận xét sự tiến bộ về thái độ, hành vi và kết quả thực hiện các nhiệm vụ học tập của học sinh trong quá trình học tập môn học, hoạt động giáo dục quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Đánh giá bằng điểm số kết quả thực hiện các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng đối với môn học quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Kết quả đánh giá theo thang điểm 10, nếu sử dụng thang điểm khác thì phải quy đổi về thang điểm 10."

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 6 như sau:

"a) Đối với các môn học kết hợp giữa đánh giá bằng nhận xét và đánh giá bằng điểm số: nhận xét sự tiến bộ về thái độ, hành vi, kết quả học tập môn học sau mỗi học kì, cả năm học; tính điểm trung bình môn học và tính điểm trung bình các môn học sau mỗi học kì, cả năm học;"

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

"Điều 7. Các loại kiểm tra, đánh giá; hệ số điểm kiểm tra, đánh giá

1. Các loại kiểm tra, đánh giá

a) Kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện trong quá trình dạy học và giáo dục, nhằm kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ học tập, rèn luyện của học sinh theo chương trình môn học, hoạt động giáo dục trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến thông qua: hỏi - đáp, viết, thuyết trình, thực hành, thí nghiệm, sản phẩm học tập;

- Số lần kiểm tra, đánh giá thường xuyên không giới hạn bởi số điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư này.

b) Kiểm tra, đánh giá định kì:

- Kiểm tra, đánh giá định kì được thực hiện sau mỗi giai đoạn giáo dục nhằm đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh theo chương trình môn học, hoạt động giáo dục quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

- Kiểm tra, đánh giá định kì, gồm kiểm tra, đánh giá giữa kì và kiểm tra, đánh giá cuối kì, được thực hiện thông qua: bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập.

+ Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá định kì bằng bài kiểm tra trên giấy hoặc trên máy tính từ 45 phút đến 90 phút, đối với môn chuyên tối đa 120 phút. Đề kiểm tra được xây dựng dựa trên ma trận, đặc tả của đề, đáp ứng theo mức độ cần đạt của môn học, hoạt động giáo dục quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

+ Đối với bài thực hành, dự án học tập phải có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá trước khi thực hiện.

2. Hệ số điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên và định kì

a) Điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên (viết tắt là ĐĐG_{tx}): tính hệ số 1;

b) Điểm kiểm tra, đánh giá giữa kì (viết tắt là ĐĐG_{gk}): tính hệ số 2;

c) Điểm kiểm tra, đánh giá cuối kì (viết tắt là ĐĐG_{ck}): tính hệ số 3."

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

"Điều 8. Số điểm kiểm tra, đánh giá và cách cho điểm

1. Trong mỗi học kì, số ĐĐG_{tx}, ĐĐG_{gk} và ĐĐG_{ck} của một học sinh đối với

từng môn học, hoạt động giáo dục (bao gồm cả chủ đề tự chọn) như sau:

a) Kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

- Môn học có từ 35 tiết trở xuống/năm học: 2 ĐĐG_{tx};
- Môn học có từ trên 35 tiết đến 70 tiết/năm học: 3 ĐĐG_{tx};
- Môn học có từ trên 70 tiết/năm học: 4 ĐĐG_{tx}.

b) Kiểm tra, đánh giá định kì:

Trong mỗi học kì, một môn học có 01 (một) ĐĐG_{gk} và 01 (một) ĐĐG_{ck};

2. Điểm các bài kiểm tra, đánh giá là số nguyên hoặc số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số.

3. Những học sinh không đủ số điểm kiểm tra, đánh giá theo quy định tại khoản 1 Điều này nếu có lí do chính đáng thì được kiểm tra, đánh giá bù bài kiểm tra, đánh giá còn thiếu, với hình thức, mức độ kiến thức, kĩ năng và thời gian tương đương. Việc kiểm tra, đánh giá bù được hoàn thành trong từng học kì hoặc cuối năm học.

4. Trường hợp học sinh không có đủ số điểm kiểm tra, đánh giá theo quy định tại khoản 1 Điều này mà không có lí do chính đáng hoặc có lí do chính đáng nhưng không tham gia kiểm tra, đánh giá bù sẽ nhận điểm 0 (không) của bài kiểm tra, đánh giá còn thiếu."

5. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 10 như sau:

"a) Điểm trung bình môn học kì (viết tắt là ĐTB_{mhk}) là trung bình cộng của điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên, điểm kiểm tra, đánh giá giữa kì và điểm kiểm tra, đánh giá cuối kì với các hệ số quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này như sau:

$$\text{ĐTB}_{\text{mhk}} = \frac{\text{TĐĐG}_{\text{tx}} + 2 \times \text{ĐĐG}_{\text{gk}} + 3 \times \text{ĐĐG}_{\text{ck}}}{\text{Số ĐĐG}_{\text{tx}} + 5}$$

TĐĐG_{tx}: Tổng điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên."

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

"Điều 14. Đánh giá học sinh khuyết tật

1. Việc đánh giá kết quả giáo dục của học sinh khuyết tật được thực hiện theo nguyên tắc động viên, khuyến khích sự nỗ lực và tiến bộ của người học.

2. Đối với học sinh khuyết tật học tập theo phương thức giáo dục hòa nhập, kết quả giáo dục môn học hoặc hoạt động giáo dục mà học sinh khuyết tật đáp ứng được yêu cầu chương trình giáo dục chung được đánh giá như đối với học sinh bình thường nhưng có giảm nhẹ yêu cầu về kết quả học tập. Những môn học hoặc hoạt động giáo dục mà học sinh khuyết tật không có khả năng đáp ứng yêu cầu chung được đánh giá theo kết quả thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân; không đánh giá những nội dung môn học, môn học hoặc nội dung giáo dục được miễn.

3. Đối với học sinh khuyết tật học tập theo phương thức giáo dục chuyên biệt, kết quả giáo dục của môn học hoặc hoạt động giáo dục mà học sinh khuyết tật đáp ứng được yêu cầu chương trình giáo dục chuyên biệt được đánh giá theo quy định dành cho giáo dục chuyên biệt. Những môn học hoặc hoạt động giáo dục mà học sinh khuyết tật

không có khả năng đáp ứng yêu cầu giáo dục chuyên biệt thì đánh giá theo kết quả thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân."

7. Bổ sung khoản 3 vào Điều 15 như sau:

"3. Xét lên lớp đối với học sinh khuyết tật

Hiệu trưởng căn cứ kết quả học tập các môn học, hoạt động giáo dục của học sinh khuyết tật để xét lên lớp đối với học sinh khuyết tật học theo chương trình giáo dục chung hoặc căn cứ vào kết quả thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân đối với học sinh khuyết tật không đáp ứng được chương trình giáo dục chung để xét lên lớp."

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:

"Điều 18. Xét công nhận danh hiệu học sinh

1. Công nhận đạt danh hiệu học sinh giỏi học kì hoặc cả năm học, nếu đạt hạnh kiểm loại tốt và học lực loại giỏi.

2. Công nhận đạt danh hiệu học sinh tiên tiến học kì hoặc cả năm học, nếu đạt hạnh kiểm từ loại khá trở lên và học lực từ loại khá trở lên.

3. Học sinh đạt thành tích nổi bật hoặc có tiến bộ vượt bậc trong học tập, rèn luyện được Hiệu trưởng tặng giấy khen."

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 19 như sau:

"1. Thực hiện kiểm tra, đánh giá thường xuyên; tham gia kiểm tra, đánh giá định kì theo phân công của Hiệu trưởng; trực tiếp ghi điểm hoặc mức nhận xét (đối với các môn đánh giá bằng nhận xét) vào sổ theo dõi và đánh giá học sinh. Đối với hình thức kiểm tra, đánh giá bằng hỏi - đáp, giáo viên phải nhận xét, góp ý kết quả trả lời của học sinh trước lớp; nếu quyết định cho điểm hoặc ghi nhận xét (đối với các môn đánh giá bằng nhận xét) vào sổ theo dõi và đánh giá học sinh thì phải thực hiện ngay sau đó.

2. Tính điểm trung bình môn học (đối với các môn học kết hợp đánh giá bằng nhận xét và điểm số), xếp loại nhận xét môn học (đối với các môn học đánh giá bằng nhận xét) theo học kì, cả năm học và trực tiếp vào sổ theo dõi và đánh giá học sinh, học bạ."

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 21 như sau:

"4. Tổ chức thực hiện kiểm tra, đánh giá định kì các môn học theo quy định tại Quy chế này; kiểm tra, đánh giá lại các môn học theo quy định tại Điều 16 Quy chế này; phê duyệt và công bố danh sách học sinh được lên lớp sau khi có kết quả kiểm tra lại các môn học, kết quả rèn luyện về hạnh kiểm trong kì nghỉ hè."

Điều 2. Bãi bỏ một số điểm và thay thế một số từ, cụm từ tại một số Điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Bãi bỏ điểm c và điểm d khoản 1 Điều 6.

2. Thay thế cụm từ "cho điểm" tại Điều 9 bằng cụm từ "đánh giá".

3. Thay thế cụm từ "số lần" tại gạch đầu dòng thứ nhất điểm a khoản 2 Điều 10 bằng cụm từ "số điểm".

4. Thay thế cụm từ "cho điểm" bằng cụm từ "điểm số" tại khoản 1 và khoản 2 Điều 11.

5. Thay thế cụm từ "Quyết định số 69/2007/QĐ-BGDĐT ngày 14/11/2007" tại khoản 5 Điều 12 bằng cụm từ "Thông tư số 40/2012/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 11 năm 2012".

6. Thay thế cụm từ "của 1 trong 2 môn Toán, Ngữ văn" tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 13 bằng cụm từ "của 1 trong 3 môn Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ".

7. Thay thế cụm từ "của một môn học nào đó" tại khoản 6 Điều 13 bằng cụm từ "của duy nhất một môn học nào đó".

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 11 tháng 10 năm 2020.

2. Thông tư này thực hiện từ năm học 2020 - 2021 đối với học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông học theo chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo các quyết định sau đây:

a) Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

b) Quyết định số 01/QĐ-BGDĐT ngày 03 tháng 01 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh thí điểm cấp trung học cơ sở;

c) Quyết định số 5209/QĐ-BGDĐT ngày 23 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh thí điểm cấp trung học phổ thông;

d) Quyết định số 2092/QĐ-BGDĐT ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Chương trình môn Tiếng Pháp Ngoại ngữ 2;

đ) Quyết định số 3452/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 8 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Phê duyệt Chương trình các môn học trong Chương trình song ngữ Tiếng Pháp (gồm các môn Tiếng Pháp, Toán bằng Tiếng Pháp, Vật lí bằng Tiếng Pháp);

e) Quyết định số 3735/QĐ-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Phê duyệt Chương trình giáo dục phổ thông thí điểm môn Tiếng Hàn-Ngoại ngữ 2 cấp trung học;

g) Quyết định số 2744/QĐ-BGDĐT ngày 09 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông thí điểm môn Tiếng Nhật-Ngoại ngữ 1 hệ 10 năm cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông.

Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học, Cục trưởng Cục Quản lí chất lượng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban VHGD TNTNNĐ của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo trung ương;
- Kiểm toán nhà nước;
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Bộ trưởng;
- Như Điều 4 (để thực hiện);
- Công TTĐT Chính phủ;
- Công TTĐT Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ PC, Vụ GDTrH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hữu Độ

2. Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ GDTrH năm học 2020 - 2021

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3414/BGDĐT-GDTrH

Vv: Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ
giáo dục trung học năm học 2020-2021

Hà Nội, ngày 04 tháng 09 năm 2020

Kính gửi: - Các Sở Giáo dục và Đào tạo¹;
- Các Trường Trung học phổ thông trực thuộc.

Thực hiện Chỉ thị số 666/CT-BGDĐT ngày 24/8/2020 về nhiệm vụ và giải pháp năm học 2020-2021 của ngành Giáo dục; Quyết định số 2084/QĐ-BGDĐT ngày 27/7/2020 ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2020-2021 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT), năm học 2020-2021, giáo dục trung học tiếp tục triển khai thực hiện 09 nhóm nhiệm vụ chủ yếu và 05 giải pháp cơ bản của toàn ngành, trong đó tập trung vào phương hướng và các nhiệm vụ sau:

A. MỤC TIÊU CHUNG

Tăng cường công tác tuyên truyền để quán triệt và thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đổi mới giáo dục trung học; thực hiện tốt mục tiêu phòng, chống dịch Covid-19, bảo đảm trường học an toàn và nâng cao chất lượng giáo dục trung học; tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, sức khỏe cho học sinh; nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện chương trình giáo dục

trung học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh, đẩy mạnh triển khai giáo dục STEM, đồng thời tích cực chuẩn bị các điều kiện triển khai Chương trình GDPT mới² (Chương trình GDPT 2018), ưu tiên cho việc triển khai thực hiện đối với lớp 6 từ năm học 2021-2022; tiếp tục đẩy mạnh đổi mới cơ chế quản lý, quản trị cơ sở giáo dục, tăng cường nền nếp, kỷ cương, chất lượng và hiệu quả giáo dục trong các cơ sở giáo dục trung học.

B. CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ

I. Phát triển mạng lưới trường, lớp, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở

1.1. Phát triển mạng lưới trường, lớp, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

a) Thực hiện rà soát, dự báo quy mô phát triển đối với giáo dục trung học theo hướng dẫn tại Công văn số 3712/BGDĐT-CSVC ngày 24/8/2018; phát triển mạng lưới trường, lớp gắn với các điều kiện đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở; đồng thời chủ động đề triển khai Chương trình GDPT 2018 bắt đầu đối với lớp 6 từ năm học 2021-2022 và các năm học tiếp theo.

b) Bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị trường học để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ năm học; bổ sung xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo phòng học, các phòng chức năng, bếp ăn, nhà vệ sinh, công trình nước sạch; mua sắm bổ sung các thiết bị dạy học còn thiếu, trong đó dành ưu tiên cho các vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo. Đối với các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú cần ưu tiên tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý, nuôi dưỡng, chăm sóc học sinh và tổ chức các hoạt động giáo dục đặc thù; quan tâm đầu tư và tận dụng tối đa cơ sở vật chất nhà trường để tổ chức dạy học 2 buổi/ngày.

c) Tiếp tục đầu tư nguồn lực xây dựng trường chuẩn quốc gia gắn với chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới; triển khai có hiệu quả việc đánh giá, công nhận trường đạt chuẩn quốc gia³.

d) Tổng kết 10 năm thực hiện Quyết định số 959/QĐ-TTg ngày 22/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển hệ thống trường trung học phổ thông chuyên theo Kế hoạch số 112/KH-BGDĐT ngày 25/02/2020 của Bộ GDĐT về việc tổng kết thực hiện "Đề án phát triển hệ thống trường trung học phổ thông chuyên giai đoạn 2010-2020"; tiếp tục triển khai các giải pháp nhằm phát triển hệ thống trường THPT chuyên giai đoạn 2020-2025.

1.2. Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở

a) Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 05/12/2011 của Bộ Chính trị về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục THCS, tăng cường phân luồng học sinh sau THCS và xóa mù chữ cho người lớn; Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ GDĐT quy định về điều kiện đảm bảo và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

b) Tiếp tục kiện toàn cán bộ quản lý, giáo viên theo dõi phổ cập giáo dục; đánh giá và báo cáo về tình hình phổ cập giáo dục THCS, sử dụng tốt Hệ thống thông tin

điện tử quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và thường xuyên kiểm tra tính xác thực của các số liệu trên hệ thống.

c) Tăng cường huy động các đối tượng diện phổ cập giáo dục THCS đi học; nắm chắc tình hình, nguyên nhân học sinh bỏ học và có giải pháp khắc phục; xây dựng kế hoạch cụ thể về thời gian đạt chuẩn và các mức độ đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS theo quy định.

II. Nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện chương trình giáo dục trung học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh

Tiếp tục bảo đảm thực hiện chương trình giáo dục phổ thông hiện hành trong điều kiện dịch Covid-19 vẫn có diễn biến phức tạp thông qua việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, cơ sở giáo dục theo hướng dẫn tại Công văn số 4612/BGDĐT-GDTrH ngày 03/10/2017 hướng dẫn thực hiện Chương trình GDPT hiện hành theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh từ năm học 2017-2018; Công văn số 3089/BGDĐT-GDTrH ngày 14/8/2020 về việc triển khai thực hiện giáo dục STEM trong giáo dục trung học; Công văn số 3280/BGDĐT-GDTrH ngày 27/8/2020 về việc hướng dẫn thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông.

2.1. Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường

Triển khai thực hiện các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT, các Sở GDĐT, Phòng GDĐT chỉ đạo các cơ sở giáo dục trung học xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục đặc thù đối với các cơ sở giáo dục chuyên biệt; bảo đảm yêu cầu thực hiện một chương trình giáo dục thống nhất cả nước và được tổ chức thực hiện linh hoạt, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương và cơ sở giáo dục.

a) Xây dựng kế hoạch giáo dục của từng môn học, hoạt động giáo dục theo hướng sắp xếp lại các bài học trong sách giáo khoa thành bài học theo chủ đề phù hợp với các chủ đề tương ứng trong chương trình⁴, xây dựng một số bài học theo chủ đề liên môn đối với những kiến thức giao thoa giữa các môn học, tạo thuận lợi cho việc thiết kế tiến trình dạy học thành các nhiệm vụ học tập của học sinh theo phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực để thực hiện ở trong và ngoài lớp học, trong đó có các nhiệm vụ học tập có thể giao cho học sinh thực hiện ở nhà hoặc qua mạng, chủ động ứng phó với tình hình dịch bệnh Covid-19 và các tình huống bất thường khác. Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật trong kế hoạch giáo dục nhà trường.

Tiếp tục triển khai mô hình trường học mới theo hướng dẫn tại Công văn số 4068/BGDĐT-GDTrH ngày 18/8/2016 về việc triển khai mô hình trường học mới từ năm học 2016-2017; Công văn số 3459/BGDĐT-GDTrH ngày 08/8/2017 về việc rà soát, đảm bảo các điều kiện triển khai mô hình trường học mới; Công văn số 1461/BGDĐT-GDTrH ngày 08/4/2019 về việc xét tốt nghiệp học sinh mô hình trường học mới.

Triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình các môn ngoại ngữ trong chương trình GDPT hiện hành³ và các chương trình môn học thí điểm, đáp ứng lộ trình triển khai Chương trình GDPT 2018:

- Tăng cường giáo viên và cơ sở vật chất để có thể thu nhận hết số học sinh đã hoàn thành chương trình môn tiếng Anh hệ 10 năm lớp 5 và lớp 9 vào học tiếp chương trình ở lớp 6 và lớp 10. Khuyến khích triển khai thí điểm dạy tiếng Anh tích hợp trong các

môn học khác và dạy các môn học khác (Toán và các môn Khoa học) bằng tiếng Anh tại các trường trung học phổ thông chuyên và các trường THCS, THPT có đủ điều kiện.

- Duy trì chương trình tiếng Pháp ngoại ngữ 1, ngoại ngữ 2, chuyên và song ngữ theo các văn bản chỉ đạo hiện hành. Tiếp tục tổ chức dạy tiếng Nhật, tiếng Đức, tiếng Trung, tiếng Nga (là môn ngoại ngữ 1 hoặc 2). Tiếp tục triển khai dạy học tiếng Hàn-Ngoại ngữ 2 tại các trường thí điểm tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh; tiếng Hàn-Ngoại ngữ 2 cấp trung học⁵; tiếng Nhật ngoại ngữ 1 hệ 10 năm tại các trường thí điểm tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh; thí điểm môn Tiếng Nhật- Ngoại ngữ 1 hệ 10 năm cấp THCS và THPT⁶.

b) Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 04/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên; tăng cường công tác giáo dục kỹ năng sống, xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học; công tác tư vấn tâm lý cho học sinh phổ thông; công tác xã hội trong trường học⁷. Lòng ghép nội dung giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống trong các chương trình môn học và hoạt động giáo dục, bao gồm: học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; phổ biến, giáo dục pháp luật; phòng chống tệ nạn xã hội và phòng, chống tham nhũng; chủ quyền Quốc gia về biên giới, biển đảo; sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; bảo vệ môi trường; đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai; giáo dục an toàn giao thông và văn hóa giao thông; giáo dục quốc phòng an ninh; giáo dục chuyển đổi hành vi về xây dựng gia đình và phòng, chống bạo lực trong gia đình và nhà trường.

c) Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục trung học duy trì nền nếp thực hiện các bài thể dục buổi sáng, bài thể dục giữa giờ nhằm tăng cường sức khỏe, phát triển thể lực toàn diện, trang bị kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản và hình thành cho học sinh thói quen tập luyện thể dục, thể thao; tập luyện và tổ chức thi đấu các môn thể thao, chọn học sinh tham gia Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc.

2.2. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức dạy học, giáo dục theo định hướng phát triển năng lực học sinh

a) Xây dựng kế hoạch dạy học các bài học bảo đảm các yêu cầu về phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học, thiết bị dạy học và học liệu, phương án kiểm tra, đánh giá trong quá trình dạy học⁸. Tiến trình dạy học mỗi bài học được xây dựng thành các hoạt động học⁹ với mục tiêu, nội dung, cách thức thực hiện¹⁰ và sản phẩm cụ thể để giao cho học sinh thực hiện trong lớp học, ngoài lớp học, ở trường, ở nhà, cơ sở sản xuất, kinh doanh, tại di sản văn hóa và cộng đồng. Tăng cường giao cho học sinh tự nghiên cứu sách giáo khoa và tài liệu tham khảo để tiếp nhận và vận dụng kiến thức; dành nhiều thời gian trên lớp để tổ chức cho học sinh báo cáo, thuyết trình, thảo luận, luyện tập, thực hành, bảo vệ kết quả tự học của mình.

b) Khuyến khích tổ chức, thu hút học sinh tham gia các hoạt động văn hóa-văn nghệ, thể dục-thể thao trên cơ sở tự nguyện của nhà trường, cha mẹ học sinh và học sinh, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý và nội dung học tập của học sinh trung học; tăng cường giao lưu, hợp tác nhằm thúc đẩy học sinh hứng thú học tập, bổ sung hiểu biết về các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc và tinh hoa văn hoá thế giới. Tiếp tục thực hiện tốt việc sử dụng di sản văn hóa trong dạy học một số môn học phù hợp¹¹.

2.3. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh

a) Thực hiện nghiêm việc đánh giá, xếp loại học sinh THCS, THPT theo quy định của Bộ GDĐT¹²; lưu ý sử dụng định dạng đề thi đánh giá năng lực tiếng Anh dành cho học sinh phổ thông¹³. Nhà trường, tổ/nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh phù hợp với kế hoạch giáo dục từng môn học, hoạt động giáo dục của nhà trường theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh. Không kiểm tra, đánh giá những nội dung, bài tập, câu hỏi vượt quá mức độ cần đạt về kiến thức, kỹ năng của Chương trình GDPT hiện hành¹⁴.

b) Thực hiện đánh giá thường xuyên trực tiếp hoặc trực tuyến đối với tất cả học sinh bằng các hình thức: hỏi - đáp, viết; đánh giá qua hồ sơ học tập, vở hoặc sản phẩm học tập; đánh giá qua việc học sinh báo cáo kết quả thực hiện một dự án học tập, nghiên cứu khoa học kỹ thuật, báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm; đánh giá qua bài thuyết trình về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.

c) Việc kiểm tra, đánh giá định kì, gồm kiểm tra, đánh giá giữa kì và kiểm tra, đánh giá cuối kì, được thực hiện thông qua: bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập.

Đối với bài kiểm tra, đánh giá bằng điểm số thông qua bài kiểm tra trên giấy hoặc trên máy tính: đề kiểm tra phải được xây dựng theo ma trận¹⁵, đặc tả câu hỏi tự luận, trắc nghiệm khách quan hoặc trắc nghiệm khách quan kết hợp với tự luận cần biên soạn theo mức độ cần đạt của chương trình môn học, hoạt động giáo dục¹⁶.

Đối với kiểm tra, đánh giá bằng bài thực hành, hoặc dự án học tập: yêu cầu cần đạt của bài thực hành hoặc dự án học tập phải được hướng dẫn cụ thể bằng bảng kiểm các mức độ đạt được phù hợp với 4 mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao của các kiến thức, kỹ năng được sử dụng.

Căn cứ vào mức độ cần đạt của chương trình môn học, hoạt động giáo dục, mức độ phát triển năng lực của học sinh, nhà trường xác định tỉ lệ các câu hỏi, bài tập theo 4 mức độ yêu cầu trong các bài kiểm tra, đánh giá đảm bảo sự phù hợp với đối tượng học sinh và tăng dần tỉ lệ các câu hỏi, bài tập ở mức độ yêu cầu vận dụng, vận dụng cao; có hướng dẫn cụ thể trước khi tổ chức thực hiện.

d) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá; chuẩn bị tốt các điều kiện để từng bước triển khai các hoạt động kiểm tra, đánh giá, thi trực tuyến, bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

đ) Tổ chức kiểm tra, đánh giá, xếp loại thẻ lực học sinh THPT theo quy định tại Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ GDĐT; lập hồ sơ và lưu trữ kết quả đánh giá, xếp loại thẻ lực học sinh THPT sau khi kiểm tra; tổng hợp và báo cáo cơ quan quản lý trực tiếp vào cuối năm học.

2.4. Nâng cao chất lượng dạy học qua internet, trên truyền hình

a) Tiếp tục triển khai thực hiện việc dạy học qua internet, trên truyền hình đối với giáo dục trung học theo hướng dẫn tại Công văn số 1061/BGDĐT-GDTrH ngày 25/3/2020 của Bộ GDĐT.

b) Chỉ đạo các nhà trường, giáo viên dạy học qua internet xây dựng các bài học điện tử để giao cho học sinh thực hiện các hoạt động phù hợp trên môi trường mạng, ưu tiên các nội dung học sinh có thể tự học, tự nghiên cứu như: đọc sách giáo khoa, tài

liệu tham khảo, xem video, thí nghiệm mô phỏng để trả lời các câu hỏi, bài tập được giao¹⁷. Thời gian quy định cho mỗi bài học phải bảo đảm sự phù hợp để học sinh tự truy cập vào bài học, thực hiện các nhiệm vụ học tập dưới sự với sự theo dõi, giám sát, hỗ trợ, đánh giá của giáo viên.

c) Tiếp tục tổ chức dạy học trên truyền hình theo chương trình các môn học, hoạt động giáo dục; bảo đảm lịch phát sóng cụ thể theo từng bài học, môn học, lớp học được phổ biến đến các đối tượng học sinh và chỉ đạo các nhà trường tổ chức, hướng dẫn học sinh tham gia các bài học trên truyền hình phù hợp với kế hoạch giáo dục nhà trường; tăng cường kết hợp học qua truyền hình với việc dạy học trực tiếp tại trường.

2.5. Đẩy mạnh triển khai giáo dục STEM trong giáo dục trung học

Đẩy mạnh triển khai giáo dục STEM theo hướng dẫn của Bộ GDĐT¹⁸, bảo đảm chất lượng, hiệu quả khi triển khai thực hiện, không gây hình thức, quá tải đối với giáo viên và học sinh. Không giao chỉ tiêu, không lấy thành tích triển khai giáo dục STEM làm tiêu chí để xét thi đua đối với các cơ sở giáo dục.

2.6. Nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp

a) Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh sau THCS và sau THPT¹⁹, trong đó tập trung: đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục hướng nghiệp; phát triển đội ngũ giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn, hướng nghiệp; huy động nguồn lực xã hội tham gia giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng học sinh phổ thông.

b) Tạo môi trường hỗ trợ khởi nghiệp trong trường THPT²⁰; tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, trang bị kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp nhằm thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, lập nghiệp của học sinh THPT.

2.7. Tăng cường hợp tác quốc tế trong giáo dục trung học

Tăng cường hợp tác kết nghĩa giữa các cơ sở giáo dục trung học của Việt Nam với các cơ sở giáo dục trung học của các nước ASEAN, cộng đồng Pháp ngữ (nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động giao lưu văn hóa kỷ niệm Ngày Quốc tế Pháp ngữ) và các nước khác trên thế giới, tạo cơ hội giao lưu trao đổi kinh nghiệm học tập, giảng dạy, quản lý giáo dục cho học sinh, giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục.

III. Tích cực chuẩn bị triển khai chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới đối với giáo dục trung học

Tiếp tục thực hiện Công văn số 344/BGDĐT-GDTrH ngày 24/01/2019 về việc hướng dẫn triển khai Chương trình GDPT 2018, trong đó chú ý:

3.1. Chuẩn bị tài liệu giáo dục địa phương

Chủ động, tích cực mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức biên soạn và thẩm định tài liệu giáo dục địa phương²¹; tổ chức thực hiện việc biên soạn, thẩm định tài liệu nội dung giáo dục của địa phương, bảo đảm tiến độ và chất lượng giáo dục về những vấn đề cơ bản hoặc thời sự về văn hoá, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp của địa phương, nhằm trang bị cho học sinh những hiểu biết về nơi sinh sống, bồi dưỡng cho học sinh tình yêu quê hương, ý thức tìm hiểu và vận dụng những điều đã học để góp phần giải quyết những vấn đề của quê hương; chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định để gửi về Bộ GDĐT phê duyệt kịp thời triển khai từ năm học 2021-2022.

3.2. Tổ chức lựa chọn sách giáo khoa

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức thực hiện việc lựa chọn sách giáo khoa lớp 6, lớp 7 và lớp 10 theo quy định tại Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ GDĐT quy định về việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông. Phối hợp với các Nhà xuất bản có sách giáo khoa được lựa chọn để đảm bảo cung ứng sách giáo khoa và tổ chức tập huấn sử dụng sách giáo khoa. Huy động các nguồn lực hỗ trợ sách giáo khoa cho học sinh thuộc chế độ chính sách, học sinh vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng biên giới, hải đảo.

3.3. Chuẩn bị đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý

a) Chuẩn hóa đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục trung học

- Thực hiện quản lý, đánh giá đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục trung học theo tiêu chuẩn chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng GDĐT; tiêu chuẩn chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc Sở GDĐT; chuẩn nghề nghiệp giáo viên; chuẩn hiệu trưởng²². Rà soát, thống kê số lượng, cơ cấu giáo viên cấp THCS và THPT theo chuẩn đào tạo quy định tại Luật Giáo dục 2019 để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, bổ sung.

- Rà soát cơ cấu đội ngũ giáo viên theo môn học, hoạt động giáo dục; xây dựng và thực hiện kế hoạch tuyển dụng giáo viên bảo đảm số lượng và chất lượng, cân đối về cơ cấu giáo viên, nhân viên, nhất là các môn Tin học, Ngoại ngữ, Mĩ thuật, Âm nhạc đáp ứng yêu cầu triển khai Chương trình GDPT 2018.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch tổng thể triển khai thực hiện lộ trình nâng chuẩn trình độ đào tạo giáo viên trung học cơ sở theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ.

b) Tổ chức tốt việc tập huấn giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở GDPT cốt cán và đại trà các mô đun về phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá và xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường trong năm 2020²³. Tiếp tục rà soát, bổ sung đội ngũ cán bộ quản lý cơ sở GDPT cốt cán và giáo viên cốt cán các môn học; triển khai bồi dưỡng cán bộ quản lý cơ sở GDPT và giáo viên đại trà theo phương thức bồi dưỡng qua mạng, thường xuyên, liên tục, ngay tại trường²⁴; gắn nội dung bồi dưỡng thường xuyên với nội dung sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn trong trường và cụm trường²⁵.

c) Chủ động phối hợp, đặt hàng với các trường sư phạm trong việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục trung học cho địa phương²⁶; tiếp tục thực hiện hiệu quả việc tập huấn, cấp chứng chỉ cho cán bộ quản lý cơ sở GDPT, giáo viên làm công tác tư vấn tâm lý²⁷.

d) Chủ động phối hợp với các nhà xuất bản có sách giáo khoa được lựa chọn để tổ chức tập huấn cho giáo viên về sách giáo khoa mới, bảo đảm tập huấn cho 100% giáo viên dạy học lớp 6 theo Chương trình GDPT 2018.

đ) Bảo đảm hệ thống quản lý học tập (LMS) và cấp tài khoản cho tất cả giáo viên, cán bộ quản lý để thực hiện các nội dung tập huấn, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cốt cán và đại trà triển khai Chương trình GDPT 2018 và tổ chức thực hiện các chương trình thường xuyên theo quy định của Bộ GDĐT.

V. Đổi mới công tác quản lý giáo dục trung học

5.1. Tăng cường giao quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục trung học xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường. Kế hoạch giáo dục của mỗi trường được xây dựng từ tổ chuyên môn, báo cáo Phòng GDĐT (đối với trường THCS) và Sở GDĐT (đối với trường THPT), tạo điều kiện cho các trường được linh hoạt áp dụng các hình thức tổ chức giáo dục, các phương pháp dạy học tiên tiến mà không bị áp đặt từ cấp trên. Các hoạt động chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra của cấp trên phải dựa trên kế hoạch giáo dục của nhà trường.

5.2. Tập trung đổi mới sinh hoạt chuyên môn của tổ/nhóm chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học. Tăng cường các hoạt động dự giờ, rút kinh nghiệm để hoàn thiện từng bước cấu trúc nội dung, kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục; phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh tiệm cận với Chương trình GDPT 2018.

5.3. Tiếp tục thực hiện tinh giản hồ sơ, sổ sách trong nhà trường²⁸; quản lý và sử dụng xuất bản phẩm tham khảo²⁹. Nâng cao chất lượng sử dụng công nghệ thông tin trong tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn trong các cơ sở giáo dục trung học; tăng cường sử dụng hồ sơ điện tử, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử để nâng cao hiệu quả công tác quản lý giáo dục; thực hiện nhập số liệu, khai thác, sử dụng thống nhất dữ liệu toàn ngành về trường, lớp, học sinh, giáo viên, trường chuẩn quốc gia và các thông tin khác trong quản lý và báo cáo.

5.4. Tăng cường thanh tra, kiểm tra công tác quản lý hoạt động dạy học, giáo dục của các nhà trường; nâng cao hiệu quả quản lý các cơ sở giáo dục trung học tư thục, các cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài, các chương trình giảng dạy của nước ngoài hoặc bằng tiếng nước ngoài³⁰.

5.5. Chủ động cung cấp thông tin cho các đại biểu quốc hội và các tổ chức, cá nhân có liên quan tại địa phương về tình hình thực hiện các chủ trương, chính sách đổi mới đối với giáo dục trung học; tình hình và kết quả triển khai thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới đối với giáo dục trung học để được chia sẻ, đồng thuận, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc.

5.6. Khuyến khích đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục chủ động viết và đưa tin, bài về các kết quả hoạt động của ngành; các gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến để khích lệ các cán bộ quản lý, thầy giáo, cô giáo, các em học sinh, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng.

VI. Công tác thi đua, khen thưởng

6.1. Thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng đối với các cơ sở giáo dục trung học, cán bộ quản lý và giáo viên trung học theo quy định tại Thông tư số 22/2018/TT-BGDĐT ngày 28/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Giáo dục.

6.2. Cụ thể hoá các tiêu chí thi đua tại Công văn số 5350/BGDĐT-TĐKT ngày 25/11/2019 của Bộ GDĐT thành các hoạt động cụ thể để thực hiện có chất lượng, hiệu quả các mặt công tác trong nhiệm vụ năm học 2020-2021 đối với giáo dục trung học; bảo đảm công bằng, minh bạch, gắn với hiệu quả công việc.

6.3. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục trung học thực hiện tốt việc khen thưởng, kỉ luật vì sự tiên bộ của học sinh; bảo đảm thực hiện đúng quy định, công bằng, công khai, minh bạch, kịp thời, tạo cảm hứng và động lực phấn đấu cho học sinh; tăng cường các

biện pháp giáo dục kĩ thuật tích cực để rèn luyện ý thức kĩ thuật, trách nhiệm của học sinh đối với bản thân, thầy, cô, bạn bè, gia đình và cộng đồng.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Trên cơ sở của những nội dung hướng dẫn trên đây, căn cứ vào tình hình cụ thể của địa phương, Sở GDĐT xây dựng kế hoạch chi tiết để tổ chức thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các Sở GDĐT phản ánh về Bộ GDĐT (qua Vụ Giáo dục Trung học) để kịp thời giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên (để thực hiện);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Các đại học, trường đại học có trường THCS, trường THPT trực thuộc;
- Các cơ quan thuộc Bộ (để thực hiện);
- Website Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ GDTrH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hữu Độ

¹ Đối với tỉnh Bạc Liêu là Sở Giáo dục, Khoa học và Công nghệ.

² Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018

³ Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GDĐT.

⁴ Chương trình GDPT ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006.

³ Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GDĐT.

⁵ Kế hoạch số 710/KH-BGDĐT ngày 26/9/2016 của Bộ GDĐT về việc triển khai dạy học thí điểm môn tiếng Hàn- Ngoại ngữ 2 cấp THCS và THPT giai đoạn 2016 - 2024; Quyết định số 3735/QĐ-BGDĐT ngày 22/9/2016 của Bộ GDĐT ban hành Chương trình thí điểm môn tiếng Hàn-Ngoại ngữ 2 cấp trung học.

⁶ Kế hoạch số 709/KH-BGDĐT ngày 26/9/2016 của Bộ GDĐT về việc triển khai thí điểm môn tiếng Nhật ngoại ngữ 1 các cấp học phổ thông giai đoạn 2016-2026; Quyết định số 2744/QĐ-BGDĐT ngày 09/9/2019 của Bộ GDĐT ban hành Chương trình thí điểm môn Tiếng Nhật-Ngoại ngữ 1 hệ 10 năm cấp THCS và THPT.

⁷ Quyết định số 1299/QĐ-TTg ngày 03/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12/04/2019 của Bộ GDĐT; Thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT ngày 17/12/2017 của Bộ GDĐT; Thông tư số 33/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT.

⁸ Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH ngày 08/10/2014.

⁹ Mở đầu (tình huống có vấn đề, giao nhiệm vụ học tập) xác định vấn đề cần giải quyết hoặc nhiệm vụ học tập gắn với kiến thức mới của bài học; Hình thành kiến thức mới (hoạt động với sách giáo khoa, thiết bị dạy học và học liệu để khai thác, tiếp nhận kiến thức mới

thông qua kênh chữ, kênh hình, kênh tiếng, vật thật); Luyện tập (câu hỏi, bài tập, thực hành, thí nghiệm) để phát triển các kỹ năng gắn với kiến thức mới vừa học; Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết các tình huống, vấn đề trong thực tiễn.

¹⁰ Sử dụng sách giáo khoa, thiết bị dạy học, học liệu phù hợp theo nội dung hoạt động với câu hỏi/lệnh rõ về mục đích, cách thức thực hiện (đọc, nhìn, nghe, nói, làm) và yêu cầu về sản phẩm mà học sinh phải hoàn thành.

¹¹ Hướng dẫn số 73/HD-BGDĐT-BVHTTDL ngày 16/01/2013 của Bộ GDĐT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

¹² Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011; Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020.

¹³ Công văn số 5333/BGDĐT-GDTrH ngày 29/9/2014 và Công văn số 3333/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2016.

¹⁴ Công văn số 3280/BGDĐT-GDTrH ngày 27/8/2020 về việc hướng dẫn thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học cấp THCS, THPT.

¹⁵ Công văn số 8773/BGDĐT-GDTrH ngày 30/12/2010 về việc hướng dẫn biên soạn đề kiểm tra.

¹⁶ Mức độ yêu cầu của các câu hỏi trong đề kiểm tra như sau: Nhận biết (Các câu hỏi yêu cầu học sinh nhắc lại hoặc mô tả đúng kiến thức, kỹ năng đã học theo các bài học hoặc chủ đề trong chương trình môn học, hoạt động giáo dục); Thông hiểu (Các câu hỏi yêu cầu học sinh giải thích, so sánh, áp dụng trực tiếp kiến thức, kỹ năng đã học theo các bài học hoặc chủ đề trong chương trình môn học, hoạt động giáo dục); Vận dụng (Các câu hỏi yêu cầu học sinh vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết vấn đề đặt ra trong các tình huống gắn với nội dung các bài học hoặc chủ đề trong chương trình môn học, hoạt động giáo dục); Vận dụng cao (Các câu hỏi yêu cầu học sinh vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết vấn đề đặt ra trong các tình huống mới, phù hợp với mức độ cần đạt của chương trình môn học, hoạt động giáo dục).

¹⁷ Nội dung các bài học điện tử; bài kiểm tra, đánh giá; hoạt động của giáo viên và hoạt động của học sinh trên môi trường mạng phải được tổ chức và quản lý trên hệ thống quản lý học tập (Learning Management System - LMS) hoặc hệ thống quản lý nội dung học tập (Learning Content Management System - LCMS).

¹⁸ Công văn số 3089/BGDĐT-GDTrH ngày 14/8/2020 của Bộ GDĐT về việc triển khai thực hiện giáo dục STEM trong giáo dục trung học.

¹⁹ Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 1223/KH-BGDĐT ngày 28/12/2019 của Bộ GDĐT.

²⁰ Triển khai Quyết định số 1665/QĐ-TTg ngày 30/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

²¹ Công văn số 1106/BGDĐT-GDTrH ngày 20/3/2019 của Bộ GDĐT về việc biên soạn và tổ chức thực hiện nội dung giáo dục địa phương trong Chương trình GDPT 2018.

²² Thông tư số 10/2019/TT-BGDĐT ngày 09/8/2019; Thông tư số 13/2019/TT-BGDĐT ngày 30/8/2019; Thông tư số 2020/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018; Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018.

²³ Theo Quyết định số 4660/QĐ-BGDĐT ngày 04/12/2019 của Bộ GDĐT; Kế hoạch số 41/KH-BGDĐT ngày 22/01/2020 của Bộ GDĐT.

²⁴ Theo quy định tại Thông tư số 19/2019/TT-BGDĐT ngày 12/11/2019; Thông tư số 18/2019/TT-BGDĐT ngày 01/11/2019; Thông tư số 17/2019/TT-BGDĐT ngày 01/11/2019 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

- ²⁵ Công văn số 3587/BGDĐT-GDTrH ngày 20/08/2019 của Bộ GDĐT.
- ²⁶ Quyết định số 628/QĐ-TTg ngày 11/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ.
- ²⁷ Thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT ngày 18/12/2017 của Bộ GDĐT.
- ²⁸ Chỉ thị số 138/CT-BGDĐT ngày 18/01/2019 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.
- ²⁹ Thông tư số 21/2014/TT-BGDĐT ngày 07/7/2014 của Bộ GDĐT.
- ³⁰ Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018; Quyết định số 72/2014/QĐ-TTg ngày 17/12/2014.